

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN**



**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
TỈNH LẠNG SƠN  
(1986 - 2020)**

**ST**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ**  
**TỈNH LẠNG SƠN**  
(1986 - 2020)



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN**



**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
TỈNH LẠNG SƠN  
(1986 - 2020)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN**

**BAN CHỈ ĐẠO NGHIÊN CỨU, BIÊN SOẠN CUỐN SÁCH**  
**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2020)**

TS. NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy - Trưởng ban
ThS. HOÀNG VĂN NGHIỆM	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh - Phó Trưởng ban Thường trực
ThS. HỒ TIẾN THIỆU	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó Trưởng ban
ThS. PHÙNG QUANG HỘI	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Phó Trưởng ban
ThS. ĐOÀN THỊ HẠU	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Thành viên
ThS. DƯƠNG XUÂN HUYỀN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh - Thành viên
ThS. NÔNG LƯƠNG CHẤN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh - Thành viên
CN. NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy - Thành viên
CN. ĐOÀN THỊ LOAN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Thành viên
ThS. GIÁP THỊ BẮC	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy - Thành viên
ThS. ĐOÀN THANH SƠN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy - Thành viên
ThS. NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Lạng Sơn - Thành viên
Đại tá, CN. LÊ XUÂN THUÂN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Thành viên
Đại tá, ThS. THÁI HỒNG CÔNG	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh - Thành viên

**BAN BIÊN SOẠN CUỐN SÁCH**  
**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2020)**

ThS. HOÀNG VĂN NGHIÊM	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo, Trưởng ban
ThS. PHÙNG QUANG HỘI	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Phó Trưởng ban
PGS.TS. NGUYỄN DANH TIÊN	Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phó Trưởng ban
PGS.TS. TRẦN THỊ VUI	Giảng viên cao cấp, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Thành viên
TS. VŨ THÁI DŨNG	Giảng viên chính, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Thành viên
TS. DƯƠNG THỊ HUỆ	Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Thành viên
TS. NGUYỄN THỊ XUÂN	Nghiên cứu viên cao cấp, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Thành viên
ThS. NGUYỄN QUANG HUY	Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Thành viên
ThS. NGUYỄN TUẤN NAM	Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên
CN. NGUYỄN TRỌNG SƠN	Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên
CN. NGUYỄN NGỌC ÁNH	Trưởng Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Thành viên
CN. NGUYỄN THỊ HIỀN	Trưởng Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy - Thành viên

ThS. TRẦN THỊ THU HUYỀN Phó Trưởng Phòng Lý luận chính trị và  
Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy -  
Thành viên

CN. BẾ THỊ THANH HUYỀN Phó Trưởng Phòng Lý luận chính trị và  
Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy -  
Thành viên

Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2020)* được biên soạn trên cơ sở kế thừa, có chỉnh lý, bổ sung nội dung cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2000)* xuất bản năm 2010.

Chịu trách nhiệm nội dung  
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN

**BAN CHỈ ĐẠO CUỐN SÁCH**  
***LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2000)***

PHÙNG THANH KIỂM	Bí thư Tỉnh ủy - Trưởng ban
TRẦN NGÁT	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Phó Trưởng ban
HOÀNG THỊ BÍCH LY	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - Ủy viên
TÔ HÙNG KHOA	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ủy viên Thường trực
LÂM THANH HIỀN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy - Ủy viên
LINH VĂN TÍT	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy - Ủy viên
DƯƠNG CÔNG TUỖ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy - Ủy viên
DƯƠNG HIỀN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Ủy viên
TRẦN ĐĂNG YẾN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh - Ủy viên
HỨA HẠNH	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Ủy viên

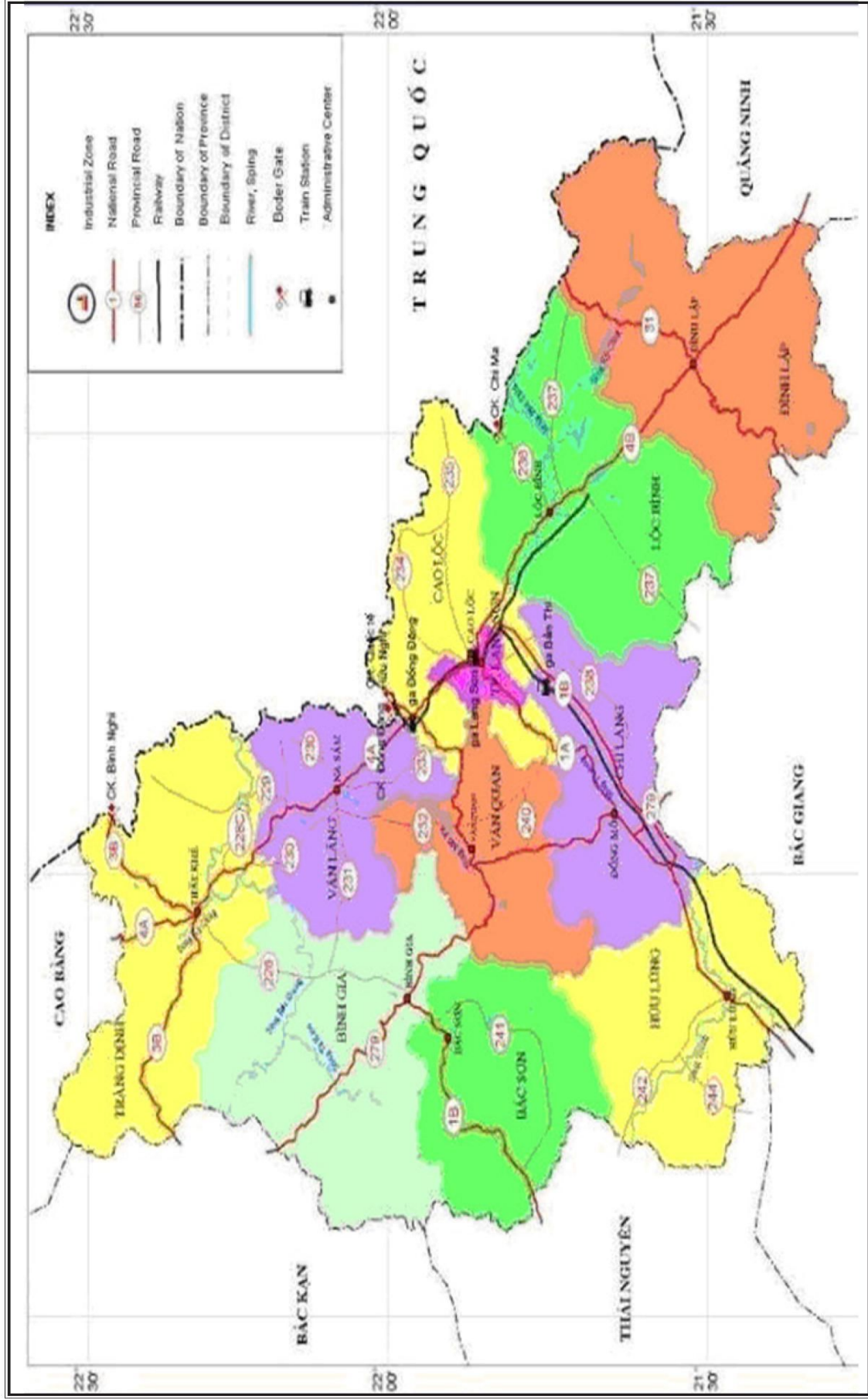


NGUYỄN THẾ TUY	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Ủy viên
NGUYỄN ĐỨC QUYÊN	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh - Ủy viên
TRƯƠNG THANH SƠN	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ủy viên
NGÔ XUÂN TỪ	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh - Ủy viên

**BAN BIÊN SOẠN CUỐN SÁCH**  
**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2000)**

TRẦN NGÁT	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - Trưởng ban
TÔ HÙNG KHOA	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Phó Trưởng ban
NGUYỄN THẾ TUY	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - Ủy viên
NGUYỄN ĐỨC QUYÊN	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh - Ủy viên
TRƯƠNG THANH SƠN	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ủy viên
NÔNG VĂN NINH	Hiệu trưởng Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ - Ủy viên
LÃNG XUÂN TIẾN	Trưởng Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ủy viên
LƯƠNG VĂN CHÀI	Trưởng Phòng Tuyên huấn, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Ủy viên

# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LẠNG SƠN



## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lạng Sơn là vùng đất cửa ngõ “phên giậu”, địa đầu của Tổ quốc với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, giàu truyền thống cách mạng, luôn giữ vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước. Trong suốt quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã cùng đồng bào cả nước anh dũng, kiên cường chiến đấu bảo vệ nền độc lập của nước nhà, lập nên nhiều chiến công hiển hách, ghi vào lịch sử dân tộc những trang vàng chói lọi.

Sau gần 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 2020), Lạng Sơn từ một tỉnh có nền kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, đến nay đã vươn lên phát triển mạnh mẽ. Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển tích cực, đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao; tình hình chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Bước vào thời kỳ phát triển mới, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn xác định mục tiêu: Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh

đại đoàn kết các dân tộc; đổi mới, sáng tạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, du lịch, dịch vụ, hạ tầng khu, cụm công nghiệp và cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị; đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn phải phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác tốt các nguồn lực cho đầu tư và phát triển; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh; phấn đấu đưa tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh và bền vững; tăng cường hội nhập, liên kết vùng, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế; trở thành một trong các cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, là cửa ngõ quan trọng thông thương hàng hóa của các nước ASEAN với thị trường Trung Quốc và ngược lại.

Nhân dịp kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (15/6/1933 - 15/6/2023), nhằm ôn lại truyền thống cách mạng, cũng như những thành tựu trong lao động, sản xuất của nhân dân tỉnh Lạng Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao lòng tự hào về quê hương, đất nước, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là thế hệ trẻ ra sức học tập, công tác, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ



trong giai đoạn mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2020)*** do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, biên soạn.

Cuốn sách tái hiện quá trình phát triển kinh tế - xã hội cùng những thành tựu đã đạt được trong gần 35 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Lạng Sơn từ năm 1986 đến năm 2020 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm xây dựng Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn ngày càng trong sạch, vững mạnh, là hạt nhân lãnh đạo nhân dân trên địa bàn tỉnh xây dựng và phát triển quê hương Lạng Sơn anh hùng ngày càng giàu đẹp, phồn vinh, cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Cuốn sách có kết cấu gồm 4 chương:

*Chương I:* Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

*Chương II:* Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lãnh đạo từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

*Chương III:* Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước hội nhập quốc tế.

*Chương IV:* Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh, bền vững.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 5 năm 2023*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



## LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử đảng bộ địa phương là một bộ phận cấu thành của Lịch sử toàn Đảng, do vậy nghiên cứu, biên soạn Lịch sử đảng bộ các địa phương (từ tỉnh đến cơ sở) là việc làm cần thiết, có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với công tác giáo dục truyền thống cách mạng, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương.

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ đã chỉ đạo tổ chức biên soạn hai cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1930 - 1986)* và *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2000)*. Sau khi xuất bản, hai cuốn sách bước đầu đáp ứng được nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Nhằm tiếp tục giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn, tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau;

đồng thời, triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng* và Kế hoạch số 42-KH/TU, ngày 13/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn *Về tổ chức khai thác tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, bổ sung, tái bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1986 - 2020*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn tổ chức biên soạn, bổ sung, xuất bản công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2020)*.

Trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo sát sao việc thu thập tư liệu, tiến hành xác minh các sự kiện lịch sử; tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, xin ý kiến góp ý của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo của tỉnh; các nhân chứng lịch sử về bản thảo. Nội dung cuốn sách được bố cục gồm: Lời giới thiệu, 4 chương, kết luận và phần phụ lục.

Cuốn sách tái hiện chân thực, khách quan quá trình Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị: phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; củng cố quốc phòng - an ninh và công tác đối ngoại; xây dựng Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; nêu bật những thành tựu cơ bản qua từng giai đoạn lịch sử và cả chặng đường gần 35 năm 1986 - 2020; bước đầu chỉ ra những hạn chế, thiếu sót và đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn cùng cả nước tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.



Cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2020)* là tài liệu quý, giúp cho việc học tập, nghiên cứu, tìm hiểu sâu sắc về lịch sử Đảng bộ tỉnh và quá trình phát triển của tỉnh giai đoạn 1986 - 2020, bổ sung vào lịch sử toàn Đảng thời kỳ đổi mới. Đồng thời, cuốn sách là tài liệu quan trọng, góp phần giáo dục truyền thống, khơi dậy niềm tự hào và củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Qua đó, khơi dậy và phát huy sức mạnh đại đoàn kết của toàn Đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, xây dựng tỉnh Lạng Sơn ngày càng giàu mạnh, văn minh, cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Cuốn sách được hoàn thành là thành quả chung của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các sở, ban, ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, trong đó có sự đóng góp đầy tâm huyết của các đồng chí nguyên lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ; sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đặc biệt là công sức nghiên cứu, biên soạn của các đồng chí trong Ban Biên soạn và tập thể cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, cán bộ nghiên cứu Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các nhà khoa học, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, các ban, sở, ngành và cơ quan, đơn vị liên

quan đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ hoàn thành công trình có ý nghĩa này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, song do các sự kiện diễn ra còn mới mẻ, chưa có độ lùi về thời gian nên công tác biên soạn gặp không ít khó khăn về nhận thức, đánh giá các sự kiện và những vấn đề lịch sử. Vì vậy, nội dung cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế. Rất mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh, các nhà khoa học và bạn đọc gần xa để lần xuất bản sau cuốn sách đạt chất lượng tốt hơn.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng các đồng chí và bạn đọc.

*Lạng Sơn, tháng 5 năm 2023*

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

**Nguyễn Quốc Đoàn**

## *Chương I*

# **ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1995)**



## **I- TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1990)**

### **1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ X, nhiệm kỳ 1986 - 1990**

Trong những năm giữa thập niên 80 thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu xuất hiện những dấu hiệu khủng hoảng về kinh tế, chính trị. Phong trào độc lập dân tộc phát triển mạnh; phong trào Không liên kết trở thành lực lượng chính trị rộng lớn, có vai trò ngày càng quan trọng. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra mạnh mẽ, tạo nên bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất.

Ở trong nước, kinh tế - xã hội lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra không hoàn thành, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng cao, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá cách mạng Việt Nam, thực hiện các âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, bao vây cấm vận kinh tế.

Những thay đổi của tình hình thế giới và trong nước đặt ra yêu cầu Đảng phải có những quyết sách đúng đắn nhằm đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiếp tục tiến lên. Do đó, đổi mới là yêu cầu khách quan.

Đối với tỉnh Lạng Sơn, ngoài những khó khăn do ảnh hưởng của tình hình thế giới và trong nước nói chung, là một tỉnh miền núi, Lạng Sơn cũng có những khó khăn riêng: Trình độ dân trí thấp, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, kết cấu hạ tầng kém phát triển, cùng với đó còn phải chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc chiến tranh biên giới (tháng 02/1979); đặc biệt, năm 1986 các huyện, thị trên địa bàn tỉnh đều bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, trong đó có 77 xã, phường, thị trấn bị ngập úng do đợt lũ lớn mà đỉnh lũ (ngày 23/7/1986) đã vượt trận lũ lịch sử năm 1914 là 1,53m.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức, tỉnh Lạng Sơn bước vào thời kỳ đổi mới cũng có những thuận lợi cơ bản: Sau 5 năm (1981 - 1985) thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII<sup>1</sup>

---

1. Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ VIII tiến hành từ ngày 15 đến ngày 17/9/1980 tại Đồng Bành, huyện Chi Lăng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII gồm 39 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Trường Minh được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 4/1982, Bộ Chính trị phân công đồng chí La Thăng làm Bí thư Tỉnh ủy.



và lần thứ IX<sup>1</sup> của Đảng bộ tỉnh, đã đạt được một số kết quả đáng kể trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội<sup>2</sup>; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, tăng cường nhiều cán bộ trẻ có trình độ, phẩm chất đạo đức vào các cơ quan đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; lực lượng vũ trang được tăng cường cả về số lượng và chất lượng... Những thuận lợi này là tiền đề để Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân tiếp tục xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Thực hiện Chỉ thị số 79-CT/TW, ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư về *Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong Đảng*, đồng thời chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp theo Chỉ thị số 80-CT/TW, ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ ngày 12 đến ngày 18/5/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng lần thứ 15 (khoá IX) nhằm nghiên cứu, quán triệt mục đích, yêu cầu,

---

1. Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ IX tiến hành từ ngày 03 đến ngày 05/02/1983 tại Đồng Bành, huyện Chi Lăng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IX gồm 41 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí La Thăng được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

2. Tổng sản phẩm xã hội tăng 6,9%, thu nhập quốc dân tăng 8,9%, quỹ tích lũy tăng 42%, quỹ tiêu dùng tăng 3,9%, sản lượng lương thực bình quân hằng năm tăng 3,9%, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 9,3%, đàn trâu tăng 1,8%, đàn bò tăng 6,1%, đàn lợn tăng 4,8%. Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển khá, tỷ lệ học sinh đi học so với dân số đạt 21%, tất cả các xã trong tỉnh đều có trường phổ thông cơ sở. Số cơ sở khám bệnh, điều trị, điều dưỡng của tất cả các tuyến tăng 1,58 lần so với năm 1981. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên bình quân ở mức 2,02%, so với giai đoạn 1976 - 1980 giảm được 0,53%.

nội dung, xác định phương châm, phương pháp và kế hoạch, thời gian tiến hành công tác tự phê bình và phê bình; phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy trực tiếp chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện chỉ thị của Trung ương. Các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã khẩn trương tiến hành tự phê bình và phê bình.

Để chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ X, ngày 01/8/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 33-CT/TU *Về việc tổ chức phong trào quần chúng thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp*. Chỉ thị nêu rõ: Theo Quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy Lạng Sơn, Đại hội lần thứ VI của Đảng sẽ tổ chức vào tháng 12/1986, Đại hội lần thứ X của tỉnh sẽ tổ chức vào quý IV năm 1986, đại hội các huyện, thị tổ chức trong tháng 9/1986 và đại hội cơ sở hoàn thành trong tháng 8/1986. Đây là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn và có ý nghĩa trọng đại. Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua trong toàn Đảng bộ để thiết thực lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp; phát động sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực góp ý kiến xây dựng các văn kiện trình Đại hội Đảng bộ các cấp; khắc phục khó khăn do hậu quả thiên tai; nêu cao tinh thần cảnh giác, đẩy mạnh xây dựng để ngày càng hoàn chỉnh tuyến phòng thủ biên giới, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Thực hiện Chỉ thị số 80-CT/TW, ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ ngày 10 đến ngày 15/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ X được tiến hành tại Hội trường Tỉnh ủy (phường Chi Lăng, thị xã Lạng Sơn -

nay là thành phố Lạng Sơn). Tham dự Đại hội có 330 đại biểu, thay mặt cho toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Trần Xuân Bách, Bí thư Trung ương Đảng đến dự và chỉ đạo Đại hội. Với tinh thần “Tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng; thảo luận, đóng góp ý kiến vào Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa IX trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa X.

Đánh giá về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Đại hội khẳng định: Quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã tạo được thế đứng vững chắc; làm thất bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch; giữ vững biên cương của Tổ quốc; an ninh chính trị được đảm bảo; từng bước khôi phục nền kinh tế, phát triển sản xuất; bước đầu kết hợp quốc phòng với kinh tế và kinh tế với quốc phòng. Tỉnh đã từng bước khôi phục cơ sở vật chất, kỹ thuật và kết cấu hạ tầng; hoạt động kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp toàn diện, kết hợp giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, nông - lâm kết hợp và kinh doanh tổng hợp; công nghiệp, thủ công nghiệp từng bước được khôi phục và phát triển.

Trên cơ sở kết quả đạt được, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát: Từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp, tạo thêm nhiều nhân tố mới để hình thành cơ cấu kinh tế công - nông - lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; gắn chặt với xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng thế trận chiến

tranh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa quốc phòng với kinh tế và kinh tế với quốc phòng; tiếp tục xây dựng tuyến phòng thủ biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế, quốc phòng và an ninh để bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể trong 5 năm 1986 - 1990: Phấn đấu đến năm 1990 sản lượng lương thực đạt 165.000 - 176.250 tấn; lương thực bình quân đầu người đạt 280 - 300kg/năm; phát triển nghề rừng, trồng mới 9.000ha rừng và trên 2 vạn cây đặc sản, nâng diện tích rừng được che phủ từ 17% lên 30%; kim ngạch xuất khẩu đạt 5,5 triệu rúp - đôla, tăng gấp 2 lần so với năm 1985. Giảm tốc độ tăng dân số xuống còn 1,7%; tiếp tục tiến hành cải cách và nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện phổ cập giáo dục cấp I ở vùng thấp, tăng số học sinh đi học lên 141.000 người, tăng 18% so với năm 1985, đạt 24,8% so với dân số<sup>1</sup>. Mỗi năm đào tạo bồi dưỡng 1.000 - 2.000 cán bộ chuyên môn, công nhân kỹ thuật cho nhu cầu của tỉnh; làm tốt công tác phòng bệnh, chữa bệnh và vệ sinh môi trường; mở rộng và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục thể thao quần chúng. Xây dựng nền văn hóa, nghệ thuật có tính đảng, tính dân tộc, tính nhân dân, tính xã hội chủ nghĩa sâu sắc.

Về xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường công tác tư tưởng và lý luận; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở

---

1. Xem Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ X*, tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy Lạng Sơn.

đảng; đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn cơ quan lãnh đạo và quản lý; đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng; nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống biểu hiện tiêu cực trong Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội đề ra các giải pháp: Bố trí đúng cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư; làm chủ phân phối, lưu thông; đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới; ứng dụng rộng rãi tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; đẩy mạnh xuất nhập khẩu và liên kết kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội; kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động; có chính sách bảo đảm tăng thêm vốn đầu tư; xây dựng tuyến phòng thủ biên giới vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, gồm 45 ủy viên chính thức, 13 ủy viên dự khuyết. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng gồm 16 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: La Thăng, Vũ Ngọc Chương, Nguyễn Minh Quát, Vy Xuân Thanh, Hà Hạp, Trần Xuân Minh, Trần Rỹ, Hoàng Tiến, Dương Công Đá, Chu Hạp, Hoàng Tân, Hoàng Áp, Lê Tuấn; đồng chí La Thăng được tín nhiệm tiếp tục bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Vy Xuân Thanh được bầu giữ chức vụ

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Vũ Ngọc Chương và đồng chí Nguyễn Minh Quát được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy<sup>1</sup>.

Thành công của Đại hội là kết quả của tinh thần làm việc nghiêm túc, tập trung trí tuệ của toàn Đảng bộ; đồng thời, phản ánh đầy đủ ý chí nguyện vọng của đông đảo nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh. Đại hội đánh giá đúng mức những thành tựu đạt được, thẳng thắn thừa nhận những sai lầm, khuyết điểm, vận dụng sáng tạo quan điểm chỉ đạo của Đảng; đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể trong 5 năm (1986 - 1990), tạo cơ sở, tiền đề để từng bước đưa tỉnh Lạng Sơn thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Với tinh thần “*Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”, Đại hội xác định những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong giai đoạn 1986 - 1990:

1- Đổi mới tư duy lý luận: Xoá bỏ tư duy duy ý chí, chủ quan, giáo điều; xác lập tư duy khoa học trong hoạt động lý luận, trong lãnh đạo và chỉ đạo thực tiễn theo phương châm tôn trọng quy luật khách quan.

---

1. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí Vy Xuân Thanh được điều động về công tác tại Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo Quyết định số 84-NQNS/TW, ngày 26/02/1987 (đến cuối khóa VI, Ban Bí thư ban hành quyết định điều chuyển đồng chí Vy Xuân Thanh về bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn và tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quyết định số 897-NQNS/TW, ngày 12/4/1990). Đồng chí Vũ Ngọc Chương được phân công làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

2- **Đổi mới về kinh tế:** Thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa dưới sự tác động của quy luật giá trị; xóa bỏ mô hình và phương thức tổ chức, quản lý sản xuất theo kiểu tập trung quan liêu, bao cấp, hành chính, mệnh lệnh; mở cửa giao thương; xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: sản xuất lương thực, thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

3- **Đổi mới về chính trị - xã hội:** Quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng, thực hiện dân chủ hóa trong Đảng và trong toàn xã hội; giải phóng năng lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với chế độ, với sự nghiệp đổi mới.

Đại hội đề ra các phương hướng, nhiệm vụ cụ thể như sau: (1) Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. (2) Thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách thường xuyên, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. (3) Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. (4) Giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. (5) Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội. (6) Tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước. (7) Tăng cường hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại. (8) Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa. (9) Xây dựng Đảng thật sự



ngang tầm một đảng cầm quyền, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược. (10) Nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành của bộ máy đảng và nhà nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu bước ngoặt trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới được thông qua tại Đại hội VI của Đảng là những định hướng lớn để đảng bộ các tỉnh, thành phố trong đó có đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

## **2. Lãnh đạo thực hiện ba chương trình kinh tế**

Quán triệt và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, tạo ra những chuyển biến mới trên các lĩnh vực, ngày 28/10/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU về việc tổ chức đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và thảo luận việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X. Chỉ thị nêu rõ mục đích, yêu cầu: Làm rõ những quan điểm, tư tưởng mới của Đảng, nắm vững những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội X về những mục tiêu chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong những năm 1986 - 1990 và những nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

Thực hiện quan điểm đổi mới của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, nghiên cứu các văn kiện Đại hội; xây dựng các chương trình hành động cụ thể, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi

mới, nhằm từng bước đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống. Trên cơ sở đặc điểm của mỗi cấp, mỗi ngành, của từng vùng để vận dụng đường lối đổi mới cho phù hợp, nhanh chóng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát triển mạnh sản xuất, trọng tâm là thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu).

*a) Về sản xuất nông - lâm nghiệp*

Chỉ đạo đổi mới toàn diện, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu giống và đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Tập trung lãnh đạo thực hiện cơ cấu quản lý mới trong nông nghiệp, trước hết là giao ruộng cho người nông dân sử dụng lâu dài, xác định mỗi hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, làm cho người nông dân gắn bó với ruộng đất, đồi rừng, an tâm sản xuất. Bên cạnh đó là các biện pháp như: đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón... Nhờ đó, sản xuất lương thực - thực phẩm tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 1986 - 1990 là 2,43%, tăng 12,15% so với giai đoạn 1981 - 1985.

Năm 1986, tổng diện tích gieo trồng đạt 71.300ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 121.300 tấn; đàn trâu có 160.631 con (đạt 101,2% kế hoạch năm), đàn bò có 23.811 con (đạt 111% kế hoạch năm), đàn lợn có 176.753 con (đạt 102,7% kế hoạch); ngành lâm nghiệp được chú trọng, với diện tích rừng trồng mới đạt 7.360ha (vượt 5% kế hoạch năm). Bước sang năm 1987, Đảng bộ tỉnh xác định, đẩy mạnh ổn

định lưu thông, phân phối, ổn định sản xuất và đời sống xã hội trên cơ sở tổng kết phong trào hợp tác hóa nông - lâm nghiệp, gắn với vận dụng hệ thống chính sách nông nghiệp của Ban Bí thư Trung ương một cách sáng tạo để củng cố, nâng cao khả năng sản xuất kinh doanh nông - lâm nghiệp toàn diện. Dưới sự chỉ đạo các cấp ủy đảng, ngành nông - lâm nghiệp đạt được những kết quả quan trọng: Lương thực bình quân đầu người đạt 260kg/năm; ngành chăn nuôi phát triển mạnh với đàn trâu, bò đạt 192.283 con, đàn lợn đạt 180.719 con; ngành lâm nghiệp trồng mới được 4.864ha rừng và giao được 10.750ha đất rừng cho tập thể và các hộ gia đình nông dân trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, ngày 14/11/1988, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TU, trong đó yêu cầu phải giải phóng sức sản xuất; sắp xếp, tổ chức lại sản xuất với cải tạo xã hội chủ nghĩa; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế; giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích, đảm bảo lợi ích chính đáng của người sản xuất, trước hết là người trồng lúa; sắp xếp, tổ chức lại sản xuất theo hướng nông - lâm kết hợp, kinh doanh tổng hợp; gắn sản xuất nông - lâm nghiệp với phát triển tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, coi trọng công nghiệp chế biến; gắn sản xuất với lưu thông, tiêu thụ sản phẩm; chú trọng ứng dụng khoa học - kỹ thuật và đưa giống cây trồng mới vào sản xuất,...

Mặc dù kịp thời đề ra những chủ trương đúng đắn, nhưng do tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và khắc nghiệt, nên năm 1988, diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng trên địa bàn tỉnh đều giảm và chưa đạt kế hoạch. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 106.300 tấn (bằng 76% kế hoạch năm), sản lượng thuốc lá đạt 2.450 tấn (bằng 72% kế hoạch năm), sản lượng đỗ tương đạt 2.065 tấn (bằng 79% kế hoạch năm); bình quân lương thực chỉ đạt mức 188kg/người/năm (giảm so với năm 1987); ngành chăn nuôi phát triển chậm, đàn trâu, bò tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước, đàn lợn tăng 2% so với cùng kỳ năm trước; diện tích trồng rừng đạt 98% kế hoạch, giao đất giao rừng đạt trên 2.500ha.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thực hiện cơ chế khoán theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (gọi tắt là “khoán 10”), tỉnh đã chuyển giao ruộng đất, phân loại ruộng đất, chia định mức, chi phí từng vùng đến hộ xã viên. Để giải quyết những khó khăn trong sản xuất nông - lâm nghiệp nói riêng và kinh tế nói chung, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (ngày 24/7/1989) nhận định tình hình 7 tháng đầu năm 1989, đề ra các chủ trương, biện pháp khắc phục trong 5 tháng cuối năm 1989 là: phấn đấu làm tốt vụ mùa để đạt và vượt tổng sản lượng lương thực cả năm; tập trung làm tốt công tác thu, chi ngân sách... Chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung xử lý các vấn đề trong sản xuất và phân phối, lưu thông. Nhờ vậy, kinh tế của tỉnh có bước phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đến năm 1989, toàn tỉnh có tổng diện tích cây lương thực đạt trên 64.000ha (tăng 1,1% so với kế hoạch),

tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 157.698 tấn (bằng 101,7% kế hoạch); sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 254,6kg/năm; đàn trâu, bò tăng 3,3%, đàn lợn tăng 1,8% so với năm 1988... góp phần ổn định nhu cầu về lương thực - thực phẩm, ổn định giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục phát huy hiệu quả của nghề rừng với việc chuyển các đơn vị kinh tế quốc doanh lâm nghiệp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là chỉ đạo đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng cho nhân dân. Kết quả, năm 1989, toàn tỉnh đã giao được 11.750ha rừng cho người dân trực tiếp quản lý. Các huyện thực hiện tốt kế hoạch giao đất, giao rừng là Lộc Bình, Văn Quan và Cao Lộc. Công tác trồng cây phân tán cũng phát triển mạnh, tổng số cây trồng đạt 5.786.776 cây (tăng 44,6% so với kế hoạch).

Bước vào năm 1990, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, đầu năm rét đậm, mưa lớn; cuối năm ít mưa khiến vụ mùa bị hạn, trong đó có một số nơi hạn nặng như: xã Tri Phương, xã Quốc Khánh (huyện Tràng Định); xã Tân Đoàn, xã Đại An (huyện Văn Quan)... Bên cạnh đó, do gặp khó khăn trong phân phối, lưu thông nên dẫn tới tình trạng thiếu phân bón và cung ứng không kịp thời. Để tháo gỡ khó khăn, đảm bảo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp, ngày 26/01/1990, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp và đề ra phương hướng, nhiệm vụ: Phấn đấu thực hiện cơ cấu kinh tế và cơ cấu thành phần kinh tế phù hợp với đặc điểm của tỉnh, khai thác có hiệu quả ruộng đất, đồi rừng, cơ sở vật chất - kỹ thuật, vốn và sức lao động để làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa, đáp ứng ba chương trình kinh tế; tập trung làm tốt

chính sách “khoán 10”, gắn chặt với Luật đất đai, giao đất, giao rừng cho hộ gia đình để ổn định sản xuất. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, năm 1990, ngành nông - lâm nghiệp đạt kết quả khả quan: sản lượng lương thực quy thóc đạt 146.025 tấn, đảm bảo nhịp độ tăng bình quân trong 5 năm 1986 - 1990 là 3,2%/năm. Sản lượng cây thuốc lá vượt 17,1% so với năm 1989. Ngành lâm nghiệp chủ động tổ chức giao đất, giao rừng đến hộ nhân dân được 10.827ha rừng cho 3.014 hộ, trồng mới 388ha và chăm sóc 690,7ha rừng tập trung; các mô hình kinh tế đồi rừng tiếp tục phát triển như: trồng rừng kinh tế ở huyện Hữu Lũng, huyện Lộc Bình; trồng cây ăn quả ở xã Bảo Lâm huyện Cao Lộc, huyện Bắc Sơn; trồng trúc ở xã Lâm Sơn, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng; khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên ở huyện Văn Lãng.

*b) Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

Giai đoạn 1986 - 1990, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mới, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với các xí nghiệp quốc doanh<sup>1</sup>. Sau một thời gian triển khai thực hiện Quyết định số 217-HĐBT, ngày 14/01/1987 của Hội đồng Bộ trưởng *ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh*, các xí nghiệp quốc doanh trên địa bàn tỉnh bước đầu sắp xếp lại sản xuất, đi vào hạch toán kinh

---

1. Đầu tư hoàn chỉnh một số đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng như Xí nghiệp gạch ngói Hợp Thành, cải tạo lại Xí nghiệp chế biến bánh kẹo, Xí nghiệp dược phẩm.

doanh xã hội chủ nghĩa, gắn sản xuất với thị trường, giảm bao cấp và bù lỗ. Một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp điều chỉnh lại quy mô và hình thức sản xuất cho phù hợp, đạt hiệu quả cao hơn.

Đứng trước những khó khăn trong sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Đảng, Nhà nước ban hành nhiều chính sách và có những biện pháp hỗ trợ kịp thời: Điều chỉnh lãi suất tín dụng, ngừng thu hồi nợ quá hạn, giúp cho nhiều cơ sở chủ động áp dụng cơ chế mới vào hạch toán kinh doanh, gắn sản xuất với tiêu thụ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Kinh tế hợp tác, tổ hợp tác, tư nhân và gia đình cũng tiến hành góp vốn vào các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nông cụ, chế biến, sửa chữa, xay xát, đồ mộc tiêu dùng..., góp phần tăng sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên thị trường, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông - lâm nghiệp và tiêu dùng của nhân dân.

Nhờ những giải pháp tích cực đó, giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1986 đạt kế hoạch đề ra, tăng 12,6% so với năm 1985. Năm 1988, tổng giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thuộc khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể đạt 200,4 triệu đồng. Đến năm 1990, các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được sắp xếp lại sản xuất, tổ chức lại lực lượng lao động, kiện toàn bộ máy quản lý, thích ứng với cơ chế mới, sản xuất gắn với thị trường, chất lượng sản phẩm được nâng lên, các sản phẩm như: gạch, ngói, xi măng... đều tăng so với năm 1989.

*c) Về sản xuất vật liệu và xây dựng cơ bản*

Căn cứ vào điều kiện thực tế của tỉnh, ngoài thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của Trung ương, Đảng bộ tỉnh chủ động đề ra Chương trình sản xuất vật liệu xây dựng. Năm 1986, tỉnh đưa vào sử dụng 25 công trình và hạng mục công trình, tiêu biểu như phân xưởng dệt của Xí nghiệp may mặc, mở rộng Xí nghiệp gạch ngói Hợp Thành và Xí nghiệp tinh dầu hồi, 4 công trình thuỷ lợi, 5.000m<sup>2</sup> nhà ở. Thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh năm 1987, các xí nghiệp trọng điểm mở rộng quy mô sản xuất, thành lập thêm một số xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như sản xuất ngói máy, xi măng, kết quả là: sản xuất gạch nung đạt 23,4 triệu viên, ngói máy đạt 3,5 triệu viên, vôi đạt 6.900 tấn, xi măng đạt 2.700 tấn. Đầu tư xây dựng cơ bản tuy có giảm một số công trình do khó khăn về vốn và vật tư, nhưng đến cuối năm 1987, toàn tỉnh vẫn hoàn thành và bàn giao 42 công trình, sớm đưa vào sử dụng một số công trình trọng điểm như: tuyến đường giao thông Bình Gia - Thất Khê, đập tràn Vũ Lăng (huyện Bắc Sơn), đập Tà Keo và đập Nà Cáy (huyện Lộc Bình); Nhà hát Tam Thanh (thị xã Lạng Sơn); tu sửa và nâng cấp tuyến thông tin liên lạc Lạng Sơn - Chi Lăng - Bắc Sơn. Năm 1988, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tỉnh tập trung ưu tiên cho ba chương trình kinh tế lớn và chương trình sản xuất vật liệu xây dựng. Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đạt 2.630 triệu đồng, trong đó: đầu tư khu vực sản xuất vật chất chiếm 82%, khu vực phi sản xuất vật chất chiếm 18%; hoàn thành và đưa vào sử dụng 21 công trình,



tiêu biểu như 5 trạm bơm điện phục vụ nông nghiệp, 4 phân xưởng sản xuất công nghiệp. Được sự giúp đỡ của Bộ Năng lượng, tỉnh khởi công xây dựng đường điện 110KV Bắc Giang - Đồng Mỏ, dài 56km, đồng thời tập trung xây dựng một số công trình trọng điểm giao thông, trong đó có tuyến đường Na Dương - Xuân Dương, tuyến đường Bản Loỏng - Khánh Khê, Bệnh viện Đa khoa tỉnh; cải tạo, nâng cấp 4 tuyến thông tin liên lạc, với tổng chiều dài 96km; đưa vào sử dụng tuyến thông tin liên lạc Lạng Sơn - Đồng Bằng và Tràng Định - Cao Bằng. Năm 1989, lĩnh vực xây dựng cơ bản được đầu tư xây dựng với tổng số vốn 7,6 tỷ đồng, Trung ương đầu tư 11,75 tỷ đồng và huy động nhân dân đóng góp được 4,8 tỷ đồng. Trong năm, đã đưa vào sử dụng 33 hạng mục công trình như: đường điện 35KV Lạng Sơn - Đồng Đăng, khôi phục và mở rộng một số tuyến đường nội thị ở thị xã Lạng Sơn, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, đường vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh, khai thác các giếng bơm mới phục vụ nhân dân ở thị xã Lạng Sơn... Để tập trung vốn cho các mục tiêu công trình trọng điểm, năm 1990, tổng số vốn đầu tư cho lĩnh vực xây dựng cơ bản đạt 8,450 tỷ đồng; trong đó, đầu tư của bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh là 14,796 tỷ đồng, các thành phần kinh tế và nhân dân đầu tư 12.000 triệu đồng để sửa chữa giao thông, thủy lợi, xây dựng các cơ sở sản xuất, dịch vụ, xây dựng nhà ở, trường học, bệnh viện theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng là một trong ba chương trình kinh tế lớn mà Đại hội VI của Đảng đã đề ra.

Lạng Sơn là tỉnh chưa có công nghiệp hàng tiêu dùng phát triển, chỉ có những cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ lại bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện theo cơ chế mới, tạo sự chủ động hơn cho các doanh nghiệp, vừa khuyến khích phát triển hàng tiêu dùng, vừa tập trung khai thác hàng tiêu dùng ở các nơi khác, vừa tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế tự do lưu thông hàng hóa. Nhờ đó, lượng hàng tiêu dùng ở trên địa bàn tỉnh dồi dào, đa dạng, bước đầu đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Hoạt động xuất nhập khẩu từ đầu năm 1989 phát triển nhanh và mở rộng với nhiều hình thức; địa bàn Lạng Sơn sớm trở thành thị trường rất sôi động, tạo ra những điều kiện mới kích thích khai thác những mặt hàng truyền thống của địa phương; mở rộng liên kết, liên doanh với các đơn vị ngoài tỉnh; thu hút nhiều mặt hàng nông - lâm - hải sản xuất khẩu. Tổng giá trị xuất nhập khẩu trong 5 năm 1986 - 1990 tăng khá, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; mở rộng thêm thị trường mới; bước đầu thu hút vốn đầu tư nước ngoài để hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu, mở ra khả năng khai thác thế mạnh của tỉnh là sản xuất, chế biến nông - lâm sản hàng hóa từ sản phẩm đồi rừng, tăng thêm các mặt hàng xuất khẩu.

Chú trọng phát triển hàng xuất khẩu, hình thành một số vùng chuyên canh như: trồng gừng ở Chi Lăng, Hữu Lũng, phát triển trồng hoa hòe ở Văn Lãng, khảo sát quy hoạch việc trồng quýt ở Bắc Sơn; triển khai chương trình trồng dứa liệu xuất khẩu ở Mẫu Sơn huyện Lộc Bình, Tân Đoàn huyện

Văn Quan... Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, trong 5 năm 1986 - 1990, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng từ 2,36 triệu rúp - đôla năm 1986 lên 6.625 ngàn rúp - đôla năm 1989 (tăng 138,2% so với kế hoạch). Năm 1990, hoạt động xuất nhập khẩu ổn định: xuất khẩu đạt 4,1 triệu USD, nhập khẩu đạt 5,3 triệu USD.

Đảng bộ tỉnh chủ trương tích cực khai thác các nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giảm các khoản chi có tính bao cấp, mở rộng quyền chủ động tài chính cho cơ sở, thu hẹp các khoản đầu tư theo phương thức cấp phát, mở rộng đầu tư qua tín dụng, ngân hàng đã hạch toán kinh doanh tiền tệ. Trong giai đoạn 1986 - 1990, mặc dù hoạt động tài chính còn gặp nhiều khó khăn, nhưng ngành tài chính đã đạt một số kết quả quan trọng. Năm 1986, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 715,4 triệu đồng (bằng 110,7% kế hoạch); tổng chi ngân sách đạt 694,3 triệu đồng (bằng 107,2% kế hoạch). Đến năm 1989, hoạt động thu ngân sách của tỉnh tăng mạnh do sản xuất hàng hóa phát triển, có sự trao đổi hàng hóa qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc: tổng thu ngân sách đạt 24.808 triệu đồng (bằng 127% kế hoạch, riêng hai khoản thu quốc doanh và thuế công thương nghiệp đạt 8,2 tỷ đồng, tăng gấp 2,35 lần năm 1988). Bước sang năm 1990, thu ngân sách trên địa bàn tăng 18% so với năm 1989, trong đó: thu từ xí nghiệp quốc doanh Trung ương tăng 127%, kinh tế ngoài quốc doanh tăng 66,2%, thuế nông nghiệp tăng 57% so với năm 1989; chi ngân sách tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội tăng 18% so với năm 1989, trong đó chi

xây dựng cơ bản tăng 19,4%, chi lương tăng 19,6%, chi sự nghiệp kinh tế tăng 4%, chi sự nghiệp văn hóa tăng 35%.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (tháng 4/1987) về giảm chi ngân sách, các cấp, các ngành trong tỉnh từng bước thực hiện mục tiêu “bốn giảm” là: giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn đời sống của người lao động.

Để giảm bội chi ngân sách, toàn tỉnh đẩy mạnh kiểm tra thu đủ các khoản chênh lệch giá, tập trung thu đủ thuế nông nghiệp, cho nộp nông sản khác thay thế, điều chỉnh lại ba lần doanh số kinh doanh thương nghiệp, ba lần mức thu thuế sát sinh, đấu tranh chống buôn lậu, trốn thuế... nên mức thu thuế công thương nghiệp cả năm 1987 tăng gấp 2 lần chỉ tiêu pháp lệnh, đồng thời giảm bớt chi phí hành chính. Công tác giảm bội chi tiền mặt được thực hiện tích cực và đồng bộ bằng các biện pháp như: đẩy mạnh việc bán ra, tăng thu các nguồn thuế cho ngân sách, vận động gửi tiết kiệm, tăng cường thanh toán bằng chuyển khoản, séc cầm tay... Nhờ những biện pháp tích cực đó, năm 1987, mục tiêu “bốn giảm” bước đầu có những tiến bộ so với năm 1986. Thu chi tiền mặt qua ngân hàng ngày càng tăng, gấp 5 lần so với năm 1986; tỷ lệ bội chi tiền mặt giảm 20% so với tổng chi.

Về giảm nhịp độ tăng giá, tỉnh chỉ đạo điều chỉnh một số mặt hàng công nghiệp tiêu dùng như vải, hàng may sẵn, điều chỉnh một số mặt hàng còn bất hợp lý; phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt, điều chỉnh lại giá thu mua, điều chỉnh giá hàng sản xuất cho phù hợp; đồng thời, triển khai định lại giá

bán buôn công nghiệp, giá bán lẻ hàng tiêu dùng địa phương trên cơ sở tính đúng, tính đủ đầu vào, hợp lý đầu ra để không bị đội giá thị trường. Tuy nhiên, giá cả thị trường vẫn diễn biến phức tạp, tốc độ tăng cao so với năm 1986.

Để kịp thời triển khai thực hiện công tác cải tạo và củng cố quan hệ sản xuất mới, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo khu vực doanh nghiệp quốc doanh chủ động sắp xếp lại sản xuất; thực hiện lương khoán, lương sản phẩm nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục được củng cố, đưa tỷ lệ nông dân vào làm ăn tập thể lên 82,5%... Triển khai thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế và chương trình sản xuất vật liệu xây dựng, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp đẩy mạnh sắp xếp lại sản xuất, đổi mới cơ cấu đầu tư, tiếp tục xử lý các vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông gắn với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước, chấn chỉnh lại các tổ chức kinh tế; giải quyết một số vấn đề lớn về văn hóa - xã hội, tạo đà cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển trong những năm tiếp theo.

### **3. Lãnh đạo công tác văn hóa - xã hội**

Từ năm 1986 - 1990, các hoạt động giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao có sự chuyển biến tích cực.

Ngành giáo dục từng bước sắp xếp lại cơ cấu trường lớp, ngành học phù hợp với tinh thần đổi mới; bước đầu khắc phục khó khăn để duy trì trường lớp; coi trọng chương trình

phổ cập cấp I và xoá mù chữ; quan tâm tới trường chuyên, lớp chọn. Năm học 1986 - 1987, tỷ lệ học sinh thi chuyển cấp đạt khá; năm học 1987 - 1988, hệ thống các trường phổ thông được đầu tư, số lượng học sinh tăng 10% so với năm học 1986 - 1987. Năm học 1988 - 1989, do ngành giáo dục có nhiều biện pháp giải quyết những vấn đề cấp bách, nên tỷ lệ học sinh đi học so với dân số đạt trên 23%. Năm học 1989 - 1990, kết quả kỳ thi chuyển cấp phổ thông cơ sở đạt 95%, phổ thông trung học đạt 84% (số học sinh vào học trong năm học mới tăng 2,7% so với năm học 1988 - 1989). Toàn tỉnh mở được 8 điểm trường từ lớp 1 đến lớp 3 do nhân dân tự xây dựng cơ sở vật chất và bồi dưỡng giáo viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục còn một số mặt yếu kém như: cơ sở vật chất thiếu thốn và xuống cấp nghiêm trọng, tình trạng giáo viên bỏ nghề và học sinh bỏ học diễn ra ở nhiều nơi; số người chưa biết đọc, biết viết còn nhiều, trong đó có nhiều trẻ em từ 6 đến 10 tuổi không đi học; giáo dục mầm non chưa được đổi mới; đời sống của giáo viên còn gặp nhiều khó khăn; công tác quản lý, chỉ đạo của ngành giáo dục chưa thực sự đổi mới; nhiều địa phương chưa được quan tâm đầu tư xây dựng trường lớp, đảm bảo điều kiện dạy và học.

Công tác văn hóa - thông tin - thể thao được quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần vào việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc khắc phục khó khăn về tài chính và cơ sở vật chất để duy trì hoạt động sáng tác văn học,

nghệ thuật; hoạt động thông tin cổ động, triển lãm, phát thanh, truyền hình đã bám sát cuộc sống, góp phần nâng cao dân trí; đội ngũ văn nghệ sĩ, phóng viên báo chí ngày càng trưởng thành. Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên nhân các sự kiện và những ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước; cùng với đó, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, trang bị, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân.

Tuy nhiên, cùng với những kết quả đạt được, công tác văn hóa - thông tin vẫn còn một số hạn chế như sau: Một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đã xếp hạng chưa được quan tâm quản lý, khai thác và đầu tư, tôn tạo lại. Công tác bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc chưa phát huy được hiệu quả.

Việc thực hiện chính sách xã hội được quan tâm, trong đó tập trung vào các đối tượng là thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em mồ côi, khuyết tật. Các cấp, các ngành đưa ra những giải pháp, biện pháp nhằm giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, đưa một số người đi lao động ở nước ngoài; quan tâm đến công tác định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao. Qua đó, đời sống nhân dân từng bước ổn định, một bộ phận được cải thiện, có thêm vốn đầu tư sản xuất, xây dựng nhà cửa khang trang, mua sắm đồ dùng trong gia đình; đời sống văn hóa tinh thần được nâng lên. Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần đã tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có thêm việc làm; số lao động ở thành thị và nông thôn từng bước được giải quyết. Tuy nhiên, do tác động tiêu cực

của mặt trái cơ chế thị trường và nếp làm ăn cũ, nên đã hạn chế sự phát triển của kinh tế và chăm lo chính sách xã hội. Năm 1990, toàn tỉnh còn 30.000 lao động chưa sắp xếp được việc làm. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn cao; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn. Những người ăn lương ở khu vực hành chính sự nghiệp, những người thiếu việc làm trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, lực lượng vũ trang, cán bộ nghỉ hưu, nghỉ theo chế độ và người hưởng trợ cấp xã hội gặp khó khăn gay gắt.

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được nâng cao, thực hiện phương châm kế thừa và đổi mới, tiếp thu kiến thức y học hiện đại kết hợp với y học dân gian, khai thác tiềm năng dược liệu địa phương; coi trọng kết hợp giữa ba hình thức Nhà nước, tập thể và nhân dân; quan tâm tiêm chủng phòng, chống sáu loại bệnh cho trẻ em, khám, chữa bệnh bướu cổ và bệnh sốt rét.

Năm 1986, ngành y tế của tỉnh chú trọng phòng bệnh và điều trị bệnh. Trong năm, đã khám và điều trị cho 62.200 lượt người. Năm 1987, Bệnh viện Y học dân tộc tỉnh bổ sung hơn 100 giường bệnh; đến năm 1988, ngành y tế chủ động đầu tư thêm 1.057 giường bệnh, khám và chữa bệnh cho 796.680 lượt người. Năm 1989, Bệnh viện Đa khoa tỉnh tiếp tục được quan tâm đầu tư trang thiết bị y tế phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường, trong đó 186/225 xã, phường, thị trấn có cán bộ y tế.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được củng cố. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 1987 là 2% (giảm 0,62% so với năm 1986);



công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt 47,6% kế hoạch. Đến năm 1989, toàn tỉnh có 73% trẻ em trong độ tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh. Năm 1990, công tác tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em tăng lên 83,2%.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song ngành y tế vẫn còn những hạn chế và khó khăn như: phần lớn các bệnh viện từ tỉnh đến cơ sở đều xuống cấp; công tác khám, điều trị bệnh hiệu quả thấp; công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân ở cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn cao (2,35%).

#### **4. Củng cố quốc phòng, an ninh, từng bước mở rộng hoạt động đối ngoại**

Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô đã tác động tiêu cực đến tư tưởng của không ít cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ở trong nước, tình hình an ninh trật tự có những diễn biến phức tạp, đặc biệt là xuất hiện tình trạng tổ chức vượt biên trái phép. Trước tình hình đó, Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế. Chỉ đạo tổ chức triển khai, quán triệt và thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TW và Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, các cấp ủy đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang trong tỉnh xác

định nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và thường xuyên trong giai đoạn này là bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Chỉ đạo tích cực xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, sắp xếp lại lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ, củng cố lực lượng dự bị động viên phù hợp với tình hình mới. Quan tâm, nâng cao chất lượng công tác tuyển quân và huấn luyện dân quân, tự vệ. Tuyên truyền triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Quân khu 1 về nhiệm vụ công tác quốc phòng. Thông qua đó, nâng cao nhận thức, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, chủ động đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Năm 1987, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc vẫn diễn biến phức tạp; phía nước ngoài vẫn tiếp tục duy trì chiến tranh phá hoại nhiều mặt, tiến hành các hoạt động lấn chiếm đất đai, chống phá... Trước tình hình đó, lực lượng vũ trang tỉnh tăng cường thêm lực lượng chốt giữ các đồn, trạm nhằm đảm bảo giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Cuối năm 1987, triển khai thực hiện Kế hoạch A với nội dung chủ yếu là điều chỉnh lực lượng bộ đội chủ lực về tuyến sau, giao cho địa phương đảm nhiệm phòng thủ ở tuyến trước, Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thực hiện kế hoạch. Đồng thời, tổ chức bàn giao lực lượng Bộ đội Biên phòng về Công an tỉnh. Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và dự bị động viên bảo đảm rộng khắp; tổ chức lực lượng thường trực chiến đấu, lực lượng cơ động, lực lượng

chiến đấu tại chỗ, lực lượng bảo vệ tạm lánh, lực lượng dân quân tập trung ở các xã biên giới.

Bước sang năm 1988, Đảng và Nhà nước đề ra đường lối, chính sách đối ngoại thể hiện thiện chí hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước, nhưng các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ âm mưu chống phá nước ta bằng nhiều thủ đoạn khác nhau. Trước yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy đề ra phương hướng công tác quân sự địa phương là: Tiếp tục điều chỉnh kế hoạch động viên, xây dựng nền nếp quân đội, quản lý chặt chẽ, vững chắc nguồn động viên, từng bước nâng cao chất lượng các đơn vị dự bị và lực lượng dự bị. Tháng 3/1988, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức cuộc diễn tập Z88A. Qua cuộc diễn tập, đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị cơ sở, xây dựng được mối quan hệ hiệp đồng giữa các cấp, các ngành trong và ngoài lực lượng vũ trang, đảm bảo tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện Thông báo số 118-TB/TW, ngày 19/11/1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cho phép nhân dân các xã biên giới được qua lại thăm thân và trao đổi hàng hóa thiết yếu, phục vụ sản xuất và đời sống, ngày 12/12/1988, Bộ đội Biên phòng tỉnh xây dựng kế hoạch thí điểm và triển khai thực hiện Thông báo số 118-TB/TW ở hai xã biên giới là Bảo Lâm (huyện Cao Lộc) và Thanh Long (huyện Văn Lãng) làm thí điểm để rút kinh nghiệm<sup>1</sup>.

Nhằm ổn định một bước tổ chức lực lượng Bộ đội Biên phòng trong tình hình mới, thực hiện Thông báo số 158-TB/TW,

---

1. Xem Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn (1959 - 2019)*, Lạng Sơn, 2019, tr.211.

ngày 14/9/1989 của Bộ Chính trị quy định Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, của Công an tỉnh, thành phố và dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã triển khai, quán triệt, đề ra kế hoạch công tác biên phòng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cấp bách trên toàn tuyến biên giới Lạng Sơn<sup>1</sup>. Chủ động nắm tình hình ở ngoại biên, phối hợp với các lực lượng đóng quân trên địa bàn, phân định rõ trách nhiệm, quy chế cụ thể, tăng cường chế độ kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra vào khu vực biên giới, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội tại một số khu vực Khưa Đa, mốc 16 Đông, 17 Đông, khu vực thị trấn Đồng Đăng và Chi Ma...

Thực hiện Chỉ thị số 135/CT-HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ngày 25/6/1990, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh ban hành Quyết định số 18 về việc thành lập 11 trạm kiểm soát đường biên nhằm tăng cường công tác quản lý người, hàng hóa xuất, nhập khẩu ở khu vực biên giới<sup>2</sup>.

---

1. Xem Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn (1959 - 2019)*, Sđd, tr.215.

2. Các trạm kiểm soát đường biên được bố trí gồm: trạm kiểm soát Nà Nưa mốc 17 tây (Pò Mã); trạm kiểm soát Nà Mần (Bình Nghi); trạm kiểm soát qua mốc 7 đông (Na Hình); trạm kiểm soát Còn Phía qua mốc 10 đông (Thanh Long); trạm kiểm soát Nà Lâu qua mốc 15 đông (Tân Thanh); trạm kiểm soát Pò Nhùng qua mốc 23 đông (Bảo Lâm); trạm kiểm soát Còn Phạc qua mốc 25 đông (Thanh Lò); trạm kiểm soát Còn Chủ mốc 40 đông (Xuất Lễ), trạm kiểm soát Bản Thín mốc 48 đông (Tú Mịch); trạm kiểm soát mốc 54 đông (Chi Lăng) và trạm kiểm soát Bản Mạ mốc 59 đông (Bắc Xa).

Triển khai thực hiện các chủ trương của Trung ương về đảm bảo an ninh toàn tuyến biên giới, tỉnh tập trung chỉ đạo các đơn vị quân đội tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang, thực hiện nhiệm vụ tác chiến theo hệ thống chỉ huy thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; tiến hành tổ chức biên chế các đơn vị. Đồng thời, tập trung bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất chính trị cho cán bộ, chiến sĩ, xác định rõ nhiệm vụ chính trị và chấp hành nghiêm kỷ luật của quân đội; từng bước cải tiến cơ quan quân sự làm việc theo chức năng, kế hoạch, đúng nguyên tắc, chất lượng và hiệu quả. Đi đôi với việc xây dựng lực lượng, tỉnh chú trọng chỉ đạo tốt công tác tuyển quân. Trong hai năm 1989 - 1990, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tuyển quân đạt 100%, đảm bảo các tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe, trình độ văn hóa, độ tuổi theo luật định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quốc phòng cũng còn một số hạn chế như sau: Một số địa phương chưa thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự nên chất lượng tuyển quân thấp; công tác quản lý vũ khí, khí tài, bảo vệ các công trình phòng thủ và xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ còn yếu, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng cơ sở; sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang còn hạn chế.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ tỉnh, lực lượng công an được xây dựng theo phương châm đổi mới toàn diện các mặt công tác, chiến đấu, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới. Lãnh đạo

các cấp, các ngành liên quan có những chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện tốt phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”, bảo vệ nội bộ, xây dựng địa bàn biên giới vững mạnh. Trong quá trình thực hiện chính sách mở cửa, Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng quy chế, chủ trương, biện pháp tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho nhân dân khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc qua lại thăm thân, trao đổi hàng hóa. Nhờ vậy, tình hình an ninh biên giới được giữ vững, góp phần tích cực vào quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Thực hiện Chỉ thị số 135/CT-HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, lực lượng công an tỉnh tiến hành nhiều đợt truy quét các loại tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 1986, trong quá trình diễn ra Đại hội Đảng các cấp, lực lượng công an tăng cường công tác nắm tình hình, tập trung vào những đối tượng, địa bàn trọng điểm. Để tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, Đảng bộ tỉnh ban hành Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 15/9/1986 về việc tăng cường đẩy mạnh thực hiện công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ trong toàn tỉnh nhằm tập trung chỉ đạo các đơn vị giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội. Chỉ đạo các lực lượng chức năng phối hợp với các huyện, thị tăng cường các biện pháp bảo vệ tài sản, tiến hành công tác điều tra hàng chục cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, kiến nghị với các cơ quan, xí nghiệp khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong công tác bảo vệ; đồng thời, tiến hành rà soát, củng cố các ban bảo vệ chuyên trách và bán chuyên trách ở 44 cơ

quan, xí nghiệp trọng điểm; mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ cho cán bộ làm nhiệm vụ bảo vệ ở các cơ quan chủ chốt của tỉnh.

Cùng với đó, lực lượng công an tập trung giữ vững trật tự ở các địa bàn trọng điểm, trên các tuyến giao thông trong tỉnh; tiến hành rà soát, phân loại 8.852 đối tượng hình sự; mở các lớp cải huấn, giáo dục, đưa ra kiểm điểm trước nhân dân hơn 4.000 đối tượng có tiền án, tiền sự. Ngày 29/10/1987, tổ công tác của Công an tỉnh bắt và tiêu diệt toán cướp có vũ trang tại đèo Sài Hồ, đảm bảo an toàn cho 60 hành khách trên xe, trong trận đánh này 2 chiến sĩ công an đã anh dũng hy sinh, được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là đồng chí Nguyễn Thành Tấn và đồng chí Triệu Văn Phong<sup>1</sup>.

Bước sang năm 1988, tình hình trật tự xã hội trên địa bàn toàn tỉnh vẫn diễn biến phức tạp, nhất là ở một số địa bàn trọng điểm trên các tuyến đường ra biên giới thuộc huyện Cao Lộc và quốc lộ 1A, từ thị xã Lạng Sơn đi Hữu Lũng, trong đó nổi lên hoạt động của bọn tội phạm hình sự với tính chất nghiêm trọng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Trước tình hình đó, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động quần chúng xây dựng phong trào tự quản và thực hiện những biện pháp cấp bách để giữ gìn an ninh, trật tự. Lực lượng cảnh sát tỉnh thành lập Tổ cảnh sát hình sự đặc biệt (1987), nhằm tập

---

1. Tổ công tác gồm các đồng chí: Nguyễn Thành Tấn, Triệu Văn Phong, Trương Thế Cửu, Hoàng Văn Quang.

trung điều tra, phục kích, tấn công, truy quét tội phạm trên địa bàn thị xã Lạng Sơn và các huyện Cao Lộc, Chi Lăng và Hữu Lũng, triệt phá 25 ổ nhóm trộm cắp, cướp có vũ khí, bắt giữ 48 tên tội phạm nguy hiểm.

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 30/11/1987 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, ngày 25/4/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Nghị quyết nêu rõ: Phải thường xuyên làm tốt công tác giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch; tiếp tục phát động phong trào quần chúng phòng gian bảo mật, bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng cơ quan, xí nghiệp, phường, xã an toàn gắn với việc hoàn chỉnh quản lý hộ khẩu, nhân khẩu, củng cố và xây dựng phòng tuyến an ninh biên giới; tập trung vào các địa bàn trọng điểm, thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ; tăng cường bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Nhằm đối phó với những hoạt động xâm canh lấn chiếm biên giới, ngăn chặn tình trạng vượt biên trái phép, lực lượng công an cùng với bộ đội biên phòng, quân đội đã tăng cường cán bộ, phối hợp với cấp ủy, chính quyền ở các huyện biên giới triển khai công tác củng cố phòng tuyến an ninh biên giới, với nội dung trọng tâm là phát động quần chúng xây



dựng phong trào tự quản về an ninh, trật tự, tích cực đấu tranh với các hoạt động chống phá, phòng, chống tội phạm kết hợp với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, triển khai xây dựng thể trận an ninh nhân dân, tăng cường công tác nắm tình hình nội, ngoại biên; rà soát, xác minh những đối tượng nghi vấn. Qua đó, phát hiện, chủ động đấu tranh, bắt giữ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Ngày 25/5/1990, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 60-CT/TW về bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh: “Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần cảnh giác và ý chí chiến đấu bảo vệ tốt an ninh quốc gia, bảo vệ thành quả cách mạng, ổn định chính trị, tạo điều kiện thúc đẩy sự nghiệp đổi mới”. Quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn tiếp tục triển khai các biện pháp chấn chỉnh công tác quản lý người, hàng hóa qua lại biên giới, đưa công tác bảo vệ quản lý biên giới vào nền nếp, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, phục vụ thiết thực lợi ích kinh tế và quốc phòng, an ninh; tăng cường công tác đấu tranh chống tình báo, gián điệp; chủ động xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng ngừa, ngăn chặn và sẵn sàng đối phó với các tình huống bất ngờ về an ninh, trật tự. Thực hiện sự chỉ đạo, các lực lượng chức năng xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện phương án cụ thể tại các địa bàn trọng điểm như thị xã Lạng Sơn, các huyện Cao Lộc, Bình Gia và Văn Lãng; tiến hành công tác điều tra ở 44 địa bàn, trong đó có 36 xã, phường, 5 cơ quan xí nghiệp và 3 địa bàn ngoại biên.

Qua rà soát, đưa 233 đối tượng vào diện quản lý, lập danh sách cấm nhập cảnh 15 đối tượng.

Sau 5 năm 1986 - 1990, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trên cơ sở đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo quân và dân các dân tộc trong tỉnh nâng cao tinh thần trách nhiệm, cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; quán triệt đến các cấp, các ngành nhận thức sâu sắc về quan điểm chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc; sắp xếp lại lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ theo tinh thần giảm về số lượng, coi trọng chất lượng; củng cố lực lượng dự bị động viên; bố trí lại các lực lượng chiến đấu phù hợp với tình hình mới. Với nhiều thành tích đạt được trong công tác an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, ngày 20/12/1990, Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Lạng Sơn vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác an ninh, quốc phòng của tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của lực lượng ở cơ sở; phong trào tự quản trong các đơn vị còn yếu; sự kết hợp giữa lực lượng dân quân, tự vệ với công an trong thực hiện nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội chưa được chặt chẽ; công tác phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm còn nhiều khó khăn; các loại tội phạm vẫn chưa giảm.

Thực hiện chủ trương đổi mới tư duy và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, tỉnh tập trung chỉ đạo đổi mới hoạt

động đối ngoại theo tinh thần Nghị định số 124 về Quy chế biên giới Việt Nam - Trung Quốc (tháng 8/1988) của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Thông báo số 118-TB/TW, ngày 19/11/1988 của Ban Bí thư Trung ương về việc cho nhân dân các bản sát biên được sang Trung Quốc thăm thân và trao đổi hàng hóa thiết yếu. Trong thời gian này, tình hình biên giới có những thay đổi nhanh chóng. Người dân ở sát biên giới của hai nước qua lại thăm thân, trao đổi mua bán ngày một nhiều. Nhân dân các huyện nội địa và các tỉnh cũng tập trung đến các cửa khẩu tham gia vào hoạt động buôn bán, làm cho khu vực biên giới thêm sôi động. Các hoạt động đối ngoại biên phòng, đối ngoại nhân dân cũng được quan tâm thực hiện. Một số điểm như Khưa Đa, huyện Văn Lãng; Bảo Lâm, huyện Cao Lộc; Chi Ma, huyện Lộc Bình trở thành nơi giao lưu hàng hóa giữa hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Các cơ quan chức năng thường xuyên tăng cường công tác quản lý người và hàng hóa qua lại biên giới, xử lý những tình huống phát sinh, tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

### **5. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị**

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng, tổ chức, cán bộ và phát triển đảng viên, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới.

Nhận thức rõ những tác động tiêu cực của tình hình chính trị thế giới đến tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và

các tầng lớp nhân dân, Đảng bộ tỉnh xác định phải ổn định tư tưởng, giữ vững niềm tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào đường lối đổi mới để vượt qua thử thách, vững bước đi lên. Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị theo chuyên đề nhằm củng cố tư tưởng và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng; củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân; đổi mới nội dung, phương thức truyền đạt chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; tăng cường công tác quản lý, giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với công tác xây dựng Đảng.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo triển khai tổ chức kiểm tra phân loại đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Củng cố, tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng làm thất bại mọi thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch<sup>1</sup>. Trong 5 năm 1986 - 1990, toàn tỉnh phát triển được 3.260 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên trong toàn tỉnh lên 22.672 đảng viên. Trong đó, khu vực nông thôn có 13.578 đảng viên, cơ quan hành chính sự nghiệp có 4.657 đảng viên, khu vực

---

1. Xem Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 23/10/1986 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chương trình công tác đến cuối năm 1986.

trực tiếp sản xuất có 1.999 đảng viên, lực lượng vũ trang có 2.429 đảng viên. Đảng viên nữ có 3.830 đồng chí, chiếm 16,9% tổng số đảng viên.

Toàn tỉnh có 700 tổ chức cơ sở đảng (có 218 đảng bộ cơ sở, 482 chi bộ cơ sở). Khu vực nông thôn có 208 tổ chức cơ sở đảng; phường, thị trấn có 16 tổ chức cơ sở đảng; cơ quan hành chính sự nghiệp có 186 tổ chức cơ sở đảng; cơ sở sản xuất kinh doanh có 130 tổ chức cơ sở đảng; khu vực trường học có 25 tổ chức cơ sở đảng; khu vực bệnh viện có 15 tổ chức cơ sở đảng; lực lượng vũ trang có 39 tổ chức cơ sở đảng; ngành công an có 20 tổ chức cơ sở đảng; các đơn vị cơ sở khác có 61 tổ chức cơ sở đảng.

Ngày 12/9/1987, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW *Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị triển khai quán triệt nội dung Nghị quyết của Trung ương; thảo luận báo cáo kiểm điểm về tình hình cán bộ, đảng viên của Đảng bộ trong 2 năm 1986 - 1987 và bàn kế hoạch thực hiện trong thời gian tới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chọn bốn đơn vị: huyện Chi Lăng, huyện Cao Lộc, thị xã Lạng Sơn và ngành nông - lâm nghiệp làm thí điểm thực hiện trước một bước để rút kinh nghiệm. Sau 2 năm tổ chức triển khai cuộc vận động, toàn tỉnh có 517/734 tổ chức cơ sở đảng tổ chức triển khai. Qua cuộc vận động, nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước có nhiều chuyển biến tích cực.

Đồng thời, xử lý nghiêm minh, dứt điểm những vụ việc vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tháng 8/1989, Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI ban hành Nghị quyết về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay. Nghị quyết chỉ rõ công tác tư tưởng phải được tiến hành toàn diện, tập trung vào các nhiệm vụ và nội dung quan trọng; khẳng định tính tất yếu, khách quan của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa; giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, ngày 03/10/1989, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 23-CT/TU về tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, trong đó nêu rõ: Trước hết, phải tổ chức quán triệt tinh thần Nghị quyết trong cấp ủy, cán bộ cốt cán các cấp, các ngành, các đoàn thể và đội ngũ trí thức, báo chí, văn nghệ sĩ. Qua đó, nâng cao nhận thức và củng cố lập trường giai cấp công nhân, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tháng 3/1990, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta (Nghị quyết số 08A-NQ/HNTW);

Nghị quyết về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân (Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW). Triển khai Nghị quyết Trung ương 8 khóa VI, từ ngày 24 đến ngày 27/5/1990, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt nội dung Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Sau một thời gian triển khai thực hiện, đội ngũ cán bộ chủ chốt các huyện, thị, lãnh đạo các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và đảng viên tích cực học tập Nghị quyết. Qua học tập, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đều thấy được sự cần thiết phải “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”.

Thực hiện quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, trong giai đoạn 1986 - 1990, toàn tỉnh tiến hành tinh giản bộ máy hành chính, tăng cường củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh ủy tiến hành điều động, luân chuyển 4 bí thư cấp huyện; 5 phó bí thư và phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; 8 trưởng ngành, 12 phó trưởng ngành tỉnh. Hầu hết số cán bộ được điều động, luân chuyển đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng được nâng lên, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận được nâng cao. Trong đó, cán bộ có trình độ lý luận tăng 13%, cán bộ có chuyên môn, kỹ thuật tăng 11,8%. Nhằm kiện toàn công tác cán bộ, ngày 18/5/1990, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung đồng chí Chu Viết Nhâm, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Về hoạt động của các cơ quan chính quyền và các tổ chức đoàn thể quần chúng, Đảng bộ tỉnh xác định, đây là giai đoạn tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, do đó, Tỉnh ủy chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh duy trì các kỳ sinh hoạt, tích cực chuẩn bị nội dung các kỳ họp, cải tiến phong cách làm việc các cuộc họp theo hướng dân chủ, thiết thực, bảo đảm chất lượng; cụ thể hóa các chế độ, chính sách, giải quyết được nhiều vấn đề cụ thể phát sinh trong từng thời điểm. Công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được tiến hành thường xuyên. Trong năm 1987, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được 382 đơn, gấp 1,75 lần năm 1986, giải quyết được 66% số đơn, tăng 14% so với số đơn giải quyết trong năm 1986; đến năm 1989, có 951 đơn khiếu nại, tố cáo, giảm 30,1% so với năm 1988, trong đó số đơn đã được giải quyết đạt 68,8%.

Ngày 19/4/1987, cùng với cử tri trong cả nước, đông đảo cử tri trong tỉnh phấn khởi tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII, nhiệm kỳ 1987 - 1992. Các đồng chí trúng cử thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn là Hoàng Văn Áp, Chu Hạp, La Thị Liên, Hoàng Trường Minh và Nguyễn Minh Quát. Ngày 21/8/1989, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 53-CT/TW về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp năm 1989. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 19/11/1989, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp khóa XI, nhiệm kỳ 1989 - 1994 trên địa bàn tỉnh thành công tốt đẹp. Kết quả, đã bầu được 67 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.



Cuộc bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội ngày 19/11/1989 tại tỉnh Lạng Sơn, đã bầu đồng chí Nông Đức Mạnh là đại biểu Quốc hội khóa VIII thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn. Ngày 09/12/1989, diễn ra kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 1989 - 1994, đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội đến dự và chỉ đạo kỳ họp. Tại kỳ họp, các đại biểu tiến hành thảo luận Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Quy chế hoạt động, tiêu chuẩn, cơ cấu các thành viên của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Kỳ họp đã bầu đồng chí Dương Công Đá, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Hoàng Ninh, giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Minh Quát, Phó Bí thư Tỉnh ủy, giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí Hoàng Tanh, Hà Hạp, được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phát huy vai trò tập hợp, động viên mọi tầng lớp trong xã hội thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ động phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết trong cộng đồng; tinh thần trách nhiệm trong việc tham gia công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền. Trong các kỳ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức hiệp thương giới thiệu những người có đủ đức, tài, có tinh thần trách nhiệm, có uy tín với dân vào bộ máy chính quyền các cấp.

Tổ chức nhiều buổi sinh hoạt lấy ý kiến của cử tri, góp phần tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động của các cấp công đoàn bước đầu có sự đổi mới. Trong 5 năm 1986 - 1990, công đoàn các cấp duy trì phối hợp cùng các cấp chính quyền tìm các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tổ chức phổ biến, quán triệt các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Luật công đoàn, đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sản xuất. Cùng với đó, từng bước kiện toàn bộ máy, tổ chức từ tỉnh đến cơ sở, đến năm 1990, đã củng cố, kiện toàn được 161 tổ chức công đoàn cơ sở.

Hoạt động của Đoàn Thanh niên từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và đạt được kết quả bước đầu. Trong 5 năm 1986 - 1990, các cấp bộ đoàn phát động và đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng; giúp nhau làm kinh tế, xoá đói giảm nghèo; thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; giáo dục pháp luật cho thanh niên... Công tác xây dựng, củng cố tổ chức đoàn được nâng lên, kết nạp được trên 3.797 đoàn viên mới; làm tốt vai trò giới thiệu cho Đảng những đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng và kết nạp vào Đảng, góp phần tăng thêm sức mạnh cho Đảng.

Các cấp Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh có nhiều hoạt động thiết thực trong việc đẩy mạnh sản xuất, động viên đoàn viên, hội viên thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hoạt động của các tổ chức hội đã có những đóng góp đáng kể trong việc thực hiện

thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, song, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả bước đầu rất quan trọng. Chính trị ổn định, kinh tế từ tình trạng phổ biến là sản xuất tự cấp, tự túc, tập trung quan liêu, bao cấp, bước đầu tiếp cận với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tiềm năng, thế mạnh của tỉnh được phát huy. Kết quả đã thực hiện các chương trình, chính sách kinh tế nhiều thành phần, đổi mới cơ chế quản lý, mở rộng lưu thông hàng hóa, góp phần cùng cả nước kiềm chế lạm phát. Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được mở rộng. Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị có nhiều đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử; hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp từng bước được nâng lên. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được củng cố. Đảng bộ tỉnh luôn vững vàng, kiên định, nêu cao vai trò lãnh đạo đối với toàn xã hội. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đoàn kết chung sức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tỉnh cũng còn gặp một số khó khăn, thách thức: Hệ thống hạ tầng lạc hậu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội; cấp ủy, chính

quyền các cấp còn lúng túng trong việc đề ra những giải pháp phát triển nông, lâm nghiệp. Nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh bị đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm gia tăng, đời sống của một bộ phận cán bộ, công nhân viên nhà nước, người hưởng chính sách xã hội, nhân dân vùng cao, biên giới còn nhiều khó khăn. Công tác an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội còn nhiều phức tạp. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ; một bộ phận cán bộ thoái hóa, biến chất làm suy giảm niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Từ thực tiễn của một tỉnh miền núi biên giới, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ tỉnh nhận thấy việc chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là một thử thách rất lớn, vì vậy, phải kiên trì công cuộc đổi mới, nắm vững định hướng của Trung ương và lựa chọn những nhiệm vụ quan trọng, phù hợp với tình hình thực tiễn ở tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng trong giai đoạn tiếp theo.

## II- ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN

(1991 - 1995)

### 1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI, nhiệm kỳ 1991 - 1995

Nửa đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp. Trên thế giới, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lâm vào thoái trào,

chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ (ngày 26/12/1991). Nhân cơ hội đó, các thế lực thù địch tấn công từ nhiều phía vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng sản nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực trên phạm vi toàn thế giới. Tuy nhiên, chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế đối đầu chuyển sang đối thoại cũng mở ra nhiều cơ hội về hợp tác giữa các nước...

Ở trong nước, trước tác động tiêu cực của tình hình thế giới, đất nước vẫn ổn định về chính trị. Nền kinh tế bước đầu có sự phát triển. Kinh tế thị trường từng bước hình thành, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; từng bước chuyển đổi từ kế hoạch hóa tập trung sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Bộ máy nhà nước bước đầu chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh ở cơ sở. Nguồn lực sản xuất của xã hội được phát huy tốt hơn, tốc độ lạm phát được kiềm chế. Quyền dân chủ của nhân dân ngày càng được phát huy. Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được đảm bảo, từng bước phá thế bao vây về kinh tế, chính trị từ bên ngoài. Quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế - xã hội của đất nước vẫn còn những yếu kém, khó khăn. Đất nước chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Lạm phát cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm tăng. Chế độ lương còn bất hợp lý, tốc độ tăng dân số vẫn quá cao. Tình trạng vi phạm dân chủ diễn ra phổ biến; sự nghiệp văn hóa, xã hội có những mặt xuống cấp.

Tình trạng tiêu cực, lãng phí, bất công trong xã hội còn phức tạp. Bộ máy nhà nước còn công kênh, phong cách làm việc còn quan liêu, kém hiệu quả.

Cùng với cả nước, tỉnh Lạng Sơn cũng chịu những tác động tiêu cực từ tình hình quốc tế, khu vực và trong nước. Bên cạnh đó, là một tỉnh miền núi, biên giới với kết cấu hạ tầng lạc hậu, tư duy kinh tế còn thấp và thiếu nguồn vốn đầu tư, tuy nhiên, tỉnh cũng có những thuận lợi cơ bản, tạo tiền đề quan trọng để Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội. Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, tỉnh xây dựng được một lực lượng cán bộ nòng cốt; một bộ phận nhân dân bước đầu tiếp cận với kinh tế hàng hóa. Ngày 07/11/1991, việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc được thiết lập; tỉnh có cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị gắn với mạng lưới giao thông đường sắt, đường bộ thuận lợi cho việc giao lưu trong nước và quốc tế, đặc biệt với Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á; kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng. Những kết quả đó đã tạo tiền đề để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

Thực hiện Chỉ thị số 65-CT/TW, ngày 09/11/1990 của Bộ Chính trị khóa VI về việc góp ý kiến vào dự thảo Văn kiện Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và bầu đại biểu dự Đại hội VII, trong hai ngày 23 và 24/4/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI (vòng 1) được tổ chức tại thị xã Lạng Sơn. Đại hội thảo luận và đóng góp ý kiến vào dự thảo Văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) trình Đại hội đại biểu toàn

quốc lần thứ VII và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII của Đảng gồm 16 đồng chí<sup>1</sup>.

Quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW, ngày 22/5/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, từ ngày 18 đến ngày 21/11/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI (vòng 2), nhiệm kỳ 1991 - 1995 được tổ chức tại thị xã Lạng Sơn. Tham dự Đại hội có 247 đại biểu, thay mặt cho 20.672 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội vinh dự được đón đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội thảo luận và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn 1991 - 1995 như sau:

1. **Đẩy mạnh phát triển sản xuất, chế biến trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tạo thêm việc làm, sản xuất nhiều sản phẩm hàng hoá; từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tổ chức quản lý tốt thị trường, tích cực thu đúng, thu đủ các loại thuế, tăng thu cho ngân sách. Triệt để tiết kiệm chi cho sản xuất và tiêu dùng, góp phần cùng cả nước chống lạm phát. Tích cực giải quyết những vấn đề cấp bách về xã hội. Giảm nhịp độ tăng dân số, chăm lo sức khoẻ, học tập, nâng cao dân trí, tăng mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, phấn đấu từng bước thực hiện công bằng xã hội, đẩy lùi tiêu cực.**

---

1. Nông Đức Mạnh, La Thăng, Hoàng Thanh, Vy Xuân Thanh, Nguyễn Minh Quát, Dương Công Đá, Phùng Văn Mục, Nguyễn Thị Yên, Dương Công Sửu, Nguyễn Phong, Bé Mẫn, Trịnh Mạc, Ngô Xuân Từ, Triệu Tùng, Nguyễn Văn Phúc và Nguyễn Thị Hoạt.

2. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân. Trước tác động tiêu cực từ sau sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, tăng cường củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; kiên trì và nhất quán với mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn. Từ đó, không ngừng nâng cao nhận thức và hành động theo đường lối, quan điểm của Đảng. Củng cố các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

3. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Quán triệt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước theo phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Từ đó, thực hiện tốt quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc theo Hiệp định biên giới tạm thời ký kết giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 07/11/1991.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 1991 - 1995, gồm 47 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI gồm 11 đồng chí: Hoàng Thanh, Vy Xuân Thanh, Dương Công Đá, Chu Hạp, Hà Hạp, Chu Viết Nhâm, Hứa Hạnh, Linh Văn Tít, Trần Ngát, Dương Công Sửu, Nguyễn Phong.



Đồng chí Hoàng Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Vy Xuân Thanh được bầu tiếp tục giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Dương Công Đá được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI khẳng định quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những quan điểm đổi mới toàn diện của Đảng, mở ra thời kỳ mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Đây là đại hội của tinh thần đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Thành công của Đại hội đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ tỉnh trong quá trình lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện.

Trong bối cảnh tình hình đất nước có những biến chuyển mới, đan xen giữa thành tựu và khó khăn, thách thức, từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước và thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*.

Trên cơ sở đánh giá khách quan nguyên nhân của khuyết điểm, yếu kém, Đại hội rút ra năm kinh nghiệm: *Một là*, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới; *hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; *ba là*, phát

triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội; *bốn là*, phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; *năm là*, quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh, tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát 5 năm 1991 - 1995 là *“vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”*<sup>1</sup>. Đại hội nêu lên bốn phương châm chỉ đạo là: Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân; kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và xã hội; tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác; tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi để mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế về mọi mặt.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng. Đại hội đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và đề ra những giải pháp đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội trên cơ sở tổng kết lý luận và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.89.

thực tiễn. Kết quả của Đại hội khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên trì và tích cực đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo những nguyên tắc đã được xác định... Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc và có bước đi vững chắc, đó là mệnh lệnh của cuộc sống, là quá trình không thể đảo ngược.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới, từng bước làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; kịp thời đề ra những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta tiếp tục tiến lên, từ ngày 20 đến ngày 25/01/1994, diễn ra Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII. Hội nghị khẳng định những thành tựu có ý nghĩa to lớn mà đất nước đạt được là: khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội; tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị; quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín và vị trí nước ta trên thế giới được nâng lên, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở phân tích thành tựu đã đạt được và những mặt khuyết điểm, yếu kém còn tồn tại, Hội nghị khẳng định đường lối, chủ trương chính sách lớn của Đảng về đổi mới là đúng đắn và những bước đi thích hợp. Bên cạnh đó, Hội nghị chỉ rõ, sự nghiệp đổi mới đứng trước những thách thức và nguy cơ lớn là: “Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt;

nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; âm mưu và hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”<sup>1</sup>.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu mà Đại hội VII của Đảng đề ra, Hội nghị đề ra những phương hướng, giải pháp cơ bản như sau: 1) Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá. 2) Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần kinh tế, các loại doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao. 3) Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. 4) Chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội. 5) Tăng cường quốc phòng và an ninh. 6) Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại. 7) Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. 8) Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 02/8/1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về tổ chức Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kỳ, ngày 15/9/1993, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU về chỉ đạo Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ và kế hoạch tổ chức Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ. Thực hiện Chỉ thị, từ ngày 28 đến

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.53, tr.198.

ngày 30/3/1994, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn giữa nhiệm kỳ, khóa XI được tổ chức tại thị xã Lạng Sơn. Hội nghị kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm 1994 - 1995 là: Tiếp tục quán triệt và vận dụng đúng đắn Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, đẩy mạnh sản xuất, phát huy mọi năng lực của các thành phần kinh tế, mở rộng hợp tác liên doanh với các tỉnh bạn và với nước ngoài, thực hiện vượt mức các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **2. Chú trọng phát triển kinh tế, từng bước đưa Lạng Sơn ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, bước vào triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, tỉnh có những thuận lợi cơ bản như sau: Đường lối đổi mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI tiếp tục được Đảng bổ sung hoàn thiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và cụ thể hóa qua các hội nghị Trung ương khóa VII; sự nghiệp đổi mới tiếp tục nhận được sự hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành và đông đảo quần chúng nhân dân.

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, thách thức: Tác động tiêu cực từ sự khủng hoảng kinh tế, chuyển đổi cơ chế, mất cân đối một số mặt trong nền kinh tế ảnh hưởng đến quá trình thực hiện công cuộc đổi mới. Song, vượt lên trên khó khăn trở ngại đó, trước những vận hội mới, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Đảng bộ, quân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tỏ rõ bản lĩnh cách mạng và tinh thần quyết tâm vượt khó, đưa sự nghiệp đổi mới lên một bước mới.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, kinh tế đã vượt qua những khó khăn và có những chuyển biến quan trọng: Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong những năm 1991 - 1995 đạt 11,54%. Các chỉ tiêu kinh tế đều đạt và vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển; kết cấu hạ tầng từng bước được xây dựng và tăng cường; thu nhập GDP nội tỉnh năm 1995 tăng 1,72 lần so với năm 1990; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 79 USD năm 1990 lên 173,7 USD năm 1995.

Trên lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp bước đầu theo hướng sản xuất hàng hóa; từng bước khơi dậy các nguồn lực, thúc đẩy sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; tập trung đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết vấn đề lương thực bằng nhiều nguồn; từng bước khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tập trung xây dựng các dự án, đưa các loại giống cây trồng,

vật nuôi mới có năng suất cao vào sản xuất; tiếp tục hoàn thiện cơ chế “khoán 10”, điều chỉnh mức khoán, điều chỉnh ruộng đất, giao ruộng khoán lâu dài cho xã viên...

Bước vào năm 1991 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, sản xuất nông nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn về thời tiết. Ngay từ đầu năm, đã có rét đậm, rét hại, sau đó là hạn hán kéo dài; một số công trình thủy lợi xuống cấp, hư hỏng, không còn khả năng điều tiết nước tưới, do đó, diện tích ruộng lúa bị khô hạn, không canh tác được lên tới 19.411ha (chiếm tỷ lệ 57,7% tổng diện tích gieo cấy). Trong khi đó, ở một số nơi, tình trạng tranh chấp ruộng đất canh tác vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến sản xuất. Sản lượng lương thực giảm 31,5% so với năm 1990, dẫn đến tình trạng thiếu đói giáp hạt, nhất là các xã vùng cao, khô hạn. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp động viên nhân dân ra sức chống hạn, tận dụng các nguồn nước để đẩy mạnh sản xuất, mở rộng diện tích trồng các loại hoa màu, cây thuốc lá. Với sự nỗ lực của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân, tổng sản lượng thuốc lá trong toàn tỉnh đạt 3.019,3 tấn, tăng 90% so với năm 1990; sản lượng đồ tương đạt 1.020 tấn; sản lượng lạc đạt 686 tấn. Với những biện pháp tích cực trong sản xuất, đến cuối năm 1991, đầu năm 1992, tình hình thiếu đói giáp hạt ở một số nơi trong tỉnh đã được khắc phục.

Xác định rõ tầm quan trọng của sản xuất nông nghiệp - mặt trận hàng đầu trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, ngay từ đầu năm 1992, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung đẩy mạnh công tác

khuyến nông, tích cực đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Bước đầu tiến hành xử lý, giải quyết đất lòng hồ, hỗ trợ làm thủy lợi nhỏ, đầu tư cho vay vốn thực hiện một số dự án thủy lợi, triển khai đồng bộ chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm... Với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, sản xuất nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực. Tỉnh tận dụng được hơn 80% diện tích gieo trồng nên tổng sản lượng lương thực đạt 131.874 tấn. Sản lượng thuốc lá đạt 3.336 tấn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng hơn so với năm 1991, không để xảy ra dịch bệnh.

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn về kinh tế - xã hội năm 1993, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 06/12/1993 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn đến năm 2000; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế đối ngoại; có chính sách hỗ trợ về dịch vụ khoa học - kỹ thuật; sửa chữa, nâng cấp hồ đập thủy lợi, tăng cường cung ứng giống mới... để phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp. Thực hiện phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tiếp tục xác định phát triển sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ngay từ đầu năm 1993, tỉnh đã tập trung chỉ đạo tăng cường công tác khuyến nông, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện chính sách trợ giá,



trợ cước, cung ứng kịp thời giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cho sản xuất; đầu tư 2.650 triệu đồng cho sửa chữa, nâng cấp các công trình thuỷ lợi; đầu tư 144 triệu đồng cho công tác khuyến nông; trợ cấp cho nông dân 30 tấn lúa lai của Trung Quốc, trợ giá và cung cấp cho các huyện, thị 30 tấn giống lúa CR203, 40 tấn giống lúa bao thai lùn nguyên chủng, 9 tấn giống ngô Q2, P11 và 9670. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến nông, thành lập trung tâm khuyến nông tỉnh và bố trí cán bộ khuyến nông ở các huyện, thị. Được sự giúp đỡ của các chuyên gia Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, ngành nông nghiệp tổ chức hướng dẫn kỹ thuật gieo trồng các loại lúa, ngô, khoai tây, thuốc lá, cây ăn quả cho 150 hộ nông dân tại huyện Tràng Định. Bên cạnh đó, tranh thủ sự giúp đỡ của các chuyên gia Trung Quốc, ngành nông nghiệp tổ chức chuyển giao khoa học - kỹ thuật gieo trồng lúa, ngô lai, dưa hấu cho 119 hộ nông dân ở hai huyện Cao Lộc và Lộc Bình. Đồng thời, với sự giúp đỡ của chuyên gia Viện Nghiên cứu cây thuốc lá và Nhà máy Thuốc lá Thăng Long, ngành nông nghiệp tổ chức chỉ đạo thí điểm thực nghiệm trồng cây thuốc lá giống mới của Pháp ở các huyện Bắc Sơn, Lộc Bình, Bình Gia, Tràng Định, Cao Lộc và thị xã Lạng Sơn... Đến cuối năm 1993, tổng sản lượng lương thực quy thóc là 163.996 tấn, đạt 102,49% so với kế hoạch năm, tăng 30% so với năm 1992; sản lượng thuốc lá đạt 1.943 tấn, cao hơn năm 1992. Trên địa bàn các huyện, thị từng bước hình thành phương thức sản xuất theo hướng chuyên canh, bước đầu hình thành một số vùng trồng cây ăn quả tập trung.

Bước sang năm 1994, với sự chỉ đạo tích cực của các cấp, các ngành, tuy chịu ảnh hưởng của thời tiết khô hạn, nhưng tổng sản lượng lương thực quy thóc của tỉnh vẫn đạt 164.268 tấn, tăng 0,2% so với năm 1993. Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển giao khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, tỉnh đã trích hơn 1 tỷ đồng trợ giá, cung cấp 113 tấn giống mới cho sản xuất nông nghiệp. Các công ty vật tư nông nghiệp cung ứng 1.700 tấn phân đạm, 2.810 tấn phân lân, 165 tấn phân vi sinh phục vụ sản xuất. Phong trào ra quân làm thủy lợi trong toàn tỉnh huy động được 34.158 ngày công tu sửa các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương dẫn nước phục vụ sản xuất. Với những biện pháp tích cực đó, tổng diện tích gieo trồng trong năm đạt 74.400ha, tăng 2% so với năm 1994. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 180.178 tấn, bằng 105,98% kế hoạch, tăng 9,56% so với năm 1994.

Cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh đã có bước chuyển dịch khá rõ nét. Ở các huyện Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Đình Lập, nông dân tích cực triển khai phương án đưa giống ngô lai trồng thay thế trên các chân ruộng thiếu nước. Nhiều nơi chú trọng đầu tư mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. Đến cuối năm 1995, trên địa bàn tỉnh hình thành một số vùng chuyên canh tập trung như: vùng chuyên canh cây chè ở huyện Đình Lập, vùng chuyên canh cây quýt ở huyện Bắc Sơn, vùng chuyên canh cây na ở huyện Chi Lăng, vùng chuyên canh cây dứa ở huyện Hữu Lũng, vùng chuyên canh cây thuốc lá ở các huyện: Bắc Sơn, Hữu Lũng, Lộc Bình và Cao Lộc. Đồng thời,

xuất hiện một số mô hình kinh tế trang trại đồi rừng ở các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc, Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng và Đình Lập. Nhờ những nỗ lực không ngừng của tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm của ngành nông - lâm nghiệp là 6,32%, trong đó: trồng trọt chiếm 5,63%, chăn nuôi chiếm 6,05%, lâm nghiệp chiếm 8,34%. Sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp đã mở ra hướng phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp; sự đa dạng hóa các mô hình, vùng chuyên canh, góp phần tận dụng được đất đai, tạo việc làm mới, tiến tới tạo ra sản phẩm hàng hóa gắn với nhu cầu của thị trường, từng bước tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

Cùng với việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo phát triển lâm nghiệp. Tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thị triển khai kế hoạch giao đất, giao rừng cho nhân dân. Đến cuối năm 1991, các huyện, thị trong tỉnh tiến hành giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình được 8.260ha, chỉ đạo Lâm trường Đình Lập và Lâm trường Lộc Bình sử dụng vốn do Trung ương hỗ trợ trồng mới được 350ha rừng cây các loại. Trong năm 1992, hưởng ứng chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, toàn tỉnh trồng được 860ha cây các loại, tăng 350ha so với năm 1991. Giao đất, giao rừng cho nhân dân được trên 10.000ha. Năm 1993, toàn tỉnh tích cực trồng mới 4.964ha rừng tập trung, đạt 101% kế hoạch. Trong 2 năm 1994 - 1995, công tác giao đất, giao rừng tiếp tục được đẩy mạnh, đạt 50.590ha (tăng 127% so với năm 1993). Với sự đầu tư, hỗ trợ thiết thực từ dự án 327, nhân dân các huyện, thị trồng mới được 5.960 ha cây các loại

(tăng 26% so với năm 1993). Phong trào nhận đất, nhận rừng, quản lý, khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng phát triển nhanh; bước đầu khắc phục được nạn đốt phá rừng. Độ che phủ rừng tăng từ 17% năm 1991 lên 21,2% năm 1994.

Việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân; củng cố các công trình thủy lợi và cho dân vay vốn theo các dự án; trợ giá giống mới; đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia dịch vụ sản xuất và chế biến nông, lâm sản... đã tạo được những chuyển biến tích cực trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản, đã từng bước vượt qua thời điểm khó khăn của những năm đầu đổi mới. Trong đó, tỉnh xác định rõ phương hướng phát triển công nghiệp địa phương. Việc sắp xếp, củng cố lại một số doanh nghiệp đã góp phần đưa hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Đi đôi với củng cố, tỉnh tiến hành đầu tư, mở rộng một số xí nghiệp, nhà máy theo chiều sâu như: xi măng, gạch, điện, nước. Công nghiệp quốc doanh giai đoạn 1991 - 1995 đạt tốc độ tăng trưởng 13%/năm.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI về tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình kinh tế, trong năm 1991, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo củng cố, sắp xếp lại sản xuất đối với các đơn vị công nghiệp quốc doanh. Tiến hành giao vốn pháp lệnh cho 41 đơn vị, đồng thời làm thủ tục giải thể 7 đơn vị do thua lỗ,

đình đốn kéo dài. Do vậy, tình hình sản xuất công nghiệp bước đầu có sự chuyển biến, một số đơn vị bắt đầu ổn định, từng bước phục hồi sản xuất. Các đơn vị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tích cực tạo sự chuyển biến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Giá trị sản lượng công nghiệp quốc doanh tăng 3,6% so với năm 1991, trong đó xi măng đạt sản lượng 5.000 tấn, tăng 70%; gạch các loại đạt 13 triệu viên, tăng 43,7%. Chất lượng một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được nâng lên, góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Công nghiệp ngoài quốc doanh bước đầu phát triển các ngành: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia dụng, sửa chữa cơ khí..., từng bước hình thành một số doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, góp phần giải quyết thêm việc làm cho người lao động. Đến năm 1992, toàn tỉnh có 18 công ty trách nhiệm hữu hạn, 1 công ty cổ phần và 14 doanh nghiệp tư nhân được thành lập, góp phần đáng kể vào việc giải quyết việc làm và thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển; tỉnh đầu tư khởi công xây dựng dây chuyền sản xuất xi măng với công suất 8,5 vạn tấn/năm. Đến năm 1995, toàn tỉnh có 49 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân, huy động được 31.742 triệu đồng cho sản xuất, kinh doanh, giải quyết được việc làm cho hơn 500 lao động. Trong đó, có các công ty sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động có hiệu quả rõ rệt, đóng góp đáng kể cho ngân sách của tỉnh như: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Phong, Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng và Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Sơn.

Lĩnh vực xây dựng cơ bản luôn nhận được sự quan tâm đầu tư kịp thời và đúng mức, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 1991 - 1995 đạt 37,04%; huy động được nhiều nguồn vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng: giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống phát thanh, truyền hình, khách sạn, công trình văn hóa, trường học, bệnh viện, trụ sở làm việc của một số cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, hoàn thành mạng lưới điện quốc gia, trạm tiếp hình đến tất cả trung tâm các huyện, thị trước hai năm so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra. Trong giai đoạn 1991 - 1995, nhiều công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như: cầu Pác Khuông (trên quốc lộ 279, qua địa phận xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia); đầu tư, mở mới và nâng cấp một số tuyến đường giao thông ra các cửa khẩu biên giới, tuyến đường từ Pác Luống tới cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng; tuyến đường giao thông từ thị trấn Lộc Bình tới cửa khẩu Chi Ma, địa phận xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình; đường giao thông tới Ba Sơn, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc; nâng cấp công trình thuỷ lợi Hoà Mục, huyện Chi Lăng; sửa chữa, nâng cấp các công trình thuỷ lợi: đập thuỷ lợi Tà Keo, Bản Chành, Nà Cáy, huyện Lộc Bình; hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng Trường Sư phạm 12+3, Trường Phổ thông trung học Hữu Lũng; nâng cấp một số hạng mục của Bệnh viện Đa khoa tỉnh; khuôn viên và tượng đài đồng chí Hoàng Văn Thụ tại phường Chi Lăng, thị xã Lạng Sơn; đầu tư trên 300 triệu đồng để tu sửa, nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ; tiếp tục đầu tư, tôn tạo và nâng cấp các công trình văn hóa, từng bước xây dựng các đài, trạm tiếp hình ở các huyện. Hoàn thành đưa điện lưới quốc gia đến

trung tâm 11 huyện, thị và các cửa khẩu biên giới<sup>1</sup>; đưa vào sử dụng 2 tổng đài kỹ thuật số ở thị xã Lạng Sơn và thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc. Đến cuối năm 1993, toàn tỉnh có 1.920 máy điện thoại.

Đến năm 1995, nhiều công trình trọng điểm của tỉnh được đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành, đưa vào sử dụng như: trụ sở cơ quan Tỉnh ủy, đường điện 35KV từ thị trấn Thất Khê đến Pò Mã, địa phận xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định; đường điện 110KV từ thị trấn Bắc Sơn đến Mỏ Nhài, địa phận xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn; đường điện 35KV từ ngã ba Lũng Vài, quốc lộ 4A đến xã Tân Minh, huyện Tràng Định. Đồng thời, tỉnh đầu tư, nâng cấp, sửa chữa một số đường giao thông tuyến xã, từ thị trấn Na Sầm đến xã Nam La, huyện Văn Lãng; từ thị trấn Văn Quan đến xã Hoà Bình, huyện Văn Quan; từ thị trấn Đồng Mỏ đến xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng. Bưu điện tỉnh tiến hành lắp đặt, đưa vào sử dụng tổng đài điện tử ở 5 huyện. Đến năm 1995, tất cả các huyện, thị đã được hòa mạng viễn thông quốc gia; 101/225 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh được sử dụng điện lưới. Hệ thống thông tin liên lạc phát triển theo hướng hiện đại hóa; nhiều công trình đưa vào sử dụng, đáp ứng

---

1. Đường điện từ thị trấn Na Dương tới thị trấn Đình Lập; đường điện từ thị trấn Văn Quan tới phố Diêm He, địa phận xã Văn An, huyện Văn Quan; đường điện từ Pác Luống tới cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng; đường điện từ thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng tới thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn; đường điện từ xã Thượng Cường tới xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng; đường điện từ quốc lộ 4 tới trung tâm xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng.

ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng nhà ở và lắp đặt thủy điện nhỏ trong nhân dân phát triển nhanh; diện mạo đô thị, các cửa khẩu biên giới và một số vùng nông thôn từng bước được đổi mới.

Hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ có bước phát triển khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 1991 - 1995 của ngành thương nghiệp là 9,5%, dịch vụ là 22,3%. Hoạt động thương mại sôi động, hàng hóa trên thị trường phong phú, giá cả tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Kim ngạch xuất khẩu năm 1995 tăng 6,68 lần, kim ngạch nhập khẩu tăng 8,36 lần so với năm 1990, góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh có sự chuyển biến tích cực. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tỉnh năm 1991 thực hiện đạt 11,1 triệu USD, trong đó xuất khẩu hàng địa phương được 1,2 triệu USD (tăng 4,7% so với năm 1990). Với những thay đổi về cơ chế, chính sách ngày càng thông thoáng, phù hợp, thị trường ổn định, việc trao đổi hàng hóa qua lại các cửa khẩu thuận lợi nên trong năm 1993, giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 17 triệu USD (bằng 121,4% kế hoạch tăng 63% so với năm 1992); kim ngạch nhập khẩu đạt 55 triệu USD (bằng 333,3% kế hoạch, tăng 228% so với năm 1992). Đến năm 1995, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 126,5 triệu USD (bằng 164,28% kế hoạch, tăng 49,9% so với năm 1994), các mặt hàng xuất khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh là hàng thủy sản,



cao su, dầu dừa, chuối xanh, hoa hồi; hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, vật tư phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Ngành thương mại và hệ thống thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại, một số đơn vị bước đầu kinh doanh hiệu quả. Các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển, từng bước đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống, góp phần bình ổn giá cả thị trường. Sau hơn 2 năm thực hiện Hiệp định tạm thời về biên giới Việt Nam - Trung Quốc, hàng hóa lưu thông trên thị trường của tỉnh ngày càng phong phú, giá cả cơ bản ổn định, kinh tế thương mại, du lịch có bước phát triển cả về phương thức và quy mô hoạt động. Năm 1994, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ đạt 385 tỷ đồng (vượt 30,5% kế hoạch, tăng 1,05% so với năm 1993); đến năm 1995, tổng mức lưu chuyển hàng hóa trên thị trường là 482.750 triệu đồng (đạt 110,5% kế hoạch, tăng 30,7% so với năm 1994).

Ngành du lịch của tỉnh có bước phát triển, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến Lạng Sơn ngày càng đông. Tỉnh đã đầu tư, nâng cấp một số công trình văn hóa, danh lam thắng cảnh, xây dựng một số khách sạn để thu hút, phục vụ khách du lịch. Một số doanh nghiệp có chức năng hoạt động du lịch bước đầu tổ chức đưa, đón khách du lịch, mở ra hướng phát triển mới cho lĩnh vực du lịch của tỉnh. Đến năm 1995, lượng khách du lịch đến Lạng Sơn là 95.800 lượt, đạt 136,8% kế hoạch, tăng 74,2% so với năm 1994. Kinh doanh du lịch đang từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần tăng thu ngân sách của tỉnh, giải quyết việc làm cho người lao động trong tỉnh.

Hoạt động tài chính, ngân hàng có bước chuyển biến tích cực, tạo nguồn thu và tích cực tăng thu. Trong bối cảnh tình hình kinh tế của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh, năm 1991, tổng thu ngân sách của tỉnh vẫn đạt 44.974 triệu đồng, bằng 118,6% kế hoạch. Đến năm 1993, sản xuất, kinh doanh phát triển, góp phần tích cực vào tăng thu ngân sách của tỉnh, với tổng thu ngân sách đạt 158.460 triệu đồng, bằng 103,9% kế hoạch, đạt 121% kế hoạch Trung ương giao, tăng gấp 3 lần thu ngân sách của năm 1992. Trong năm 1994, các ngành chức năng triển khai đồng bộ kế hoạch kiểm tra đăng ký kinh doanh, sắp xếp lại thị trường, tổ chức lại lực lượng kiểm soát, tiến hành các biện pháp kiên quyết chống thất thu thuế, chống buôn lậu nên tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 245.000 triệu đồng, tăng 17,63% so với kế hoạch được giao. Bước sang năm 1995, tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 292.121 triệu đồng, tăng 20,28% so với năm 1994; các ngân hàng trong tỉnh đã huy động các nguồn vốn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn cho sản xuất và kinh doanh, với tổng nguồn huy động đạt 335.694 triệu đồng, tăng 2,84 lần so với năm 1994; hoạt động tín dụng tiếp tục được mở rộng, các hộ nghèo, thiếu vốn sản xuất được vay 12.589 triệu đồng.

Trong giai đoạn 1991 - 1995, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn quyết tâm thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế. Nhờ vậy, khó khăn được đẩy lùi, sản xuất, kinh doanh có những chuyển biến quan trọng.

Nền kinh tế từng bước chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn bộc lộ một số hạn chế: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa có nhiều sản phẩm hàng hoá. Quản lý, sử dụng đất đai chưa hiệu quả; kinh tế đôi rừng phát triển chậm. Tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thấp, hiệu quả sản xuất, kinh doanh chưa cao. Thương nghiệp quốc doanh còn bỏ trống thị trường nông thôn, lúng túng trong khâu bán buôn và chi phối thị trường bán lẻ. Lao động, việc làm vẫn gặp nhiều khó khăn. Buôn lậu, gian lận thương mại, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp.

### **3. Phát triển văn hóa - xã hội**

Nhận thức rõ vai trò của văn hóa, giáo dục, y tế đối với sự phát triển của tỉnh trong những năm 1991 - 1995, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh tập trung phát triển văn hóa, giáo dục, y tế nhằm nâng cao đời sống của nhân dân. Tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Nhờ đó, ngành giáo dục có những chuyển biến tích cực. Tất cả các xã đều có trường tiểu học; các trường phổ thông dân tộc nội trú được quan tâm; số học sinh đi học hàng năm đều tăng, số bỏ học giảm. Chất lượng giảng dạy và học tập được nâng lên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được tăng cường. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ được quan tâm chỉ

đạo chặt chẽ. Các trường chuyên nghiệp được sắp xếp lại. Bước đầu tỉnh mở rộng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng, liên kết với các trường trung ương mở các lớp đại học tại tỉnh và mở các lớp trung cấp lý luận ở một số huyện. Nhiều cán bộ tỉnh, huyện và cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng.

Thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, ngành giáo dục và đào tạo tham mưu cho cấp ủy, chính quyền triển khai kế hoạch sắp xếp lại hệ thống các trường học để phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ năm học 1990 - 1991, các huyện, thị chỉ đạo tổ chức được nhiều lớp học xoá mù chữ cho nhân dân; toàn tỉnh tổ chức cho 1.748 người theo học các lớp xoá mù chữ<sup>1</sup>. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường tăng từ 72% năm học 1991 - 1992 lên 77% năm học 1992 - 1993; tỷ lệ học sinh bỏ học giảm từ 14,3% xuống còn 10,2%; các lớp học xoá mù chữ giúp cho hơn 4.000 người biết đọc, biết viết; tỉnh đầu tư hơn 7.000 triệu đồng cho xây dựng mới trường học, 1.800 triệu đồng chống xuống cấp ở các trường phổ thông cơ sở, từng bước khắc phục được tình trạng xuống cấp về cơ sở vật chất của các trường học. Trong năm học 1994 - 1995, số học sinh các cấp tăng 12,8% so với năm học 1993 - 1994. Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ. Toàn tỉnh tổ chức được 202 lớp xoá mù chữ cho 5.014 người ở các

---

1. Ba đơn vị đã được công nhận hoàn thành xoá mù chữ là: xã Việt Thắng (thị xã Lạng Sơn), xã Sơn Hà và thị trấn Hữu Lũng (huyện Hữu Lũng).

lứa tuổi khác nhau<sup>1</sup>. Cũng trong năm học 1994 - 1995, Trường Trung học phổ thông chuyên của tỉnh đổi tên thành Trường chuyên Chu Văn An với mục tiêu, nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh.

Hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao có nhiều khởi sắc, góp phần vào công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng và lòng tự hào dân tộc. Văn học nghệ thuật tiếp tục phát triển, đã có một số tác phẩm sáng tác về đề tài Lạng Sơn được Trung ương và tỉnh tặng thưởng. Lĩnh vực báo chí, phát thanh - truyền hình được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân. Phong trào thể dục thể thao phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ sở vật chất từng bước được tăng cường.

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đầu tư, triển khai hoàn thành lắp đặt, đưa 10 đài tiếp hình ở 10 huyện trong tỉnh vào hoạt động; lắp đặt hệ thống thu phát truyền hình qua vệ tinh. Tháng 6/1992, Đài đã phát hình chương trình đầu tiên đến khán giả. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thông tin của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, ngành văn hóa thông tin tổ chức 10 đội thông tin lưu động tăng cường về các xã vùng cao nhằm tuyên truyền, phổ biến chủ trương,

---

1. Thêm 55 xã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, nâng tổng số xã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ của tỉnh lên 91 xã.

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức biểu diễn văn nghệ phục vụ nhân dân.

Các di tích lịch sử - văn hóa được quan tâm đầu tư, tôn tạo, nâng cấp; các phong trào thể dục thể thao quần chúng, phong trào thể dục thể thao thành tích cao có bước phát triển. Tỉnh tổ chức thành công Hội khoẻ Phù Đổng, tổ chức giải việt dã toàn tỉnh, lựa chọn được đội tuyển điền kinh của tỉnh tham gia giải việt dã Báo Tiền phong lần thứ 10. Hoạt động sáng tác văn học nghệ thuật thu hút được nhiều người tham gia, có tác phẩm văn học nghệ thuật đạt chất lượng.

Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm và đầu tư nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, mở rộng, nhiều bệnh viện và các cơ sở y tế được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Năm 1991, ngành y tế của tỉnh triển khai kế hoạch sắp xếp, điều chỉnh một số cơ sở khám, chữa bệnh, thực hiện chế độ thu viện phí đối với bệnh nhân. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng. Năm 1993, tỉnh dành vốn ngân sách 2.920 triệu đồng tiến hành xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện huyện Bắc Sơn, Bệnh viện huyện Bình Gia, Bệnh viện Quân y 50 và Phòng khám đa khoa khu vực tại xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng. Đến năm 1995, toàn tỉnh đã hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng thêm 15 trạm y tế xã, đưa tổng số xã có trạm y tế của tỉnh lên 135 xã. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,55% năm 1991 giảm xuống còn 2,3% năm 1995.

Chính sách xã hội, đảm bảo đời sống nhân dân được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm. Công tác đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng đạt kết quả tích cực. Toàn tỉnh gây dựng và đẩy mạnh phong trào toàn xã hội đóng góp tiền của và công sức xây dựng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, nhận phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện, giúp đỡ trẻ mồ côi, người già neo đơn không nơi nương tựa, những người gặp rủi ro... được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Thi đua thực hiện tốt các chính sách xã hội đã và đang trở thành nét đẹp mới trong đời sống của nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Năm 1991, giá cả thị trường có nhiều biến động, cùng với mất mùa, thiếu đói liên tiếp xảy ra. Trước tình hình đó, tỉnh kịp thời chỉ đạo các ngành chức năng cân đối ngân sách cho nhân dân vay 1.200 triệu đồng để khắc phục thiếu đói và khôi phục sản xuất; trợ cấp 450 triệu đồng cho 7.330 cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính sự nghiệp, cán bộ hưu trí, góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm, cải thiện và ổn định đời sống của nhân dân, năm 1994 triển khai 150 dự án giải quyết việc làm, với tổng số vốn cho vay 1,5 tỷ đồng, góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, thiết thực xoá đói, giảm nghèo. Năm 1995, hỗ trợ cho vay vốn triển khai 269 dự án thuộc chương trình 120 với tổng số tiền là 2.000 triệu đồng. Cùng với chương trình 120, các

chương trình dự án 327 đã góp phần tích cực tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, từng bước thực hiện mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, tỷ lệ hộ đói, nghèo toàn tỉnh giảm từ 24% năm 1993 xuống còn 19,66% năm 1995. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân thường xuyên quan tâm và chỉ đạo, các tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh giảm nhiều so với trước.

#### **4. Củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh biên giới, tích cực tham gia quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc**

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng chỉ rõ: “Giữ vững *an ninh quốc gia*, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác; giữ gìn *trật tự an toàn xã hội*, bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới... kết hợp củng cố nền quốc phòng toàn dân với xây dựng thế trận an ninh nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tích cực cách mạng của khối đoàn kết toàn dân, phối hợp với lực lượng quốc phòng và an ninh trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự”<sup>1</sup>. Quán triệt quan điểm của Đảng về quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, Đại hội Đảng bộ tỉnh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.112-113.



Lạng Sơn lần thứ XI (tháng 11/1991) đề ra nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới là: Nắm vững tình hình, tiếp tục điều chỉnh, xây dựng phương án phòng thủ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới; nâng cao chất lượng lực lượng thường trực; nắm chắc và huấn luyện tốt lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ. Trong điều kiện mới, cần phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng dân quân, tự vệ với lực lượng công an làm nòng cốt bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Giáo dục nhân dân, các cấp, các ngành chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, ngày 10/9/1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới. Nghị quyết nêu rõ: Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với quân đội, công an, chăm lo công tác chính trị, đảm bảo quân đội, công an luôn là lực lượng trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, bảo đảm đánh thắng kẻ thù trong mọi tình huống... Nắm vững tư tưởng tiến công, tiến công liên tục, chủ động phòng ngừa, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, chống địch phá hoại, giữ vững ổn định chính trị... Chủ động nắm tình hình, đấu tranh có hiệu quả, với âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết giữa các lực lượng và toàn dân thành một khối vững chắc.

Về công tác quốc phòng, từ đầu năm 1992, sau khi có Hiệp định tạm thời về biên giới Việt Nam - Trung Quốc, vẫn còn các hoạt động xâm canh, lấn chiếm, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ trên tuyến biên giới, trong đó có các khu vực biên giới thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn<sup>1</sup>. Trong 2 năm 1992 - 1993, các hoạt động xâm canh, vi phạm hiện trạng đường biên mốc giới trên tuyến biên giới Lạng Sơn vẫn còn xảy ra ở một số khu vực. Phía nước ngoài sử dụng lực lượng vũ trang cơ động chuyên trách cải trang để hỗ trợ, xô xát với lực lượng đấu tranh của bộ đội biên phòng và các tầng lớp nhân dân, gây tình hình căng thẳng trong quan hệ của nhân dân hai bên biên giới. Thêm vào đó, lợi dụng tình hình qua lại biên giới trao đổi hàng hóa, thăm thân, bọn tội phạm ráo riết hoạt động làm cho tình hình an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, nhất là ở các cửa khẩu càng thêm phức tạp.

Trước tình hình đó, ngày 07/10/1993, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU về củng cố, xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện. Triển khai thực hiện Nghị quyết, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo xây dựng đề án tăng cường, củng cố 21 xã, thị trấn biên giới vững mạnh toàn diện. Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng, chính quyền các xã biên giới tiếp tục tăng cường tuyên truyền Thông báo số 118-TB/TW, ngày 19/11/1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hiệp định tạm thời về biên giới

---

1. Lũng Khưa Đa, mốc 15 - 16 Đông, Đài 05 - 06, mốc 16 - 17 Đông, đường sắt đoạn 3 cống, mốc 19 - 20 Đông, mốc 25 - 26 Đông, mốc 32 - 33 Ba Sơn, mốc 44 Chi Ma và mốc 17 Pò Mã.

Việt Nam - Trung Quốc đến nhân dân các xã biên giới. Đồng thời, tổ chức lực lượng thường xuyên trực chiến, triển khai các phương án bảo vệ đường biên, mốc giới, bảo vệ sản xuất, đời sống nhân dân; thường xuyên tuần tra, quan sát, nắm tình hình nội, ngoại biên để có phương án xử lý kịp thời.

Trong năm 1993, bộ đội biên phòng và dân quân các xã biên giới tiến hành tuần tra biên giới 674 lần; năm 1994 là 500 lần; đến năm 1995, tổ chức tuần tra được 530 lần. Các đồn biên phòng phối hợp với chính quyền và nhân dân các xã biên giới ngăn chặn được hàng chục vụ xâm canh vào nội địa, phá hoại hoa màu của nhân dân ta ở các điểm nóng Khưa Đa, mốc 15 - 16 Đông, đoạn đường sắt mốc 19 - 20 Đông.

Thực hiện đề án của Tỉnh ủy về xây dựng, củng cố 21 xã biên giới vững mạnh toàn diện, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng, chính quyền 5 huyện và 21 xã, thị trấn biên giới tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng công tác vận động quần chúng, phát động phong trào bảo vệ an ninh biên giới. Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào tự quản. Đồng thời, cấp ủy đảng tại các đồn biên phòng thường xuyên tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các xã không ngừng củng cố các chi bộ, đảng bộ, chính quyền, lực lượng dân quân, các đoàn thể nhân dân làm nòng cốt lãnh đạo, chỉ đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh biên giới, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân khu vực biên giới.

Cùng với việc tham gia tích cực vào việc triển khai thực hiện đề án xây dựng, củng cố 21 xã, thị trấn biên giới vững mạnh toàn diện, từ năm 1992 đến năm 1995, với chức năng

và nhiệm vụ được giao, bộ đội biên phòng ở các đồn, trạm cửa khẩu kiểm tra, đăng ký, làm thủ tục cho hàng nghìn đoàn, với hàng vạn khách xuất nhập cảnh qua cửa khẩu thăm thân và trao đổi hàng hoá. Qua đó, phát hiện và xử lý 1.173 đối tượng xuất nhập cảnh trái phép.

Lực lượng Công an tỉnh triển khai đồng bộ kế hoạch, phương án phối hợp với các lực lượng chức năng đấu tranh ngăn chặn, bắt giữ hàng trăm vụ buôn lậu hàng cấm từ nội địa ra cửa khẩu; mở 8 đợt tấn công truy quét tội phạm các loại. Truy quét và triệt phá 1.190 nhóm lưu manh, khám phá 1.020 vụ án, bắt giữ 1.521 tên tội phạm các loại. Trong 2 năm 1994 - 1995, Công an tỉnh liên tục mở 5 đợt tấn công truy quét tội phạm trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, triệt phá 9 ổ nhóm tội phạm hình sự, bắt giữ được 802 tên tội phạm các loại.

Bên cạnh nhiệm vụ triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh ngăn chặn triệt phá các loại tội phạm, buôn lậu, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Công an tỉnh còn tích cực tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, phát động phong trào “Quân chúng bảo vệ an ninh trật tự”; củng cố 607 tổ tự quản, 302 tổ hòa giải tham gia giải quyết những vấn đề nổi cộm ở cơ sở, vận động nhân dân thu nộp vũ khí, vật liệu nổ, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 406-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo nổ, phát hiện tố giác tội phạm, giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân.

Trong quá trình trực tiếp chống tội phạm, với những thành tích đặc biệt xuất sắc đã đạt được, ngày 03/8/1995,

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương Thiếu tá Nông Văn Định - Trưởng Phòng Cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đây là niềm tự hào và là nguồn cổ vũ lớn lao để lực lượng Công an tỉnh quyết tâm phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Xác định rõ vị trí chiến lược của Lạng Sơn là tỉnh biên giới, một địa bàn trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch, từ đầu năm 1992, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tập trung triển khai Kế hoạch A2 của Quân khu về phòng, chống bạo loạn ở Lạng Sơn, chỉ đạo ban chỉ huy quân sự các huyện, thị khẩn trương xây dựng kế hoạch hiệp đồng với lực lượng công an và biên phòng, sẵn sàng tác chiến khi có tình huống xảy ra. Tháng 5/1994, thực hiện sự chỉ đạo trực tiếp của Quân khu, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức triển khai diễn tập quân sự theo Cơ chế 02 về khu vực phòng thủ tỉnh vững mạnh. Cuộc diễn tập LS94 và công tác triển khai thực hiện Kế hoạch A2 khẳng định sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp với các lực lượng vũ trang, tạo sự phối hợp liên hoàn, động viên nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới của Tổ quốc.

Trên cơ sở những nội dung thoả thuận của cuộc hội đàm giữa lãnh đạo các tỉnh biên giới của Việt Nam và lãnh đạo Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc),

ngày 04/11/1991, Tỉnh ủy đề ra chủ trương, chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh tập trung triển khai kế hoạch thúc đẩy quan hệ trao đổi hàng hóa, bảo đảm an ninh trật tự biên giới. Các đơn vị kinh tế quốc doanh và các đơn vị kinh doanh nhanh chóng chuẩn bị tham gia các hình thức mậu dịch biên giới: mậu dịch cửa nhân dân biên giới, mậu dịch tiểu ngạch biên giới và mậu dịch địa phương. Tỉnh xác định rõ địa điểm giao dịch cụ thể với phía Trung Quốc tại Tam Gia, Chi Ma, huyện Lộc Bình; Cao Lâu, Bảo Lâm, Đồng Đăng, huyện Cao Lộc; Tân Thanh, huyện Văn Lãng; Bình Nghi, Quốc Khánh, huyện Tràng Định. Đồng thời, các lực lượng công an, biên phòng, Sở Giao thông vận tải và các huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Lãng, Tràng Định quy định cụ thể đường qua lại biên giới để thăm thân và trao đổi hàng hóa, đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới.

Ngày 07/11/1991, Hiệp định tạm thời về biên giới Việt Nam - Trung Quốc được ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, mở ra thời kỳ mới trong quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Thực hiện Hiệp định tạm thời, được sự đồng ý của Chính phủ hai nước, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chủ động mời lãnh đạo chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) sang thăm và hội đàm với lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn. Trong hai ngày 06 và 07/01/1992, đoàn đại biểu chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), do đồng chí Thành Khắc Kiệt, Chủ tịch Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) tiến hành hội đàm với đoàn đại biểu chính

quyền tỉnh Lạng Sơn do đồng chí Nguyễn Minh Quát, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, tổ chức tại thị xã Lạng Sơn. Cùng dự hội đàm về phía đoàn Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) còn có đại diện của 24 công ty biên mậu Quảng Tây; về phía tỉnh Lạng Sơn, có đại diện Liên hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Lạng Sơn, Công ty Kinh doanh thương nghiệp tổng hợp Lạng Sơn và Công ty Vật tư tổng hợp Lạng Sơn.

Cuộc hội đàm giữa lãnh đạo chính quyền tỉnh Lạng Sơn với đại diện lãnh đạo chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) tạo tiền đề để hai bên thống nhất một số vấn đề cơ bản trên cơ sở hợp tác giữa tỉnh Lạng Sơn và Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc): *Về vấn đề cửa khẩu, điểm họp chợ và đường qua lại:* Mỗi bên đề nghị Chính phủ của mình phê chuẩn mở chính thức cửa khẩu Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan. *Về trao đổi hàng hoá:* Hai bên thường xuyên thông báo cho nhau về hàng hóa vật tư có thể cung cấp, trao đổi. Dựa trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, căn cứ nhu cầu, khả năng của mỗi bên mà các công ty của hai bên sẽ thoả thuận cụ thể. *Về hợp tác kinh tế - kỹ thuật:* Hai bên sẽ tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông, thương nghiệp và du lịch. *Về quản lý trật tự, trị an xã hội biên giới:* Hai bên đề nghị Chính phủ của nước mình sớm ban hành thông hành xuất nhập cảnh để nhân dân biên giới xuất nhập cảnh đúng quy định. *Về phối hợp trong công tác quản lý trật tự, trị an biên giới:* Cơ quan Công an, Biên phòng của hai nước tăng cường công tác quản lý trị an ở vùng biên giới

nước mình, tích cực ngăn ngừa, trừng trị tội phạm, giữ gìn trật tự trị an biên giới. *Về chế độ gặp gỡ ở các cửa khẩu hai bên:* Các ngành quản lý biên giới, các cơ quan nghiệp vụ hai bên khi cần liên hệ nghiệp vụ, phải thông báo trước cho trạm kiểm soát biên phòng và đồn biên phòng cửa khẩu của bên kia biết để quyết định. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể gặp nhau bất kỳ lúc nào. Việc liên hệ giữa hai bên có thể bằng các hình thức điện thoại chuyên dụng, kéo cờ, gọi loa, viết thư và trực tiếp qua biên giới.

Trong 5 năm 1991 - 1995, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, cùng với phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang và sức mạnh toàn dân nên công tác giữ gìn an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, giữ gìn an ninh chủ quyền biên giới, chính trị luôn ổn định; tạo môi trường lành mạnh cho kinh tế - xã hội của Lạng Sơn phát triển. Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo ra những chuyển biến quan trọng về quốc phòng, an ninh: bộ đội địa phương được sắp xếp về tổ chức, biên chế và bố trí lại, tạo thế phòng thủ hợp lý; công tác quản lý, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu tốt hơn; tăng cường lực lượng ở các địa bàn trọng điểm, vùng biên giới. Lực lượng dự bị động viên được củng cố một bước, chất lượng dân quân, tự vệ ngày càng được nâng cao. Các trung đội dân quân tập trung ở các xã giáp biên được duy trì, là lực lượng bảo vệ tại chỗ trong bảo vệ an ninh biên giới. Công tác huấn luyện và diễn tập ở các cấp được thực hiện tốt.



Lực lượng an ninh được củng cố và tăng cường, là chỗ dựa vững chắc cho phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự. Phong trào tự quản ở cơ sở ngày càng được nhân rộng. Hàng nghìn tổ an ninh nhân dân được tổ chức và hoạt động có hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Thực hiện phương châm kết hợp tiến công với phòng ngừa, phát động phong trào quần chúng, trước hết là ở các địa bàn trọng điểm, triệt phá nhiều ổ cướp, nhóm cướp có vũ khí, làm giảm rõ rệt các loại tội phạm nghiêm trọng, tạo niềm tin với nhân dân.

### **5. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị**

Trong 5 năm 1991 - 1995, Đảng bộ tỉnh tập trung củng cố và kiện toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; coi trọng xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng, tổ chức bộ máy và cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Ngày 29/6/1992, Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ban hành Nghị quyết về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Để kịp thời quán triệt và thực hiện Nghị quyết, tháng 8/1992, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết tại tất cả các đảng bộ trực thuộc. Đồng thời, triển khai sâu rộng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị đến toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, ngày 08/3/1993, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Trong năm 1993, Tỉnh ủy ban hành quyết định thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, 6 đảng đoàn, 21 ban cán sự đảng ở các cơ quan, ban, ngành, cấp tỉnh; 11 đảng đoàn hội đồng nhân dân, 11 ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân, 29 đảng đoàn các đoàn thể ở 11 huyện, thị. Đến cuối năm 1995, có 50% số đảng đoàn, ban cán sự xây dựng được quy chế làm việc và đi vào hoạt động theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Quyết định số 62-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII và Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới và chỉnh đốn Đảng<sup>1</sup>. Qua phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng, từ cuối năm 1993, tất cả các đảng bộ cơ sở được chọn làm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII và Nghị quyết số 02-NQ/TU của Tỉnh ủy không còn cơ sở đảng yếu kém. Chất lượng đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh được nâng lên rõ rệt, trong đó đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ đạt 66,55%, đảng

---

1. Gồm các đơn vị: Đảng bộ xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng; Đảng bộ xã Hữu Khánh, huyện Lộc Bình; Đảng bộ xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng; Đảng bộ xã Chi Lăng, huyện Tràng Định; Đảng bộ xã Nhạc Kỳ, huyện Văn Lãng; Đảng bộ xã Minh Khai, huyện Bình Gia; Đảng bộ xã Tú Xuyên, huyện Văn Quan; Đảng bộ các cơ quan tỉnh; Đảng bộ Công an tỉnh và Đảng bộ Biên phòng tỉnh.

viên vi phạm khuyết điểm còn 4%. Các đảng bộ thực hiện tốt công tác phát triển Đảng là các huyện: Hữu Lũng, Bắc Sơn, Chi Lăng, Cao Lộc và Đảng bộ các cơ quan tỉnh.

Cùng với việc chỉ đạo chuyển 18 chi bộ cơ sở từ Đảng bộ thị xã Lạng Sơn sang trực thuộc sự quản lý của đảng bộ các ngành, năm 1993, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập lại Ban Nội chính Tỉnh ủy, thành lập mới Ban Bảo vệ chính trị nội bộ và Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh. Đồng thời, ra quyết định thành lập ban dân vận cấp huyện, thị ủy.

Bước sang năm 1994, tỉnh tiếp tục tập trung lãnh đạo củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Nghiên cứu, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức lãnh đạo của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng; quy định về tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục đổi mới phong cách làm việc của các cấp ủy đảng và sự điều hành của chính quyền, chỉ đạo xây dựng các mô hình, điển hình trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Tăng cường đổi mới, chỉnh đốn Đảng gắn liền với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8b khóa VI về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong 2 năm 1994 - 1995, công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị của Đảng bộ có nhiều chuyển biến mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 322-QĐ/TU về 5 tiêu chuẩn và chỉ tiêu cụ thể của tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, 5 tiêu chuẩn đảng

viên xuất sắc để tổ chức phong trào thi đua trong xây dựng đảng. Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, từng bước sắp xếp lại tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với cơ chế lãnh đạo của tổ chức đảng và sự điều hành của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Toàn Đảng bộ thành lập 1.097 chi bộ đảng dưới đảng bộ cơ sở trên địa bàn dân cư thôn, bản, thay cho các chi bộ đảng tổ chức theo các tổ, đội sản xuất trước đây.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, phần lớn các đảng bộ trực thuộc có 100% số tổ chức cơ sở đảng xây dựng quy chế làm việc. Đây là sự đổi mới rõ nét so với trước khi thực hiện Nghị quyết. Nhiều đảng bộ, chi bộ cơ sở chú trọng cải tiến nội dung sinh hoạt đảng. Đến năm 1994, Đảng bộ các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Mỏ than Na Dương và Đảng bộ Nhà máy Hoá chất Vĩnh Thịnh không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh trong toàn Đảng bộ ngày càng tăng. Qua phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 1994, có 202/510 tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, chiếm 33,11%, tăng 4,78% so với năm 1991. Chất lượng đảng viên được nâng lên một bước. Kết quả phân tích chất lượng đảng viên năm 1994, số đảng viên loại 1 là 75,1%, tăng 39,67% so với năm 1991; số đảng viên loại 3 còn 2,13%, giảm 1,06% so với năm 1991.

Công tác phát triển đảng được các cấp ủy chú trọng. Trong 5 năm 1991 - 1995, toàn Đảng bộ kết nạp được 3.022

đảng viên. Số đảng viên mới được kết nạp tăng dần qua từng năm, từ 279 đảng viên năm 1991 lên 482 đảng viên năm 1993 và 1.333 đảng viên năm 1995, nâng tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ lên 21.768 đảng viên.

Trước sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa trở lại, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các đảng bộ, chi bộ tăng cường tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên về quan điểm, lập trường kiên định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, củng cố niềm tin cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta lựa chọn; nêu cao tinh thần cảnh giác, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Các cấp ủy đảng tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức tốt các đợt học tập và sinh hoạt chính trị tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội. Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đạt từ 80% trở lên, một số đảng bộ có số đảng viên tham gia học tập đạt 100%.

Tháng 4/1993, Tỉnh ủy quyết định sáp nhập Trường Hành chính và Trường Đảng tỉnh thành Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh; ngày 07/01/1995, Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 582-QĐ/TU về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh và từ ngày 04/11/1998, Trường Chính trị tỉnh được mang tên đồng chí Hoàng Văn Thụ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm thực hiện. Từ năm 1992 đến năm 1995, toàn tỉnh có 1.037 cán bộ, đảng viên được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, kiến thức về quản lý nhà nước; 1.575 cấp ủy viên, 726 cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn, 318 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, được bồi dưỡng nghiệp vụ theo chương trình quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ góp phần từng bước nâng cao trình độ, năng lực thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về kiện toàn công tác cán bộ, tại kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI (từ ngày 19 đến ngày 21/8/1991) bầu bổ sung đồng chí Chu Hạp, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh ủy giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI (từ ngày 21 đến ngày 23/8/1992) bầu đồng chí Chu Hạp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>1</sup>; bầu đồng chí Đoàn Bá Nhiên, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Giám đốc Liên hiệp Công ty xuất nhập khẩu tỉnh Lạng Sơn, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiếp đó, kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI (từ ngày 28/02 đến ngày 01/3/1994) bầu đồng chí Phùng Văn Mục, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Chi Lăng, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

---

1. Thay đồng chí Nguyễn Minh Quát nghỉ hưu theo chế độ.

Ngày 14/12/1994, tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 1994 - 1999, bầu đồng chí Trần Ngát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XI, giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; bầu đồng chí Hoàng Sự, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; bầu đồng chí Dương Công Đá, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí: Phùng Văn Mục, Đoàn Bá Nhiên, Nguyễn Thị Yên được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Công tác kiểm tra, giám sát luôn được chú trọng. Nhờ vậy, số tổ chức cơ sở đảng yếu kém được thu hẹp dần, từ 21,25% năm 1991 xuống còn 4,31% năm 1995. Nhằm làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, từ năm 1992 đến năm 1995, ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 10 ban thường vụ huyện, thị ủy, 510 tổ chức cơ sở đảng, 61,66% lượt đảng viên về việc chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện quy chế làm việc, về phòng, chống tham nhũng, buôn lậu, quản lý, sử dụng ngân sách đảng. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý kỷ luật 854 đảng viên, trong đó có 59,47% trường hợp đảng viên vi phạm quy định về sinh hoạt đảng; 20,26% trường hợp đảng viên vi phạm chính sách, pháp luật; 12,3% trường hợp vi phạm về phẩm chất đạo đức. Công tác kiểm tra, giám sát đã góp phần khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý đảng viên, vi phạm các quy định về sinh hoạt đảng ở một số đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Trong nhiệm kỳ 1991 - 1995, cùng với nhiệm vụ tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đảng bộ tỉnh chú trọng tăng cường lãnh đạo xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố một bước về tổ chức, cán bộ, đổi mới lề lối làm việc, kịp thời ban hành các văn bản pháp quy phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát các cấp, các ngành, các cơ sở; nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành kinh tế - xã hội. Chính quyền các cấp từng bước thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý vĩ mô, thông qua các kế hoạch, đề án; đồng thời, đảm bảo sự điều hành cụ thể, thông qua các chương trình hành động trên từng lĩnh vực. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII về cải cách nền hành chính, tỉnh tập trung giải quyết một số vấn đề nổi cộm, bức xúc của nhân dân, bước đầu tạo ra những chuyển biến rõ rệt. Hiệu lực quản lý của nhà nước được nâng lên. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có nhiều chuyển biến tích cực.

Ngày 19/7/1992, các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khu vực bầu cử tỉnh Lạng Sơn. Các đồng chí trúng cử đại biểu Quốc hội khóa IX, nhiệm kỳ 1992 - 1997 thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn là: Nguyễn Phú Cường, Hoàng Thị Bích Ly, Nông Đức Mạnh, Dương Công Sửu, Bùi Ngọc Thanh, Vy Xuân Thanh. Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo



cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999, ngày 25/8/1994, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 18-CT/TU về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999. Ngày 20/11/1994, cùng với các địa phương trong cả nước, cử tri trong toàn tỉnh phấn khởi, nô nức đi thực hiện quyền bầu cử, lựa chọn những đại biểu xứng đáng tham gia Hội đồng nhân dân các cấp. Kết quả đã có 354.407 cử tri trên tổng số 363.563 cử tri trong toàn tỉnh đi bầu cử, đạt tỷ lệ 97,48%. Cuộc bầu cử diễn ra an toàn, đúng luật, bầu ra các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh nhiệm kỳ 1994 - 1999 đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cử tri trong toàn tỉnh.

Để đảm bảo chế độ làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 24-UB/QĐ, ngày 14/01/1995 về việc phân công các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Quyết định số 498-UB/QĐ, ngày 06/6/1995 về một số quy định chế độ làm việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh... Qua đó, việc chỉ đạo, điều hành trở nên thống nhất, khoa học, có kế hoạch trong giải quyết công việc, tránh chồng chéo, quy định rõ trách nhiệm của tập thể Ủy ban nhân dân và phân công cụ thể nhiệm vụ của từng thành viên Ủy ban nhân dân.

Trong những năm 1991 - 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và thực hiện nhiều cơ chế, chính sách quan trọng, tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh phát triển: trợ giá giống lúa mới và ngô mới; trợ cước vận chuyển một số loại vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu...; chính sách về hỗ trợ vốn để đầu tư chiều sâu sản xuất một số mặt hàng công nghiệp và chính sách trợ cước vận chuyển tiêu thụ sản

phẩm công nghiệp địa phương; chế độ trợ cấp đối với đồng bào tái định cư khu vực biên giới; chế độ trợ cấp cho cán bộ xã, thôn, bản ở các xã biên giới; chính sách hỗ trợ cho giáo viên, cán bộ công tác ở các xã vùng cao, khó khăn; chính sách trợ cấp cho cán bộ của tỉnh đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn, học cao học, nghiên cứu sinh; các chính sách đối với người có công...

Công tác dân vận có sự chuyển biến tích cực, các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8b khóa VI về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, tạo ra sự chuyển biến mới trong công tác dân vận của Đảng bộ và trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Từ năm 1991 đến năm 1995, ban dân vận các cấp chú trọng tham mưu cho các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đẩy mạnh thực hiện chính sách đại đoàn kết, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng hiệu quả. Tổ chức, bộ máy và cán bộ từ tỉnh đến cơ sở được củng cố một bước; phát triển được thêm nhiều hội viên, đoàn viên. Một số đoàn thể quần chúng xóa được cơ sở trắng và yếu kém. Nội dung và phương thức hoạt động ngày càng được đổi mới; các hình thức tập hợp quần chúng ngày càng phong phú, sinh động nên thu hút, động viên được

các tầng lớp nhân dân thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần tích cực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc các cấp củng cố 103 ban thanh tra nhân dân, xây dựng 1.307 ban công tác Mặt trận ở địa bàn dân cư, 1.382 tổ tự quản và 1.605 tổ hòa giải ở cơ sở. Phối hợp với các thành viên hỗ trợ chính quyền giải quyết 3.793 vụ tranh chấp đất đai trong nhân dân. Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan chức năng tổ chức kiểm điểm, giáo dục trước nhân dân 8.784 đối tượng vi phạm các tệ nạn xã hội. Đồng thời, tổ chức 9.976 buổi học tập chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho quần chúng nhân dân. Mặt trận Tổ quốc tỉnh tập trung chỉ đạo củng cố 216 tổ chức Mặt trận Tổ quốc ở cấp xã, phường, thị trấn. Tăng cường phối hợp với chính quyền vận động nhân dân thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở tập trung vận động, xây dựng phong trào tự quản của nhân dân. Phong trào tự quản hỗ trợ tích cực cho chính quyền, các ngành chức năng trong quản lý, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở. Các đơn vị có phong trào tự quản tốt là các phường Đông Kinh, Hoàng Văn Thụ, thị xã Lạng Sơn; xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng; xã Tân Lang, huyện Văn Lãng; xã Bính Xá, huyện Đình Lập.

Công đoàn các cấp chú trọng tổ chức, phát động sâu rộng trong công nhân, viên chức, người lao động thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng

suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, phối hợp với chính quyền, các ngành sắp xếp lại tổ chức các xí nghiệp quốc doanh, giảm từ 150 xí nghiệp xuống còn 47 xí nghiệp. Giải quyết chính sách, chế độ đối với 2.000 công nhân, viên chức, người lao động dôi dư. Vận động thành lập mới được 6 tổ chức công đoàn cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh với gần 1.000 đoàn viên.

Hội Nông dân các cấp tích cực hướng dẫn hội viên nông dân lập các dự án nhỏ phát triển sản xuất, tín chấp cho hội viên vay vốn với tổng số vốn được vay là 656 triệu đồng. Phát huy phong trào nông dân đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất nông - lâm nghiệp. Đến năm 1995, toàn tỉnh có 32.000 hội viên.

Hội Phụ nữ các cấp tích cực chỉ đạo Cuộc vận động “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” và “Nuôi dạy con, chống trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học”. Đồng thời, tín chấp vay vốn giúp hội viên phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo. Các dự án giúp phụ nữ phát triển kinh tế, cải thiện và nâng cao đời sống do các cấp hội quản lý, điều hành có tổng số vốn đầu tư là 26 tỷ đồng, với 10.160 lượt hội viên được vay vốn đầu tư cho sản xuất.

Phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, Hội Cựu chiến binh các cấp tích cực phối hợp với các ngành, các cấp, các đoàn thể thường xuyên tổ chức giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động. Tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội, phát động phong

trào “Cụu chiến binh hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển sản xuất, vượt khó đi lên”. Trong 2 năm 1994 - 1995, Hội Cựu chiến binh các cấp phát triển được 6.308 hội viên, nâng tổng số từ 4.000 hội viên năm 1993 lên 10.308 hội viên năm 1995. Hoạt động của Hội Cựu chiến binh góp phần quan trọng vào việc đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn đất nước thực hiện cơ chế thị trường, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ tỉnh chú trọng việc nâng cao chất lượng đảng viên, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ kế cận bằng các hình thức như: cử cán bộ đi học đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, tổ chức các hội nghị quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đưa cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đồng thời phát triển đội ngũ đảng viên mới... Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị còn một số hạn chế: Nhận thức chính trị, tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Một số cấp ủy và tổ chức đảng còn xem nhẹ công tác tư tưởng, chưa chú trọng giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, chưa kịp thời. Một số tổ chức cơ sở đảng còn lúng túng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, chưa phát huy được tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình của đảng viên. Sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng chưa cao. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở một số nơi còn chưa hiệu quả. Trong quá trình

lãnh đạo, chỉ đạo, một số cấp ủy và tổ chức đảng chưa chú trọng cải tiến lề lối làm việc, chưa bám sát nhiệm vụ chính trị trong từng thời điểm, việc sơ kết, tổng kết để nhân rộng các điển hình tiên tiến thành phong trào thi đua chưa được tiến hành thường xuyên.

\*

\*       \*

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, với sự đồng lòng, nhất trí của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Lạng Sơn đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đến năm 1995, nền kinh tế hàng hóa dần hình thành, phát triển và vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa; nhịp độ tăng trưởng khá nhanh, liên tục, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm giai đoạn 1991 - 1995 là 11,54%, thu ngân sách tăng dần qua từng năm, bắt đầu có tích lũy để đầu tư phát triển; thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng từ 79 USD năm 1990 lên 173,7 USD năm 1995. Kết cấu hạ tầng: điện, đường giao thông, thông tin liên lạc, các công trình thủy lợi, bệnh viện, trụ sở làm việc của các cơ quan... được củng cố, tăng cường. Trên địa bàn tỉnh có một số mô hình về phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; quốc phòng, an ninh được giữ vững, đối ngoại được củng cố và tăng cường. Các hoạt động du lịch, dịch vụ ngày càng được mở rộng và đang trở thành lợi thế quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để tăng thu ngân sách, thu hút vốn đầu tư để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Công tác xây dựng Đảng đạt được kết quả quan trọng, nhất là trong công tác chính trị tư tưởng, công tác cán

bộ, là tiền đề vững chắc để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị quan trọng. Tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, ngày càng trong sạch, vững mạnh. Chính trị ổn định, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và sự nghiệp đổi mới ngày càng được nâng lên.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị của tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có lúc chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Nền kinh tế tuy có bước phát triển, nhưng chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tình trạng buôn lậu và các tệ nạn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp.

Tuy còn những hạn chế, khó khăn, nhưng với bản lĩnh chính trị và sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng và hành động, được thử thách qua những biến động chính trị của tình hình thế giới và trước những yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới, Đảng bộ tỉnh không ngừng đổi mới tư duy kinh tế và năng lực lãnh đạo. Đây là những hành trang quan trọng để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn vững tin bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

## *Chương II*

### **ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO TỪNG BƯỚC THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996 - 2005)**



#### **I- BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996 - 2000)**

##### **1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996 - 2000**

Những năm cuối của thế kỷ XX, tình hình thế giới biến đổi nhanh chóng, phức tạp, chứa đựng những yếu tố khó lường. Sau sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào thoái trào. Các lực lượng cách mạng, tiến bộ đứng trước thử thách nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc ráo riết thực hiện ý đồ thiết lập thế giới một cực, các thế lực phản động hiếu chiến đang điều chỉnh thể bố trí lực lượng toàn cầu, đe dọa nghiêm trọng hòa bình, an ninh, ổn định trên thế giới.



Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ với trình độ ngày càng cao, xu thế toàn cầu hóa ngày càng gia tăng, thúc đẩy cuộc chạy đua về kinh tế. Khoa học - công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực quyết định đối với sự phát triển của sản xuất, tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. Sự bùng nổ thông tin diễn ra ngày càng sôi động, tác động mạnh mẽ, làm tăng nhanh lực lượng sản xuất, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa đời sống kinh tế và xã hội, tạo cơ hội phát triển cho tất cả các nước trên thế giới; nhu cầu tranh thủ hòa bình, ổn định, đẩy mạnh hợp tác và tự do hóa thương mại - đầu tư phát triển, nhiều khu vực thương mại hóa tự do ra đời, nhiều nước ở Đông Nam Á vươn lên mạnh mẽ.

Tình hình trên một mặt tạo ra cho Việt Nam nhiều cơ hội để kiến tạo môi trường hòa bình, mở rộng hợp tác trong khu vực và trên thế giới vì mục tiêu phát triển; từng bước nâng cao vai trò, vị thế quốc tế; mặt khác cũng đặt ra không ít những thách thức trong việc bảo vệ lợi ích dân tộc, chủ quyền quốc gia, duy trì và củng cố vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Sau hơn 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng: kinh tế tăng trưởng nhanh, chính trị ổn định, văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an ninh, quốc phòng được củng cố, bước đầu đổi mới về hệ thống chính trị, từng bước đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Việt Nam phá được thế bao vây cấm vận, chủ động tham gia vào cộng đồng

quốc tế. Thế và lực của đất nước có sự thay đổi về chất, tạo tiền đề để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, trong những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng một số mặt chưa vững chắc, Việt Nam vẫn là một nước nghèo, kém phát triển. Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp; cơ sở vật chất - kỹ thuật lạc hậu; việc huy động, sử dụng nguồn vốn, tài nguyên, nguồn nhân lực kém hiệu quả, buôn lậu, lãng phí chưa ngăn chặn được. Đất nước vẫn đứng trước “bốn nguy cơ”, thách thức lớn: tụt hậu xa hơn về kinh tế; chênh lệch xã hội chủ nghĩa; quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm cho bộ máy của Đảng, Nhà nước suy yếu, làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ; các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, dùng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Với vị trí là đầu mối giao thông quan trọng, cầu nối của cả nước với các tỉnh phía Nam Trung Quốc, sự phát triển của tỉnh được đặt trong quy hoạch phát triển của “tam giác” kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của các tỉnh miền núi phía Bắc. Những lợi thế đó không những giúp cho Lạng Sơn có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, mà còn có ý nghĩa chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Từ những lợi thế đó, tỉnh Lạng Sơn trở thành một trong những địa bàn chiến lược để các thế lực thù địch thực hiện

chiến lược “diễn biến hòa bình” với nhiều phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi trên mọi lĩnh vực. Bên cạnh đó, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh luôn chịu tác động từ các hoạt động du lịch, khảo sát, nghiên cứu thị trường, hợp tác đầu tư, kinh doanh, buôn bán, thăm thân... Lợi dụng chính sách mở cửa và hội nhập, cũng như những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, nhiều loại hình phạm tội cũng liên tục phát sinh.

Trong bối cảnh đó, thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 09/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội Đảng các cấp, từ ngày 24 đến ngày 26/4/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996 - 2000 được tổ chức tại thị xã Lạng Sơn. Tham dự Đại hội có 298 đại biểu, thay mặt cho 21.768 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Dự Đại hội có đại biểu đại diện Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng ủy Bộ Tư lệnh Quân khu 1.

Nhận định về tình hình trước mắt của tỉnh, Đại hội chỉ rõ: Lạng Sơn là một tỉnh có tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, sức lao động dồi dào, có cửa khẩu quốc tế và nhiều cặp chợ biên giới; sự hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam - Trung Quốc ngày càng được củng cố và phát triển. Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã bình thường hóa và Việt Nam gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), tạo ra môi trường thuận lợi mới. Trong bối cảnh đó, Lạng Sơn có điều kiện để thu hút sự đầu tư và hợp tác liên doanh với

nước ngoài về vốn, khoa học, công nghệ tiên tiến để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, phải nhanh nhạy nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ và thách thức để đưa sự nghiệp đổi mới của Lạng Sơn tiếp tục phát triển. Đặc biệt là phải nhận thức sâu sắc “bốn nguy cơ” mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994) của Đảng đã chỉ ra.

Từ nhận thức đó, Đảng bộ tỉnh đề ra những giải pháp khắc phục như sau:

1. Đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 12% trở lên; có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để tái sản xuất mở rộng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển lực lượng sản xuất phải đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất; phát huy tính năng động, sáng tạo của mọi ngành, mọi cấp, mọi thành phần kinh tế, đảm bảo kỷ cương, phép nước.

3. Lường trước các tình huống, chủ động có giải pháp vượt qua để đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội tại một tỉnh miền núi, biên giới, nằm ở một địa bàn trọng yếu ở phía Bắc của đất nước.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000: “Tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ,

phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000; tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với việc giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; vượt qua tình trạng tình nghèo, cải thiện một bước mức sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ về nền kinh tế, tạo tiền đề cần thiết, vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào sau năm 2000”<sup>1</sup>.

Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 là:

1. Đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng kinh tế, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với sự phát triển, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế ngày càng tăng.

2. Tiếp tục đổi mới và phát triển hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo; xây dựng củng cố hợp tác xã phù hợp với cơ chế mới; khuyến khích kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất, kinh doanh. Tăng cường vai trò quản lý của chính quyền các cấp đối với các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Trên cơ sở quy hoạch kinh tế - xã hội đã được điều chỉnh, bổ sung, đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng, quản lý và đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, tạo điều kiện thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Phấn đấu đến năm 1997, cơ bản

---

1. Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996 - 2000, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Lạng Sơn, tr.33.

không còn hộ đói; đến năm 2000, xoá cơ bản hộ nghèo, tăng hộ giàu; chăm lo đời sống của các đối tượng chính sách xã hội. Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá. Đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội.

5. Giữ vững quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường lành mạnh cho phát triển kinh tế - xã hội.

6. Tăng cường đổi mới, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, của các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 1996 - 2000, gồm 47 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Hoàng Thanh, Vy Xuân Thanh, Dương Công Đá, Trần Ngát, Chu Viết Nhâm, Linh Văn Tít, Hứa Hạnh, Hoàng Thị Diệu Tuyết, Đoàn Bá Nhiên, Phùng Văn Mục, Dương Công Sửu, Nguyễn Phong, La Rinh. Đồng chí Hoàng Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại giữ chức Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Vy Xuân Thanh được bầu lại giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Dương Công Đá được bầu tiếp tục giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng gồm 16 đồng chí<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh công cuộc đổi mới giành được những thành tựu to lớn, đất nước thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, từ ngày 28/6 đến ngày 01/7/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội.

Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 và đến năm 2020 là: “Tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi

---

1. Vy Xuân Thanh, Dương Công Đá, Trần Ngát, Chu Viết Nhảm, Hứa Hạnh, Dương Công Sửu, Dương Thời Giang, Linh Văn Tít, Hoàng Thị Diệu Tuyết, Vy Văn Thành, Hà Nhung, Vi Đức Được, La Rinh, Lương Đăng Ninh, Triệu Sành Lẫy và Trần Thị Kim Anh.

với giải quyết những vấn đề xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho hướng phát triển cao vào đầu thế kỷ sau”<sup>1</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước ngoặt, chuyển đất nước sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đọc diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Tổng Bí thư Đỗ Mười nhấn mạnh: “Đại hội VIII của Đảng là đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại, cần được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, đồng tâm nhất trí, ra sức phấn đấu hoàn thành mục tiêu và những công việc do Đại hội VIII đề ra”<sup>2</sup>.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh Lạng Sơn nỗ lực phấn đấu, triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.366-368, 552.



## **2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương**

Căn cứ tình hình thực tiễn của tỉnh, từ đầu năm 1996, tỉnh chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo sản xuất các cấp nhằm tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất. Ngay sau khi được thành lập, Ban Chỉ đạo sản xuất các cấp chỉ đạo, vận động, hướng dẫn nhân dân trồng khoai tây, dưa hấu, mía thay thế trên các chân ruộng không chủ động được nguồn nước tưới. Hỗ trợ ứng phong trào ra quân đầu xuân làm thủy lợi, làm mới và sửa chữa đường giao thông, đồng đảo nhân dân ở các huyện, thị đóng góp hàng nghìn ngày công tu sửa hệ thống mương máng dẫn nước phục vụ sản xuất; tu sửa, mở rộng được hàng trăm kilômét đường giao thông nông thôn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tạo thêm ngành nghề, giải quyết việc làm. Tiến hành giao đất, giao rừng cho nhân dân đạt 90.000ha; đồng thời, tổ chức cho nhân dân ký cam kết bảo vệ rừng. Vận động nhân dân tham gia đẩy mạnh trồng rừng theo dự án 327, dự án 264, dự án Việt - Đức, dự án FADO, đẩy mạnh khoanh nuôi, bảo vệ và mở rộng diện tích rừng trồng. Nhân dân ở các huyện, thị trồng mới được 6.076ha rừng cây các loại, đạt 133% kế hoạch; diện tích cây ăn quả được mở rộng thêm 875,9ha. Nhiều hộ gia đình tổ chức sản xuất, kinh doanh nghề rừng hiệu quả, mở ra hướng mới cho chuyển dịch cơ cấu sản xuất ở nông thôn. Đến năm 1996, độ che phủ rừng của tỉnh đạt 22,43%.

Với sự chỉ đạo thường xuyên của các cấp, các ngành và sự nỗ lực lao động, khắc phục khó khăn của nhân dân, năm 1996, sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh đạt được những kết quả tích cực. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 188.110 tấn, tăng 5,5% so với năm 1995, vượt chỉ tiêu kế hoạch 3,1%.

Trong năm 1996, tỉnh tiến hành khởi công và hoàn thành một số công trình giao thông và công trình dân dụng như cầu Pò Lọi, huyện Lộc Bình; cầu Bản Trại, huyện Tràng Định; cầu Khánh Khê, huyện Văn Quan; chợ Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn; trung tâm phát sóng truyền thanh, truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình Lạng Sơn. Ngành bưu điện triển khai hoàn thành hòa mạng qua tổng đài tự động trên phạm vi toàn tỉnh. Do có sự tăng cường công tác quản lý và xúc tiến thương mại, năm 1996, xuất nhập khẩu hàng hóa thương mại qua các cửa khẩu của tỉnh đạt được kết quả đáng kể. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 318 triệu USD, tăng 17% so với năm 1995, trong đó: xuất khẩu chính ngạch đạt 137,4 triệu USD, xuất khẩu tiểu ngạch đạt 17,9 triệu USD; nhập khẩu chính ngạch đạt 108,5 triệu USD, nhập khẩu tiểu ngạch đạt 44,6 triệu USD.

Tuy nhiên, nền kinh tế của tỉnh phát triển vẫn còn chậm. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp chưa gắn với phát triển công nghiệp chế biến hàng hóa nông, lâm sản. Nhiều dự án phát triển kinh tế - xã hội triển khai chậm so với tiến độ. Phát triển du lịch, dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất còn hạn chế. Tình trạng buôn lậu và các tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp.

Thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 1997, các cấp, các ngành chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ thi công và lắp đặt thiết bị dây chuyền sản xuất 8,5 vạn tấn/năm của Nhà máy Xi măng Lạng Sơn, đưa vào sản xuất trong quý I năm 1997. Tiếp tục chỉ đạo đổi mới quản lý Nhà máy Gạch Hợp Thành, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở phát triển vùng sản xuất nông, lâm sản hàng hóa tập trung, tổ chức nghiên cứu, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến nông, lâm sản hàng hóa xuất khẩu. củng cố hệ thống thương nghiệp quốc doanh, thực hiện vai trò chủ đạo cung ứng hàng hóa, đồ dùng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Đẩy nhanh phát triển ngành kinh tế du lịch; tăng vốn đầu tư cho tôn tạo các điểm du lịch, khu du lịch được xác định. Tranh thủ các nguồn vốn và huy động mọi nguồn lực để tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng: đường giao thông, điện - nước, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế. Chỉ đạo phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, trước hết chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hợp lý.

Thực hiện sự lãnh đạo của Tỉnh ủy về nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 1997, ngay từ đầu năm,

Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực, chủ động chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đẩy mạnh sản xuất. Ngành nông nghiệp và các huyện, thị trong tỉnh tập trung tu sửa các công trình thuỷ lợi, chuẩn bị đầy đủ giống, phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất. Tỉnh quyết định chi 1,1 tỷ đồng từ ngân sách trợ giá giống lúa, ngô mới cho nông dân. Ngoài nguồn vốn trợ giá của tỉnh, các huyện Cao Lộc, Tràng Định, Đình Lập còn trích thêm từ ngân sách huyện hỗ trợ vận chuyển giống, phân bón, thuốc trừ sâu đến cho nông dân ở các xã vùng cao. Các trung tâm khuyến nông tập trung phân công cán bộ thường xuyên đến các xã để hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc lúa, ngô, các loại cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại cây hoa màu khác.

Với những biện pháp tích cực chỉ đạo sản xuất của các cấp, các ngành, sản xuất nông nghiệp của tỉnh năm 1997 đạt được những kết quả quan trọng. Các vùng chuyên canh cây ăn quả như: vùng trồng na, huyện Chi Lăng; vùng trồng quýt, huyện Bắc Sơn; vùng trồng hồng, đào, huyện Cao Lộc; vùng trồng dưa hấu, huyện Lộc Bình tiếp tục phát triển. Các mô hình kinh tế vườn rừng, kinh tế trang trại được nhân rộng khắp các huyện, thị. Chăn nuôi đại gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển. Ngoài dự án nuôi bò từng bước được nhân rộng từ mô hình điểm huyện Bắc Sơn, trong năm 1997, nhiều hộ gia đình vay vốn, mở rộng quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm, tận dụng mặt nước ao hồ, phát triển nuôi cá lồng. Các mô hình kinh tế vườn rừng, kinh tế trang trại, chăn nuôi hiệu quả, góp phần thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển dịch

cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất, mở rộng ngành, nghề, tạo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.

Cùng với đó, tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn ở một số doanh nghiệp. Tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, ưu đãi tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho một số doanh nghiệp làm ăn hiệu quả. Xúc tiến triển khai dự án nhà máy sản xuất giấy tại huyện Tràng Định. Một số sản phẩm của tỉnh như: xi măng, gạch, ván sàn tre đã có thị trường tiêu thụ.

Ngành bưu điện xúc tiến hoàn chỉnh hệ thống truyền dẫn vi ba số từ trung tâm thị xã đến các huyện, các cửa khẩu biên giới, các bưu cục ở các cụm dân cư, đảm bảo thông tin thông suốt, phục vụ kịp thời công việc chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân. Toàn tỉnh có 51/225 xã, phường, thị trấn có điện thoại, tăng thêm 16 xã so với năm 1996, mật độ điện thoại đạt 1,1 máy/100 dân.

Thực hiện chủ trương tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, ngày 13/01/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về phát triển giao thông nông thôn, trong đó phấn đấu đến năm 2000: Tập trung mọi nguồn lực, lao động, tiền vốn, vật tư, kỹ thuật để tu sửa, nâng cấp, mở rộng và phát triển mới hệ thống đường giao thông nông thôn. Phấn đấu trong năm 1997 thông đường vào 7 xã do đường giao thông đã bị hư hỏng nặng. Hết năm 1998, mở xong 3 tuyến đường vào trung tâm các xã chưa có đường giao thông. Đến năm 2000,

đảm bảo 100% các tuyến đường vào trung tâm các xã đi lại được bốn mùa; mở mang hệ thống các tuyến đường liên xã, liên thôn, đảm bảo cho vận tải hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai mở mới tuyến đường đến trung tâm xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng và tuyến đường đến trung tâm xã Yên Lỗ, huyện Bình Gia (là hai xã chưa có đường giao thông). Đồng thời, tỉnh hỗ trợ 5.690 triệu đồng từ ngân sách của tỉnh, các huyện, thị, hỗ trợ 3.165 triệu đồng từ ngân sách của các huyện, thị, huy động nhân dân đóng góp được 280 triệu đồng và 378.769 ngày công cho mở mới, tu sửa 2.029km đường giao thông liên xã, liên thôn. Tiêu biểu trong phong trào làm đường giao thông là các huyện Bắc Sơn, Hữu Lũng và Lộc Bình. Bên cạnh đó, tỉnh điều chỉnh, bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều công trình: 491 phòng học cùng sân chơi, bãi tập của các trường phổ thông, trường mẫu giáo; bệnh viện chống lao; bệnh viện các huyện Chi Lăng, Bắc Sơn, Bình Gia; cầu Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn; cầu Pò Lọi, huyện Lộc Bình; cầu Mẹt, huyện Hữu Lũng; trụ sở làm việc của Sở Tài chính - Vật giá; trụ sở Huyện ủy Đình Lập; trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; trụ sở Sở Y tế tỉnh; trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị; đồn biên phòng Bình Nghị.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội năm 1998, các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm

ng nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục củng cố và phát triển công nghiệp địa phương, tạo điều kiện cho các cơ sở ổn định và phát triển sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh ở trung tâm một số cụm kinh tế - xã hội; đầu tư xây dựng khu du lịch Mẫu Sơn, tôn tạo cụm di tích danh thắng thành nhà Mạc, động Nhị Thanh, động Tam Thanh; xây dựng công viên hồ Phai Loạn. Tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tỉnh chỉ đạo điếm, thực hiện chuyển đổi một số hợp tác xã, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Bổ sung quy hoạch thị xã Lạng Sơn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng khu đô thị Đồng Đăng - Lạng Sơn từ năm 2001 đến năm 2010; tiến hành xây dựng quy hoạch chi tiết ở những khu vực đã được duyệt. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể của các huyện, các ngành và xây dựng quy hoạch chi tiết các thị trấn, các cửa khẩu, phù hợp với yêu cầu mới. Tiếp tục triển khai các dự án xây dựng các cụm kinh tế - xã hội; xây dựng kết cấu hạ tầng ở khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

Trước tình hình các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo phân loại, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi phương thức quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh, tiếp cận với thị trường. Tiến hành chuyển đổi 13 hợp tác xã, thành lập

mới 15 hợp tác xã theo Luật hợp tác xã, thực hiện thí điểm cổ phần hóa Công ty Vận tải ô tô Lạng Sơn, làm thủ tục cho thành lập mới 6 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn; tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, có cơ chế chính sách, tạo môi trường thông thoáng về tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp nỗ lực khắc phục khó khăn, chủ động cân đối nguồn vốn, bố trí lao động, trang thiết bị hợp lý, tăng cường tiếp thị, mở rộng các điểm đại lý bán hàng. Với những biện pháp tích cực thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa trong tỉnh đạt được những kết quả mới. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 1998 tăng 14,5% so với năm 1997.

Cùng với việc chỉ đạo đầu tư xây dựng các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh ở các trung tâm cụm xã, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng xúc tiến xây dựng kết cấu hạ tầng quần thể du lịch động Tam Thanh, động Nhị Thanh, thành nhà Mạc ở thị xã Lạng Sơn; khu du lịch Mẫu Sơn, huyện Lộc Bình; ban hành quy định tạm thời về thủ tục xuất nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu Tân Thanh, thu hút khách du lịch đến với Lạng Sơn.

Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế tài chính trong khu vực, nên lượng hàng xuất khẩu qua các cửa khẩu thuộc địa bàn tỉnh giảm nhiều so với năm 1997. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 174 triệu USD, bằng 70,3% kế hoạch và bằng 84,88% so với năm 1997. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch thu ngân sách sát với điều kiện, khả năng nguồn thu thực tế trên



địa bàn tỉnh, cải tiến quản lý thu, khai thác nguồn thu, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ thuế, hải quan, quản lý thị trường, nên tổng thu ngân sách đạt 278.993 triệu đồng, bằng 120,7% chỉ tiêu Chính phủ giao, bằng 106,4% chỉ tiêu kế hoạch thu của tỉnh.

Ngày 28/02/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về tăng cường xây dựng và phát triển thị xã Lạng Sơn đến năm 2000 và năm 2010. Nghị quyết nêu rõ: Từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế phù hợp: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch - dịch vụ, nông - lâm nghiệp hàng hoá. Khai thác tiềm năng, thế mạnh khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn là trung tâm thương mại mậu biên, khu công nghiệp của cả vùng; là khu vực phát triển du lịch trong nước và quốc tế.

Từ ngày 12 đến ngày 14/01/1999, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, về xây dựng, củng cố vùng biên giới vững mạnh toàn diện. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách khối Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đến dự và chỉ đạo Hội nghị.

Đánh giá những kết quả đạt được trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị, báo cáo nêu rõ: Kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển, đạt nhịp độ tăng trưởng khá và

toàn diện trên tất cả các lĩnh vực nông - lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá. Trên địa bàn tỉnh hình thành rõ nét một số vùng sản xuất nông - lâm nghiệp hàng hoá; ngày càng có nhiều mô hình hộ gia đình nông dân làm kinh tế giỏi; các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng không ngừng phát triển, mở rộng. Không ngừng ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, đạt hiệu quả ngày càng rõ nét. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hóa - xã hội có những chuyển biến tích cực. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Quốc phòng, an ninh được củng cố, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Hệ thống chính trị được củng cố, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng cao.

Thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 1999, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách, cơ chế nhằm hỗ trợ, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội: chính sách phát triển đàn bò, chính sách phát triển cây chè, chính sách phát triển cây thuốc lá sợi vàng, chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, chính sách hỗ trợ xây dựng lưới điện hạ thế các xã và chính sách hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn, chính sách hỗ trợ tái định cư biên giới, chính sách phụ cấp đối với giáo viên công tác ở vùng đặc biệt khó khăn, Trường Dân tộc nội trú, Trường Trung học phổ thông

Chu Văn An, chính sách cho người nghèo vay vốn ưu đãi, cơ chế ưu đãi đầu tư tại cửa khẩu Tân Thanh và khu du lịch Mẫu Sơn.

Với những biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, cùng với việc triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, cơ chế của tỉnh ban hành từ năm 1996 đến năm 1999, sản xuất nông - lâm nghiệp trong tỉnh thu được những kết quả tích cực. Mặc dù sản xuất trong điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán kéo dài, nhưng tổng sản lượng lương thực quy thóc của tỉnh năm 1999 vẫn đạt 196.363 tấn, xấp xỉ tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt được trong năm 1998. Mô hình kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng bước đầu hình thành và phát triển trong toàn tỉnh. Nhân dân các huyện, thị của tỉnh Lạng Sơn tích cực trồng rừng theo các dự án PAM<sup>1</sup>, dự án Việt - Đức, trồng cây nhân dân thêm được 15.793ha, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vườn, rừng, nâng độ che phủ rừng của tỉnh từ 27% năm 1998 lên 30,34% năm 1999.

Các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tích cực tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Chỉ đạo xây dựng quy hoạch tổng thể sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Tiến hành các bước thí điểm cổ phần hóa Công ty Vận tải ô tô Lạng Sơn; khánh thành, đưa vào vận hành nhà máy sản xuất giấy,

---

1. Rừng trồng bằng nguồn vốn tài trợ của Chương trình lương thực thế giới.

xí nghiệp chế biến quặng, dây chuyền chế biến hoa quả. Một số doanh nghiệp nhà nước sau khi được củng cố đã ổn định sản xuất, kinh doanh có hiệu quả là: Công ty Xây lắp điện, Xí nghiệp Gốm sứ, Xí nghiệp Hợp Thành, Công ty Chăn nuôi. Năm 1999, các doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp ngân sách nhà nước được 15,5 tỷ đồng. Trong năm, tỉnh cấp phép thành lập mới 11 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân; tiếp nhận 8 dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký 9,4 triệu USD; cấp phép kinh doanh cho 78 chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp ngoài tỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh trên các lĩnh vực.

Do có sự đổi mới về quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp quốc doanh và có sự gia tăng các đơn vị kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nên sản xuất công nghiệp, các hoạt động kinh doanh thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong năm 1999 có những chuyển biến rõ nét. Giá trị sản xuất công nghiệp thực hiện được 218.059 triệu đồng, đạt 105,34% kế hoạch. Một số sản phẩm chủ yếu của công nghiệp địa phương tăng khá như: xi măng, gạch nung, đá xây dựng. Tỉnh có thêm các sản phẩm mới là giấy, bột giấy, quặng. Thị trường tiêu thụ sản phẩm từng bước được mở rộng.

Cùng với việc chỉ đạo triển khai thực hiện hai luật thuế mới, trong năm 1999 các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo bám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động của ngành hải quan, ngành thuế, quản lý thị trường, kiện toàn sắp xếp lại lực

lượng kiểm soát, tăng cường các biện pháp chống buôn lậu, kết quả thu ngân sách đạt và vượt so với chỉ tiêu được giao. Tổng thu ngân sách thực hiện được 433,279 tỷ đồng, đạt 183,59% chỉ tiêu kế hoạch trung ương giao, đạt 166% kế hoạch của tỉnh, tăng 49,69% so với năm 1998.

Nhằm tiếp tục phát huy nội lực, kết hợp với thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để tập trung cho đầu tư phát triển. Năm 1999, tỉnh huy động được các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản, hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình: Trung tâm Văn hóa - Thông tin tỉnh, Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Quan; khu 2 nhà bệnh nhân I - Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh; hồ Cao Lan, huyện Tràng Định; cầu Khánh Khê, huyện Văn Quan; đường lên khu du lịch Mẫu Sơn; trạm tiếp hình VTV3; bãi đỗ xe cửa khẩu Tân Thanh; đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị; Trường Trung học phổ thông huyện Bình Gia. Đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Bộ Giao thông vận tải, tỉnh phối hợp với các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn kiến nghị Chính phủ đầu tư sửa chữa, nâng cấp các tuyến quốc lộ 1B, 4A, 4B.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (năm 1996) về định hướng phát triển khoa học và công nghệ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, hoạt động khoa học - công nghệ của tỉnh bước đầu đạt được một số kết quả quan trọng trong việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất.

Thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2000, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập

trung chỉ đạo điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010, xây dựng kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể thị xã Lạng Sơn. Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách, cơ chế đầu tư triển khai chương trình kiên cố hóa kênh mương, hỗ trợ giá giống một số loại cây trồng. Đẩy mạnh triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu ở các xã đặc biệt khó khăn theo chương trình 135; triển khai thực hiện quy chế tạm thời về hoạt động thương mại tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh; cơ chế phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng, cơ chế khuyến khích cán bộ khoa học kỹ thuật tăng cường về công tác tại các xã đặc biệt khó khăn. Tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ vay tín dụng mua máy nông nghiệp, nhằm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp của nông dân, từng bước thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Được sự hỗ trợ bằng các chính sách ưu đãi của tỉnh về đầu tư, kinh doanh, xuất nhập khẩu, về vốn tín dụng, tiêu thụ sản phẩm, các doanh nghiệp dần ổn định, mở rộng sản xuất, tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm, giải quyết được việc làm cho công nhân, người lao động, góp phần đóng góp nhiều hơn cho ngân sách. Trong năm 2000, có 5 dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đi vào sản xuất, kinh doanh, với tổng doanh thu đạt 642.734 USD, đóng góp cho ngân sách được 11.165 USD. Tỉnh cấp giấy phép hoạt động cho 12 chi nhánh văn phòng đại diện, nâng tổng số chi nhánh văn phòng đại diện các doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp ngoài tỉnh

lên 61 đơn vị; chỉ đạo thành lập mới 26 hợp tác xã kinh doanh dịch vụ; đưa số hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của toàn tỉnh lên 142 hợp tác xã.

Với những chính sách, cơ chế, biện pháp tích cực huy động vốn đầu tư trong nhân dân, thu hút đầu tư bên ngoài, tỉnh huy động được 1.000 tỷ đồng để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2000, tỉnh chỉ đạo hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng các công trình: Trung tâm Hội nghị tỉnh, tuyến đường Hùng Vương, thị xã Lạng Sơn; đường từ thị trấn Thất Khê đến xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định; hoàn thành một số công trình kết cấu hạ tầng chủ yếu tại 85 xã đặc biệt khó khăn, một số công trình kết cấu hạ tầng tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh và thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc.

Trong 5 năm 1996 - 2000, kinh tế của tỉnh duy trì và phát triển với tốc độ tăng trưởng tương đối cao, đi dần vào thế ổn định; cơ cấu sản xuất, kinh doanh chuyển dần theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Bình quân GDP tăng hằng năm là 9,25%, GDP bình quân đầu người năm 2000 đạt 215,7 USD, gấp 1,48 lần so với năm 1995.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tương đối tích cực: giá trị của ngành nông - lâm nghiệp tăng khá về giá trị, song tỷ trọng giảm từ 62,1% (năm 1995) xuống 51,07% (năm 2000), tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng tăng từ 9% lên 12,53%, các ngành dịch vụ tăng từ 28,89% lên 36,40%.

Giá trị ngành nông - lâm nghiệp bình quân hằng năm tăng 5,4% (cả nước là 5%). Tổng sản lượng lương thực quy

thóc tăng bình quân 2,95% (trong đó sản lượng cây có hạt tăng bình quân 3,1%). Sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 là 206.123 tấn, đạt 284kg/người, cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực cho người dân.

Diện tích, sản lượng một số cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, cây thực phẩm có giá trị tăng nhanh. Đến năm 2000, toàn tỉnh có: 23.930ha hồi; 3.800ha thuốc lá; 13.070ha cây ăn quả các loại (941ha quýt, 1.467ha na, 6.066ha vải, 978ha nhãn, 71ha hồng, 51ha đào); 696ha chè, 42.500ha cây thông mã vĩ. Bước đầu hình thành một số vùng chuyên canh tập trung có sản lượng hàng hóa khá lớn như: vùng trồng hồi ở Văn Quan, Bình Gia, Cao Lộc, Văn Lãng, Tràng Định; vùng trồng na ở Chi Lăng, vải thiều ở Hữu Lũng, quýt ở Bắc Sơn; vùng trồng thuốc lá ở Bắc Sơn, chè ở Đình Lập, thông ở Lộc Bình. Trong 5 năm, toàn tỉnh trồng mới được 59.624ha rừng, cùng với việc thực hiện tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng, góp phần nâng độ che phủ của rừng tăng từ 21,1% (năm 1994) lên 33,8% (năm 2000).

Trong lĩnh vực chăn nuôi, đàn bò tăng 5,61%, đàn lợn tăng 5,59%, Tuy nhiên quý IV năm 1999, dịch lở mồm long móng ở trâu, bò diễn ra nghiêm trọng cùng với thời tiết rét đậm làm chết 14.000 con trâu, nên đàn trâu giảm 0,8%.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đúng hướng và có tốc tăng trưởng cao. Giá trị ngành công nghiệp bình quân hàng năm tăng 21,5%, cao hơn so với mức tăng chung của cả nước (12,2%). Một số cơ sở sản xuất công nghiệp quan tâm đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, ổn định sản xuất và kinh



doanh có hiệu quả như: Nhà máy Xi măng, Xí nghiệp Gạch Hợp thành...

Các ngành dịch vụ ngày càng phát triển đa dạng, hoạt động thương mại sôi động. Tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng các chợ, cửa hàng thương mại ở thị xã, thị trấn, một số trung tâm cụm xã và hệ thống chợ nông thôn. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa tăng bình quân 16,02%. Bình quân hằng năm, giá trị các ngành dịch vụ tăng 13,57% (cả nước là 6,4%), doanh thu du lịch tăng 11,73%.

Tỉnh tập trung chỉ đạo phát huy nội lực, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nâng cao năng lực sản xuất, kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm 1996 - 2000 là 3.565 tỷ đồng, gấp 4 lần so với giai đoạn 1991 - 1995. Trong 5 năm, tỉnh đầu tư được một số cơ sở sản xuất công nghiệp chủ lực. Hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn có bước phát triển, mạng lưới giao thông được cải thiện; hệ thống điện lưới quốc gia, bưu chính viễn thông được mở rộng, hệ thống các công trình thủy lợi được củng cố, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các trường học, bệnh viện, trạm y tế xã, các cơ sở văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, du lịch, thể thao, trụ sở làm việc của các cơ quan được đầu tư nâng cấp, bổ sung. Đến cuối năm 2000, 100% các xã đều có đường ô tô đến trung tâm, 73% số xã có đường đi được bốn mùa; 69,9% số xã có điện lưới quốc gia, 61% số hộ được sử dụng điện lưới; 50% số xã, phường, thị trấn có điện thoại; 62,4% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

Quan hệ sản xuất mới được củng cố, hoàn thiện, kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có bước phát triển. Các doanh nghiệp nhà nước được củng cố, sắp xếp lại. Kinh tế hợp tác được tổ chức lại và tiếp tục phát triển. Trong 5 năm, tỉnh chuyển đổi được 22 hợp tác xã, thành lập mới 26 hợp tác xã. Kinh tế tư nhân, cá thể ngày càng mở rộng và phát triển. Đến cuối năm 2000, toàn tỉnh có 109 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn (riêng 5 năm 1996 - 2000, tăng thêm 81 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn), với tổng vốn điều lệ và vốn đầu tư ban đầu là 89,2 tỷ đồng; thu hút hơn 1.000 lao động và có đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Hoạt động kinh tế đối ngoại có chuyển biến tích cực, nhất là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu qua địa bàn đạt khoảng 1.375 triệu USD, bình quân hàng năm tăng 28%. Tổng kim ngạch nhập khẩu là 856,3 triệu USD, bình quân hàng năm tăng 9,5%. Toàn tỉnh cấp được 10 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, với tổng vốn đăng ký là 9.985 triệu USD; đồng thời, tiếp nhận được 144 tỷ đồng nguồn vốn ODA và hơn 930 nghìn USD vốn viện trợ phi chính phủ.

### **3. Chăm lo các vấn đề văn hóa - xã hội**

#### *a) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo*

Với phương châm đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, trong năm 1996, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh đã vận động nhân dân đóng góp kinh phí, công sức trị giá 2 tỷ đồng để góp phần tu sửa,

thay thế được 1.473 phòng học tạm bằng vật liệu tranh, tre, nứa; xây dựng mới được 337 phòng học, khắc phục tình trạng học 3 ca ở một số trường phổ thông cơ sở. Toàn tỉnh có 125 xã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, 5 đơn vị được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học là: thị xã Lạng Sơn, huyện Văn Quan, huyện Bình Gia, huyện Bắc Sơn và huyện Văn Lãng. Với mục tiêu xoá tình trạng học 3 ca và phòng học tạm theo phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, năm 1997, các huyện, thị và ngành giáo dục chỉ đạo, tiến hành xây dựng mới được thêm 491 phòng học, sửa chữa được 207 phòng học, đóng mới 700 bộ bàn ghế học sinh ở các trường phổ thông, khắc phục đáng kể tình trạng học 3 ca ở nhiều nơi. Trong năm học 1996 - 1997, số học sinh các cấp tăng 7,3%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường đạt 94%, tỷ lệ trẻ em bỏ học giảm còn 3,2%.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, ngày 08/5/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết về tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2000. Nghị quyết nêu rõ: Mục tiêu phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2000 là phải thực hiện giáo dục toàn diện ở tất cả các bậc học. Coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành cho học sinh. Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Mở rộng mạng lưới nhà trẻ, trường mẫu giáo công lập và ngoài công lập. Các xã đều có trường tiểu học hoàn chỉnh; các thôn, bản xa trung tâm xã đều có phân trường.

Xây dựng trường trung học cơ sở ở những xã có điều kiện và mở thêm một số trường phổ thông trung học cấp II, III khu vực, có ký túc xá cho học sinh phổ thông trung học. củng cố trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường chuyên nghiệp của tỉnh, nâng cấp Trường Trung cấp Sư phạm thành Trường Cao đẳng Sư phạm (1997), đa dạng hóa nội dung đào tạo. Phấn đấu đưa tỷ lệ người lao động được đào tạo từ 22% trở lên. Các huyện vùng cao đều có trường phổ thông dân tộc nội trú. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ trong năm 1998. Đến năm 2000, phổ cập trung học cơ sở ở thị xã Lạng Sơn, ở các thị trấn và ở các xã có điều kiện...

Quán triệt thực hiện nghị quyết, các huyện, thị và ngành giáo dục tích cực chỉ đạo hoàn thành chương trình học bổ túc cho hàng nghìn học viên các lứa tuổi, góp phần hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học được thêm 61 xã, nâng tổng số xã, phường, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học lên 191/225 xã, phường, thị trấn; 9 huyện, thị hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ. Tháng 12/1997, tỉnh Lạng Sơn được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, sớm hơn một năm so với mục tiêu do nghị quyết đề ra.

Sau khi tỉnh Lạng Sơn được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tích cực chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng, phát triển quy mô giáo dục - đào tạo. Trước yêu cầu ngày càng cao của chương trình cải cách giáo dục, cơ sở vật chất của trường học chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học, chất lượng dạy và học

chưa cao, còn thiếu nhiều giáo viên, trình độ của một bộ phận giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo, đặc biệt là ở các xã vùng cao, các cấp ủy đảng, chính quyền luôn coi trọng đẩy mạnh cuộc vận động xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ở tất cả các xã trong tỉnh. Thực hiện phổ cập trung học cơ sở ở các phường của thị xã, các thị trấn và các xã có điều kiện. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học.

Bên cạnh việc chú trọng giáo dục phổ thông, tỉnh chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đến năm 2010; mở một số lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, tin học, ngoại ngữ cho 1.354 công chức, viên chức các ngành, các cấp. Trường Cao đẳng Sư phạm đào tạo được 334 sinh viên, Trường Trung cấp Kinh tế đào tạo được 102 sinh viên, Trường Trung cấp Y tế đào tạo được 85 sinh viên, các trường dạy nghề đào tạo được 245 lao động có tay nghề.

Đến năm 2000, hoạt động giáo dục và đào tạo của tỉnh đạt được những tiến bộ quan trọng. Quy mô giáo dục được mở rộng, chất lượng giáo dục - đào tạo được nâng lên. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được bổ sung. Tỉnh chỉ đạo đầu tư xây dựng mới được 96 phòng học nhà cấp 2; 90 phòng học nhà cấp 4; 19 phòng ở tập thể cho giáo viên. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi huy động đến trường đạt trên 97%; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở được thêm 37 xã, phường, thị trấn, trong đó thị xã Lạng Sơn được công nhận hoàn thành phổ

cập trung học cơ sở. Trường Tiểu học Vĩnh Trại, thị xã Lạng Sơn và Trường Tiểu học thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng là hai trường tiểu học đầu tiên của tỉnh đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 6,2% năm 1996 lên 10,8% năm 2000.

*b) Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao*

Cùng với việc chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh hoàn thành lắp đặt đưa vào sử dụng trạm thu phát FM và máy phát hình THOMCAST để nâng cao chất lượng phát thanh, truyền hình, mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình, tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ phát hành báo chí đến xã, phường, thị trấn. Hằng năm, ngân sách của tỉnh hỗ trợ phát hành 7 loại bản tin thường kỳ hằng tháng, hằng quý của các ban, ngành, đoàn thể, với số lượng 129.200 bản; hỗ trợ Báo Lạng Sơn phát hành 504.000 bản; hỗ trợ cung cấp các loại báo, tạp chí cho các điểm bưu điện văn hóa xã và các đồn biên phòng.

Ngành văn hóa - thông tin chỉ đạo các đội chiếu bóng, đội thông tin lưu động thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông tin, cổ động thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức chiếu phim, triển lãm ảnh, biểu diễn văn nghệ phục vụ nhân dân, góp phần đáp ứng nhu cầu thông tin và cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh triển khai, hoàn thành lắp đặt, đưa vào sử dụng trạm phát lại truyền hình đặt tại xã Bính Xá, huyện Đình Lập; xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng; xã Quốc Khánh, huyện Tràng Định và máy phát

sóng FM tại huyện Văn Quan, mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình trên phạm vi toàn tỉnh. Năm 1999, toàn tỉnh có 85% số xã, phường, thị trấn có báo đọc trong ngày; 31,11% số xã, phường, thị trấn có điện thoại. Năm 2000, số hộ gia đình được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam đạt 94%, số hộ gia đình được xem truyền hình Việt Nam đạt 45%.

Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tỉnh ban hành Quy ước về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng các đề án về phát triển văn hóa, văn học nghệ thuật, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa, làng văn hóa, khối phố văn hóa”. Năm 2000, toàn tỉnh có 169 làng, bản, khối phố và 20.000 hộ gia đình được công nhận đạt tiêu chuẩn làng văn hóa và gia đình văn hoá.

Cùng với việc chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng công tác thể dục thể thao. Ngày 10/3/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về tăng cường lãnh đạo công tác thể dục thể thao từ nay đến năm 2000 và những năm tiếp theo. Nghị quyết nêu rõ: Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao ở cơ sở. Phấn đấu hàng năm có 8 - 10% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 50% học sinh các cấp đạt tiêu chuẩn rèn luyện

thân thể theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 80 - 95% cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; 2% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao. Nâng cao thành tích thể thao ở một số môn truyền thống. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ thể dục thể thao ở cơ sở. Phấn đấu thường xuyên có vận động viên tham gia các giải thể thao khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc và giải thể thao quốc gia. Thành lập trung tâm huấn luyện thể thao của tỉnh, trung tâm thể dục thể thao ở các huyện, thị. Trong năm 1998, phấn đấu xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng nhà thi đấu thể thao với sức chứa 2.000 khán giả, hoàn thành cải tạo nâng cấp sân vận động Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn.

*c) Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xóa đói, giảm nghèo*

Trong những năm 1996 - 2000, cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia về chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ chuyên môn cho các bệnh viện, các trạm y tế cơ sở. Đội ngũ cán bộ chuyên trách xã, phường, thị trấn và cộng tác viên thôn, bản, khối phố về dân số - kế hoạch hóa gia đình được củng cố; công tác tuyên truyền thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, góp phần giảm tỷ lệ sinh xuống 0,8‰ so với năm 1996. Trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 47,6% năm 1996 xuống còn 43%. Toàn tỉnh



còn 44 xã chưa có trạm y tế. Được sự quan tâm đầu tư của Trung ương và của tỉnh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng, bố trí cán bộ chuyên môn, hoạt động khám, chữa bệnh của các bệnh viện, trạm y tế cơ sở có sự chuyển biến rõ rệt cả về chất lượng chuyên môn và tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế. Công tác y tế dự phòng được đẩy mạnh, ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh của nhân dân được nâng lên, không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Ngày 03/7/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 11-NQ/TU về nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 1998 - 2010. Nghị quyết nêu rõ: Không để bệnh dịch lớn và nguy hiểm xảy ra. Phấn đấu đến năm 2000, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như bại liệt, phong, uốn ván trẻ sơ sinh; hạn chế tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 30%, tỷ lệ phát triển dân số dưới 2%. Đào tạo và bố trí đủ bác sĩ tuyến huyện; 40% số xã có bác sĩ đa khoa và 50% số xã có bác sĩ. Đến năm 2010, thanh toán bệnh bướu cổ, ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS; 70% số xã có bác sĩ. Xây dựng xong các bệnh viện tuyến huyện, đầu tư trang thiết bị y tế, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh, xây dựng trụ sở các trạm bướu cổ, da liễu, mắt. 100% trạm y tế tuyến cơ sở xây dựng được vườn thuốc nam, đảm bảo có trang thiết bị tối thiểu phục vụ khám, chữa bệnh và tiến hành dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Ngành y tế tích cực triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế cho các bệnh viện và các trạm y tế cơ sở,

tăng cường kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động hành nghề y dược tư nhân. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh. Hoạt động tuyên truyền của đội ngũ cộng tác viên dân số ở cơ sở được đẩy mạnh, góp phần giảm tỷ lệ phát triển dân số còn 1,5%.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự chỉ đạo tích cực của các cấp, các ngành, đến năm 2000, có 40,8% số xã, phường, thị trấn có bác sĩ, 100% số xã, phường, thị trấn có y sĩ sản nhi, 77% số thôn, bản, khối phố có nhân viên y tế cộng đồng, có 122 nhà trạm y tế cơ sở được đầu tư xây dựng và nâng cấp đạt tiêu chuẩn quy định; chất lượng khám, chữa bệnh của các bệnh viện, trạm y tế cơ sở được nâng lên. Trong năm, không có dịch bệnh lớn xảy ra, tình hoàn thành thanh toán triệt để bệnh phong. Hoạt động tuyên truyền tích cực, thường xuyên của Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và của đội ngũ cộng tác viên dân số đã góp phần giảm tỷ lệ sinh còn 0,65%, giảm tỷ lệ phát triển dân số còn 1,14%.

Ngày 24/12/1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội. Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ, mục tiêu của công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội là: Các cấp ủy đảng, chính quyền cần xác định việc phòng, chống các tệ nạn xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài. Từng địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể, giải quyết tích cực, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi, xoá bỏ tệ nạn xã hội, trước mắt là tệ nạn hút hít, tiêm chích ma túy và phòng, chống HIV/AIDS.

Thực hiện chương trình, mục tiêu xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, năm 1996, tỉnh trích 2 tỷ đồng cho các hộ nghèo vay để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Năm 1995 và năm 1996, có 29.447 hộ gia đình được vay 34 tỷ 500 triệu đồng phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, ngày 28/3/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về tiếp tục đẩy mạnh chương trình xoá đói, giảm nghèo giai đoạn 1996 - 2000. Nghị quyết nêu rõ: Từ nay đến năm 1998, cơ bản xoá xong hộ đói, năm 2000 xoá xong cơ bản hộ nghèo. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và mỗi người dân đều phải có trách nhiệm xây dựng và thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo; tạo mọi điều kiện về vốn, vật tư, công cụ sản xuất. Ưu tiên giao đất, giao rừng để hộ đói nghèo có thêm điều kiện sản xuất, tăng thu nhập. Tăng cường mở các lớp tập huấn nâng cao kiến thức khoa học - kỹ thuật, giúp người nghèo vươn lên trong sản xuất, ổn định cuộc sống. Hằng năm, ngân sách tỉnh, ngân sách các huyện, thị, xã, phường, thị trấn trích một tỷ lệ vốn thích hợp, đồng thời vận động các cơ quan, đơn vị, các cơ sở kinh tế, các tổ chức từ thiện và nhân dân tham gia đóng góp xây dựng quỹ xoá đói, giảm nghèo nhằm hỗ trợ cho chương trình xoá đói, giảm nghèo.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tăng cường chỉ đạo thực hiện chương trình xoá đói,

giảm nghèo gắn với đẩy mạnh triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh các cấp tín chấp ngân hàng giúp cho 6.368 hộ nông dân, hội viên được vay vốn sản xuất, kinh doanh được 10,575 tỷ đồng. Với những biện pháp tích cực đẩy mạnh chương trình xoá đói, giảm nghèo, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 19,8% năm 1995 xuống còn 16,6% năm 1997. Cùng với đó, việc thực hiện các chính sách xã hội được đẩy mạnh; các hoạt động chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với nước, các mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em mồ côi, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chú trọng.

Năm 1999, bằng các nguồn vốn hỗ trợ tín dụng người nghèo, Ngân hàng Chính sách xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho 12.000 hộ gia đình nghèo vay với tổng số vốn là 17 tỷ đồng để đầu tư cho sản xuất, cải thiện đời sống. Các cấp, các ngành triển khai xây dựng 165 công trình hạ tầng thuộc chương trình 135 ở các xã đặc biệt khó khăn. Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở các xã, phường, thị trấn đã tích cực chỉ đạo, vận động mua thẻ bảo hiểm y tế cho 4.585 người nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khám, chữa bệnh miễn phí cho trên 40.000 lượt người nghèo, người thuộc diện chính sách; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 300 gia đình chính sách. Đến năm 2000, tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh còn 11% (theo tiêu chí cũ).

Cùng với việc chỉ đạo tăng cường kiểm tra thực hiện chương trình giải quyết việc làm, tỉnh chỉ đạo triển khai chương trình 135 ở 17 xã đặc biệt khó khăn của huyện Bình Gia

và huyện Đình Lập; phân công các ngành, các doanh nghiệp nhà nước có kế hoạch hỗ trợ, giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, cải thiện và ổn định đời sống của nhân dân. Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc các bộ, ngành Trung ương giúp đỡ các địa phương phát triển kinh tế - xã hội, năm 1999, Bộ Thương mại giúp tỉnh triển khai xây dựng 2 chợ trung tâm cụm xã tại Ba Xã, huyện Văn Quan và Hội Hoan, huyện Văn Lãng, cùng 6 cửa hàng thương mại tại 6 xã thuộc hai huyện Bình Gia và Đình Lập.

#### **4. củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường hoạt động đối ngoại**

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 10/9/1992 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong hình thức mới, trong giai đoạn 1996 - 2000, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh luôn chú trọng củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 07/10/1993 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về củng cố, xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện và Đề án của Tỉnh ủy về xây dựng củng cố 21 xã biên giới vững mạnh toàn diện, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở các xã biên giới phối hợp chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng quản lý và bảo vệ vững chắc đường biên,

mốc giới. Hệ thống chính trị được củng cố, nhân dân các dân tộc ở các xã biên giới góp phần quan trọng thúc đẩy bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, tham gia tích cực vào quá trình mở cửa, hội nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu, phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ, đẩy mạnh quá trình xây dựng phát triển khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

Tuy nhiên, từ năm 1996 đến năm 1998, trên tuyến biên giới của tỉnh, phía nước ngoài vẫn tiếp tục tăng cường các hoạt động xâm canh, di chuyển cột mốc. Các vị trí thường xuyên xảy ra các hoạt động lấn chiếm là mốc 5 Tây, địa phận huyện Tràng Định; mốc 10 Đông, xã Thanh Long; mốc 16 phụ, Khưa Đa, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng; cửa khẩu Hữu Nghị, đoạn đường sắt 3 Cống, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc; khu vực các mốc 44, 45, 47 và 48 xã Yên Khóa, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình.

Trước những diễn biến của tình hình trên và yêu cầu, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong tình hình mới, Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định tạm thời về giải quyết công việc trên vùng biên giới, củng cố quan hệ hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; không ngừng củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, tạo môi trường thuận lợi, an toàn, thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

Ngày 07/5/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU về việc tăng cường quản lý, bảo vệ biên giới trong tình hình mới. Chỉ thị nêu rõ: Chỉ đạo triển khai nhanh và tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, thị trấn biên giới. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng: đường giao thông, điện lưới, phát thanh truyền hình, trường học, nhà trạm y tế... nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân biên giới. Tăng cường củng cố xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, bộ đội biên phòng và các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới trong sạch, vững mạnh. Xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội biên phòng, lực lượng hải quan, công an, quản lý thị trường, thuế, kiểm dịch trong việc kiểm tra, kiểm soát, quản lý người, hàng hóa, phương tiện giao thông qua lại biên giới. Quán triệt tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân, tích cực tham gia với các lực lượng chuyên trách chống vượt biên buôn lậu, gian lận thương mại, chống các đối tượng móc nối đưa người, tài liệu, văn hóa phẩm, ma túy, tiền giả qua lại biên giới và tăng cường tấn công truy quét các loại tội phạm hình sự, các tệ nạn xã hội; tạo môi trường lành mạnh cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền các huyện, xã, thị trấn biên giới cùng với lực lượng bộ đội biên phòng thường xuyên nắm chắc tình

hình đường biên, mốc giới; phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, các lực lượng tại chỗ bảo vệ đường biên, mốc giới; đấu tranh có hiệu quả với những hành động vi phạm lãnh thổ, đảm bảo an ninh Tổ quốc.

Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia đã đề ra, trước tình hình phía nước ngoài vẫn tiếp tục tiến hành các hoạt động xâm canh lấn chiếm sang lãnh thổ Việt Nam, tỉnh thường xuyên chỉ đạo bộ đội biên phòng, các huyện biên giới, các xã biên giới, các ngành chức năng của tỉnh, tăng cường phối hợp, trao đổi giữa hai bên đảm bảo giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Đồng thời, chỉ đạo Công an tỉnh tăng cường phối hợp với công an nước bạn đẩy mạnh đấu tranh chống các loại tội phạm hình sự ở khu vực biên giới.

Bên cạnh đó, thực hiện Quy chế phối hợp quản lý biên giới, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Công an tỉnh thường xuyên phối hợp chặt chẽ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới; ngăn chặn, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm qua lại hai bên biên giới. Trong 3 năm 1997 - 1999, bộ đội biên phòng tại các cửa khẩu kiểm tra làm thủ tục xuất nhập cảnh cho trên 40.000 lượt người, với 50 quốc tịch khác nhau; 90.000 phương tiện giao thông qua lại. Qua đó, phát hiện, xử lý hàng nghìn vụ xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới.

Được sự chỉ đạo của Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, công an các huyện phối hợp với các đồn biên phòng chủ động, thường xuyên nắm chắc tình hình, kết hợp giữa phòng ngừa tích cực, phát động phong trào quần chúng



bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố các tổ an ninh thôn, bản, tăng cường kiểm tra, kiểm soát khu vực cửa khẩu các địa bàn trọng điểm, đẩy mạnh đấu tranh truy quét các loại tội phạm. Qua đó, lực lượng công an và bộ đội biên phòng đã đấu tranh 11 chuyên án và 8 đầu mối danh sách gián điệp; bắt xử lý 32 đối tượng, tấn công chính trị, vô hiệu hóa 82 cơ sở của cơ quan đặc biệt nước ngoài cài cắm trong nội bộ, nội địa Việt Nam. Thông qua các chuyên án hình sự, bắt, xử lý, răn đe, giáo dục và phạt hành chính hàng trăm đối tượng vận chuyển ma túy, vũ khí, chất nổ, buôn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới.

Cùng với việc phối hợp chỉ đạo, tổ chức đấu tranh với các loại tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, các cửa khẩu, Công an tỉnh đẩy mạnh vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn với các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp tăng cường chỉ đạo công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo trên địa bàn, kịp thời ngăn chặn các hoạt động tôn giáo và truyền đạo trái phép; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết 231 vụ tranh chấp, khiếu kiện của nhân dân, không để tích tụ hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Đến năm 2000, tỉnh đã giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện kéo dài, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, nâng cao ý thức chấp

hành pháp luật, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Triển khai chương trình phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy và tệ nạn xã hội, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, các ngành chức năng tích cực chỉ đạo tăng cường kết hợp công tác phòng ngừa xã hội với đấu tranh truy quét tội phạm, các tệ nạn xã hội. Công an tỉnh tổ chức lực lượng, mở nhiều đợt tấn công, điều tra khám phá, triệt phá hàng trăm vụ phạm pháp hình sự, bắt 206 tên tội phạm nguy hiểm; gần 200 đối tượng buôn bán, vận chuyển, sử dụng ma túy..., góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội trên địa bàn.

Tỉnh ủy tổ chức triển khai quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng bộ về nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ, triển khai chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về chiến lược an ninh quốc gia, Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước. Thường xuyên chỉ đạo lực lượng chức năng thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, góp phần tăng cường củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Để tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại, ngày 18/10/1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu. Nghị quyết nêu rõ: Đẩy mạnh tuyên truyền, đấu tranh chống tham nhũng có

hiệu quả đối với những hành vi tham ô, chiếm đoạt làm thất thoát tài sản nhà nước, nhận hối lộ và đòi hối lộ. Đặc biệt chú ý đến các lĩnh vực trọng điểm như: quản lý, sử dụng đất đai; quản lý vốn đầu tư phát triển, quản lý tài chính - tín dụng; quản lý sử dụng vốn các dự án; các chương trình quốc gia; quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, thu thuế và thu lệ phí, cấp giấy phép xuất nhập cảnh; thành lập doanh nghiệp, cấp bằng lái xe, cấp giấy phép hành nghề; quản lý vốn doanh nghiệp nhà nước; hoạt động điều tra, xét xử thi hành án... Tập trung chống buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại. Chú trọng chống buôn lậu ở các địa bàn trọng điểm, trên tuyến biên giới, cửa khẩu, đường mòn, đường tránh, các trục giao thông chính, các địa điểm tập kết hàng, thị xã, thị trấn, các xã biên giới. Kiểm tra thường xuyên hoạt động kinh doanh, nộp thuế của các doanh nghiệp và các hộ tư nhân kinh doanh.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo chống buôn lậu cấp tỉnh và Ban Chỉ đạo chống buôn lậu cấp huyện, thị. Các ngành chức năng tiến hành hàng trăm cuộc thanh tra, kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực. Qua đó, phát hiện, làm rõ các sai phạm về kinh tế trị giá hàng chục tỷ đồng, kiến nghị thu hồi tài sản phạm pháp trị giá gần 3 tỷ đồng, kiến nghị kỷ luật 14 cán bộ, công chức.

Bên cạnh đó, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp với các lực lượng chức năng tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân, đặc biệt là nhân dân ở các xã, thị trấn biên giới ký kết không tham gia

buôn lậu, không tiếp tay che giấu buôn lậu. Bộ đội biên phòng, hải quan và các lực lượng chức năng ở khu vực biên giới, cửa khẩu thường xuyên tăng cường kiểm tra, kiểm soát trên các địa bàn trọng điểm, các đường mòn, đường tắt ở khu vực cửa khẩu, ngăn chặn buôn lậu. Năm 1997, các lực lượng chức năng chống buôn lậu của tỉnh bắt giữ, xử lý được 2.922 vụ buôn lậu, truy thu phạt thuế được 17,259 tỷ đồng. Từ năm 1998 đến đầu năm 2000, lực lượng an ninh bắt giữ xử lý được 7.200 vụ buôn lậu, gian lận thương mại, thu giữ hàng hóa, truy thu phạt thuế trị giá hàng chục tỷ đồng, trong đó bộ đội biên phòng và hải quan ở các cửa khẩu phối hợp bắt giữ được 122 vụ buôn lậu, trị giá hàng hóa bắt giữ và truy thu thuế lên đến hàng chục tỷ đồng. Kết quả của công tác chống buôn lậu đã góp phần chấn chỉnh các hoạt động kinh doanh, thương mại, tận dụng nguồn thu để tăng thu ngân sách của tỉnh.

Thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, trong 4 năm 1997 - 2000, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tổ chức 13 lớp tập huấn kiến thức quản lý nhà nước về quốc phòng cho 650 cán bộ cấp huyện, thị; 120 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ là bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, xã đội trưởng các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Đồng thời, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tích cực hướng dẫn các sở, ban, ngành, các huyện, thị có kế hoạch quản lý lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ, thực hiện công tác tuyển quân, tổ chức phòng thủ dân sự,

gắn với củng cố an ninh cơ sở, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân; tổ chức phổ biến rộng rãi Pháp lệnh dân quân tự vệ, dự bị động viên trong nhân dân.

Từ năm 1996 đến năm 2000, các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể nhân dân ở các xã biên giới tiến hành rà phá mìn, giải phóng 939,8ha đất phục vụ canh tác, đưa 408 hộ, với 2.187 người dân ở các thôn, bản giáp biên trở về ổn định sản xuất, bám đất, bám làng, tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Với mục tiêu chiến lược đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn có lực lượng vũ trang đóng quân, triển khai nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh ở 21 xã, thị trấn biên giới, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đẩy mạnh xúc tiến thực hiện Kế hoạch B, xây dựng các khu căn cứ, sở chỉ huy, tăng cường tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; có khả năng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, sẵn sàng đánh bại âm mưu, hành động bạo loạn, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thực hiện nhiệm vụ về xây dựng Lạng Sơn thành khu vực phòng thủ vững chắc, từ năm 1996 đến năm 2000, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tập trung triển khai Kế hoạch A3 về chuyển chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu từ thời bình sang thời chiến. Triển khai phương án độc lập tác chiến cho 108 xã, phường, thị trấn, tổ chức 202 cuộc diễn tập tác chiến cụm xã, 8 cuộc diễn tập phòng thủ huyện, thị.

Quán triệt đường lối đối ngoại do Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đề ra, trong quá trình thực hiện Hiệp định biên giới Việt Nam - Trung Quốc, với phương châm “Bình thường hóa với Trung Quốc, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng”, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng lãnh đạo thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, thể hiện được thiện chí, tình đoàn kết hữu nghị giữa hai nước, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi giữ vững ổn định tình hình khu vực biên giới. Những nỗ lực và kết quả trong công tác đối ngoại giữa tỉnh với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc đã góp phần quan trọng vào quá trình đàm phán giữa hai nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ về tiến hành khảo sát, đối chiếu xác định đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc, phục vụ các cuộc đàm phán giữa chính phủ hai nước về biên giới lãnh thổ, năm 1996, tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành khảo sát thực địa 40 khu vực loại C, là những khu vực phức tạp, nhạy cảm do nhận thức khác nhau về hướng đi của đường biên giới. Từ ngày 21 đến ngày 27/12/1998, đoàn công tác liên bộ do Trưởng ban Biên giới Chính phủ làm Trưởng đoàn, đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tổng cục Địa chính, lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn tiến hành khảo sát thực địa tại khu vực 249C (cửa khẩu Hữu Nghị), khu vực 255C (mốc 23 Đông) và khu vực Khảm Khau. Kết thúc khảo sát, đoàn công tác liên bộ đã làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và bí thư huyện ủy các huyện biên giới của tỉnh thống nhất phân loại, xác định chủ quyền ở khu vực C trên tuyến biên giới Lạng Sơn. Từ đó, đề

xuất phương án giải quyết các khu vực C, góp phần tích cực vào kết quả đàm phán giữa hai nước để đi đến ký Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ngày 30/12/1999.

Trong 3 năm 1998 - 2000, tại các huyện biên giới, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh chủ động hội đàm với các lực lượng chức năng của phía Trung Quốc về việc quản lý, bảo vệ đường biên giới trên tinh thần xây dựng biên giới hữu nghị, hợp tác và phát triển; tuyên truyền, vận động nhân dân hai bên biên giới chấp hành tốt Hiệp ước biên giới trên đất liền và luật pháp của mỗi nước. Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các huyện biên giới thực hiện phương châm mềm dẻo, khôn khéo nhưng kiên quyết trong giải quyết những vấn đề phức tạp xảy ra ở khu vực biên giới. Cùng với đó, các ngành chức năng của tỉnh tiến hành 285 lần các nội dung đối ngoại với Trung Quốc, trong đó có 190 lần giải quyết các vấn đề biên giới, 55 lần quan hệ phối hợp và 40 lần quan hệ hữu nghị. Kết quả của công tác đối ngoại đã góp phần quan trọng giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, tăng cường quan hệ đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế và đàm phán giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước.

### **5. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh 5 năm 1996 - 2000, Chỉ thị

số 39-CT/TW, ngày 14/8/1998 của Bộ Chính trị về thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ, các cấp ủy đảng tiếp tục chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Ngày 20/7/1997, đông đảo cử tri trong tỉnh đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X. Các đồng chí trúng cử đại biểu Quốc hội khóa X khu vực bầu cử tỉnh Lạng Sơn, thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn là: Vũ Đình Cự, Trịnh Hồng Dương, Dương Công Đá, Trương Thị Mai, Vi Văn Mạn.

Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị *Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở* và Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14/02/1998 của Bộ Chính trị *Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*, ngày 03/3/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch, đề ra phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội từ nay đến năm 2000.

Để thực hiện mục tiêu tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội trong những năm 1998 - 2000, tỉnh tiếp tục chỉ đạo phấn đấu đến năm 2000, 100% thôn, cụm dân cư có tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, phấn đấu xây dựng các tổ chức Mặt trận Tổ quốc,



các đoàn thể nhân dân đạt tiêu chuẩn vững mạnh trên 70%, tỷ lệ đơn vị trung bình dưới 10%. Phấn đấu đạt tỷ lệ 20 người dân có 1 hội viên, đoàn viên. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tập hợp quần chúng. Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho hội viên, đoàn viên và nhân dân thông qua học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tích cực hướng dẫn, động viên nhân dân tham gia có hiệu quả các chương trình lồng ghép về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế hàng hóa tập trung; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, tích cực phòng, chống tệ nạn xã hội.

Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân trên tất cả các lĩnh vực. Phát động phong trào thi đua tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh. Tích cực thực hiện công tác bồi dưỡng, kết nạp Đảng. Phấn đấu đến năm 2000, 100% các tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân hoạt động khá, không còn cơ sở yếu kém. Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị từng giai đoạn cách mạng và tình hình thực tiễn, các cấp ủy đảng xác định rõ phương hướng, mục tiêu, giải pháp để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội xây dựng chương trình hành động. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội. Thực hiện có hiệu quả phương

châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của hệ thống chính trị.

Trước yêu cầu nhiệm vụ, mục tiêu đẩy mạnh đổi mới chính đốn Đảng, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, ngày 12/9/1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU *Về tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trước yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới*. Nghị quyết xác định mục tiêu, nhiệm vụ của công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong giai đoạn mới là: Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức tư tưởng và niềm tin cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương, đơn vị.

Thực hiện mục tiêu đẩy mạnh đổi mới và chính đốn Đảng, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trong 3 năm 1996 - 1998, các cấp ủy đảng chú trọng tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tỷ lệ đảng viên tham gia các đợt học tập chính trị đạt 85 - 95%. Trong đó, một số đảng bộ trực thuộc có 100% đảng viên được học tập. Tỷ lệ quần chúng tham gia học tập đạt trên 70%.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hằng năm, tỉnh dành hơn 2 tỷ đồng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Năm 1996, tỉnh ban hành chính sách trợ cấp cho cán bộ công chức đi đào tạo, bồi dưỡng học cao học, nghiên cứu sinh. Trong 5 năm 1996 - 2000, tỉnh cử 416 cán bộ đi học đại học, 18.754 cán bộ được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Hầu hết cán bộ chủ chốt các cấp đều có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Riêng năm 1998, trên cơ sở quy hoạch cán bộ, tỉnh chọn cử 137 cán bộ đi học ở các trường Trung ương, Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ. Các huyện, thị tổ chức được 3 lớp tại chức đào tạo cho 139 cán bộ theo chương trình trung cấp lý luận chính trị, 21 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 1.439 cán bộ.

Trong 3 năm 1996 - 1998, toàn Đảng bộ kết nạp được 6.500 đảng viên. Chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng được nâng lên rõ rệt. Qua phân tích chất lượng đảng viên và phân loại tổ chức cơ sở đảng, năm 1998, số đảng viên loại 1 tăng từ 74,62% năm 1995 lên 82,2%. Đảng viên loại 4 giảm từ 0,26% năm 1995 xuống còn 0,18%. Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng từ 43,07% năm 1995 lên 60%, không còn tổ chức cơ sở đảng yếu, kém. Ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 261 tổ chức cơ sở đảng và 2.773 lượt đảng viên về chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện các quy định của Đảng. Qua kiểm tra, phát hiện, thi hành kỷ luật 198 đảng viên vi phạm. Công tác kiểm tra đã góp phần nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

Nhằm tiếp tục kiện toàn công tác cán bộ, ngày 15/01/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ra quyết định điều động, phân công đồng chí Ngô Xuân Từ - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy giữ chức vụ Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy thay đồng chí Hoàng Thị Diệu Tuyết đi nhận nhiệm vụ mới. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu đồng chí Ngô Xuân Từ giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII.

Ngày 28/5/1999, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Chương trình hành động đề ra những nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII trong toàn Đảng bộ là:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm không ngừng nâng cao nhận thức, lập trường quan điểm cho cán bộ, đảng viên trên cơ sở thực hiện những nội dung có tính nguyên tắc đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

2. Thực hiện nghiêm túc quy định của Đảng về chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên.

3. Tăng cường giáo dục, quản lý, kiểm tra cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống.

4. Tập trung chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Tăng cường củng cố tổ chức và cán bộ các cơ quan kiểm tra, các cơ quan bảo vệ pháp luật trong sạch, vững mạnh, làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

5. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu. Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của tổ chức đảng,

thực hiện dân chủ trong thảo luận. Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện Quy định đảng viên đang công tác ở các cơ quan, đơn vị thường xuyên giữ mối liên hệ với đảng ủy, chi ủy nơi cư trú, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

6. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan đảng và tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, tiếp tục thực hiện Quy chế về cán bộ, luân chuyển, điều động cán bộ.

7. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức, quán triệt, thực hiện nghị quyết của Trung ương bằng việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể, phù hợp với tình hình của địa phương.

8. Có kế hoạch tiến hành sơ kết, tổng kết để không ngừng nâng cao hiệu quả triển khai, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy và triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 02/02/1999, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII *Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng*, từ cuối năm 1999, Tỉnh ủy Lạng Sơn thành lập Ban Chỉ đạo, chọn 4 đảng bộ điểm chỉ đạo tiến hành tự phê bình và phê bình. Các đảng bộ trực thuộc đã xây dựng kế hoạch, chọn 44 chi bộ, đảng bộ trực thuộc làm điểm tiến hành tự phê bình và phê bình. Đến hết tháng 2/2000, có 74% số chi bộ, đảng bộ trong toàn tỉnh tiến hành tự phê bình và phê bình trong cấp ủy. Các đơn vị làm điểm của tỉnh là: Đảng bộ thị xã Lạng Sơn, Đảng bộ huyện Hữu Lũng, Đảng bộ Công an tỉnh và Đảng bộ Sở Giao thông vận tải.

Đến hết tháng 8/2000, 100% các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đã hoàn thành công tác tự phê bình và phê bình. Việc tiến hành tự phê bình và phê bình là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào thắng lợi của công cuộc đổi mới. Từ đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức, tác phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, tạo bước chuyển biến quan trọng trong đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền; đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Trong 5 năm 1996 - 2000, công tác xây dựng Đảng được coi trọng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng từ 46,8% năm 1996 lên 55% năm 1999; số đơn vị yếu, kém giảm từ 1,49% năm 1996 xuống còn 1,25% năm 1999; công tác phát triển đảng viên mới có nhiều cố gắng, đưa tổng số đảng viên toàn Đảng bộ từ 23.422 đảng viên năm 1996 lên 29.631 đảng viên năm 2000. Các tổ chức cơ sở đảng ngày càng phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị. Chất lượng đảng viên năm sau cao hơn năm trước.

Trong 5 năm 1996 - 2000, ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 2.545 đảng viên và 488 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm; qua kiểm tra đã phát hiện các sai phạm, xử lý kỷ luật 839 cán bộ, đảng viên; giải quyết 624 đơn, thư tố cáo cán bộ, đảng viên; kiểm tra 711 tổ chức cơ sở đảng và 13.483 lượt đảng viên về quản lý chi tiêu ngân sách đảng và

thu, nộp đảng phí. Ủy ban kiểm tra các cấp đã phối hợp tiến hành kiểm tra 72 tổ chức cơ sở đảng và 494 đảng viên về chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua kiểm tra đã phát hiện, xác minh, kết luận, xử lý kỷ luật 210 đảng viên vi phạm chính sách pháp luật, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, suy thoái về đạo đức, lối sống. Công tác kiểm tra đảng góp phần chấn chỉnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng, củng cố Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về *Một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước*, tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ. Trên cơ sở đó, tiến hành sắp xếp lại bộ máy, kiện toàn cán bộ, giảm 15% biên chế, xây dựng bộ máy tinh gọn, chất lượng, hiệu quả. Trong năm 2000, Tỉnh ủy có quyết định giải thể Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy; sáp nhập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy vào Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định sáp nhập Cục Quản lý vốn và Cục Đầu tư, phát triển vào Sở Tài chính - Vật giá, tách tổ chức một số phòng chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, củng cố lại một số doanh nghiệp nhà nước.

Cùng với việc chỉ đạo sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế ở các cấp, các ngành, công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm chú trọng, các cấp ủy đảng thường xuyên tiến hành rà soát về chính trị nội bộ, tăng cường quản lý cán bộ

và bảo vệ bí mật nhà nước, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vụ việc vi phạm đến an ninh quốc gia, góp phần tích cực vào việc xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh.

Thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 07/8/1999 của Bộ Chính trị *Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết về việc thành lập Ban Chỉ đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004. Ngày 14/11/1999, toàn tỉnh có 405.969 cử tri tham gia bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, chiếm tỷ lệ 99,47%. Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XIII, nhiệm kỳ 1999 - 2004 được bầu, gồm 56 đại biểu tiêu biểu, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của cử tri trong toàn tỉnh.

Ngày 14/12/1999, kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 1999 - 2004 bầu Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Trần Ngát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tái cử chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Hoàng Sự, Tỉnh ủy viên, tái cử chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Dương Công Đá, Phó Bí thư Tỉnh ủy, tái cử chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí: Đoàn Bá Nhiên - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phùng Văn Mục - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nguyễn Thị Yên - Tỉnh ủy viên, tái cử chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII thông qua nghị quyết về việc đề nghị Chính phủ xem xét, quyết định tách xã Lộc Thanh, huyện Cao Lộc thành hai xã Thanh Lòa và Lộc Yên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII về *Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng*



*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trong 2 năm 1999 - 2000, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành các đợt giám sát, kiểm tra một số huyện, ngành và cơ quan, đơn vị về tình hình, kết quả triển khai thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình phát triển đường giao thông nông thôn, chương trình 135, công tác giáo dục - đào tạo, quản lý sử dụng đất đai và tình hình sản xuất của doanh nghiệp. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân góp phần chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; tăng cường phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng, củng cố chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính, cải tiến lề lối làm việc, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy trí tuệ tập thể trong chỉ đạo, điều hành. Cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể; chỉ đạo xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp và phát triển nông thôn, quy hoạch phát triển thị xã Lạng Sơn, các thị trấn, khu kinh tế

cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; xây dựng và ban hành các chính sách, cơ chế nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục tăng cường thực hiện Nghị quyết số 8B-NQ/HNTU của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI *Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ X (tháng 12/1997)*. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của các cấp ủy đảng, hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã văn hoá”, do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội hướng mạnh về cơ sở. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Trong 3 năm 1998 - 2000, Mặt trận Tổ quốc các cấp vận động, xây dựng và củng cố được 518 khu dân cư tiên tiến. Đến năm 2000, tất cả các thôn, bản, khối phố có tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân.

Hội Nông dân các cấp phối hợp với các ngành đẩy mạnh vận động hội viên và nhân dân tăng cường khai thác tiềm năng đất đai, lao động phát triển sản xuất, mở rộng diện tích trồng rừng kinh tế, cây ăn quả, nhân rộng các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng có hiệu quả. Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Công đoàn và các tổ chức xã hội phát động các phong trào thi đua lao

động, sản xuất giỏi; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, buôn lậu, các tệ nạn xã hội; phong trào bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và kết quả của các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước đã góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII *Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới*, ngày 18/9/1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác thanh niên trong giai đoạn cách mạng mới*. Nghị quyết nêu rõ: Xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; phấn đấu đến hết năm 2000, cơ bản xóa xong tình trạng “trắng” tổ chức đoàn, hội thanh niên ở thôn, bản, khối phố; nâng cao chất lượng đoàn viên và tổ chức đoàn, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của đoàn phù hợp với cơ chế quản lý mới. Các cấp ủy Đảng tạo mọi điều kiện để Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng Đảng; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên; quan tâm đến nhu cầu, lợi ích chính đáng của thanh niên. Đoàn Thanh niên các cấp tích cực tham gia xây dựng chính quyền thông qua việc tham mưu, góp ý kiến xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; vận động đoàn viên, thanh niên chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước. Tổ chức các phong trào hành động

thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Trong những năm 1996 - 2000, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII đã đề ra và đạt được thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực: Cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ được xác định từ năm 1991 đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bình quân GDP 5 năm tăng 9,25%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2000 đạt 215,7 USD, gấp 1,48 lần năm 1995; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được quan tâm chỉ đạo; hoạt động của các cấp chính quyền ngày càng nâng cao hiệu lực, hiệu quả; các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, tỉnh cũng phải đối mặt với những khó khăn, thử thách: Nền kinh tế tuy đã phát triển với nhịp độ tương đối cao nhưng chưa bền vững. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp còn thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao, chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Kết cấu hạ tầng tuy được đầu tư nhưng còn lạc hậu. Nguồn thu ngân sách từ sản xuất còn chiếm tỷ trọng thấp. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển còn hạn chế. Môi trường đầu tư chưa thực sự thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư. Cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các trạm y tế tuyến cơ sở còn

thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Số lao động chưa có việc làm ở khu vực nông thôn còn nhiều. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng cấm, hàng giả tuy giảm nhưng còn diễn biến phức tạp. Cải cách thủ tục hành chính còn chậm, tệ quan liêu, trông chờ, ỷ lại cấp trên còn khá phổ biến ở chính quyền cấp cơ sở.

## II- ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (2001 - 2005)

### 1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001 - 2005

Từ thập niên cuối thế kỷ XX đến những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới có nhiều biến động lớn. Sau khi “chiến tranh lạnh” kết thúc, trật tự thế giới là “nhất siêu đa cường”, trong đó các nước thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc cùng với Liên minh châu Âu (EU) đóng vai trò chi phối lớn. Một số nước và vùng lãnh thổ ở châu Á, khu vực Đông Nam Á nổi lên là những “con rồng” về tăng trưởng kinh tế, tiềm lực quốc phòng. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ có bước tiến nhảy vọt, với tốc độ thần kỳ và đạt kết quả chưa từng thấy. Xu thế chung của thế giới là hòa bình, hợp tác, cạnh tranh phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ; các siêu cường, liên minh chính trị, kinh tế, quân sự đa quốc gia kiềm chế lẫn

nhau về các hoạt động đối ngoại quốc tế, quốc phòng, an ninh, chính trị, quân sự thế giới.

Năm 2000 - năm bản lề kết thúc thế kỷ XX, chuyển sang thế kỷ XXI, Việt Nam đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, đến năm 2000, đất nước vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Trình độ khoa học và công nghệ còn lạc hậu; nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chưa sáng tỏ; tổ chức và quản lý kinh tế, xã hội còn yếu kém; một số vấn đề văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều yếu kém. Nạn tham nhũng, tham ô, lãng phí chưa được giải quyết triệt để. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Tại tỉnh Lạng Sơn, bên cạnh những thuận lợi căn bản, tỉnh cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Là tỉnh miền núi, biên giới, có xuất phát điểm thấp, lại phải đối mặt với những diễn biến khắc nghiệt của khí hậu, thời tiết; nền kinh tế mang nặng tính thuần nông, tự cấp, tự túc; khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở khu vực châu Á, tình hình biên giới diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải chung sức, đồng lòng, đoàn kết vượt qua khó khăn; phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao tinh thần tự chủ, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Từ ngày 01 đến ngày 04/01/2001, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII được tiến hành tại thị xã Lạng Sơn. Tham dự Đại hội có 299 đại biểu ưu tú thay mặt cho 29.638 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về dự và chỉ đạo Đại hội.

Kiểm điểm kết quả 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000), Đại hội khẳng định: Sự nghiệp đổi mới trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều thành tựu quan trọng; từng bước chuyển từ nền kinh tế thuần nông, tự cấp, tự túc sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tốc độ tăng trưởng đạt khá cao; GDP bình quân những năm 1986 - 2000 tăng hằng năm 7,53%, GDP bình quân những năm 1991 - 2000 tăng hằng năm 9,57%. Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP: Nông, lâm nghiệp từ 63,17% năm 1986 và 59,45% năm 1991 giảm xuống 51,07% năm 2000; công nghiệp - xây dựng từ 8,32% năm 1986 và 9,87% năm 1991 tăng lên 12,53% năm 2000; thương mại - dịch vụ từ 28,51% năm 1986 và 30,68% năm 1991 tăng lên 36,40% năm 2000. Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được nhiều tiến bộ, hoạt động văn hóa phong phú, trình độ dân trí từng bước được nâng lên, đời sống nhân dân được cải thiện, có mặt được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ đói nghèo giảm.

Về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996 - 2000, Đại hội chỉ rõ: Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khoa

học, công nghệ tiên tiến được ứng dụng vào sản xuất kinh doanh; năng suất, chất lượng sản phẩm từng bước được nâng lên, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá. Thực hiện chính sách phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các lĩnh vực văn hóa xã hội đều tạo được những chuyển biến mới. Công tác quốc phòng, an ninh thường xuyên được coi trọng, xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; chủ động đấu tranh, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Thường xuyên quan tâm đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Công tác xây dựng Đảng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo; công tác xây dựng Đảng được coi trọng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát giai đoạn 2001 - 2005 là: “Tập trung sức thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm trước, khắc phục cho được những tồn tại, yếu kém của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tạo sự chuyển biến rõ rệt trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, coi trọng phát huy nhân tố con người. Tập trung giải quyết các vấn đề về việc làm, xóa đói giảm nghèo, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội,



cải thiện đời sống của nhân dân. Giữ vững an ninh, đảm bảo an toàn xã hội, chính trị ổn định, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh, chủ động đối phó với mọi tình huống”<sup>1</sup>.

Đại hội nêu ra một số mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội: Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 10 - 10,5%, trong đó giá trị ngành nông - lâm nghiệp tăng 5,6%, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 18,2%, các ngành dịch vụ tăng 14,2%. Đến năm 2005, cơ cấu kinh tế của tỉnh là: Ngành nông - lâm nghiệp chiếm 42%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 16,2%, các ngành dịch vụ chiếm 41,8%. GDP bình quân đầu người đạt 4,9 triệu đồng, tương đương 350 USD, gấp 1,63 lần so với năm 2000. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm là 7.110 tỷ đồng.

Để đạt được những mục tiêu trên, Đại hội đề ra các phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tập trung sức cho mục tiêu phát triển để đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm cao hơn nhiệm kỳ 1996 - 2000, tạo tiền đề thuận lợi cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, trong đó quan tâm xây dựng kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Tiếp tục củng cố, sắp xếp, tổ chức lại các doanh nghiệp nhà nước; đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường; đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001 - 2005*, Văn phòng Tỉnh ủy Lạng Sơn, 2001, tr.39-40.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết tập trung đầu tư xây dựng nâng cấp các công trình thủy lợi, đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa trường học, bệnh viện, thông tin liên lạc; tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương để hoàn thiện hệ thống quốc lộ, đường ra các cửa khẩu.

4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, tăng cường việc tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là đối với một số sản phẩm chủ yếu như hoa hồi, dầu hồi, ván sàn tre, nhựa thông, hoa quả tươi và một số nông, lâm sản khác.

5. Tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách, huy động tối đa các nguồn thu phát sinh vào ngân sách nhà nước, nâng dần tỷ lệ huy động thuế và phí, có cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh để tạo nguồn thu mới từ sản xuất và dịch vụ.

6. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Tập trung vào việc nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực. củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ, đẩy mạnh phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

7. Đẩy mạnh việc nghiên cứu các đề tài khoa học, ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học vào các lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi; công nghệ chế biến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch.

8. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc về xã hội, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động; phát triển các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thông tin, thể dục thể thao.

9. Phát triển các vùng, trước hết tập trung đầu tư các vùng kinh tế động lực: thị xã, khu vực kinh tế cửa khẩu, khu công

nghiệp, tạo điều kiện cho khu vực này tăng trưởng nhanh để có cơ sở hỗ trợ các vùng khác cùng phát triển.

10. **Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức về nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; xây dựng các khu vực phòng thủ, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh.**

11. **Tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân. Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp.**

12. **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; coi trọng và làm tốt công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng.**

Đại hội đề ra các giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của giai đoạn 2001 - 2005 như sau:

*Một là*, tập trung đầu tư thâm canh tăng vụ cây lương thực đối với diện tích lúa ở những nơi chủ động nước; mở rộng diện tích trồng ngô ruộng trên chân ruộng một vụ.

*Hai là*, tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến, mở rộng sản xuất kinh doanh; đầu tư xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp: chế biến bột giấy, khai thác khoáng sản quy mô vừa và nhỏ, nâng cấp và tái chế hàng xuất khẩu.

*Ba là*, tiếp tục củng cố hệ thống thương nghiệp quốc doanh ở các huyện, xã, trung tâm cụm xã; chú trọng công tác tiếp thị

và mở rộng thị trường nông thôn, hình thành các thị tứ, các cửa hàng khu vực và chợ nông thôn. Đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu Tân Thanh, Đồng Đăng, Hữu Nghị, Chi Ma và một số chợ biên giới.

*Bốn là*, huy động tốt các nguồn lực trong nước, tranh thủ vốn nước ngoài cho đầu tư phát triển. Ngoài nguồn vốn ngân sách tập trung hàng năm Nhà nước cân đối, cần tập trung chỉ đạo tăng thu ngân sách, thực hiện triệt để tiết kiệm chi, dành vốn cho đầu tư phát triển.

*Năm là*, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kế hoạch hóa, công tác xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng. Chú trọng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, sử dụng có hiệu quả nhân lực đã qua đào tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao...

*Sáu là*, tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, đẩy mạnh các phong trào trong nhân dân, nâng cao trách nhiệm, vai trò chủ động của lực lượng vũ trang, của các ngành, các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân đối với công tác quốc phòng - an ninh.

*Bảy là*, tiếp tục nâng cao hiệu lực quản lý hành chính nhà nước, thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định của Nhà nước. Thực hiện việc tinh giản biên chế hành chính từ tỉnh đến cơ sở. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục thực hiện việc phân cấp mạnh cho ngành, huyện và cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ.

*Tám là*, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần đề cao trách nhiệm, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động tập hợp nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, quan liêu, xa dân.

*Chín là*, tiếp tục thực hiện cuộc vận động Xây dựng và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; phát huy vai trò của chi bộ, quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2001 - 2005 gồm 47 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 13 đồng chí: Dương Công Đá<sup>1</sup>, Hoàng Công Hoàn<sup>2</sup>, Trần Ngát<sup>3</sup>, Đoàn Bá Nhiên<sup>4</sup>, Chu Viết Nhâm, Hứa Hạnh,

---

1. Ngày 19/6/2001, Bộ Chính trị ra Quyết định số 82-QĐNS/TW chỉ định đồng chí Dương Công Đá, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, kiêm chức Ủy viên Đảng ủy Quân khu 1 (Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy). Năm 2003, đồng chí Dương Công Đá từ trần.

2. Ngày 05/11/2003, Bộ Chính trị ra Quyết định số 828-QĐNS/TW phân công đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lạng Sơn giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn. Ngày 11/02/2004, Ban Bí thư ra Quyết định số 915-QĐNS/TW chỉ định đồng chí Hoàng Công Hoàn, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, kiêm chức Ủy viên Đảng ủy Quân sự Quân khu 1 (Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy).

3. Ngày 05/4/2004, Ban Bí thư ra Quyết định số 989-QĐNS/TW chuẩn y đồng chí Trần Ngát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2001 - 2005 (Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy).

4. Ngày 16/5/2001, Ban Bí thư ra Quyết định số 22-QĐNS/TW chuẩn y đồng chí Đoàn Bá Nhiên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2001 - 2005 (Tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy).

Phùng Văn Mục, Linh Văn Tít, Dương Thời Giang, Phùng Thanh Kiểm, Dương Hiền, Hoàng Thị Bích Ly, Vy Văn Thành. Đồng chí Dương Công Đá được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Hoàng Công Hoàn được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII họp ngày 05/4/2001, bầu đồng chí Đoàn Bá Nhiên giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 07/11/2003, đồng chí Nguyễn Toàn Thắng, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương được Ban Bí thư chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2001 - 2005. Ngày 05/4/2004, Ban Bí thư ra Quyết định số 898-QĐNS/TW chuẩn y đồng chí Trần Ngát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2001 - 2005.

Diễn ra vào những ngày đầu thiên niên kỷ mới, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn. Đại hội đem lại một khí thế cách mạng mới của một tỉnh phen giậu biên cương của Tổ quốc. Nghị quyết Đại hội là những định hướng để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quyết tâm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của quê hương những năm đầu thế kỷ XXI.

Trong không khí tưng bừng mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới, ngày 19/4/2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khai mạc trọng thể tại Thủ đô Hà Nội. Chủ đề của Đại hội là “Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới”.

Độc Diễn văn khai mạc, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh: Đại hội Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại của loài người và của dân tộc Việt Nam - chuẩn bị bước sang thế kỷ XXI.

Đại hội quyết nghị những quan điểm, đường lối, chiến lược, chủ trương, chính sách về xây dựng và phát triển các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước với mục tiêu: “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”; xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đại hội nhất trí đánh giá về những khó khăn, phức tạp, cơ hội và thách thức; những giải pháp chiến lược về phát huy động lực to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc; về tăng cường quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ hợp tác với các nước theo phương châm độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế. Đại hội thông qua các văn kiện quan trọng như: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010); Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005); Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đánh dấu cột mốc quan trọng về việc bổ sung, phát triển đường lối đổi mới nhằm tiếp tục đưa đất nước phát triển trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Thành công lớn nhất của Đại hội IX là đề ra những chiến lược, quyết sách mới về xây dựng phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII, bên cạnh những thuận lợi, tỉnh cũng

gặp nhiều khó khăn, thách thức. Vượt lên những khó khăn, thách thức đó, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, phát huy tinh thần đoàn kết, vượt qua khó khăn, đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực.

## **2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt, ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề, chương trình, dự án nhằm mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống. Nhờ đó, những năm 2001 - 2005, kinh tế của tỉnh có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10,04%, mục tiêu Đại hội đề ra là 10 - 10,5%/năm, cao hơn giai đoạn 1996 - 2000 (9,25%/năm). GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,9 triệu đồng, tương đương 376 USD, vượt mức Đại hội đề ra (350 USD) và gấp 1,74 lần năm 2000. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng và tích cực, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp trong GDP giảm từ 51,04% năm 2000 xuống còn 41,16% năm 2005, ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 12,59% lên 19,83%, ngành dịch vụ tăng từ 36,37% lên 39,01%.

Sản xuất nông - lâm nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển, góp phần quan trọng vào tăng trưởng chung và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở khu vực nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng *Về đẩy nhanh công nghiệp*



*hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là việc đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất được đẩy mạnh. Đến năm 2005, trên 75% diện tích lúa và 95% diện tích ngô là giống mới, góp phần nâng sản lượng lương thực năm 2005 đạt 270.300 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 366kg, vượt mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực. Cơ cấu mùa vụ, cây trồng có sự chuyển dịch rõ nét; các vùng sản xuất tập trung cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản tiếp tục phát triển. Hệ số sử dụng đất được nâng từ 1,45 lần năm 2000 lên 1,67 lần năm 2005, góp phần nâng cao giá trị thu hoạch trên một đơn vị diện tích gieo trồng.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm được duy trì, công tác phòng, chống dịch bệnh được coi trọng. Nhận thức của người dân về phát triển chăn nuôi có chuyển biến, bước đầu hình thành và phát triển các mô hình chăn nuôi quy mô trang trại vừa và nhỏ, nuôi bò nhốt chuồng kết hợp với chăn thả. Ngành thủy sản được quan tâm hơn trước, sản lượng và tỷ trọng có chiều hướng tăng lên.

Thế mạnh kinh tế đồi rừng được khai thác hiệu quả hơn. Nhiều hộ gia đình và doanh nghiệp đã đầu tư vốn phát triển kinh tế lâm nghiệp, tận dụng tốt hơn đất đồi rừng. Rừng kinh tế phát triển, diện tích thông đạt trên 76.000ha, hồi đạt 32.000ha. Công tác giao đất, giao rừng, trồng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng được quan tâm chỉ đạo; rừng tái sinh phát triển nhanh, nâng độ che phủ rừng từ 33,8% năm 2000 lên 41,7% năm 2005.

Kinh tế nông thôn từng bước phát triển theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Số lượng cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm, nhựa thông, chè, hàng mây tre đan... ngày càng tăng, tạo sự chuyển dịch tích cực cơ cấu lao động ở nông thôn. Cơ giới hóa, điện khí hóa được tăng cường ở các khâu làm đất, xay sát, vận chuyển... góp phần nâng cao năng suất, giải phóng sức lao động cho người nông dân. Kinh tế hộ gia đình tiếp tục phát triển, bước đầu hình thành một số trang trại và hình thức liên doanh, liên kết giữa nông dân với cơ sở chế biến, tiêu thụ, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 25/7/2002 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn *Về việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển đường giao thông nông thôn đến năm 2005* và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, ngày 05/8/2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 phê chuẩn Đề án phát triển Giao thông nông thôn đến năm 2005, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, “Nhân dân làm là chính, có sự hướng dẫn hỗ trợ của Nhà nước”, năm 2002, tỉnh hỗ trợ 40.200 tấn xi măng xây dựng hệ thống đường giao thông (bao gồm xây dựng mới, sửa chữa và bảo trì). Với quan điểm “Xây dựng giao thông nông thôn là sự nghiệp của toàn dân”, trong 3 năm 2002 - 2004, tỉnh huy động được 3,347 triệu ngày công để làm đường giao thông nông thôn. Toàn tỉnh đã xây dựng được 409,23km đường bê tông (năm 2001 là 31,59km). Đến năm 2005, số xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại được bốn mùa là 183/226 xã, phường, thị trấn, đạt 80,97%.

Trên cơ sở những kết quả đạt được về xây dựng giao thông nông thôn, ngày 20/7/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thông qua Đề án số 504-ĐA/UBND về phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh đã từng bước cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển vật tư, hàng hóa đến các vùng nông thôn, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, tạo nên diện mạo mới của nông thôn.

Thực hiện Chương trình “Kiên cố hóa kênh mương nội đồng” và Chương trình “Nước sạch nông thôn”, kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được tỉnh ưu tiên đầu tư. Tỉnh đã tập trung nguồn lực để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống giao thông nông thôn, lưới điện, thủy lợi, trường học, trạm y tế xã, chợ khu vực. Diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, chất lượng cuộc sống của nhân dân được nâng lên.

Cùng với sự phát triển của sản xuất nông - lâm nghiệp và kết cấu hạ tầng nông thôn, sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao, năm sau cao hơn năm trước. Năng lực sản xuất được bổ sung và tăng cường. Tỉnh đã hoàn thành và đưa vào vận hành một số cơ sở sản xuất mới như Nhà máy Nhiệt điện Na Dương, dây chuyền sản xuất gạch tuynel, chế biến chè Đài Loan và một số cơ sở sản xuất công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2005, tỉnh tích cực chuẩn bị xây dựng Nhà máy Xi măng Đồng Bành, Thủy điện Khánh Khê. Công nghiệp vừa và nhỏ phát triển nhanh, đa dạng về quy mô và cơ cấu ngành nghề như: lắp

ráp điện tử, sản xuất động cơ điện, linh kiện xe máy, gốm, nhựa, bánh kẹo, rượu,...

Thương mại, dịch vụ và du lịch tiếp tục phát triển, ngày càng trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sau gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, lĩnh vực thương mại, dịch vụ của Lạng Sơn đã có những chuyển biến sâu sắc, đạt nhiều kết quả quan trọng, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP của tỉnh; cơ cấu nội ngành có sự chuyển dịch theo hướng ngày càng phù hợp hơn với cơ chế thị trường, xu thế mở cửa và hội nhập quốc tế.

Ngành thương mại phát triển đồng thời cả ngoại thương và nội thương. Về nội thương, hệ thống thương nghiệp quốc doanh, các trạm thu mua cấp huyện, các cửa hàng hợp tác xã mua bán thời kỳ bao cấp đã được sắp xếp, đổi mới hình thức hoạt động phù hợp với cơ chế thị trường. Thị trường nội địa được mở rộng, tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ bình quân hằng năm tăng 20,43%, năm 2004 đạt 2.359 tỷ đồng. Thế mạnh kinh tế của khẩu tiếp tục được khai thác và phát huy hiệu quả. Trước sự biến động của thị trường, tỉnh đã tập trung chỉ đạo, chấn chỉnh cơ chế quản lý, nên hoạt động xuất nhập khẩu đã có chuyển biến tích cực, ngăn chặn được tình trạng giảm sút và có bước phát triển ổn định, nhanh hơn trước.

Với lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông thuận lợi và hệ thống các danh lam thắng cảnh nổi tiếng cả nước, những phong tục tập quán mang đậm bản sắc dân tộc, các lễ hội truyền thống,... du lịch, dịch vụ đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trong những năm 2001 - 2005, tỉnh đã

tập trung đầu tư hạ tầng ngành du lịch và cải tiến thủ tục xuất, nhập cảnh qua biên giới. Thành phố Lạng Sơn, thị trấn Đồng Đăng và khu kinh tế cửa khẩu tiếp tục phát huy vai trò là đầu mối trung chuyển thương mại trong phát triển quan hệ kinh tế với Trung Quốc, trở thành khu vực kinh tế động lực của tỉnh, tác động tích cực, kéo theo sự phát triển của các khu vực khác. Kết cấu hạ tầng của một số khu du lịch, danh lam thắng cảnh được đầu tư nâng cấp. Tỉnh đã huy động được các nguồn lực trong nhân dân tham gia đầu tư phát triển khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí... Công tác quảng bá du lịch được tăng cường, chất lượng dịch vụ có chuyển biến tích cực. Lượng khách trong nước và quốc tế tăng nhanh, năm 2005 đạt 935.000 lượt người. Doanh thu dịch vụ, du lịch tăng bình quân 31,5%/năm.

Sự phát triển mạnh mẽ, sôi động của ngành thương mại - dịch vụ và các khu kinh tế cửa khẩu đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ năm 1986 đến năm 2004, nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng 320,75% (quy mô kinh tế của tỉnh đã tăng gấp hơn 4,2 lần), trong đó ngành thương mại - dịch vụ tăng gấp 11,6 lần, đóng góp 154% (chiếm tỷ trọng 48%). Ngoài ra, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch và dịch vụ đã có vai trò rất lớn trong việc tăng nguồn thu cho ngân sách, góp phần tạo việc làm cho người lao động (bình quân hàng năm tăng hơn 3.000 người), từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập kinh tế,

triển khai thực hiện chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới được ban hành tại Quyết định số 748/1997/QĐ-TTg và Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg, ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 22/9/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trình Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai Đề án Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình. Nhận thức rõ lợi thế về vị trí địa lý - kinh tế của cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn xác định đây là một trong những nguồn lực phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tạo ra các cơ hội và lợi thế so sánh khác để tỉnh có thể triệt để khai thác nhằm đẩy mạnh giao lưu kinh tế, làm sống động miền biên cương giàu tiềm năng này. Qua đó, tạo thêm các điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, du lịch qua cửa khẩu, góp phần phát huy thế mạnh của tỉnh, tạo động lực cho phát triển kinh tế trong khu vực.

Ngày 17/10/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2002/NĐ-CP Về việc thành lập thành phố Lạng Sơn, thuộc tỉnh Lạng Sơn. Thành phố Lạng Sơn mới bao gồm 8 đơn vị hành chính xã, phường trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của thị xã Lạng Sơn cũ. Tỉnh Lạng Sơn có 1 thành phố và 10 huyện. Sự kiện thành lập thành phố Lạng Sơn là một bước ngoặt quan trọng, mở ra một thời kỳ mới, tạo ra vị thế mới, cơ hội mới để tỉnh phát triển với tốc độ cao hơn, nhanh hơn và toàn diện hơn. Việc thành lập thành phố Lạng Sơn đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc thành phố Lạng Sơn nói riêng và nhân dân tỉnh Lạng Sơn nói chung.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trong chuyến thăm và làm việc tại Lạng Sơn từ ngày 10 đến ngày 12/9/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành xây dựng Đề án xây dựng và phát triển thành phố Lạng Sơn cùng với thị trấn Đồng Đăng và các khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ và du lịch, trình Thủ tướng Chính phủ ngày 06/5/2005. Đề án nhấn mạnh: Lạng Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, có hai cửa khẩu quốc tế (cửa khẩu Hữu Nghị - đường bộ, cửa khẩu Đồng Đăng - đường sắt), hai cửa khẩu chính (Chi Ma, Bình Nghi) và các cửa khẩu phụ; có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh cũng như trong quan hệ ngoại giao, giao lưu phát triển thương mại với Trung Quốc, các nước vùng Trung Á và Đông Âu. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi tỉnh Lạng Sơn phải tích cực chuẩn bị để chủ động tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với tư cách là một cầu nối, mắt xích quan trọng trong hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và vành đai kinh tế xung quanh vịnh Bắc Bộ, tỉnh phải có chiến lược lâu dài; xây dựng quy hoạch, kế hoạch cụ thể cùng với những cơ chế, chính sách đồng bộ, kịp thời để khai thác, phát huy những tiềm năng, thế mạnh về thương mại, dịch vụ và du lịch của tỉnh Lạng Sơn, nhất là khu vực thành phố Lạng Sơn, thị trấn Đồng Đăng và các khu kinh tế cửa khẩu.

Việc xây dựng và thực hiện Đề án xây dựng và phát triển thành phố Lạng Sơn cùng với thị trấn Đồng Đăng và các khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ

và du lịch là bước tiếp theo để tiếp tục triển khai các nghị quyết của Bộ Chính trị, quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực này, đặc biệt là Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị *Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020*. Đề án không chỉ có ý nghĩa chiến lược, quyết định phương hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, mà còn có ý nghĩa tầm khu vực biên giới phía Bắc và tầm quốc gia trong việc phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

Công tác tín dụng, tiền tệ, ngân sách và đầu tư từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của tỉnh. Hoạt động tín dụng, tiền tệ trên địa bàn ổn định và ngày càng phát triển. Mạng lưới các ngân hàng thương mại được mở rộng. Tổng nguồn vốn huy động của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh tăng bình quân hàng năm 20,2%; dư nợ cho vay tăng 32%. Công tác quản lý ngoại hối, thanh toán biên mậu được tăng cường, góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Các lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, bưu chính viễn thông có những chuyển biến tích cực, góp phần phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế cửa khẩu nói riêng.

Công tác quản lý và điều hành ngân sách ngày càng hiệu quả, bảo đảm thực hiện đúng luật, tăng trách nhiệm và tính chủ động của các cấp, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quan tâm khai thác thêm nguồn thu, hạn chế thất thu.



Thu ngân sách nhà nước đạt kết quả khá, bình quân mỗi năm trên 700 tỷ đồng, gấp 1,62 lần bình quân giai đoạn 1996 - 2000. Tỷ trọng thu nội địa tăng lên rõ rệt, năm 2000 chiếm 18%, năm 2005 chiếm 34,7% tổng thu ngân sách của tỉnh; tốc độ tăng hằng năm đạt 14,32% (mục tiêu là từ 8 - 10%/năm). Chi ngân sách địa phương tăng bình quân hằng năm là 7,4%/năm, bảo đảm nhiệm vụ chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển.

Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt kết quả khả quan. Kết cấu hạ tầng khu vực kinh tế động lực, các thị trấn, một số điểm tập trung đông dân ở nông thôn và những vùng đặc biệt khó khăn, biên giới tiếp tục được tăng cường. Phát huy nội lực của tỉnh, cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế, trong 5 năm 2001 - 2005, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huy động được 9.152 tỷ đồng, gấp 2,5 lần giai đoạn 1996 - 2000, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chiếm 59,1%, vốn huy động từ khu vực dân doanh là 33,6%; vốn đầu tư nước ngoài là 7,3%. Vốn đầu tư được tập trung cho các lĩnh vực và địa phương then chốt như: thành phố Lạng Sơn, khu vực cửa khẩu, các khu du lịch, công trình trọng điểm; đồng thời, tỉnh quan tâm đầu tư cho khu vực các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, vùng căn cứ cách mạng.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng, tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng các công trình, dự án được chú trọng; tập trung chỉ đạo công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị tập trung điều

chỉnh quy hoạch, chuẩn bị điều kiện để đưa thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc lên thị xã; hoàn thành quy hoạch cho thị trấn 10 huyện, xây dựng quy hoạch chi tiết cho các phường của thành phố, một số khu trung tâm của thị trấn, các khu đô thị mới, khu và cụm công nghiệp...

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường đáng kể. Đến năm 2005, đã có 81% số xã có đường ô tô đi lại được bốn mùa. Tuyến giao thông liên huyện và quốc lộ chạy qua địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư. Năm 2004, tỉnh đã hoàn thành cơ bản và thông tuyến Tri Lễ - Bằng Hữu (Văn Quan - Chi Lăng). Cuối năm 2005, hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng tuyến Hữu Lân - Hữu Kiên (Lộc Bình - Chi Lăng); tuyến Hòa Bình - Bình La - Gia Miễn (Văn Quan - Bình Gia - Văn Lãng); đoạn từ Tu Đồn - Hòa Bình dài 5,5km được đầu tư bằng nguồn vốn JBIC (vốn vay từ Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản). Trong những năm 2001 - 2005, tỉnh hoàn thành xây dựng các công trình vượt sông ở những nơi trọng yếu như: cầu Văn Mịch, Lộc Bình, Gia Cát, Thác Mạ, Diêm He, Na Sầm,... Bên cạnh đó, toàn tỉnh có 75% dân cư thành thị và 55% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch; 94,2% số xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia, 80,5% số hộ được sử dụng điện lưới; 100% xã, phường, thị trấn có điện thoại, thuê bao điện thoại cố định đạt 5,8 máy/100 dân.

Thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị *Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Các nguồn tài nguyên đất đai, nước,

khoáng sản, rừng... được quản lý, sử dụng ngày càng hiệu quả hơn; môi trường khu vực đô thị và nông thôn được quan tâm giữ gìn, cải thiện, chống ô nhiễm.

Trong bối cảnh mới, Đảng bộ tỉnh luôn coi trọng chỉ đạo phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX (tháng 8/2001) *Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước* và Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 22/10/2004 *Về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong hai năm 2004 - 2005*, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo phương án được duyệt, bảo đảm tiến độ. Cùng với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, các cấp ủy, chính quyền coi trọng tiến hành sắp xếp các nông, lâm trường quốc doanh theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh*, đồng thời tích cực củng cố và phát triển các hợp tác xã. Ngoài ra, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX *Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân* cũng được các cấp ủy đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh triển khai nghiêm túc. Nhờ đó, kinh tế tư nhân có sự chuyển biến đáng kể về số lượng, quy mô và lĩnh vực đầu tư. Bên cạnh đó, tỉnh còn tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ theo Luật doanh nghiệp; đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đến năm 2005, khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 31,24% trong

GDP của tỉnh; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 68,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 0,66%.

### **3. Lãnh đạo thực hiện các chính sách văn hóa - xã hội**

Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong những năm 2001 - 2005 lĩnh vực văn hóa - xã hội của tỉnh được chú trọng chỉ đạo, có nhiều chuyển biến tích cực.

Được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, công tác giáo dục - đào tạo được mở rộng về quy mô và từng bước nâng cao về chất lượng. Thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 26/7/2002 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đến năm 2005 và đến năm 2010* và Chỉ thị số 40/2004/CT-TW, ngày 15/6/2004 của Ban Chấp hành Trung ương *Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*, công tác giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ được các cấp ủy, chính quyền và ngành giáo dục đặc biệt quan tâm.

Các bậc học, ngành học đều phát triển về số lượng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp hàng năm đạt cao, giảm dần tỷ lệ học sinh yếu kém, tăng tỷ lệ học sinh khá và giỏi; số học sinh đạt giải quốc gia tăng đáng kể. Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục từng bước được nâng lên, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo ngày càng cao. Cơ sở

vật chất trường, lớp học được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn việc dạy và học. Trong những năm 2001 - 2005, toàn tỉnh đã xây dựng được 25 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (đến nay có 27 trường tiểu học), 5 trường trung học cơ sở và 1 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 193 xã, phường, thị trấn, đạt tỷ lệ 85,4% (mục tiêu 60%); các huyện Văn Lãng, Văn Quan, Chi Lăng, Bắc Sơn và thành phố Lạng Sơn đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Công tác đào tạo nghề được chú trọng, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 22% (mục tiêu từ 20 - 22%).

Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất được các cấp ủy, chính quyền quan tâm và đạt được kết quả tích cực. Một số thành tựu khoa học có tính thực tiễn được ứng dụng vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, sử dụng rộng rãi các giống lúa lai, ngô lai trong sản xuất và các phương pháp phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Tỉnh đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quan tâm bổ sung trang thiết bị, nối mạng máy tính phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của các cơ quan đảng và chính quyền; xây dựng cơ sở dữ liệu và thông tin khoa học công nghệ, kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ công tác giới thiệu, quảng bá, thu hút du lịch và đầu tư...

Hoạt động văn hóa - thông tin, thể thao được chú trọng. Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc tiếp tục được phát huy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

Triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có nhiều tiến bộ, nội dung đa dạng và thiết thực. Đến năm 2005, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 24,2% số thôn, bản, khối phố văn hóa, 56% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Ngành văn hóa quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống nhà văn hóa, nhất là nhà văn hóa thôn bản, khối phố. Toàn tỉnh xây dựng được 51 nhà văn hóa cấp xã, 605 nhà văn hóa thôn, bản, khối phố. Thực hiện chương trình đưa văn hóa thông tin về cơ sở, tỉnh đã cấp miễn phí 13 loại báo, tạp chí, tập san, bản tin cho các đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, trong đó một số loại được cấp đến chi bộ, trường học và đơn vị lực lượng vũ trang. Các đội chiếu bóng, đoàn nghệ thuật, thông tin lưu động đổi mới hình thức hoạt động, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình được mở rộng, chất lượng ngày càng được nâng cao. Tỷ lệ hộ xem được truyền hình đạt 72%, nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam đạt 100%. Phong trào thể dục thể thao có bước phát triển mới, mở rộng hình thức xã hội hóa, quan tâm đầu tư một số môn thể thao có thế mạnh của tỉnh. Năm 2004 và năm 2005, một số môn thể thao của tỉnh giành được huy chương ở các giải khu vực và quốc gia.

Lĩnh vực y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình từng bước được nâng cao về chất lượng, bảo đảm chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống HIV/AIDS đạt được kết quả tích cực. Cơ sở vật chất phục vụ khám, chữa bệnh được tăng cường, nhất là các xã khu vực

biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị *Về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ của nhân dân trong tình hình mới*, đến cuối năm 2005, 70% số trạm y tế xã có bác sĩ, 100% số xã có nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi, 100% số xã có trạm y tế, hầu hết là nhà kiên cố, 45% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Hằng năm, giảm tỷ lệ sinh 0,56%, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 2%.

Công tác xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm có nhiều tiến bộ. Thông qua các chương trình đầu tư, các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước, tỉnh đã thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ các xã nghèo, hộ nghèo. Đến năm 2005, toàn tỉnh cơ bản không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 7,8% (năm 2000 là 19,6%). Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 01/3/2006 của Ban Chấp hành Trung ương *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” trong giai đoạn mới*, tỉnh đã có chính sách cho vay không lãi suất, hỗ trợ cải thiện nhà ở cho các hộ nghèo thuộc diện chính sách, bảo đảm có mức sống trung bình của khu vực. Trong 5 năm 2001 - 2005, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho trên 4,54 vạn lao động (mục tiêu từ 4 - 5 vạn), góp phần nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho người dân.

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” đã trở thành phong trào toàn xã hội chăm lo gia đình chính sách. Giai đoạn 2001 - 2005, toàn tỉnh đã vận động được trên 5 tỷ đồng, trao tặng hàng nghìn sổ tiết kiệm tình nghĩa, 110 ngôi nhà tình nghĩa,

61 vườn cây tình nghĩa tặng các gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng. Chính sách ưu đãi vay vốn không tính lãi và hỗ trợ sửa chữa nhà cho gia đình chính sách của tỉnh đã góp phần trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

Nhiều phong trào thi đua được phát động, có ý nghĩa và tác động tích cực: Phong trào Vườn - ao - chuồng (VAC) của Hội làm vườn; cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” của Mặt trận Tổ quốc bước đầu thu được những kết quả. Ngoài hình thức giúp đỡ nhau trong cộng đồng dân cư, toàn tỉnh đã vận động được 1,1 tỷ đồng “Quỹ vì người nghèo”. Kết hợp với quỹ Trung ương hỗ trợ, tỉnh đã tiến hành xây dựng 52 nhà tình thương cho hộ nghèo, cứu đói 787 hộ, hỗ trợ sản xuất cho 587 hộ.

#### **4. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, mở rộng hoạt động đối ngoại; coi trọng công tác dân tộc, tôn giáo**

Thực hiện chủ trương của Đảng về quốc phòng, an ninh, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự địa phương; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; quan tâm chỉ đạo công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; tăng cường công tác an ninh, phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm buôn lậu, ma túy, đặc biệt là các địa bàn cửa khẩu, các xã biên giới. Nhờ đó, quốc phòng, an ninh được củng cố; trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được đảm bảo.

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-TW, ngày 18/12/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII *Về chiến lược an ninh quốc gia*,



Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 11/6/2001 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh *Về bảo vệ an ninh quốc gia*. Nghị quyết khẳng định: Trong những năm qua, công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở tỉnh Lạng Sơn được xác định là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng, tạo được những chuyển biến trên nhiều mặt, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự được củng cố và phát triển ở nhiều địa bàn với nhiều nội dung, hình thức phong phú, tạo ra thế chủ động trong công tác phòng ngừa và đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Tiếp đó, ngày 05/11/2003, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức hội nghị quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (tháng 7/2003) *Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*. Được sự quan tâm sát sao của các cấp ủy đảng, nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng vững chắc. Lực lượng công an, quân đội thường xuyên chăm lo xây dựng địa bàn biên giới, vùng trọng yếu, xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Lực lượng vũ trang tiếp tục được kiện toàn, lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên thường xuyên được củng cố. Công tác tuyển quân hằng năm bảo đảm về số lượng, nâng dần về chất lượng. Tổ chức thực hành diễn tập khu vực phòng thủ ở các cấp đạt kết quả khá.

Lực lượng vũ trang thường xuyên chăm lo công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; quan tâm chỉ đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tích cực triển khai chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, liên tục

tấn công trấn áp, kiềm chế có hiệu quả sự gia tăng của các loại tội phạm, không để hình thành tội phạm có tổ chức. Chủ động giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, không để phát sinh điểm nóng. Đẩy mạnh đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Nhờ vậy, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chính trị ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân có chuyển biến. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được tăng cường, đối thoại với dân được quan tâm hơn, tập trung giải quyết dứt điểm một số vụ việc phức tạp và tồn đọng; đưa các đối tượng phạm tội ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật, có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tư pháp; từng bước nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp, góp phần giữ vững kỷ cương và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Công tác phân giới cắm mốc được triển khai tích cực. Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg, ngày 08/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 934-QĐ/UBND về việc kiện toàn hai nhóm phân giới cắm mốc số 10 và số 11. Đồng thời, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo mỗi

đồn biên phòng bố trí một tổ (từ 5 - 7 đồng chí) tham gia nhiệm vụ bảo vệ, dẫn tuyến, bảo đảm an toàn cho các nhóm phân giới cắm mốc làm nhiệm vụ trên thực địa.

Từ tháng 10/2002, Việt Nam - Trung Quốc đồng loạt triển khai phân giới cắm mốc. Ngày 20/10/2002, xác định vị trí mốc 961 đầu tiên của tỉnh (địa bàn giáp ranh hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng). Từ năm 2002 đến năm 2003, Việt Nam và Trung Quốc thống nhất cắm mốc theo hình thức cuốn chiếu; từ năm 2004 trở đi, theo phương châm “dễ trước, khó sau”. Mặc dù có nhiều cố gắng, song do địa hình khu vực biên giới núi rừng hiểm trở, bị chia cắt bởi khe, suối sâu; đường giao thông dọc tuyến biên giới hầu như chưa có, việc đi lại thực hiện phân giới cắm mốc gặp nhiều khó khăn, trở ngại; do đó, đến năm 2005, nhiều khu vực hai bên chưa thống nhất được vị trí đường biên.

Hoạt động đối ngoại có chuyển biến tiến bộ, đối ngoại nhân dân được tăng cường, góp phần phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Chủ quyền quốc gia được bảo vệ vững chắc, tình hình an ninh biên giới ổn định, quan hệ đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác, cùng phát triển.

Chủ động giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, không để phát sinh điểm nóng.

### **5. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, củng cố chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội**

Tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác

*xây dựng Đảng* và quán triệt quan điểm của Đảng phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trong những năm 2001 - 2005, công tác xây dựng Đảng và thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh đạt được kết quả rõ nét.

Công tác giáo dục lý luận chính trị, tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được triển khai tích cực, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, phê phán những quan điểm lệch lạc, sai trái. Các cấp ủy đã nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tỷ lệ đảng viên tham gia đạt trên 90%. Cấp ủy các cấp chú trọng xây dựng các chương trình hành động cụ thể, phân công chỉ đạo, tổ chức triển khai, tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để đưa các chủ trương của Đảng vào cuộc sống. Qua đó, nhận thức của đảng viên và niềm tin của quần chúng nhân dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được nâng lên.

Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được kiện toàn. Đảng bộ tỉnh chỉ đạo cấp ủy các cấp tập trung củng cố các cơ sở yếu kém, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; từng bước thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định, phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo ở cơ sở; đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng và hiệu quả của sinh hoạt chi bộ; công tác đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên ngày một thực chất hơn. Chỉ đạo tách các chi bộ sinh hoạt ghép nhiều thôn, nâng số thôn, khối phố có

chi bộ lên 90%, hoàn thành mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII đề ra.

Công tác đảng viên được quan tâm, quản lý đảng viên từng bước đi vào nền nếp và khoa học hơn. Đại bộ phận đảng viên có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao, thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu. Công tác kết nạp đảng viên mới đã có sự phát triển về chất và lượng. Thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW, ngày 12/10/2004 của Ban Bí thư *Về kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người*, các cấp ủy đảng đã triển khai đồng bộ các biện pháp nghiên cứu mục đích, yêu cầu, nội dung và phương pháp tiến hành; tổ chức tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi thẻ đảng viên và kết nạp đảng viên mới lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Qua đó, công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo, mỗi năm, toàn Đảng bộ kết nạp được trên 2.000 đảng viên (mục tiêu là 1.500 đảng viên), hoàn thành việc xóa các thôn “trắng” đảng viên. Đến năm 2005, toàn Đảng bộ có hơn 38.000 đảng viên, chiếm 5,06% dân số của tỉnh. Công tác đổi và phát thẻ đảng viên theo Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 17/10/2003 của Ban Bí thư *Về việc đổi thẻ Đảng viên* được triển khai nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định, qua đó, nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên.

Các cấp ủy đảng đã tiến hành thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ. Trên cơ sở đánh giá cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý toàn tỉnh, bảo đảm tính kế

thừa, “động và mở”, chú ý đến cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc. Việc thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25/01/2002 của Bộ Chính trị *Về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, có tác dụng rèn luyện, đào tạo cán bộ, tạo chuyển biến tích cực, khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ. Việc sắp xếp, bố trí và sử dụng cán bộ bảo đảm đúng quy trình và tiêu chuẩn quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ được quan tâm chỉ đạo, bố trí thêm kinh phí, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; coi trọng chất lượng, cập nhật các kiến thức mới, trang bị các kỹ năng cụ thể, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.*

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 14/02/2005 của Bộ Chính trị *Về bảo vệ bí mật của Đảng trong phát ngôn và sử dụng, bảo quản thông tin, tài liệu trong tình hình mới*, ngày 09/6/2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ra Chỉ thị số 49-CT/TU *Về tăng cường lãnh đạo công tác bảo đảm bí mật nhà nước trong tình hình mới*. Chỉ thị nhấn mạnh: Giữ gìn trật tự an toàn xã hội có ba nhiệm vụ mục tiêu cụ thể, trong đó đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước.

Các cấp ủy tiến hành rà soát, thẩm định tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác tổ chức cán bộ và phát triển đảng viên; triển khai quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng, thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ chính trị, bảo vệ đường lối, bảo vệ Đảng. Công tác kiểm tra, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với đảng viên và tổ chức đảng được tăng cường.

Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, tài chính, quản lý xuất nhập khẩu... Rút kinh nghiệm từ một số vụ việc tiêu cực xảy ra trên địa bàn tỉnh, nhất là các vụ việc liên quan đến các lực lượng tham gia chống buôn lậu, gian lận thương mại, các cấp ủy đảng đã tăng cường chỉ đạo xây dựng chương trình kiểm tra, thực hiện tốt công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên, kịp thời xử lý những sai phạm. Trong nhiệm kỳ, toàn Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 27 tổ chức đảng và 881 đảng viên (khai trừ 133 đảng viên, cách chức 34 đảng viên, cảnh cáo 356 đảng viên, khiển trách 358 đảng viên), trong đó có 4 tỉnh ủy viên (khai trừ 1 trường hợp, khiển trách 3 trường hợp).

Nghiêm túc thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX, Tỉnh ủy Lạng Sơn chỉ đạo các cấp ủy thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; kiện toàn các ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc, ban hành, bổ sung quy chế làm việc; phối hợp hoạt động của các tổ chức, cơ quan thường xuyên và hiệu quả hơn. Các cấp ủy đảng đã chú trọng giữ nghiêm kỷ luật đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, không ngừng chăm lo, củng cố và giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong mỗi cấp ủy đảng cũng như trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành các cơ chế, chính sách cụ thể; đổi mới công tác điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Ngày 19/5/2002, cùng với cử tri cả nước, đông đảo cử tri trong tỉnh phấn khởi tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, nhiệm kỳ 2002 - 2007. Thực hiện Nghị quyết số 429/2003/NQ-UBTVQH, ngày 23/12/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *Về ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009*, ngày 25/4/2004, có 456.549 cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp, đạt tỷ lệ 99,92%. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2004 - 2009 được bầu gồm 58 đại biểu tiêu biểu, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của cử tri trong toàn tỉnh.

Ngày 24/5/2004, kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2004 - 2009 bầu Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Đoàn Bá Nhiên, Phó Bí thư Tỉnh ủy, giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX *Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và của cấp ủy đảng; đổi mới công tác điều hành, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, tăng cường đôn đốc, kiểm tra,



tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; thực hiện chương trình cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, đúng quy định của Chính phủ. Đội ngũ cán bộ, công chức được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước nâng cao trách nhiệm trong thi hành công vụ, góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh tiếp tục được tăng cường và phát huy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước đạt kết quả tích cực. Nội dung và phương thức hoạt động từng bước được đổi mới, góp phần tập hợp, vận động quần chúng thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tăng cường hướng về cơ sở và quan tâm hơn đến những địa bàn khó khăn. Các tổ chức chính trị - xã hội chú trọng phát triển đoàn viên, hội viên, xóa các thôn bản “trắng” về tổ chức đoàn, hội; động viên đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và các hương ước, quy ước của thôn, bản, khối phố, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tương trợ, giúp đỡ nhau xóa đói, giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương, đơn vị.

Trong những năm 2001 - 2005, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lạng Sơn phát động các phong

trào: “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”, “Tháng cao điểm vì người nghèo”. Trước mỗi kỳ họp của hội đồng nhân dân các cấp, cũng như trước và sau mỗi kỳ họp của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức cho đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri. Năm 2004, Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các đoàn thể thực hiện quy trình hiệp thương lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử, đồng thời tổ chức các cuộc hội nghị lấy ý kiến nhận xét tín nhiệm của cử tri với những người ứng cử hội đồng nhân dân các cấp. Hằng năm, vào các dịp lễ, tết cổ truyền của dân tộc, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, những gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Đến năm 2003, toàn tỉnh có gần 23 vạn thanh niên trong độ tuổi từ 15 - 30, chiếm khoảng 30% dân số và gần 50% lực lượng lao động xã hội. Đa số thanh niên tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn. Cùng với sự phát triển của đất nước, phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, tuổi trẻ Lạng Sơn hăng hái tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ quê hương giàu đẹp.

Từ những hoạt động của công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi, đặc biệt là hai phong trào lớn “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”, nhiều mô hình, cách làm mới, nhiều gương điển hình đã xuất hiện trên các lĩnh vực. Thanh niên nông thôn tích cực xung kích trong việc chuyển

giao ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật công nghệ mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tham gia xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Thanh niên học sinh, sinh viên đẩy mạnh phong trào “Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”, phát huy truyền thống hiếu học, ham hiểu biết, chủ động khắc phục khó khăn, vươn lên trong học tập, có ý thức tự chủ và tự lập cao, năng động nắm bắt những yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống. Thanh niên khối công nhân, viên chức, hành chính sự nghiệp tích cực tham gia phong trào nâng cao “Năng suất - chất lượng, hiệu quả”, “Luyện tay nghề - thi thợ giỏi”; thi đua học tập, nâng cao trình độ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Thanh niên đường phố tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy, phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông... Thanh niên lực lượng vũ trang phấn đấu rèn luyện hoàn thành tốt nhiệm vụ, tham gia các hoạt động xã hội, góp phần tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã có nhiều nỗ lực trong triển khai, tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” do Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ IX phát động cùng các phong trào thi đua của các cấp, các ngành. Từ đó, tạo ra động lực thúc đẩy các tầng lớp phụ nữ hướng tới mục tiêu xây dựng người phụ nữ “giàu lòng yêu nước, có tri thức, có sức

khỏe, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu, quan tâm tới lợi ích xã hội và cộng đồng”, góp phần cùng các cấp, các ngành thực hiện thắng lợi những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Lá lành đùm lá rách”, các cấp hội đã tham gia tích cực, có hiệu quả phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, nhân đạo, từ thiện: ủng hộ đồng bào bị thiên tai, quan tâm tới trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người già neo đơn... bằng những việc làm thiết thực và thông qua các hoạt động: hiến máu nhân đạo, giúp công lao động, giúp bằng tiền, mua quà thăm hỏi, với trị giá trên 600 triệu đồng.

Thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, trong 5 năm 2001 - 2005, toàn tỉnh Lạng Sơn đã có 38.539 hội viên đạt danh hiệu xuất sắc tiêu biểu và 4.670 hội viên là công nhân, viên chức, lao động đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Nhiều hội viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp. Trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân xuất sắc tiêu biểu, được cử đi dự Đại hội thi đua yêu nước của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, được tặng cờ, bằng khen, tiêu biểu là: Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Lạng Sơn, Hội Phụ nữ xã Đề Thám (huyện Tràng Định).

Thực hiện Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 15/12/2000 của Ban Chấp hành Trung ương *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn,*

Hội Nông dân các cấp đã không ngừng vươn lên với ý thức trách nhiệm cao trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong 5 năm 2001 - 2005, Hội Nông dân các cấp trong tỉnh đã tập trung mọi nỗ lực vào việc củng cố xây dựng tổ chức Hội, nhất là ở cấp cơ sở và những địa bàn có nhiều khó khăn. Các cấp hội đã tích cực vận động hội viên, nông dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Được sự quan tâm của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Bộ Tư pháp, Hội Nông dân tỉnh đã chỉ đạo, thực hiện Dự án về phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân tại xã Bằng Khánh, huyện Lộc Bình đạt kết quả tốt, được Trung ương Hội chọn làm mô hình điểm để nhân rộng trong cả nước.

Công tác xây dựng tổ chức hội được xác định là nhiệm vụ then chốt. Hội Nông dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp hội tích cực tuyên truyền, vận động, tập trung phát triển hội viên, xóa thôn, bản không có tổ chức hội và hội viên, chú trọng nâng cao chất lượng hội viên. Đến năm 2003, toàn tỉnh không còn thôn, bản trắng hội viên, số cơ sở hội đạt tiêu chuẩn vững mạnh, khá là 88,5%.

Các cấp công đoàn đã bám sát Nghị quyết Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn tỉnh Lạng Sơn, với khẩu hiệu hành động: “Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh”. Trong phong trào công nhân viên chức lao động, các cấp công đoàn đã phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình và đạt được những kết quả

quan trọng. Các cấp công đoàn đã đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh trong công nhân, viên chức và lao động.

Các phong trào trong công nhân, viên chức, lao động được các cấp công đoàn trong tỉnh chú trọng chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện như: phong trào “Lao động giỏi”, với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; phong trào học tập nâng cao trình độ mọi mặt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phong trào thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, chống các biểu hiện tiêu cực, sách nhiễu, phiền hà, làm trái pháp luật, chống các tệ nạn xã hội; phong trào xanh - sạch - đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động; phong trào liên kết thi đua phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn... Các phong trào thi đua đã được cụ thể hóa vào tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị. Công đoàn các cấp đã nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, hưởng ứng và tham gia sôi nổi phong trào mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực.

Hội Cựu chiến binh các cấp đã phát huy tốt bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Đảng và chính quyền. Trong những năm 2001 - 2005, tổ chức hội đã kết nạp 8.454 hội viên, thành lập 71 hội ở khu vực cơ quan, đưa tổng số lên 297 hội cơ sở, với tổng số 21.517 hội viên. Hoạt động của Hội Cựu chiến binh có nhiều nội dung phong phú. Các cấp hội đã tập hợp lực lượng dưới nhiều hình thức thiết thực như tương trợ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống, phát huy vai trò của hội viên trong các mặt hoạt động xã hội, giáo dục

truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Hội Cựu chiến binh tham gia có hiệu quả vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ, góp phần củng cố sức mạnh của hệ thống chính trị, hăng hái tham gia các cuộc vận động, các phong trào ở cơ sở. Nhờ vậy, uy tín của hội viên và vị thế của tổ chức hội được đề cao.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nêu cao tinh thần đoàn kết, kế thừa và tiếp tục phát huy những thành tích đạt được, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra, trong đó một số chỉ tiêu đạt và vượt mức, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước, tạo tiền đề thuận lợi đưa sự nghiệp đổi mới của tỉnh vững bước đi lên. Đạt được những kết quả nêu trên là do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, cơ chế, chính sách phù hợp của Nhà nước; sự đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; sự vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương vào tình hình thực tế của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn một số hạn chế, yếu kém: Kinh tế tăng trưởng cao nhưng chưa bền vững, quy mô còn nhỏ bé, hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn còn chậm; chưa chủ động nắm bắt diễn biến thị trường, tình hình giá cả và tiêu thụ sản phẩm. Chậm hình thành các khu đô thị mới, các cụm công nghiệp tập trung. Thương mại, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của

tỉnh, chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại, nạn phá rừng, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn tiềm ẩn diễn biến phức tạp. Trong công tác xây dựng Đảng, việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên chưa thật sự đi vào chiều sâu, hiệu quả còn hạn chế; công tác quản lý cán bộ có mặt chưa chặt chẽ. Trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, một số cấp ủy và tổ chức đảng có hiện tượng né nạng, né tránh, ngại va chạm. Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thiếu tinh thần trách nhiệm, có hành vi tiêu cực, tham nhũng, làm trái pháp luật, một số trường hợp nghiêm trọng bị xử lý theo pháp luật, gây dư luận xấu trong xã hội.

\*

\* \* \*

Sau 10 năm, trải qua 2 nhiệm kỳ 1996 - 2000 và 2001 - 2005, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy những thuận lợi cơ bản, vượt qua mọi khó khăn, thách thức do thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng tài chính ở khu vực châu Á, suy thoái kinh tế toàn cầu gây ra, nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong nhiệm kỳ 2001 - 2005 đạt trên 10,04%, thuộc nhóm các tỉnh có thu nhập bình quân chung cao của cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý, đặc biệt là trong ngành giáo dục



và y tế được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tăng về số lượng, từng bước nâng dần về chất lượng. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động đạt nhiều kết quả. Hệ thống các trường học, bệnh viện, mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư và từng bước được chuẩn hóa. Hoạt động văn hóa, báo chí, thể thao phát triển khá phong phú, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường, giúp các tổ chức đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Những thành tựu đạt được trong 10 năm (1996 - 2005) là cơ sở quan trọng, tạo tiền đề để Đảng bộ tỉnh lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong chặng đường tiếp theo.

*Chương III***ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH  
SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA,  
TỪNG BƯỚC HỘI NHẬP QUỐC TẾ  
(2006 - 2015)****I- LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ  
THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA  
(2006 - 2010)****1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ  
thứ XIV, nhiệm kỳ 2006 - 2010**

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới lâm vào tình trạng suy thoái toàn cầu. Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra cơ hội phát triển, nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Khoa học và công nghệ có bước nhảy vọt với những đột phá lớn chưa từng có. Bên cạnh xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột

sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn diễn ra gay gắt. Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết; khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị hủy hoại; khí hậu diễn biến phức tạp, kèm theo thiên tai, dịch bệnh lớn; tội phạm xuyên quốc gia ngày càng gia tăng.

Ở trong nước, sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, nước ta đã đạt những thành tựu quan trọng. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện: Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; văn hóa và xã hội tiến bộ trên nhiều mặt; công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường; công tác dân tộc, tôn giáo, vận động người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều tiến bộ; quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững; Đảng ta đã có những bước đổi mới quan trọng trong nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân phát triển mạnh, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, phát triển kinh tế, góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Những kết quả đạt được đã làm cho bộ mặt của đất nước, đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi;

sức mạnh về mọi mặt được tăng cường; độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề để Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy vậy, đất nước vẫn còn nhiều khó khăn: Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước; một số chỉ tiêu Đại hội IX đề ra không đạt. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, môi trường có nhiều hạn chế, yếu kém. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước. Sự phân hóa giàu - nghèo gia tăng; thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên ở nhiều nơi.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị *Về đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng*, các chi bộ, đảng bộ, cán bộ và đảng viên trong tỉnh đã tổ chức nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội Đảng; chuẩn bị tổ chức tốt đại hội cấp cơ sở và cấp trên cơ sở. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, đồng thời làm dấy lên những phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực lập thành tích chào mừng đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng bộ, Tỉnh ủy Lạng Sơn thường xuyên nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, những ý kiến quý báu của tập thể, cá nhân các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các ban,

bộ, ngành trung ương; những ý kiến đóng góp trách nhiệm, tâm huyết, thẳng thắn của các đồng chí nguyên là lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, ý kiến tham gia xây dựng của cấp ủy đảng, của toàn thể cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Từ ngày 01/4 đến ngày 03/4/2006, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2006 - 2010 được tổ chức tại trung tâm hội nghị tỉnh, dự Đại hội có 299 đại biểu thay mặt cho trên 38.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội diễn ra vào thời điểm cả nước kết thúc thắng lợi kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, phấn khởi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm còn lại của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động tối đa các nguồn lực, đưa Lạng Sơn phát triển nhanh, bền vững hơn trong nhiệm kỳ tới. Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội X của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Đánh giá các kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2001 - 2005, Đại hội khẳng định: Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã nêu cao tinh thần đoàn

kết, kế thừa và tiếp tục phát huy những thành tích đạt được, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra; một số chỉ tiêu đạt vượt mức, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và bộ mặt xã hội tiếp tục được cải thiện, tạo tiền đề thuận lợi đưa sự nghiệp đổi mới của tỉnh vững bước đi lên. Đề cập những hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Đại hội chỉ rõ: Kinh tế tăng trưởng cao nhưng chưa bền vững, quy mô còn nhỏ bé, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp; công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn còn chậm. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, chất lượng giáo dục - đào tạo chưa cao, việc thực hiện xóa đói, giảm nghèo còn lúng túng; công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền một số mặt còn yếu kém; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân chưa thiết thực, chưa đồng đều. Công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả còn hạn chế; một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thiếu tinh thần trách nhiệm, có hành vi tham nhũng, tiêu cực, làm trái pháp luật...

Trên cơ sở những kết quả đạt được, nhằm khơi dậy và phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho nhiệm kỳ 2006 - 2010 là: “Đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch rõ nét cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn 2001 - 2005 và phát triển bền vững, từng bước vượt qua tình trạng tỉnh nghèo, rút ngắn dần khoảng cách

so với trình độ phát triển chung của cả nước; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ biên giới quốc gia hòa bình, ổn định và hữu nghị; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng tốt yêu cầu trong giai đoạn mới; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”<sup>1</sup>.

Để đạt được mục tiêu, Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ trong những năm 2006 - 2010: Tập trung cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở khai thác và phát huy có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Tăng cường công tác quy hoạch, quản lý đô thị, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, quản lý, bảo vệ tài nguyên, cải thiện môi trường sinh thái đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập kinh tế quốc tế cả trước mắt và lâu dài. Chú trọng phát triển văn hóa - xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Củng cố quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng nhân dân vững mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIV*, tr.15.

các phong trào thi đua yêu nước, góp phần tích cực thực hiện các nhiệm vụ chung. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2006 - 2010 gồm 49 đồng chí. Ngày 03/4/2006, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa XIV, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí: Vũ Huy Hoàng, Phùng Thanh Kiếm, Trần Ngát, Lâm Thanh Hiền, Linh Văn Tít, Hoàng Thị Bích Ly, Vy Văn Thành, Dương Thời Giang, Dương Hiền, Dương Công Tùy, Vi Đức Được. Đồng chí Vũ Huy Hoàng được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phùng Thanh Kiếm được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn.

Trước khi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIV, ngày 20/3/2006, Ban Tổ chức Trung ương ban hành Công văn số 8539-CV/BTCTW thông báo kết luận của Bộ Chính trị về việc đồng chí Hoàng Công Hoàn - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn về nhận công tác tại Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và giữ chức Phó Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương; điều động, chỉ định đồng chí Vũ Huy Hoàng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Quyền Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn và giới thiệu ứng cử để bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010; đồng chí Đoàn Bá Nhiên - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh



không tham gia ứng cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010.

Ngày 16/11/2006, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 285-QĐNS/TW về chuẩn y đồng chí Trần Ngát - Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010. Ngày 31/8/2007, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 577-QĐNS/TW về chuẩn y đồng chí Phùng Thanh Kiểm giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010, thay đồng chí Vũ Huy Hoàng chuyển công tác.

Đại hội kêu gọi cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tăng cường đoàn kết, phát huy những kết quả đạt được, khắc phục mọi khó khăn, thử thách, hăng hái thi đua, sáng tạo trong mọi lĩnh vực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vươn lên giành những thành tựu to lớn, toàn diện, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, xây dựng Lạng Sơn ngày càng giàu đẹp, văn minh. Thành công của Đại hội có ý nghĩa quan trọng, góp phần cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ, tạo động lực mới cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức thi đua hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.

Tháng 4/2006, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu, yếu kém, khuyết điểm và rút ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đại hội đề ra

mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 - 2010 là: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nên tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>1</sup>.*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn tập trung phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển vùng kinh tế động lực, kinh tế cửa khẩu**

Quán triệt và thực hiện chủ trương Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng: *“Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.76.

khởi tình trạng kém phát triển... Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020... Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế”<sup>1</sup>, một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo là xây dựng, phát triển vùng kinh tế động lực của tỉnh. Thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 25/7/2006 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Đề án “Xây dựng và phát triển vùng kinh tế động lực của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010”. Ngày 28/4/2008, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 55/2008/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Đề án xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; ngày 14/10/2008, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 138/2008/QĐ-TTg Về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, với những cơ chế, chính sách phát triển đặc thù, tập trung nguồn lực xây dựng, hình thành khu kinh tế động lực, phát triển năng động, góp phần thúc đẩy các khu vực khác trong toàn tỉnh phát triển, đóng vai trò là cầu nối liên kết của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng. Triển khai thực hiện Đề án và quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các cấp ủy, chính quyền, quán triệt và thực hiện nhiệm vụ phát triển khu kinh tế cửa khẩu.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd, tr.185-186.

Nhờ vậy, ba vùng kinh tế động lực của tỉnh đạt được những kết quả quan trọng:

*Vùng kinh tế động lực thành phố Lạng Sơn - Đồng Đăng và các khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh*, gồm: thành phố Lạng Sơn, thị trấn Cao Lộc, thị trấn Đồng Đăng (huyện Cao Lộc), xã Tân Thanh, Tân Mỹ (huyện Văn Lãng), cửa khẩu Chi Ma (huyện Lộc Bình). Từ năm 2008, việc xây dựng, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn có nhiều chuyển biến tích cực, liên tục tăng trưởng ở mức cao, bình quân hàng năm tăng 14%. Tổng vốn đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế đạt 1.373 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương là 943,5 tỷ đồng, ngân sách Trung ương hỗ trợ là 285 tỷ đồng, ngân sách hỗ trợ của Trung ương đối với ngành là 157 tỷ đồng, trái phiếu chính phủ 138 tỷ đồng, thành phố Lạng Sơn huy động 129 tỷ đồng, huyện Cao Lộc trên 5 tỷ đồng. Sau một thời gian đầu tư xây dựng, tỉnh đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình có kết cấu hạ tầng quan trọng là: nâng cấp đường tránh quốc lộ 4A, đường nội bộ khu II Tân Thanh, đường Pác Luống - Tân Thanh; nâng cấp đường Trần Đăng Ninh, đường Bà Triệu, đường Trần Quang Khải; đấu nối đường bộ tại các cặp chợ biên giới (Tân Thanh - Pò Chài, Cốc Nam - Lũng Vài, Na Hình - Kéo Ái); dự án kè bờ sông Kỳ Cùng giai đoạn I, giai đoạn II, Công viên bờ sông Kỳ Cùng giai đoạn I; hệ thống cấp điện chiếu sáng khu vực cửa khẩu Chi Ma giai đoạn I, hạng mục cống cửa khẩu Cốc Nam, Nhà liên hợp cửa khẩu Cốc Nam, Trung tâm dịch vụ cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị... Bên cạnh đó, tỉnh tập trung đẩy nhanh tiến độ hệ thống đường giao thông khu vực

cửa khẩu Hữu Nghị, khu tái định cư Đồng Đăng, Bệnh viện đa khoa 700 giường, các khu tái định cư thành phố Lạng Sơn... Trên địa bàn khu kinh tế có 1.100 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với tổng số vốn đăng ký trên 6.000 tỷ đồng; một số dự án đã được đưa vào vận hành, khai thác như: mở rộng bãi đỗ xe cửa khẩu Hữu Nghị, Nhà máy Sản xuất và lắp ráp ô tô Dragon, Nhà máy Xi măng Hồng Phong, Nhà máy Chì thỏi Hâm Thiên,...

Hoạt động thương mại - du lịch tại khu kinh tế cửa khẩu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy kinh tế toàn tỉnh phát triển. Các cửa khẩu đã phát huy vai trò là trung tâm chuyển giao quan trọng trong phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu lên hàng tỷ đôla Mỹ, đứng thứ hai so với các khu kinh tế cửa khẩu của cả nước. Hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ được đầu tư xây dựng, hàng hóa bán buôn, bán lẻ phong phú, đa dạng về chủng loại, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân, đưa tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng bình quân mỗi năm trên 38%; các hoạt động dịch vụ khác như bưu chính viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hành khách phát triển khá nhanh, cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, dịch vụ tiền gửi thanh toán và đi lại của hành khách; dịch vụ hàng hóa quá cảnh, dịch vụ logistics bước đầu được triển khai. Việc đầu tư phát triển đô thị tại khu kinh tế có nhiều chuyển biến. Đối với việc hình thành hệ thống đô thị, thông qua phát triển kinh tế cửa khẩu, tỉnh tập trung đầu tư phát triển thành phố Lạng Sơn bảo đảm các tiêu chí đô thị loại II, thị trấn Đồng Đăng,

huyện Cao Lộc đạt đô thị loại IV, tạo tiền đề tiến tới thành lập thị xã Đồng Đăng, xây dựng khu cửa khẩu Tân Thanh thành đô thị biên giới năng động.

Đối với điểm dân cư biên giới, tỉnh phát triển các điểm dân cư biên giới tại các xã: Tân Thanh, Tân Mỹ huyện Văn Lãng; xã Bảo Lâm và thị trấn Đồng Đăng huyện Cao Lộc, hoàn thành khu tái định cư Tân Thanh... Khu cửa khẩu Chi Ma được đầu tư từ năm 2008 với tính chất là thị trấn cửa khẩu biên giới và khu thương mại đặc biệt của tỉnh Lạng Sơn; đầu tư xây dựng được 3 dự án kết cấu hạ tầng là: chợ khu vực Chi Ma, bãi đỗ xe hành khách khu vực cửa khẩu Chi Ma giai đoạn I và đấu nối đường bộ qua biên giới cặp cửa khẩu Chi Ma - Ái Điểm với tổng mức đầu tư 13,5 tỷ đồng. Năm 2010, có 18 tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các dự án trong khu cửa khẩu với tổng vốn đầu tư trên 450 tỷ đồng; cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 9 dự án với tổng vốn đăng ký 344 tỷ đồng.

*Vùng kinh tế động lực Na Dương, huyện Lộc Bình, gồm: thị trấn Na Dương, xã Lợi Bác, một phần của xã Đông Quan và Quan Bản với hạt nhân là thị trấn Na Dương có tổ hợp điện - than và cụm công nghiệp Na Dương. Trong phạm vi vùng kinh tế động lực Na Dương, có các dự án nhà máy Nhiệt điện Na Dương với công suất 100MW và khai thác than hoạt động ổn định từ năm 2004. Từ năm 2009, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 3 dự án, với tổng vốn đăng ký khoảng 155 tỷ đồng, trong đó có dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 20 triệu tấn/năm của Công ty cổ phần Toàn Phát đã đi vào hoạt động...*

Vùng kinh tế động lực *Đồng Bành - Chi Lăng*, gồm: thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng và một phần của xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng, hạt nhân là khu công nghiệp Đồng Bành và Nhà máy Xi măng Đồng Bành. Khu công nghiệp Đồng Bành được triển khai năm 2007, với diện tích quy hoạch là 321,7ha; thu hút đầu tư được 3 dự án với tổng diện tích đăng ký là 47,9ha, trong đó có dự án nhà máy xi măng Đồng Bành, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 1.505 tỷ đồng, dự án kinh doanh nồi hơi dùng năng lượng sinh học và nhà máy lắp ráp ô tô FAW - Hoàng Trà.

Sau 5 năm triển khai Đề án xây dựng và phát triển vùng kinh tế động lực giai đoạn 2006 - 2010, với sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng bộ, sự quyết liệt của các cấp, các ngành, vùng kinh tế động lực Lạng Sơn - Đồng Đăng có tốc độ phát triển cao gấp 1,4 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân chung của tỉnh; tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu kinh tế trong GDP toàn tỉnh tăng khoảng 40%, kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt trên 1.800 triệu USD, thu ngân sách đạt 2.500 tỷ đồng; kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và các khu vực cửa khẩu đồng bộ hơn, trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển, tăng trưởng kinh tế toàn tỉnh. Tuy vậy, tiến độ xây dựng và phát triển khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn chưa đáp ứng được yêu cầu; tiến độ xây dựng, triển khai thực hiện một số quy hoạch còn chậm, chất lượng xây dựng không cao, thiếu đồng bộ nên khi triển khai còn nhiều vướng mắc, bất cập...

Sản xuất nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển ổn định và khá toàn diện. Cơ cấu kinh tế nông

ng nghiệp, nông thôn từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các vùng sản xuất hàng hóa trong nông - lâm nghiệp tiếp tục được củng cố, quy mô sản xuất một số vùng như: vùng thông ở Lộc Bình, Đình Lập, vùng thuốc lá ở Bắc Sơn, Hữu Lũng, Chi Lăng được mở rộng; sản phẩm thạch đen ở Tràng Định, Văn Lãng, Bình Gia bước đầu trở thành hàng hóa xuất khẩu. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là việc đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, công tác khuyến nông, phòng trừ dịch bệnh được quan tâm. Năm 2010, có 36% diện tích lúa và 99% diện tích ngô sử dụng giống mới, góp phần nâng cao sản lượng lương thực bình quân đạt 275.000 - 280.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 380kg, cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực.

Ngành trồng trọt có nhiều tiến bộ, tỷ lệ giống mới được đưa vào sử dụng phổ biến. Sản lượng lương thực năm 2010 đạt 280.000 tấn, vượt chỉ tiêu đề ra, bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn. Hệ số sử dụng đất được tăng từ 1,67% lần năm 2005 lên 1,7 lần năm 2010, góp phần nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích cây trồng. Các loại cây công nghiệp ngắn ngày được chú trọng phát triển, tạo tập quán canh tác mới, tận dụng diện tích đất nông nghiệp tăng vụ, không để đất trống, từng bước tạo ra các sản phẩm hàng hóa như: ngô, rau màu các loại; cơ cấu cây trồng, mùa vụ có sự chuyển dịch khá rõ nét, các vùng tập trung cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản như thuốc lá, quýt, na, hồi, thông, rau màu,... tiếp tục phát triển, có sản phẩm trở thành hàng



xuất khẩu. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tuy bị thiệt hại do đợt rét đậm năm 2008, nhưng đến năm 2010, toàn tỉnh có 167.000 con trâu, đạt 81,5%, 56.000 con bò, đạt 88,8%, đàn lợn đạt 344.000 con, 3,5 triệu con gia cầm, diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì ở mức 980ha.

Ngành lâm nghiệp có bước phát triển mới, diện tích rừng trồng tăng nhanh, ý thức của người dân trong việc bảo vệ rừng được nâng cao. Điểm mới trong phát triển lâm nghiệp là sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho công tác trồng rừng, bảo vệ rừng trồng. Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh là 648.244ha, trong đó diện tích đất chưa có rừng là 275.744,9ha, chiếm 42,5% diện tích đất lâm nghiệp; diện tích đất chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất là 226.464ha. Tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 16 dự án trồng rừng, với tổng số vốn đăng ký là 2.913.059 triệu đồng, tổng diện tích trồng rừng của các dự án là 142.733ha, trong đó có 3 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với số vốn đầu tư là 1.015.499 triệu đồng, diện tích dự kiến trồng rừng là 72.645ha. Đến hết năm 2009, kết quả trồng rừng của các dự án đạt 568ha, trong đó có 2 dự án của Nhà nước đầu tư có diện tích là 149ha và 1 dự án của nhà đầu tư nước ngoài có diện tích là 419ha. Trong 5 năm 2006 - 2010, toàn tỉnh đã trồng mới được 57.597ha rừng, vượt 3% so với kế hoạch, trong đó rừng tập trung là 28,616ha. Cây ăn quả được chú trọng phát triển nhưng do thị trường tiêu thụ còn gặp nhiều khó khăn nên diện tích cây ăn quả tăng thấp, chỉ đạt 43,2% kế hoạch.

Thực hiện Quyết định số 317/2005/QĐ-TTg, ngày 02/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về *Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn*, tỉnh chỉ đạo thành lập Ban sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường; phê duyệt phương án chuyển đổi “lâm trường” thành “công ty lâm nghiệp”, phương án giải thể đối với các nông, lâm trường giải thể; có 2 lâm trường chuyển thành công ty lâm nghiệp; giải thể 5 lâm trường và 1 nông trường. Tổng diện tích đất giao cho các công ty lâm nghiệp là 13.478,94358ha; diện tích đất giao về địa phương là 2.173ha; tổng số lao động tại thời điểm sắp xếp là 468 người (bao gồm lao động của cả các nông lâm trường giải thể); số lao động giải quyết theo Nghị định số 41-CP, ngày 06/7/1995 của Chính phủ *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất* là 173 người; số lao động giải quyết theo chế độ khác là 20 người.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX *Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010* và Nghị quyết Trung ương 7 khóa X *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 30-CTr/TU, ngày 29/9/2008 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Nghị quyết số 20-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới. Sau hơn một năm triển khai thực hiện, diện mạo nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2008, toàn tỉnh có 207 xã (không kể các phường, thị trấn); số dân nông thôn là 605.549 người, chiếm tỷ lệ 80% dân số

toàn tỉnh; lao động nông nghiệp là 360.000/461.000 tổng số lao động, chiếm 78% trong cơ cấu lao động chung của toàn tỉnh; tốc độ phát triển toàn ngành nông nghiệp đạt 4,62%; toàn tỉnh có hơn 118.411 hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Tháng 6/2009, toàn tỉnh có 192/226 xã, phường, thị trấn đạt 84,95% số xã có đường ô tô đi lại được bốn mùa; cứng hóa đường giao thông nông thôn đạt 25,7%; 221/226 xã, đạt tỷ lệ 97,79% số xã có điện lưới quốc gia; 89,9% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới; 66% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; điện thoại cố định đạt tỷ lệ 9 máy/100 dân; 100% trung tâm cụm xã được phủ sóng di động; 98/226 xã có trạm truyền thanh; 80% số hộ nông thôn được xem truyền hình Việt Nam; 45,9% thôn, bản có nhà văn hóa; 60,6% số xã có điểm bưu điện văn hóa xã; chuồng trại hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 39%; cơ sở vật chất tại các trung tâm y tế được cải thiện.

Kết quả đạt được, góp phần nâng cao đời sống nhân dân nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tạo tiền đề để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất hàng hóa, từng bước hội nhập kinh tế quốc tế, tạo các tiền đề để xây dựng nông thôn mới. Căn cứ Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, Thông tư số 54/2009/TT-NNPTNT, ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia, kết quả thực hiện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2009 đạt được như sau: tiêu chí 1 và 2, không có xã đạt; tiêu chí 3 có 11 xã đạt; tiêu chí 4 có 134 xã đạt; tiêu chí 5 có 21 xã đạt; tiêu chí 6 có 14 xã đạt; tiêu chí 7 có 18 xã đạt; tiêu chí 8 có 32 xã đạt; tiêu chí 9 có 2 xã đạt; tiêu chí 10 có 3 xã đạt; tiêu chí

11 có 3 xã đạt; tiêu chí 12 có 12 xã đạt; tiêu chí 13 có 93 xã đạt; tiêu chí 14 có 20 xã đạt; tiêu chí 15 có 14 xã đạt; tiêu chí 16 có 18 xã đạt; tiêu chí 17 có 3 xã đạt; tiêu chí 18 có 7 xã đạt; tiêu chí 19 có 207 xã đạt. Theo Bộ tiêu chí về nông thôn mới, năm 2009, tỉnh Lạng Sơn chưa có xã nào đạt được 19 tiêu chí xã nông thôn mới.

Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg, ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010*, với sự cố gắng của các ngành, các cấp, Chương trình 135 giai đoạn II năm 2006, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 74 xã, năm 2009 còn 61 xã và 47 thôn bản đặc biệt khó khăn được thụ hưởng; năm 2010, số xã đặc biệt khó khăn là 61 xã và 56 thôn được thụ hưởng; dân số vùng đặc biệt khó khăn là 27.913 hộ, 134.860 người, thu nhập bình quân đầu người của vùng đặc biệt khó khăn là 3,2 triệu đồng, lương thực bình quân đầu người là 285kg; tỷ lệ hộ nghèo của vùng đặc biệt khó khăn là 49,41%. Việc cấp phát, huy động vốn của Chương trình 135 giai đoạn II có nhiều chuyển biến: Tổng số vốn trung ương được phân bổ từ năm 2006 đến năm 2009 là 330.312 triệu đồng, đã thực hiện được 317.624 triệu đồng, đạt 96,16% kế hoạch, trong đó Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất vốn kế hoạch giao là 44.795 triệu đồng, thực hiện được 42.555 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch dự án phát triển kết cấu hạ tầng, vốn kế hoạch giao là 224.795 triệu đồng, đạt 95,57% kế hoạch; dự án nâng cao năng lực của cán bộ và cộng đồng, vốn kế hoạch giao là

13.060 triệu đồng, thực hiện được 12.560 triệu đồng, đạt 96,17% kế hoạch; dự án cải thiện đời sống và dự án trợ giúp pháp lý, vốn kế hoạch giao là 40.543 triệu đồng, thực hiện được 40.543 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch; công tác duy tu, bảo dưỡng công trình, vốn kế hoạch giao là 7.208 triệu đồng, thực hiện được 7.208 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

Việc huy động, phân bổ, thực hiện vốn đầu tư công được thực hiện theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành tiến hành phân bổ theo đúng nguyên tắc, chỉ tiêu và định mức phân bổ được giao, bảo đảm đúng quan điểm, định hướng, cơ cấu được giao. Các dự án bố trí vốn khởi công mới đều thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định, ưu tiên bố trí vốn cho công tác thanh toán nợ, đối ứng dự án ODA, dự án trọng điểm, dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành. Tổng vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 là 2.799 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương là 1.788 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 310 tỷ đồng, vốn ODA là 838 tỷ đồng, vốn trái phiếu chính phủ là 333 tỷ đồng, vốn tín dụng là 184 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đầu tư công trên một số lĩnh vực có sự chuyển biến tích cực: Về xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nông nghiệp, nông thôn, trong đó đã xây dựng được 20 công trình thủy lợi do tỉnh quản lý, tưới cho 5.229ha đất canh tác và 26 công trình thủy lợi do huyện quản lý với 31,2km mương dẫn nước; công trình hồ đập đầu mối được sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới,

bảo đảm tưới tiêu cho 70% diện tích; hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư mới và nâng cấp với 358km đường các loại, góp phần tăng tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm đi được bốn mùa từ 84% xã năm 2006 lên 90% xã năm 2010; hệ thống lưới điện được hoàn thành trên 600km đường dây trung thế và hạ thế, điện lưới quốc gia được kéo đến trung tâm 226/226 xã, đạt 100%, số sử dụng điện lưới tăng từ 84% năm 2006 lên 92,5% năm 2010.

Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai hiệu quả, đồng bộ: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được thực hiện với 32 mô hình (trong đó có 18 mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, 14 mô hình hỗ trợ phát triển ngành nghề); tổ chức 42 lớp tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho 2.203 lượt người tham gia, tổng số được hưởng lợi từ chương trình là 1.640 hộ. Năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 13,61%, tương đương 24.227 hộ, số hộ thoát nghèo trong 5 năm 2006 - 2010 là 19.724 hộ, giảm 48,3% so với tổng số hộ nghèo, bình quân mỗi năm thoát nghèo 3.945 hộ, tương ứng tỷ lệ thoát nghèo hằng năm là 3,09%; 189/207 xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã có trường tiểu học. Năm 2008, tỉnh Lạng Sơn hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 75% số dân nông thôn được dùng nước sạch sinh hoạt; 13/74 xã khó khăn được công nhận xã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135. Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm được chú trọng: Trong 5 năm, có khoảng 30.000 lao động nông thôn được đào tạo nghề, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2010 đạt 32%, trung bình hằng năm có trên 12.000 lao động được giải quyết việc làm.

Sản xuất công nghiệp có sự tăng trưởng khá. Thực hiện Quyết định số 1107/QĐ-TTg, ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020*, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1359/QĐ-UBND, ngày 08/8/2007 Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Đồng Bành. Theo đó, khu công nghiệp Đồng Bành có diện tích quy hoạch 321,7ha, nằm trên địa bàn xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng và xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng; giai đoạn 1 (2007 - 2011) được xây dựng có quy mô 168ha. Trên cơ sở quy hoạch của khu công nghiệp Đồng Bành, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 3 dự án: Dự án nhà máy xi măng Đồng Bành, Dự án sản xuất, kinh doanh nồi hơi dùng năng lượng sinh học do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công nghệ kỹ thuật môi trường làm chủ đầu tư, Dự án nhà máy lắp ráp ô tô FAW - Hoàng Trà, do Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Trà làm chủ đầu tư, với tổng số vốn đầu tư là 113 tỷ đồng, công suất 10.000 xe/năm. Khu công nghiệp và chế xuất Hồng Phong nằm trong danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư giai đoạn đến năm 2015 theo Quyết định số 55/2008/QĐ-TTg, ngày 28/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc phê duyệt Đề án xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đông Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*, tổng diện tích của Khu công nghiệp là 440ha nằm trên địa bàn hai xã Hồng Phong và Phú Xá, huyện Cao Lộc. Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 2 dự án: Dự án chuyển đổi công nghệ lò quay nhà máy xi măng

Hồng Phong, do Công ty cổ phần Xi măng Hồng Phong làm chủ đầu tư, với tổng số vốn là 486,6 tỷ đồng, công suất 35 vạn tấn/năm, giá trị khối lượng đã thực hiện đạt khoảng 100 tỷ đồng, sau khi hoàn thành dự án sẽ giải quyết việc làm ổn định cho 500 lao động. Dự án chế biến chì thỏi, do Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến khoáng sản và luyện kim Hâm Thiên làm chủ đầu tư, có 100% vốn đầu tư nước ngoài, tổng số vốn đăng ký là 52,7 tỷ đồng, công suất 10.000 tấn/năm, giá trị khối lượng đã thực hiện đạt 70 tỷ đồng và giải quyết việc làm cho 150 lao động.

Năm 2010, trên địa bàn tỉnh có 4 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp số 2 đưa vào khai thác năm 2006, có phạm vi quy hoạch 13,1ha, có 14 nhà đầu tư được giao đất và tiến hành sản xuất, kinh doanh. Cụm công nghiệp Hợp Thành, huyện Cao Lộc, có phạm vi quy hoạch 120,2ha, với tổng mức đầu tư trên 600 tỷ đồng. Cụm công nghiệp Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng có phạm vi quy hoạch 48,9ha, có tổng vốn đầu tư 173 tỷ đồng. Cụm công nghiệp Na Dương, huyện Lộc Bình có phạm vi quy hoạch 365ha, do Công ty cổ phần Toàn Phát thực hiện dự án đầu tư nhà máy gạch tuynel có công suất 20 triệu viên/năm, với tổng số vốn 32 tỷ đồng. Mục tiêu của tỉnh là huy động mọi nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bước đầu hình thành một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô hợp lý, tạo điều kiện phát triển công nghiệp nhằm tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP của tỉnh.

Việc đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế được Đảng bộ chú trọng



triển khai. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X Về một số chủ trương chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), với mục tiêu tranh thủ tối đa nguồn lực đầu tư quốc tế để tạo bước phát triển kinh tế của khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh, xúc tiến đầu tư phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, trong hội nhập quốc tế, mở rộng phát triển hợp tác quốc tế của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tỉnh tích cực đẩy mạnh quan hệ hợp tác toàn diện với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, coi đây là đối tác chiến lược trong phát triển kinh tế; tích cực tham gia hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc; tăng cường các cơ chế hợp tác hiện có, mở rộng quy mô hợp tác, đẩy mạnh hợp tác khu kinh tế Đồng Đăng - Bằng Tường, xây dựng cửa khẩu, cặp chợ biên giới, quản lý biên giới, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động phạm tội xuyên quốc gia, triển khai các hành động liên hợp cùng duy trì trật tự trị an khu vực biên giới; cùng nhau giải quyết vấn đề khu dân cư khu vực biên giới qua lại làm thuê theo thời vụ tại khu vực biên giới; hợp tác đẩy mạnh xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông biên giới; thúc đẩy công tác nghiên cứu áp dụng hình thức “Kiểm tra thông quan một lần” tại cửa khẩu Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan; cùng nhau thực hiện Hiệp định Vận tải đường bộ Việt Nam - Trung Quốc; tăng

cường hợp tác triển khai công tác đấu nối giao thông tại các khu vực cửa khẩu, chợ biên giới, cơ bản đã hoàn thành tại 4 cặp chợ, cửa khẩu biên giới gồm Na Hình - Kéo Ái, Tân Thanh - Pò Chài, Cốc Nam - Lũng Vai, Chi Ma - Ái Điểm, Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX và Quyết định số 1162/QĐ-TTg, ngày 05/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2007 - 2010*, tỉnh đã chỉ đạo xây dựng phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong từng giai đoạn. Kết quả, số lượng và danh mục doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được sắp lại đến thời điểm 30/6/2010 theo các hình thức được 54 doanh nghiệp, trong đó: chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là 6 doanh nghiệp, cổ phần hóa 26 doanh nghiệp, bán 1 doanh nghiệp, sáp nhập 13 doanh nghiệp, giải thể 7 doanh nghiệp, chuyển cơ quan quản lý 1 doanh nghiệp. Sau khi sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, các doanh nghiệp khi sắp xếp đều tuân thủ các quy định của Thủ tướng Chính phủ. Các doanh nghiệp đã nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp xây dựng được phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư có hiệu quả, tạo nhiều sản phẩm mới, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, duy trì thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới, bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Cùng với sự phát triển của kinh tế nhà nước, các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ. Khu vực kinh tế tư nhân

phát triển nhanh về số lượng, quy mô vốn đăng ký, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động. Tổng số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh mới 5 năm 2005 - 2010 đạt khoảng 850 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký khoảng 3.350 tỷ đồng. Hết năm 2010, toàn tỉnh có 1.200 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký khoảng 5.600 tỷ đồng, gấp 2,5 lần giai đoạn 2001 - 2005, trong đó có 60% doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ổn định, đóng góp cho ngân sách nhà nước 27 tỷ đồng/năm, tạo việc làm cho 8.500 lao động; số hộ kinh doanh cá thể đăng ký trong 5 năm là khoảng 65.000 hộ với tổng số vốn đạt gần 2.500 tỷ đồng. Năm 2010, khu vực kinh tế nhà nước chiếm 32,5% trong GDP, khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 66,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 1,3%.

Triển khai Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư Về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX. Cùng với đó, các hợp tác xã được tạo điều kiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng lĩnh vực ngành nghề kinh doanh theo hướng đa ngành, nghề, vừa làm dịch vụ phục vụ hoạt động kinh tế, vừa phát triển chế biến sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, phục vụ nhu cầu của xã viên. Gắn kết đổi mới, phát triển tổ hợp tác với các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để cùng với các thành phần kinh tế khác thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các cụm

điểm công nghiệp và phát triển dịch vụ nông nghiệp tại các vùng nông thôn; khuyến khích hình thành phát triển các làng nghề công nghiệp mới trong tiến trình công nghiệp hóa đất nước.

Đến năm 2010, toàn tỉnh phát triển mới được 44 hợp tác xã (945 xã viên và 585 người lao động) và hơn 3.600 tổ hợp tác xã (17.600 tổ viên). Cuối năm 2010, trên địa bàn tỉnh có 111 hợp tác xã hoạt động ở các lĩnh vực ngành nghề nông, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ với 3.906 xã viên và 4.623 người lao động, tổng vốn điều lệ đăng ký khoảng 45,4 tỷ đồng, trong đó có 40% hợp tác xã đạt loại khá, thu nhập bình quân đạt 10 triệu đồng/năm; hơn 6.580 tổ hợp tác với 75.120 thành viên.

Việc triển khai thực hiện hỗ trợ và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể được chú trọng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số chính sách hỗ trợ bồi dưỡng quản lý hợp tác xã, chính sách trợ giá, trợ cước, chính sách đầu tư, hỗ trợ, đào tạo nghề; xây dựng nhiều chương trình, hoạt động tuyên truyền phổ biến về Luật hợp tác xã; thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Tổ chức các lớp tập huấn theo chương trình đào tạo ba chức danh quản lý của hợp tác xã (chủ nhiệm, kiểm soát, kế toán), tổ chức được 43 lớp bồi dưỡng cho 1.600 cán bộ quản lý và kế toán; hỗ trợ được 44 đề án mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ mới vào sản xuất với tổng kinh phí 90.319 triệu đồng, thực hiện 10 đề án khuyến công quốc gia với kinh phí 750 triệu đồng, 34 đề án khuyến công địa phương với tổng kinh phí

2.211 triệu đồng, đào tạo nghề cho 20.000 người lao động nông thôn...

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả tích cực: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội huy động được trong 5 năm 2006 - 2010 đạt 19.500 tỷ đồng, gấp 2,1 lần so với giai đoạn 2001 - 2005, trong đó vốn ngân sách địa phương chiếm 21%. Cơ cấu đầu tư đã có sự dịch chuyển theo hướng tích cực, vốn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho hoàn thiện kết cấu hạ tầng, phát triển vùng động lực kinh tế của khẩu Đồng Đăng. Kết cấu hạ tầng xã hội có sự phát triển nhanh chóng, các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, trung tâm y tế tại 11 huyện, thành phố được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới với số vốn trên 220 tỷ đồng; 224/226 xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh có điện lưới quốc gia, đạt tỷ lệ 99,11%. Triển khai Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 19/4/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn *Về đẩy mạnh phát triển giao thông vận tải đường bộ đến năm 2010*, đến năm 2008, toàn tỉnh có 192 xã có đường ô tô đi lại được bốn mùa đến trung tâm xã, chiếm tỷ lệ 84,95%. Năm 2009, tỉnh đã nâng cấp, sửa chữa 412,41km đường liên xã, nhựa hóa, bê tông hóa 66,9km, rải cấp phối 301,73km, sửa chữa nâng cấp 1.520,74km đường giao thông nông thôn, bê tông hóa 329,56km đường giao thông nông thôn, trong đó có 43 cây cầu xây kiên cố, 202 cây cầu tạm, vốn đầu tư bình quân 62,25 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 9 tỷ đồng; nhựa hóa - bê tông hóa 328,4 km đường liên xã, liên thôn. Nhiều xã đã hoàn tất hệ thống giao thông đến các thôn, bản, tỷ lệ đường giao thông liên thôn đạt 68,4%.

Trong 5 năm 2006 - 2010, với sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế của tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực: Tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm 2006 - 2010 đạt 10,45%, cao hơn mức bình quân của giai đoạn 2001 - 2005 là 10,04%, trong đó tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành dịch vụ là 12,7%, ngành công nghiệp - xây dựng là 16%, nông - lâm nghiệp là 4,6%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, nông - lâm - nghiệp chiếm 39,74%, công nghiệp - xây dựng chiếm 21,08%; GDP bình quân đầu người đạt 820 USD, gấp hai lần so với năm 2005. Các ngành dịch vụ có bước chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, tỉnh tập trung đầu tư phát triển các lĩnh vực dịch vụ gắn với lợi thế cửa khẩu. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng bình quân hàng năm là 30%, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng 23%; thương mại nội địa phong phú, đa dạng, mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng hàng năm 28%. Kết cấu hạ tầng ngành dịch vụ tiếp tục được củng cố, hệ thống chợ nông thôn được mở rộng đến các trung tâm xã và cụm xã; các chợ đầu mối được quy hoạch, sắp xếp lại; tại thành phố và một số khu vực cửa khẩu đang hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị; hệ thống kho bãi tại các cửa khẩu được hình thành.

### **3. Chú trọng phát triển giáo dục, văn hóa, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội**

Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của công tác giáo dục - đào tạo, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo tiếp tục

thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và Thông báo kết luận số 242-TB/TW, ngày 15/4/2009 của Bộ Chính trị Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020. Qua đó, lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã có chuyển biến rõ nét và đạt được một số kết quả quan trọng. Quy mô đào tạo được mở rộng, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện các mục tiêu quốc gia từng bước được nâng lên. Tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong năm 2006, đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi năm 2008; 98% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đứng thứ 35 trong cả nước đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 84 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 5 trường mầm non, 34 trường tiểu học và 15 trường trung học cơ sở, so với năm 2005 tăng 21 trường, trong đó tăng 4 trường mầm non, 7 trường tiểu học và 10 trường trung học cơ sở. Năm học 2008 - 2009, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông là 85,12%, xếp thứ 23 toàn quốc; tốt nghiệp bổ túc trung học phổ thông là 49,56%, xếp thứ 16 toàn quốc.

Các cuộc vận động lớn trong ngành giáo dục được triển khai nghiêm túc, hiệu quả, góp phần đưa chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên ngày càng được chuẩn hóa, cơ bản đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng: Tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn là 99,65%; tỷ lệ giáo viên mầm non đạt chuẩn là 85,29% (trên chuẩn là 13,9%); tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt chuẩn là 99,85% (trên chuẩn là 36,8%); tỷ lệ giáo viên trung học cơ sở đạt chuẩn là

89,12% (trên chuẩn là 14,1%); số giáo viên trung học phổ thông đạt chuẩn là 97,98%.

Từ năm 2006 đến năm 2009, tỉnh đã xây dựng được 494 phòng học, với trị giá 115.195 triệu đồng; mua sắm sách, thiết bị giáo dục với trị giá 23.976 triệu đồng. Cơ sở vật chất trường học được tăng cường đầu tư đã góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời, phát triển giáo dục ở các xã đặc biệt khó khăn. Đến năm 2010, cơ bản xóa xong trường học tre, nứa lá, có 3.986/6.774 phòng học được đầu tư kiên cố và 1.895/6.774 phòng học bán kiên cố.

Công tác đào tạo nghề, tạo việc làm mới cho người lao động được chú trọng: Trong 5 năm 2006 - 2010, toàn tỉnh có 30.000 lao động nông thôn được đào tạo nghề, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đạt 30%, trung bình mỗi năm có 1 - 1,2 vạn lao động được giải quyết việc làm. Cơ sở vật chất, năng lực đào tạo nghề, mạng lưới các trường nghề, trung tâm dạy nghề phát triển, đáp ứng nhu cầu đào tạo từ 7.000 - 8.000 lao động/năm. Tỉnh đã hoàn thành nâng cấp Trường Dạy nghề thành Trường Trung cấp nghề Việt - Đức, Trường Trung cấp Y tế thành Trường Cao đẳng Y tế, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nâng cấp Trường Trung cấp kinh tế lên Cao đẳng Kinh tế. Thực hiện Đề án số 12 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2006 - 2010 theo Quyết định số 284-QĐ/TU, ngày 15/3/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể đã tích cực triển khai công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Kết quả, trong 3 năm 2006 - 2008, toàn tỉnh đã đào tạo được 24.697 lượt người là lao động



nông thôn, trung bình mỗi năm đào tạo được trên 6.000 người. Thông qua chương trình đào tạo nghề cho nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở nông thôn.

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao được chú trọng. Đảng bộ tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008, của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, nghệ thuật trong thời kỳ mới*. Mạng lưới thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở của tỉnh ngày càng được mở rộng, phát triển. Hết năm 2009, toàn tỉnh có 968/2.166 thôn có nhà văn hóa, đạt 44,7%; 100% xã có tủ sách pháp luật, 66% xã có điểm bưu điện văn hóa xã được trang bị tủ sách, trong đó có 312 ngăn sách pháp luật ở các thôn, bản; 131 tủ sách xã, thôn cùng với hệ thống 97/408 thư viện trường học, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận, tìm hiểu thông tin.

Toàn tỉnh có 193 trạm phát thanh, truyền thanh, trong đó 11/11 huyện, thành phố có đài truyền thanh và 182 xã, phường, thị trấn có trạm phát thanh, chiếm 80% số xã, phường, thị trấn đạt 80%; 100% trung tâm cụm xã được phủ sóng điện thoại di động; 100% xã có điện thoại cố định, đạt bình quân 9 máy/100 dân/xã; 100% số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam, tỷ lệ hộ được xem truyền hình đạt 80%; số xã có điểm bưu điện văn hóa xã là 137/207 xã, đạt 66,18%.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi với các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, biểu diễn văn nghệ, hội thi, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Toàn tỉnh có 482 đội văn nghệ; 302 câu lạc bộ văn hóa; 820 điểm, nhóm, câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động

thường xuyên góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Phong trào luyện tập thể thao quần chúng ngày càng phát triển rộng khắp. Năm 2010, có 75% xã, phường, thị trấn có sân tập thể thao.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển sâu rộng. Năm 2010, toàn tỉnh có 80% gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 35% thôn, bản, khối phố đạt chuẩn văn hóa, 60% nhà văn hóa thôn, bản, khối phố đạt mục tiêu đề ra.

Các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian và các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được khôi phục, bảo tồn và phát huy. Toàn tỉnh có 581 điểm di tích lịch sử - văn hóa, trong đó có 23 di tích cấp quốc gia, 88 điểm di tích cấp tỉnh. Các loại hình báo chí, phát thanh, truyền hình, văn học nghệ thuật có sự chuyển biến tích cực; thời lượng và chất lượng phát thanh, truyền hình được nâng lên.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được nâng cao chất lượng, không để các dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh. Các chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh, dịch bệnh nguy hiểm và HIV/AIDS có nhiều chuyển biến; 90% số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ 7 loại vắc xin, trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm vắc xin phòng bệnh viêm não Nhật Bản, giảm tỷ lệ mắc bệnh bạch hầu xuống 0,01/100.000 dân, bệnh ho gà xuống 0,1/100.000 dân. Năm 2010, tỉnh ra khỏi nhóm 10 tỉnh có tỷ lệ người nhiễm HIV cao nhất cả nước.

Cơ sở vật chất phục vụ khám, chữa bệnh được tăng cường; năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế ngày càng được nâng lên. Năm 2010, toàn tỉnh có 4 bệnh viện tuyến tỉnh, 10 bệnh viện đa khoa cấp huyện, 24 phòng khám đa khoa khu vực, 226 trạm y tế xã, phường và thị trấn; 100% nhân viên y tế thôn, bản có trình độ sơ cấp trở lên, tỷ lệ đạt 8% bác sĩ/10.000 dân. Số giường bệnh tăng từ 1.230 giường năm 2006 lên 1.490 giường năm 2010, đạt tỷ lệ 20 giường/10.000 dân; có 178/207 xã đạt công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được chú trọng, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 29% năm 2005 xuống còn 19,5% năm 2010, đạt mục tiêu đề ra. Hằng năm, tỷ lệ giảm sinh đạt 0,4‰. Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Tỷ lệ số hộ nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng từ 58% (năm 2006) lên 66% (năm 2008), đạt 94,28%, trong đó có 35% số hộ được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn TC09 của Bộ Y tế.

Thực hiện Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg, ngày 29/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở*, đến hết năm 2010, tỉnh đã hỗ trợ cho 5.464 hộ nghèo về nhà ở, trong đó có 5.023 hộ nghèo thuộc vùng khó khăn và 441 hộ nghèo ngoài vùng khó khăn.

#### **4. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại**

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIV, công tác quốc phòng, an ninh được các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo với tinh thần tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, xây dựng chính quy và rèn luyện kỷ luật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên từng bước đi vào nền nếp. Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/5/2007 của Ban Chấp hành Trung ương *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới*; Nghị định số 116/2007/NĐ-CP, ngày 10/7/2007 của Chính phủ về *Giáo dục quốc phòng - an ninh*, công tác giáo dục quốc phòng - an ninh được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm đẩy mạnh. Kết quả, đến tháng 8/2010, toàn tỉnh đã bồi dưỡng được 45.277/50.883 đối tượng, đạt tỷ lệ 90%, trong đó đối tượng 1 đạt 94,44%, đối tượng 2 đạt 93,13%, đối tượng 3 đạt 95,49%, đối tượng 4 đạt 83,71%, đối tượng 5 đạt 90,08%.

Thực hiện Nghị định số 152/2007/NĐ-CP, ngày 10/10/2007 của Chính phủ *Về khu vực phòng thủ*; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới*, các cấp ủy đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh đã quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng khu vực phòng thủ, tham mưu ban hành xây dựng các kế hoạch, chỉ thị tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; năm 2008, tỉnh tổ chức diễn tập phòng thủ cấp tỉnh và hai huyện Cao Lộc, Đình Lập.

Công tác xây dựng lực lượng thường xuyên được coi trọng, kiện toàn, sắp xếp đồng bộ. Công tác tuyển quân bảo đảm chỉ tiêu kế hoạch, chất lượng được nâng lên. Lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên được củng cố, tỷ lệ đảng viên đạt 13,72%. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, với tỷ lệ đảng viên đạt 12,4%. Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên được kiện toàn, từng bước thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định, gắn việc xây dựng đơn vị vững mạnh, toàn diện với xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Nhằm tăng cường công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 14/10/2006 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 21/11/2006 *Về tăng cường công tác lãnh đạo bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới*. Đồng thời xây dựng Đề án “Xây dựng thế trận an ninh nhân dân”, Đề án “Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại”, và

Đề án “Phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong các lực lượng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Tập trung chỉ đạo phòng, chống các loại tội phạm, năm 2006, tập trung điều tra làm rõ 273/336 vụ phạm pháp hình sự, đạt tỷ lệ 74,6%; xử lý 356 vụ buôn lậu; đấu tranh khám phá 13 chuyên án ma túy. Năm 2008, tỷ lệ điều tra khám phá các vụ phạm pháp hình sự đạt 75,59%, bắt giữ 559 vụ, 842 đối tượng, thu giữ 300 bánh hêrôin; phát hiện và bắt giữ 2.254 vụ buôn lậu, gian lận thương mại, thu giữ hàng hóa trị giá 65,5 tỷ đồng. Năm 2010, tỷ lệ điều tra khám phá các vụ phạm pháp hình sự đạt 78,6%, các vụ án nghiêm trọng đạt 93%; các tệ nạn xã hội từng bước được ngăn chặn và đẩy lùi, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Thực hiện Quyết định số 521/2005/QĐ-TTg, ngày 13/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ Về Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và sự chỉ đạo của Bộ Công an, tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo các cấp, các ngành tuyên truyền, triển khai thực hiện phong trào bảo đảm hiệu quả, thiết thực. Nhờ đó, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” trên địa bàn tỉnh được chú trọng, đổi mới về nội dung, hình thức, phát huy hiệu quả, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Các mô hình điển hình tiên tiến được nhân rộng như: mô hình “tự phòng, tự quản, tự bảo vệ”, “liên kết các vùng giáp ranh an toàn”, “xây dựng khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, trường học an toàn, không có tội phạm và tệ nạn xã hội”,... Đến năm 2010, toàn tỉnh có 1.767/2.314 khu dân cư và 136/226 xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy, mại dâm; 96% số

cơ quan doanh nghiệp đăng ký xây dựng cơ quan an toàn. Qua thực hiện phong trào đã được các cấp, các ngành khen thưởng tặng 18 cờ thi đua xuất sắc, 56 bằng khen, 1.708 giấy khen cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc được thực hiện theo Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa Chính phủ hai nước ký ngày 30/12/1999 và Chỉ thị số 25/2001/CT-TTg, ngày 08/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc triển khai thực hiện công tác phân giới, cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, các cấp ủy trong tỉnh đã tổ chức quán triệt, tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phân giới, cắm mốc trên địa bàn tỉnh, tại địa bàn 20 xã và 1 thị trấn, thuộc các huyện Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình và Đình Lập. Ngày 23/02/2009, tại cửa khẩu quốc tế Hữu nghị, Chính phủ hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã tổ chức Lễ mừng công hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, kết thúc quá trình phân giới, cắm mốc lâu dài và gian khổ. Từ ngày 07/6 đến ngày 29/8/2010, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn cùng với chính quyền các huyện, xã, trưởng các thôn, bản giáp biên giới tiếp nhận đoạn đường biên, cột mốc do Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc tỉnh Lạng Sơn bàn giao để quản lý, bảo vệ. Toàn tuyến biên giới tỉnh Lạng Sơn dài 231,74km, với 474 cột mốc biên giới, gồm 344 cột mốc chính, 130 cột mốc phụ (trong đó có 1 mốc đôi, 2 mốc 3 cùng số vì mốc 961 do Nhóm phân giới cắm mốc số 10 cắm, bàn giao cho Bộ đội Biên phòng Cao Bằng quản lý), tiếp nhận

3 mốc phụ 1300/1, 1300/2, 1300/3 để quản lý theo đúng địa giới hành chính giữa tỉnh Lạng Sơn với tỉnh Cao Bằng và tỉnh Quảng Ninh<sup>1</sup>.

Công tác đối ngoại được thực hiện chủ động và hiệu quả. Triển khai thực hiện Quyết định số 28/2005-QĐ/TTg, ngày 01/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về *Quy chế thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch đối ngoại hằng năm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Quan hệ hữu nghị, hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng đi vào chiều sâu, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, quản lý biên giới, phòng, chống tội phạm... Trong những năm 2006 - 2010, tỉnh triển khai hiệu quả chương trình hợp tác 4 tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc); duy trì cơ chế hợp tác giữa các huyện biên giới và cư dân biên giới Lạng Sơn - Quảng Tây. Sở Khoa học - Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh đã ký kết các biên bản ghi nhớ về hợp tác chuyên ngành với các cơ quan chức năng của Quảng Tây, Trung Quốc. Tháng 9/2010, tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức thành

---

1. Xem Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn (1959 - 2019)*, Lạng Sơn, 2019, tr.323, 324.



công Hội nghị lần thứ ba Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Hàng năm, tỉnh tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại như Hội chợ thương mại quốc tế Việt - Trung, Liên hoan hữu nghị Thanh niên Việt - Trung, ký kết các thỏa thuận quốc tế về đầu tư, thương mại, du lịch...

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 10/9/2008 của Ban Bí thư (khóa X) về *Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ban hành Chỉ thị số 26-CT/TU, ngày 17/3/2008 *Về tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2010 và những năm tiếp theo*. Trong đó, xác định quan hệ đối ngoại với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) là đối tác chiến lược quan trọng trong hợp tác phát triển. Cùng với đó, tăng cường củng cố quan hệ hợp tác cùng cấp với một số đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Pháp và các đối tác tiềm năng, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước trong khu vực và thế giới.

##### **5. Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

Tiếp tục triển khai tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị *Về tổ chức Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* và các chuyên đề hằng năm. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, 6 (khóa X); Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 06/11/2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) *Về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên*; Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư Trung ương *Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ*. Kết quả, năm 2009 tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, phân tích, đạt 99,6%, trong đó tỷ lệ đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 54,38%, tăng 9,28% so với cùng kỳ; hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 33,51%, giảm 7,26%; hoàn thành nhiệm vụ chiếm 11%, giảm 2,13% so với cùng kỳ; yếu kém chiếm 0,66%, tăng 0,11% so với cùng kỳ. Tổng số chi bộ dưới đảng bộ cơ sở được đánh giá đạt 99,83%, đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 54,23%, tăng 5%; hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 32,03%, giảm 2,76%; hoàn thành nhiệm vụ chiếm 13,33%, giảm 2,12%; yếu kém chiếm 0,41%, tăng 0,05%. Tổng số đảng viên thuộc diện đánh giá là 40.817, số đảng viên được đánh giá chiếm 97,84%, đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 12,98%, tăng 2,82%; đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 70,99%, tăng 0,21% so với cùng kỳ; đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ chiếm 15,51% giảm 12,97%; đảng viên vi phạm tư cách chiếm 0,52%, giảm 0,06%. Cùng với công tác đánh giá, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, công

tác phát triển đảng, quản lý đảng viên được các cấp ủy quan tâm. Đến ngày 30/11/2010, kết nạp được 1.955 đảng viên, đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 47.097 đảng viên; trong đó có 43.782 đảng viên chính thức.

Công tác quản lý, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ được quan tâm thực hiện. Ngày 08/8/2007, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 500/QĐNS-TW Về việc phân công Ủy viên Trung ương Đảng, phân công đồng chí Vũ Huy Hoàng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2006 - 2010 để nhận công tác mới. Tiếp đó, ngày 13/8/2007, Bộ Chính trị ra Quyết định số 577-QĐNS/TW về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010 đối với đồng chí Phùng Thanh Kiểm, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 20/5/2008, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 802-QĐNS/TW về việc điều động, luân chuyển cán bộ, đồng chí Nguyễn Văn Thanh, Viện trưởng Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ, chuyển công tác về Lạng Sơn và giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2006 - 2010; tháng 7/2008, đồng chí Nguyễn Văn Thanh được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng và Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10/12/1996 của Bộ Chính trị Về nhiệm vụ của đảng viên khi

*ra nước ngoài*; chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ; chú trọng công tác bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước trong phát ngôn, sử dụng thông tin, tài liệu.

Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được tăng cường. Năm 2010, ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 121 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm (có 44 đồng chí là cấp ủy viên các cấp) và 36 tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra, kết luận, có 82 đảng viên và 11 tổ chức đảng có vi phạm, đã thi hành kỷ luật 56 trường hợp. Đối với tổ chức đảng, qua kiểm tra kết luận có vi phạm nhưng chưa đến mức phải thi hành kỷ luật và đã kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, rút kinh nghiệm. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 107 đảng viên, bằng 69,4% so với năm 2009.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng*, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các cơ quan chức năng đã kiểm tra, làm rõ 7 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, khởi tố 3 vụ, 4 bị can, thu hồi 963,7 triệu đồng. Năm 2010, thực hiện 101 cuộc thanh, kiểm tra trên các lĩnh vực. Thông qua 78 cuộc thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện sai phạm về kinh tế 3.095,026 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 783,16 triệu đồng, giảm trừ quyết toán 6,57 triệu đồng và trả lại cho người lao động 1,04 triệu đồng; cấp có thẩm quyền thu

hồi 425,20 triệu đồng, kỷ luật cảnh cáo 1 công chức, đã thu hồi được 362,61 triệu đồng, xử phạt hành chính 237,25 triệu đồng.

Triển khai Nghị quyết Trung ương 5 khóa X *Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước*; Quyết định số 94/2006/QĐ-TTg, ngày 27/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006 - 2010*, ngày 13/3/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 421/QĐ-UBND về việc *Phê duyệt Chương trình cải cách hành chính tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2006 - 2010*. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và đã đạt được những kết quả quan trọng. Cải cách thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định; tổng số thủ tục đã ban hành để triển khai thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, trong đó, cấp tỉnh ban hành là 165 thủ tục, cấp huyện ban hành 61 thủ tục; đồng thời, rà soát 1.272 thủ tục hành chính, trong đó số thủ tục kiến nghị đơn giản hóa là 751/1.272. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được thực hiện từ năm 2004 tại các sở, ngành. Từ ngày 01/01/2005, tỉnh triển khai thực hiện tại các xã đối với 4 lĩnh vực đất đai, hộ tịch, chứng thực và xây dựng nhà ở. Đến năm 2010, trên địa bàn tỉnh có 17 sở, ngành, 11/11 huyện, thành phố và 226/226 xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X và Kế hoạch số 02-KH/TW, ngày 11/4/2007 của Bộ Chính trị về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng đổi mới kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc

và các đoàn thể chính trị - xã hội, ngày 15/3/2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 289-QĐ/TU *Phê duyệt Đề án đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, giai đoạn 2006 - 2010*. Sau gần 4 năm triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả nổi bật:

Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, phối hợp với các tổ chức thành viên tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, các hoạt động nhân đạo từ thiện; cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”... Kết quả toàn tỉnh đã quyên góp được 12,5 tỷ đồng từ quỹ “Vì người nghèo” để sửa chữa, xây dựng mới nhà ở cho hộ nghèo. Trong giai đoạn 2006 - 2010, toàn tỉnh xây mới được 12.310 ngôi nhà cho hộ nghèo; tổ chức các hoạt động thăm hỏi, trợ giúp cho các hộ nghèo, gia đình, gia đình chính sách, trẻ mồ côi, khuyết tật, tặng quà Tết cho người nghèo... với tổng số tiền trên 1,27 tỷ đồng.

Các cấp Công đoàn luôn chú trọng công tác tuyên truyền thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về *Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn. Hằng năm, có trên 70% cơ quan, đơn vị đạt cơ quan văn hóa, trên 87% hộ

gia đình công nhân viên chức, lao động đạt gia đình văn hóa, giới thiệu 3.917 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp. Các cấp công đoàn đã tích cực phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn cơ sở xã, phường, thị trấn. Năm 2010, toàn tỉnh đã có 1.304 công đoàn cơ sở, với 34.698 đoàn viên/43.610 công nhân, viên chức, lao động, chiếm 79,5%; 100% cơ quan, đơn vị doanh nghiệp khu vực nhà nước đều có tổ chức công đoàn, trên 95% công nhân lao động là đoàn viên; 100% xã, phường, thị trấn có tổ chức công đoàn.

Hội Nông dân các cấp tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho các hội viên thông qua các đợt tổ chức học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*. Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức hội, công tác phát triển hội viên. Từ năm 2006 đến năm 2010, các cấp hội đã kết nạp được 12.000 hội viên; 100% cán bộ cơ sở hội và 70% cán bộ chi hội được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hội.

Phong trào “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng” đã thực sự đi vào cuộc sống, mang lại hiệu quả thiết thực. Toàn tỉnh đã có 47.800 hộ gia đình làm kinh tế giỏi. Từ năm 2006 đến năm 2010, hội nông dân các cấp đã vận động được tổng số quỹ là 7.685.845.000 đồng và triển khai được 48 dự án, cho 763 hộ được vay, xóa được 135 nhà tạm, thành lập được 79 câu lạc bộ nông dân hoạt động trên các lĩnh vực pháp luật, dân số, khuyến nông, đã góp phần cùng với cơ quan chức

năng giải quyết được 725 vụ khiếu nại, tố cáo, hòa giải được 435 vụ tranh chấp mâu thuẫn trong nội bộ tại cơ sở.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, triển khai và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác” do Trung ương Đoàn phát động, với nhiều hoạt động thiết thực, thu hút 97.274 lượt cán bộ, đoàn viên, thanh niên tham gia; phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, cuộc vận động “Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, triển khai cuộc thi viết “Sáng mãi phẩm chất Anh bộ đội Cụ Hồ”, “Tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ”... được triển khai sâu rộng trong đoàn viên, thanh niên. Công tác xây dựng tổ chức đoàn được các cấp bộ đoàn quan tâm chỉ đạo, đã kiện toàn được 480 chi đoàn, trên 20 đoàn cơ sở, thành lập mới 60 chi đoàn; xóa thôn bản “trắng” tổ chức đoàn ở 39 thôn, bản, củng cố được 394 chi đoàn yếu, tách 75 chi đoàn sinh hoạt ghép; 100% thôn, bản có tổ chức đoàn. Công tác tham gia xây dựng Đảng và chính quyền được các cấp bộ đoàn quan tâm đẩy mạnh; giới thiệu cho Đảng được 7.394 đoàn viên ưu tú, trong đó có 5.102 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị *Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Hội phụ nữ các cấp tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập,



lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Toàn tỉnh đã có 857 chi hội xây dựng mô hình tiết kiệm; 361 chi hội thực hiện mô hình “Ổng tiền tiết kiệm” và “Nuôi lợn nhựa tiết kiệm”; 94 mô hình “Hũ/ống gạo tiết kiệm”. Triển khai sâu rộng phong trào “Phụ nữ giúp nhau xóa đói, giảm nghèo có địa chỉ”. Kết quả, đã có 10.162/11.789 (đạt 86,2%) hộ nghèo do phụ nữ làm chủ được giúp đỡ và 3.262 (32,1%) hộ phụ nữ nghèo được giúp thoát nghèo; các cấp hội đã phối hợp, liên kết mở được 215 lớp dạy nghề, tạo việc làm cho 4.841 lao động nữ nông thôn.

Hội Cựu chiến binh các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho hội viên. Công tác phát triển hội viên luôn được quan tâm thực hiện, đã kết nạp được 7.031 hội viên, đạt tỷ lệ 200%, vượt so với mục tiêu đề ra, nâng tổng số hội viên trong toàn tỉnh lên 31.698, tỷ lệ thu hút vào hội bình quân đạt 87,89%; tỷ lệ hội viên gương mẫu, gia đình hội viên văn hóa năm sau cao hơn năm trước.

Trong những năm 2006 - 2010, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy những thành tựu của 25 năm đổi mới đất nước, khắc phục và vượt qua mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định và có bước phát triển, duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, kết cấu hạ tầng kinh tế được tăng cường đáng kể.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ổn định, tiếp tục được cải thiện. Hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền an ninh biên giới được giữ vững. Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cũng còn một số hạn chế: Kinh tế phát triển chưa bền vững, chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đạt kế hoạch đề ra; chuyển dịch cơ cấu lao động chậm so với yêu cầu, quy mô của nền kinh tế còn nhỏ, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

## II- PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2010 - 2015)

### **1. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015**

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn bước vào thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong giai đoạn thế giới và trong nước có sự biến đổi sâu sắc.

Nửa đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc,

tôn giáo, chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn diễn ra gay gắt; các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng. Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức. Kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Cạnh tranh kinh tế thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên giữa các nước ngày càng gay gắt. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội tiếp tục phát triển. Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là Đông Nam Á được coi là khu vực phát triển năng động, nhưng vẫn tồn tại nhiều nhân tố gây mất ổn định, tranh chấp lãnh thổ, biển đảo diễn biến phức tạp.

Trong nước, nền kinh tế cơ bản duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên; giáo dục, đào tạo; khoa học - công nghệ, văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế, uy tín của đất nước được nâng cao... Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, đất nước đã tranh thủ được thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều thách thức, nhất là tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, đẩy mạnh sự nghiệp

công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991), Việt Nam đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: “Vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên rất nhiều, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn theo con đường xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” diễn biến phức tạp...

Tại tỉnh Lạng Sơn, thực hiện chủ trương đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tập trung khai thác những mặt thuận lợi, tiềm năng, lợi thế của một tỉnh biên giới, phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tuy nhiên, tỉnh cũng gặp phải một số khó khăn, thách thức vốn có của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 20-21.

một tỉnh miền núi, biên giới. Điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, quy mô kinh tế còn nhỏ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế, sản xuất hàng hóa chậm phát triển, năng lực sản xuất, năng suất lao động thấp; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; công tác lãnh đạo, quản lý còn một số bất cập.

Thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đại hội đảng bộ cấp cơ sở và cấp trên cơ sở. Đến ngày 30/6/2010, có 754/754 tổ chức cơ sở đảng tiến hành xong đại hội. Đến ngày 20/8/2010, tất cả 16/16 đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh đã tổ chức đại hội thành công. Từ ngày 14 đến ngày 16/9/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015 được tiến hành trọng thể tại thành phố Lạng Sơn. Tham dự Đại hội có 350 đại biểu, được bầu từ đại hội đảng các cấp, thay mặt cho gần 5 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2006 - 2010; xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, phát triển Lạng Sơn giai đoạn 2010 - 2015; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015; thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát: “Đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, phấn đấu để Lạng Sơn cơ bản đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước; bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường; tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an ninh biên giới quốc gia, xây dựng vùng biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới”<sup>1</sup>.

Trên cơ sở dự báo tình hình 5 năm tới với những thuận lợi và khó khăn đan xen, Đại hội nêu lên phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2010 - 2015 là: Khai thác, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường công tác quy hoạch, quản lý đô thị, quản lý tài nguyên, tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội gắn với phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác tư pháp, phòng,

---

1. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV*, tháng 11/2010, tr. 55.

chống tham nhũng, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV gồm 55 đồng chí; bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, gồm 17 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết. Ngày 15/9/2010, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí: Phùng Thanh Kiểm, Vy Văn Thành, Nguyễn Thế Tuy, Dương Công Tùy, Hà Văn Đình, Nông Văn Thảm, Nguyễn Đình Thọ, Nông Thị Lâm, Trương Hùng Anh, Nguyễn Văn Bình, Tô Hùng Khoa, Lê Thị Thanh Nhân, Lương Viết Kiểm, Hoàng Công Hàm, Trần Đăng Yến. Đồng chí Phùng Thanh Kiểm được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Thế Tuy, đồng chí Vy Văn Thành được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 3/2014, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 1103-QĐNS/TW về luân chuyển, điều động đồng chí Nguyễn Văn Thanh, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ thôi tham gia Ban Cán sự Đảng, thôi giữ chức Phó Tổng Thanh tra Chính phủ chuyển công tác về Tỉnh ủy Lạng Sơn, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Ngày 21/10/2015, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 2068-QĐNS/TW, về điều động đồng chí Nguyễn Văn Thanh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thôi giữ chức

vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2010 - 2015 để giữ chức Phó Tổng Thanh tra Chính phủ và tham gia Ban Cán sự Thanh tra Chính phủ.

Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn quyết nghị: Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình 5 năm 2006 - 2010 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2010 - 2015 nêu trong Báo cáo chính trị của Đại hội. Thông qua Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIV, nhiệm kỳ 2006 - 2010. Tiếp tục phát huy ưu điểm, tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Thông qua kết quả bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV căn cứ vào Nghị quyết Đại hội, trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, xây dựng chương trình hành động, các kế hoạch công tác để nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội đi vào thực tiễn.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV là sự kiện chính trị quan trọng, định hướng cho toàn Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh; là nguồn sức mạnh, cổ vũ, tạo động lực mới thúc đẩy toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn cách mạng mới.



Tháng 01/2011, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đưa ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011 - 2020) là: *“Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa”*<sup>1</sup>. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: *“Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”*<sup>2</sup>. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tổng kết những thắng lợi và những bài học chủ yếu của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX; xác định 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, tạo tiền đề để xây dựng đất nước phát triển nhanh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và những chủ trương của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV là những định hướng lớn, tạo cơ sở, nền tảng để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong những năm 2010 - 2015.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 30, 31.

## **2. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới**

Triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 01/7/2011, trong đó xác định 8 chương trình trọng điểm, 3 khâu đột phá để tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện. Về phát triển kinh tế, phấn đấu đạt các mục tiêu: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 10%, GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 1.600 USD.

Để đạt những mục tiêu trên, các cấp ủy đảng, chính quyền, các cấp, ngành đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án để tổ chức triển khai thực hiện và đạt những kết quả tích cực.

*Sản xuất nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển khá toàn diện.* Trên lĩnh vực nông nghiệp, chú trọng chỉ đạo ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; ưu tiên cho các vùng sản xuất các sản phẩm có thế mạnh của địa phương; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, các mô hình liên kết giữa nông hộ với các đối tác kinh tế; củng cố và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể, hợp tác xã; huy động các nguồn lực, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất ở khu vực nông thôn,...

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành

Chương trình hành động số 30/Ctr-UBND, ngày 10/11/2014 về thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, ngành nông nghiệp tỉnh Lạng Sơn đã đạt được kết quả quan trọng, đặc biệt trong sản xuất nông - lâm nghiệp có bước chuyển biến trong tư duy của người dân từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa. Tổng diện tích gieo trồng hàng năm duy trì ở mức ổn định, khoảng 103.000ha; sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 298.000 tấn; bình quân lương thực đầu người năm 2015 đạt 400kg, cơ bản bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn. Cơ cấu cây trồng, mùa vụ có sự chuyển dịch khá rõ rệt, các vùng tập trung cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản (thuốc lá, quýt, na, hồi, thông, rau màu,...) tiếp tục phát triển; một số sản phẩm đã trở thành hàng xuất khẩu, đem lại giá trị kinh tế khá cao. Cùng với đó, chú trọng phát huy khai thác tối đa lợi thế đất đai, đồi rừng để phát triển lâm nghiệp, đưa lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng tâm. Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được chú trọng; cơ cấu lại các loại rừng một cách hợp lý, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, hình thành vùng nguyên liệu tập trung. Nhờ làm tốt các biện pháp đó, tổng diện tích trồng rừng mới của tỉnh trong 5 năm 2010 - 2015 đạt 51.470ha, bình quân hàng năm trồng mới 10.294 ha/năm. Cùng với việc trồng rừng mới, đẩy mạnh công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, kết hợp trồng bổ sung đã đưa tổng diện tích đất có rừng năm 2015 đạt 455.000 ha, độ che phủ rừng đạt 54,7%; hình thành nhiều vùng rừng kinh tế như vùng thông Lộc Bình, Đình Lập, diện tích

toàn tỉnh trên 84.000ha, vùng cây bạch đàn, keo Hữu Lũng, Chi Lăng trên 18.000ha,...

Chương trình xây dựng nông thôn được triển khai tích cực, hạ tầng và diện mạo nông thôn tiếp tục đổi mới, đời sống nông dân được cải thiện. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*; Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới*; Quyết định số 498/QĐ-TTg, ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ *Về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 20-NQ/TU *Về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011 - 2020*, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND, ngày 27/10/2010 *Về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn*; Quyết định số 1186/QĐ-UBND, ngày 31/7/2014 *Về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*.

Qua đó, chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được những kết quả quan trọng. Trong 5 năm 2011 - 2015, tổng kinh phí huy động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt 9.241.426 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước cấp là 2.401.548 triệu đồng, chiếm 25,99%; vốn tín dụng là 5.351.257 triệu đồng, chiếm 57,91%; vốn huy động của các tổ chức, doanh nghiệp là 1.087.780 triệu đồng, chiếm 11,77%; đóng góp của cộng đồng dân cư là 400.841 triệu đồng, chiếm 4,33%. Đến hết năm 2015, bình quân tiêu chí trên 1 xã đạt 7,4 tiêu chí; 13/207

xã đạt 19 tiêu chí, chiếm 6,28%; 1 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, chiếm 0,48%; 109/207 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí, chiếm 52,66%; 50/207 xã đạt dưới 5 tiêu chí, chiếm 24,15% (không có xã dưới 2 tiêu chí).

Bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp, tỉnh chỉ đạo tăng cường phát triển sản xuất công nghiệp. Trong những năm 2011 - 2013, tỉnh đã hoàn thành đưa vào sử dụng một số cơ sở sản xuất công nghiệp như: Công ty cổ phần Xi măng Hồng Phong, Nhà máy Sản xuất và lắp ráp ô tô Dragon, các cơ sở chế biến chì thỏi, bột đá mài,... Từ tháng 4/2013, sau khi được cơ cấu lại, Nhà máy Xi măng Đồng Bành đã cơ bản ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; năm 2014 và năm 2015, một số dự án thủy điện nhỏ đi vào hoạt động; triển khai xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp Hợp Thành, Hữu Lũng; tiếp tục xúc tiến thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng, dự án sản xuất tại các khu công nghiệp Đồng Bành, khu công nghiệp Hồng Phong. Năm 2015, một số ngành công nghiệp đạt sản lượng khá: xi măng đạt 583.000 tấn, bình quân hàng năm tăng 19,6%; than các loại là 510.000 tấn, giảm 2,51%; điện sản xuất là 710 triệu kWh, giảm 0,28%; điện thương phẩm đạt 497 triệu kWh, tăng 14,71%; đá các loại đạt 2.320.000 m<sup>3</sup>, tăng 7,48%; chì thỏi đạt 5.000 tấn, tăng 20,11%; các sản phẩm mới như bột đá mài là 8.000 tấn, klinker là 826.000 tấn, ván bóc và sản phẩm từ gỗ rừng trồng là 45.000 m<sup>3</sup>...

Xác định việc xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, Đảng bộ lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện Quyết định số

1055/QĐ-TTg, ngày 08/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2297/QĐ-UBND, ngày 23/11/2009 *Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung chuyển hàng hóa tỷ lệ 1/2.000*; Quyết định số 1199/QĐ-UBND, ngày 09/8/2010 *Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị*; Quyết định số 636/QĐ-UBND, ngày 05/5/2010 *Phê duyệt chi tiết xây dựng khu chế xuất 1*; Quyết định số 1890/QĐ-UBND, ngày 29/11/2010 *Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu hợp tác kinh tế biên giới Đồng Đăng*.

Bám sát quy hoạch đã được phê duyệt, công tác đầu tư xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng tại các khu cửa khẩu được tập trung triển khai thực hiện. Đến năm 2010, khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn đã có 28 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng mức đầu tư đăng ký trên 4.520 tỷ đồng, trong đó có 9 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.821 tỷ đồng. Một số dự án bước đầu đưa vào vận hành khai thác như: mở rộng bãi đỗ xe cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Nhà máy Chế biến chì thỏi Hâm Thiên, Trung tâm thương mại Bắc Sơn, Khách sạn Kim Lệ Hoa Tân Thanh,...

Năm 2015, tỉnh cơ bản hoàn thiện hệ thống các loại quy hoạch; hình thành tổ chức bộ máy, các cơ chế quản lý khu kinh tế cửa khẩu. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu như: xây dựng, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quan trọng ra khu vực cửa khẩu như nâng cấp đường

tránh quốc lộ 4A, đường Cổng Trắng - Tà Lài; đường nội bộ khu II - Tân Thanh, đường Pác Luống - Tân Thanh, nâng cấp đường Trần Đăng Ninh, đường Bà Triệu, đường Trần Quang Khải, thực hiện đấu nối đường bộ tại 4 khu vực cửa khẩu, chợ biên giới... Hệ thống kho tàng, bến bãi tập kết phương tiện, hàng hóa xuất nhập khẩu, cơ sở hành chính phục vụ công tác quản lý biên giới, đầu tư phát triển hạ tầng đô thị thành phố Lạng Sơn để sớm đạt các tiêu chí đô thị loại II, thị trấn Đồng Đăng đạt đô thị loại IV. Các khu vực cửa khẩu được tập trung đầu tư xây dựng ngày càng khang trang, tạo thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa qua lại giữa hai nước. Tạo môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh thông thoáng, kích thích sản xuất, phát triển một số loại hình dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, phát triển các điểm dân cư nông thôn biên giới, tăng cường bảo vệ chủ quyền quốc gia và an ninh biên giới.

Hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ tiếp tục phát triển sôi động. Các cửa khẩu tiếp tục phát huy được vai trò là trung tâm chuyển giao quan trọng phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc. Hằng năm, thường xuyên có trên 1.000 doanh nghiệp và tổ chức tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn tăng trưởng khá: Năm 2015, đạt 3.500 triệu USD, gấp 1,7 lần so với năm 2010, tăng bình quân 11,04%/năm, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 1.650 triệu USD, tăng bình quân 17,92%/năm; kim ngạch nhập khẩu đạt 1.850 triệu USD, tăng bình quân 6,51%/năm.

Thương mại nội địa ngày càng phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu, phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ năm 2015 đạt 15.650 tỷ đồng, tăng bình quân 15,75%/năm.

Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách phát triển nhanh, năng lực vận tải hàng hóa tăng bình quân 8,9%/năm, hành khách tăng 11,4%/năm. Mạng lưới bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển đa dạng, chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn. Năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 236 điểm bưu chính, 214/236 xã, phường, thị trấn có báo đến trong ngày; 100% số xã có sóng di động 2G, 100% số xã, phường, thị trấn có sóng di động 3G, số thuê bao internet bình quân hàng năm tăng 20%. Hoạt động du lịch phát triển cả về lượng khách, loại hình dịch vụ, doanh thu và chất lượng phục vụ; lượng khách tăng bình quân 4,89%/năm; năm 2015 thu hút 2.500 lượt khách du lịch, doanh thu du lịch, dịch vụ xã hội tăng bình quân 3,58%/năm, đem lại nguồn thu đạt 890 tỷ đồng. Các dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm, ngân hàng phát triển nhanh; đến năm 2015, có 12 chi nhánh ngân hàng hoạt động tại địa bàn tỉnh; huy động vốn, dư nợ cho vay năm sau tăng cao hơn năm trước; trong đó mức tăng huy động vốn của hệ thống các ngân hàng thương mại tăng bình quân 22,5%/năm, dư nợ tín dụng tăng bình quân 17,4%/năm. Hệ thống các ngân hàng đã tích cực tham gia tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường với chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; chương trình bình ổn giá, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn vay với lãi suất hợp lý để phát triển sản xuất, kinh doanh. Bước đầu thực hiện tốt Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.



Các cấp ủy, chính quyền, đưa ra nhiều giải pháp trong quản lý thu, chi, chống thất thu ngân sách. Tổng thu ngân sách của tỉnh tăng bình quân hàng năm là 17,53%, trong đó thu nội địa tăng 15,46%, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu tăng 18,53%. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương tăng bình quân hàng năm 17,05%, trong đó chi đầu tư phát triển tăng 19,6%, chi thường xuyên và chi khác tăng 16,65%. Các nhiệm vụ chi thường xuyên được bảo đảm và bước đầu đã dành được một phần vốn cho đầu tư phát triển.

Các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp có bước phát triển mới. Tỉnh đã thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Công tác sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đúng quy định. Đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có 11 chi nhánh tổ chức tín dụng, trong đó có 9 chi nhánh ngân hàng thương mại (5 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, 4 ngân hàng thương mại cổ phần); Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 929/QĐ-TTg, ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh triển khai thực hiện Đề án. Năm 2013, tỉnh hoàn thành phê duyệt phương án cơ cấu lại 5/6 doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước; đối với 5 công ty cổ phần có vốn góp nhà nước, tỉnh đã có ý kiến chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp về

phương án tái cơ cấu. Tỉnh tiếp tục củng cố, phát triển các hợp tác xã, đến năm 2015, có gần 200 hợp tác xã đăng ký hoạt động, với tổng số vốn điều lệ đăng ký trên 150 tỷ đồng, tạo việc làm cho trên 6.500 người. Kinh tế tư nhân, kinh tế hộ tiếp tục phát triển, tinh thần dân doanh được nâng lên. Giai đoạn 2011 - 2015, toàn tỉnh có trên 920 doanh nghiệp được thành lập mới với tổng vốn điều lệ đăng ký 4.516 tỷ đồng, lũy kế đến hết năm 2015, toàn tỉnh có khoảng 1.950 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký là 10.340 tỷ đồng. Các doanh nghiệp duy trì việc làm cho trên 29.600 lao động, với mức thu nhập từ 4,5 đến 5 triệu đồng/tháng.

Việc huy động vốn đầu tư phát triển có tiến bộ, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng được tăng cường. Tích cực triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI *Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 22/KH-UBND, ngày 13/3/2013 *Về ban hành chương trình hành động thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ vào năm 2020*. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn liên tục tăng qua các năm. Trong 5 năm 2011 - 2015, vốn đầu tư xây dựng đạt 43.300 tỷ đồng; công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại được chú trọng, góp phần thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước cho đầu tư sản xuất, kinh doanh. Công tác xã hội hóa đầu tư đạt kết quả trên một số lĩnh vực như: dịch vụ công ích đô thị, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao. Nguồn vốn ngân sách nhà nước được ưu tiên đầu tư cho

các công trình hạ tầng cấp thiết như: giao thông, điện, thủy lợi, trường học, bệnh viện... và tập trung cho các khu vực kinh tế trọng điểm, xây dựng hạ tầng cho khu vực nông thôn, vùng cao, biên giới. Đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Trong 5 năm, tỉnh đã huy động được trên 569 tỷ đồng để xây dựng đường giao thông nông thôn, trong đó vốn ngân sách nhà nước đạt trên 249 tỷ đồng; nhân dân đóng góp quy thành tiền là 320 tỷ đồng, tỉnh đã hỗ trợ 129.000 tấn xi măng, bình quân mỗi năm hỗ trợ 25.800 tấn. Do đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được tăng cường đáng kể. Đến hết năm 2015, có 213/226 xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại được bốn mùa, đạt tỷ lệ 94,2%, cứng hóa đường giao thông nông thôn đạt tỷ lệ 34,6%; có 97,5% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; nâng cấp và xây mới 14 trường học, 1.153 phòng học; hoàn thành cải tạo, nâng cấp 10 bệnh viện tuyến huyện; có 85% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 97% dân cư đô thị được sử dụng nước sạch. Các công trình thủy lợi bảo đảm nước tưới cho cây trồng đạt 70 - 71% diện tích canh tác, đồng thời bảo đảm cung cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ được tỉnh chú trọng, bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực, làm chuyển biến cơ bản nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống. Nhiều doanh nghiệp và người dân đã chủ động ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, đầu tư đổi mới các loại giống mới, quy trình công nghệ mới vào sản xuất

nông, lâm nghiệp; cơ khí hóa một số khâu trong lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông, lâm sản. Nhiều cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp chủ động ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới thiết bị, góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.

Cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu lực trong quản lý, bảo vệ, khai thác hợp lý đất đai và các tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường. Cơ bản hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng hồ sơ địa chính. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. Năm 2015, tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 90%; chủ động, tích cực triển khai công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **3. Phát triển giáo dục, văn hóa, y tế và thực hiện các chính sách xã hội**

Triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn ra Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 31/3/2011 *Về việc nâng cao kết quả phổ cập giáo dục và đẩy mạnh xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2011 - 2015*, ban hành Chương trình hành động số 81-Ctr/TU, ngày 08/7/2003 *Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi*; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

Quyết định số 1490/QĐ-UBND, ngày 22/9/2011 Về phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011 - 2015. Đến năm 2012, 226/226 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và chuẩn phổ cập trung học cơ sở; năm 2015, tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đội ngũ cán bộ, giáo viên cơ bản được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng. Năm 2014, có 95,95% số giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 37,41% trên chuẩn; 100% giáo viên tiểu học đạt chuẩn, trong đó có 66,94 % trên chuẩn; 94,5% giáo viên trung học cơ sở đạt chuẩn, trong đó có 34,24% trên chuẩn; 100% giáo viên trung học phổ thông đạt chuẩn, trong đó có 5,47% trên chuẩn.

Quy mô, hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất tiếp tục được tăng cường. Năm 2015, tỉnh cơ bản xóa xong phòng học tre, nứa lá; toàn tỉnh có 7.448 phòng học, trong đó, phòng kiên cố là 4.826 phòng, chiếm 64,6%, phòng bán kiên cố là 1.804 phòng, chiếm 24,2%, có 818 phòng tạm, chiếm 11%; có thêm 46 trường học đạt chuẩn quốc gia, đưa số trường đạt chuẩn đến hết năm 2015 lên 130 trường. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt được một số kết quả bước đầu, toàn tỉnh có 8 trường mầm non dân lập, tư thục; 1 trường tiểu học, 2 trường trung học phổ thông ngoài công lập và 213 trung tâm học tập cộng đồng, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên và đa dạng của nhân dân.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh chú trọng. Từ năm 2011 đến năm 2013, tỉnh đã cử 186 người đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ ở ngoài tỉnh và tổ chức gần 200 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 13.000 lượt cán bộ,

công chức, viên chức các cấp, các ngành. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 33% năm 2010 lên 43,4% năm 2015, trong đó đào tạo nghề là 35,6%.

Các lĩnh vực văn hóa, thể thao và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” phát triển sâu rộng. Các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư; các di tích văn hóa, lịch sử tiếp tục được trùng tu, tôn tạo; nhiều loại hình lễ hội, văn hóa truyền thống được tái tạo, phục dựng, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Công tác đưa văn hóa thông tin về cơ sở được tăng cường; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Tỉnh chủ trương thực hiện xã hội hóa công tác văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân. Việc xây dựng con người Việt Nam với những đức tính tốt đẹp, xây dựng môi trường văn hóa, gìn giữ và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình luôn được quan tâm. Nhiều giá trị văn hóa trong gia đình và cộng đồng được phát huy; ý thức trách nhiệm của người dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ngày càng tốt hơn. Phong trào thể dục thể thao ngày càng phát triển, góp phần nâng cao sức khỏe nhân dân. Năm 2015, toàn tỉnh có 65% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 44% thôn, khối phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 85,2% thôn, khối phố có nhà văn hóa. Hằng năm, tỷ lệ các danh hiệu văn hóa tăng; số xã, phường, thị trấn có sân chơi, bãi tập thể thao tăng lên.

Các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, văn học nghệ thuật tiếp tục có chuyển biến tích cực, bám sát đời sống xã hội, thông tin đa chiều, góp phần đưa

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống. Tỷ lệ hộ gia đình nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam đạt 100%, tỷ lệ hộ gia đình xem được truyền hình đạt 93%.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số, kế hoạch hóa gia đình của tỉnh có nhiều cố gắng, từng bước nâng cao về chất lượng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh, đội ngũ y, bác sĩ tuyến huyện, tuyến xã được tăng cường. Đến năm 2015, có 23 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo chuẩn mới, đạt 10,2%; 88% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ, đạt tỷ lệ 8,7 bác sĩ/10.000 dân và 25,8 giường bệnh/10.000 dân, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,5%. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm thường xuyên, tỷ lệ trẻ em được tiêm đủ 7 loại vắc xin hàng năm đạt từ 95 - 97%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 21,6% năm 2010 xuống còn 19,3% năm 2015. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được chỉ đạo tích cực; mức giảm tỷ lệ sinh tự nhiên hàng năm đạt 0,1‰.

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*, tỉnh đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho giảm nghèo; tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề, giảm nghèo bền vững, kết hợp với các chương trình mục tiêu và dự án khác để phát triển sản xuất và chống tái nghèo, cải thiện mức sống của cư dân tại những vùng khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 28,34%

năm 2010 xuống còn 11,9% năm 2015, bình quân mỗi năm giảm 3,29%. Trong 5 năm, tỉnh đã giải quyết việc làm cho khoảng 6,27 vạn lao động, bình quân mỗi năm là 12.360 người. Các hoạt động thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, người có công, bảo vệ, chăm sóc trẻ em được thực hiện thường xuyên. Công tác từ thiện, nhân đạo được quan tâm thực hiện. Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành chức năng tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý để bảo vệ, khai thác hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường; ngăn chặn việc khai thác trái phép, khai thác lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

#### **4. Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; công tác dân tộc, tôn giáo**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Lực lượng vũ trang quân sự của tỉnh được xây dựng theo hướng “Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại”; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, luôn sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống.



Lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng theo hướng “Vững mạnh, rộng khắp”, hoạt động có hiệu quả, luôn là lực lượng nòng cốt trong xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Năm 2012, toàn tỉnh có 327 cơ sở dân quân, tự vệ, trong đó có 226 cơ sở dân quân xã, phường, thị trấn và 146 cơ sở tự vệ của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, huyện. Lực lượng dân quân, tự vệ thường xuyên được củng cố, tỷ lệ dân quân, tự vệ hàng năm đạt 2,1% dân số; đảng viên trong dân quân, tự vệ đạt 12,5%. Đến năm 2015, 100% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình huấn luyện về quân sự.

Lực lượng quân dự bị động viên được ban chỉ huy quân sự các cấp quản lý chặt chẽ, sắp xếp theo đúng quy định. Việc đăng ký, sắp xếp biên chế quân số vào các đơn vị dự bị động viên năm 2011 đạt tỷ lệ 98,82%; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dự bị động viên đạt 14,24%. Năm 2015, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dự bị động viên tăng lên 14,61%, đoàn viên 53,36%. Chất lượng các đơn vị dự bị động viên từng bước được nâng cao.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đối tượng 2 đạt 96%, đối tượng 3 đạt 103%, đối tượng 4 đạt 86,6%, đối tượng 5 đạt 127%. Lực lượng vũ trang quân sự tỉnh chấp hành nghiêm túc các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức triển khai kế hoạch A3 ở 5 huyện biên giới và thành phố Lạng Sơn, Trung đoàn 123 và 11 đồn biên phòng. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các tình huống, không để bị động bất ngờ, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc

gia, công tác xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện đạt kết quả. Hệ thống đường vành đai biên giới, đường ra biên giới, đường tuần tra biên giới tiếp tục được đầu tư nâng cấp.

Để ghi nhận thành tích, ngày 10/8/2015, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Quyết định số 1673/QĐ-CTN về Quyết định về việc phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cho 17 cá nhân thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng. Theo đó, ông Trần Quang Thắng, nguyên chiến sĩ Tiểu đoàn 172, thuộc Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng không - Không quân (là người Lạng Sơn) vinh dự được được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Các lực lượng chức năng tăng cường chủ động phòng ngừa, kiểm chế, tấn công, trấn áp các loại tội phạm trên địa bàn tỉnh, nhất là các khu vực trọng điểm, không để hình thành tội phạm có tổ chức. Năm 2015, toàn tỉnh xảy ra 126 vụ phạm pháp hình sự, tăng 5 vụ so với năm 2014, đã điều tra làm rõ 149 vụ, 188 đối tượng, tỷ lệ khám phá án đạt 96%, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%. Chính quyền các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang thực hiện tốt công tác phối hợp, phát huy vai trò nòng cốt trong nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm, không để hình thành tội phạm có tổ chức, tội phạm đặc biệt nguy hiểm, không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Công tác bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh

văn hóa tư tưởng, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường. Chủ động đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm chỉ đạo đạt được nhiều kết quả tích cực, bảo đảm và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc tôn giáo.

Công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội được tăng cường; công tác cải cách hành chính được chú trọng, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Lực lượng công an đã triển khai thực hiện tốt các quy định về đăng ký quản lý nhân hộ khẩu, thực hiện quy chế “một cửa”. Tổ chức bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng điểm, nâng cao khả năng cơ động, chiến đấu, tham gia xử lý tốt các tình huống về an ninh, trật tự; kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở bảo đảm các quy định về phòng cháy chữa cháy, xử lý kịp thời các sự cố cháy nổ, cứu nạn cứu hộ; thực hiện có hiệu quả các giải pháp kiềm chế làm giảm tai nạn giao thông. Đồng thời, tăng cường hợp tác với công an tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc trong phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới, quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh, các chương trình, kế hoạch hoạt động về ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan hệ đối ngoại của tỉnh được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Trong 3 năm 2011 - 2013, tỉnh đã cử 244 đoàn với 2.448 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát tại 25 quốc gia, vùng

lãnh thổ. Tiếp tục củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài như: ADB, KFW, JICA, KOICA, UNESCO; đại sứ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, các nước ASEAN,... đã tổ chức thành công 4 hội nghị, hội thảo quốc tế, ký 7 thỏa thuận quốc tế; các ngành, huyện, thành phố ký kết trên 80 văn bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài. Năm 2015, tỉnh có 28 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký là 224,7 triệu USD.

Quan hệ hợp tác đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển, là yếu tố quan trọng thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Lạng Sơn với Quảng Tây (Trung Quốc), tổ chức các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao thăm, trao đổi kinh nghiệm, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại biên giới, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tỉnh ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại, Đề án thông tin đối ngoại. Do đó, công tác thông tin đối ngoại được thực hiện tích cực, hiệu quả, góp phần thông tin đến các tổ chức, cá nhân nước ngoài, bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và tỉnh Lạng Sơn, thúc đẩy thu hút, hỗ trợ đầu tư; chủ động, tích cực triển khai hội nhập quốc tế; tăng cường công tác ngoại giao kinh tế, mở ra các cơ hội mới về hợp tác kinh tế, mở rộng thị trường.

Công tác tư pháp và cải cách tư pháp có chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của

Bộ Chính trị *Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được thực hiện bằng nhiều hình thức, biện pháp, hướng về cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật và ý thức phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm.

Quán triệt nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục về phòng, chống tham nhũng được quan tâm; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được thực hiện đồng bộ, như: công khai minh bạch trong công tác cán bộ, quản lý tài chính, quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất, mua sắm tài sản công, quy chế chi tiêu nội bộ... Năm 2015, tỉnh tiến hành 123 cuộc thanh tra, kiểm tra kinh tế - xã hội, phát hiện số tiền sai phạm là 2,2 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 1,6 tỷ đồng, yêu cầu 22 doanh nghiệp nộp tiền nợ bảo hiểm. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh một số vụ tham nhũng, tiêu cực, không phát sinh vụ việc tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp; công tác điều tra, truy tố, xét xử án tham nhũng được kịp thời, từng bước kiềm chế và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiều cố gắng, các vụ việc tồn đọng kéo dài, khiếu kiện đông người được tập trung giải quyết đúng quy định của pháp luật. Năm 2015, cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 1.050

lượt công dân, tiếp nhận 151 lượt đơn, thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết 31/34 vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được tỉnh chỉ đạo mạnh mẽ với trọng tâm là nâng cao chất lượng tham mưu tổng hợp của các cấp, ngành và trách nhiệm của người đứng đầu, chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), năm 2014 xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố, tăng 4 bậc so với năm 2013; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2014 tăng 5 bậc so với năm 2013, đứng thứ 54/63 tỉnh, thành phố.

### **5. Đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị**

Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng: tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng bồi dưỡng kiến thức mới, những vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới; qua đó, góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chủ động, kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực. Đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục đạo đức, lối sống

cho cán bộ, đảng viên; nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, phản bác các quan điểm sai trái, các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; chủ động đấu tranh, phê phán, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã góp phần quan trọng trong việc thống nhất nhận thức, tư tưởng và hành động trong Đảng bộ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đa đa số cán bộ, đảng viên có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, tích cực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Sự đồng thuận trong xã hội ngày càng được củng cố và tăng cường.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đạt những kết quả quan trọng. Ngày 16/8/2011, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TU *Về tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên giai đoạn 2011 - 2015*. Thực hiện chủ trương đó, cấp ủy đảng các cấp đã coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng sinh hoạt chi bộ. Công tác quản lý, giáo dục và rèn luyện đảng viên được chú trọng, nhất là giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được chỉ đạo chặt chẽ hơn, phản ánh thực chất hơn. Đến năm 2015, toàn Đảng bộ tỉnh có 798 tổ chức cơ sở đảng, trong đó 3.572 tổ chức đảng trực thuộc

đảng ủy cơ sở, với trên 55.700 đảng viên; tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm 60%; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 85,94%; số thôn có chi bộ chiếm 98,32%, không còn thôn “trắng” đảng viên; tỷ lệ đảng viên được giới thiệu giữ mối liên hệ nơi cư trú đạt trên 99%. Trong những năm 2011 - 2015, toàn Đảng bộ đã bồi dưỡng được 14.638 quần chúng ưu tú; kết nạp được 12.060 đảng viên, tăng 20,6% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Chất lượng đảng viên mỗi ngày càng được nâng lên, nhất là phát triển đảng viên ở các xã vùng cao, biên giới và trong các doanh nghiệp, đưa tỷ lệ đảng viên mới có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm 36%; đoàn viên thanh niên chiếm 60,08%; nữ chiếm 42,55%.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị *Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng* và Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, công tác luân chuyển, điều động cán bộ được quan tâm thực hiện. Đã luân chuyển 6 đồng chí lãnh đạo cấp sở, ngành về làm lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, kiện toàn, sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh, chuẩn bị tốt công tác nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được chỉ đạo tích cực, có bước đổi mới; công tác quy hoạch cán bộ thực hiện đồng bộ ở cả ba cấp; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ, gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ. Cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số được quan tâm hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho từng nhóm đối tượng, từng



chức danh cán bộ được chú trọng. Chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được nâng lên, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, cấp ủy viên các cấp. Tỷ lệ cấp ủy viên cấp huyện, cấp tỉnh có trình độ đại học trở lên đạt 93,43%, trình độ lý luận chính trị cao cấp trở lên đạt 85,33%. Hằng năm, số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90,4%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng. Căn cứ nguồn quy hoạch cán bộ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, các cấp, các ngành đã chọn cử đi bồi dưỡng được 12.265/12.995 học viên, đạt 94,38% so với kế hoạch; bồi dưỡng tại tỉnh là 12.187 học viên. Hằng năm tổ chức mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ được coi trọng. Các cấp ủy đảng đã thường xuyên rà soát chính trị nội bộ; chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống âm mưu và các thủ đoạn phá hoại nội bộ của các thế lực thù địch, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Tình hình chính trị nội bộ được giữ vững và ổn định.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được tăng cường, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng. Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tổ chức kiểm tra, giám sát được 6.796 tổ

chức đảng và 6.371 đảng viên, giải quyết tố cáo 7 tổ chức đảng và 246 đảng viên. Qua kiểm tra, giám sát, đã phát hiện, xử lý kỷ luật 8 tổ chức đảng và 940 đảng viên. Công tác giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại, kỷ luật đảng được xem xét, giải quyết kịp thời. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát và giải quyết đơn, thư tố cáo đã kịp thời uốn nắn những lệch lạc, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế tình trạng vi phạm kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên; phát hiện và xử lý nghiêm tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật đảng.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay* gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* được đẩy mạnh và có sức lan tỏa. Qua việc “học tập” và “làm theo”, toàn Đảng bộ đã có 731 tập thể và 1.102 cá nhân tiêu biểu, điển hình tiên tiến được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng. Việc thực hiện Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp đã được triển khai thực hiện nghiêm túc; tính tiên phong, gương mẫu và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực thi công vụ và ý thức phục vụ nhân dân được nâng lên.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân

nghiêm túc, phát huy tính tự giác, trung thực, khách quan; đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, phong cách, lề lối làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức, lối sống và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Qua kiểm điểm, các cấp ủy đã chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm gắn với trách nhiệm của từng cá nhân; từ đó, đề ra kế hoạch và các giải pháp cụ thể để khắc phục, sửa chữa. Thông qua việc thực hiện Nghị quyết, các cấp ủy đảng đã đánh giá đúng thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; nâng cao chất lượng đánh giá, xếp loại tổ chức cơ quan và cán bộ lãnh đạo, quản lý. Các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tập trung giải quyết những vấn đề gây bức xúc, nổi cộm trên từng lĩnh vực, từng địa bàn thuộc trách nhiệm được giao, tạo ra sự ổn định chính trị nội bộ, chính trị xã hội trên địa bàn, từng bước giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân.

Công tác dân vận đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo công tác dân vận gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của từng địa bàn, từng lĩnh vực. Ban dân vận các cấp đã làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng chỉ đạo triển khai có kết quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận. Công tác dân vận trên địa bàn đã có sự đổi mới về nội dung và phương pháp, hướng mạnh về cơ sở, vận động các tầng lớp nhân dân

phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phát triển kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, góp phần ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo đồng thuận xã hội để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh.

Hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên. Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp có sự chuyển biến tích cực, thực hiện tốt hơn vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Năm 2011, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã lãnh đạo tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, bảo đảm dân chủ, an toàn, tiết kiệm<sup>1</sup>; tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử đạt 99,93%. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2011 - 2016 được bầu là 58 đại biểu.

Sau khi được củng cố, kiện toàn, hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh từng bước nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung, chương trình các kỳ họp định kỳ và chuyên đề theo hướng thiết thực. Hội đồng nhân dân các cấp đã phát huy vai trò của cơ quan quyền lực trong việc xem xét, quyết định các

---

1. Ngày 14/11/2008, Quốc hội ra Nghị quyết số 25/2008/QH12 Về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Do đó, ngày 22/5/2011, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 được tiến hành.

chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn. Bám sát chủ trương của cấp ủy, hội đồng nhân dân các cấp đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của cấp ủy, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn; ban hành các nghị quyết, cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn, đúng thẩm quyền, làm cơ sở cho ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ do đại hội đảng bộ các cấp đề ra. Chất lượng hoạt động giám sát được nâng lên. Các đại biểu hội đồng nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với cử tri, thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa cử tri với Nhà nước. Các kiến nghị chính đáng của nhân dân được giải quyết kịp thời hơn.

Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động; đổi mới chương trình các phiên họp, phân rõ trách nhiệm, chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực; tập trung chỉ đạo triển khai có kết quả Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 24/02/2011 của Chính phủ *Về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ thị trường*. Trong nhiệm kỳ, ủy ban nhân dân các cấp đã bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của hội đồng nhân dân, có nhiều giải pháp chủ động, tích cực, nhạy bén trong chỉ đạo, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp, chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả

hoạt động; xử lý tốt các vấn đề mới phát sinh. Quá trình chỉ đạo, điều hành đã tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, từng lĩnh vực, địa bàn, từng thời gian, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Cải cách hành chính, trong đó cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” được triển khai tích cực. Tỉnh đã công bố công khai thủ tục hành chính của 11 sở, ngành, kịp thời rà soát, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các thủ tục hành chính theo quy định. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên tăng cường kỷ cương nội bộ, kỷ luật hành chính, đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức. Tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, nhất là công chức lãnh đạo, quản lý các cấp được nâng lên một bước, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên quan tâm củng cố tổ chức, từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đa dạng hóa các hình thức tập hợp, tuyên truyền hội viên, đoàn viên, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, động viên các tầng lớp nhân dân đoàn kết, đồng thuận; góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, thiết thực chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tích cực phối hợp thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, hướng về

cơ sở, động viên đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng; xây dựng đời sống văn hóa, tích cực tham gia bảo đảm an sinh xã hội; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Các cấp công đoàn đã vận động đoàn viên tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Tổ chức Công đoàn không ngừng phát triển vững mạnh, từng bước đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tập hợp người lao động vào tổ chức công đoàn; vai trò là đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên, người lao động ngày càng được nâng lên. Chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên và người lao động. Vận động đoàn viên thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa hàng năm đều tăng từ 89,7% năm 2013 lên 92,8% năm 2015. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, đã giới thiệu 8.156 đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng và 7.915 đoàn viên công đoàn ưu tú được kết nạp vào Đảng. Các phong trào thi đua yêu nước luôn hướng tới mục tiêu phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Hội Cựu chiến binh các cấp tích cực vận động hội viên tham gia hưởng ứng các phong trào “Cựu chiến binh giúp

nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm kinh tế giỏi”, “Toàn Hội chung sức xây dựng nông thôn mới”. Các hội viên Hội Cựu chiến binh còn động viên nhau hiến đất và ngày công để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng. Trong nhiệm kỳ, Hội đã bồi dưỡng, giới thiệu cho cấp ủy cơ sở 20 hội viên cựu chiến binh ưu tú, trong đó 6 hội viên được kết nạp vào Đảng. Các cấp hội đã tổ chức các hoạt động an sinh xã hội, thăm hỏi, hỗ trợ các gia đình chính sách, gia đình cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, tổ chức hội và các hội viên luôn tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Hoạt động của tổ chức hội và chất lượng hội viên không ngừng nâng cao.

Hội Nông dân các cấp tích cực đề cao vai trò trách nhiệm của tổ chức hội trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; phối hợp thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua lao động, sản xuất giỏi, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương vươn lên cải thiện đời sống và thoát nghèo. Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi phát triển mạnh mẽ từ 7.609 hội viên đăng ký năm 2011 tăng lên 11.632 hộ đăng ký năm 2015. Quỹ hỗ trợ nông dân được đầu tư hiệu quả với số vốn lên đến 20,4 tỷ đồng. Hội viên nông dân ngày càng phát triển về số lượng với tổng số 110.349 hội viên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp luôn chú trọng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Tiếp tục triển khai phong trào thi đua: Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc, phong trào thi đua đặc biệt chào



mừng Đại hội Đảng các cấp, giúp nhau xây dựng “gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an toàn”<sup>1</sup>, chung sức xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới; phong trào phụ nữ giúp nhau xóa đói, giảm nghèo được triển khai có hiệu quả với 100% cơ sở hội có sổ theo dõi địa chỉ hộ nghèo do phụ nữ làm chủ, hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt do phụ nữ nghèo làm chủ được giúp đỡ dưới nhiều hình thức. Hội Phụ nữ các cấp chú trọng kiện toàn tổ chức, rà soát đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ để chủ động tham mưu cho cấp ủy về nhân sự; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phụ nữ hội các cấp, nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác.

Các cấp bộ đoàn đã triển khai có hiệu quả cuộc vận động thanh niên sống đẹp, sống có ích và các phong trào “Thanh niên với văn hóa giao thông”, “Thanh niên tham gia phòng, chống tội phạm”, “Thanh niên xung kích xây dựng nông thôn mới”, “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”... Thường xuyên tổ chức các hoạt động chiến dịch như: “Sinh viên tình nguyện”, “Mùa hè xanh”, “Hoa phượng đỏ”, “Hành quân xanh”, “Kỳ nghỉ hồng”; tổ chức các diễn đàn thanh niên khởi nghiệp làm giàu, tuyên dương thanh niên làm kinh tế giỏi, thanh niên với văn hóa giao thông; thanh niên tích cực

---

1. “5 không” là không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không bạo lực gia đình, không sinh con thứ ba trở lên, không trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học; “3 sạch” là sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ; “3 an toàn” là an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn giao thông, an toàn lao động.

tham gia xây dựng nông thôn mới và tình nguyện vì cộng đồng, tham gia xây dựng nếp sống văn minh đô thị và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa,... Công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên được củng cố, kiện toàn, đưa tổng số hội viên toàn tỉnh lên 115.282 hội viên, chiếm 62,3% thanh niên toàn tỉnh. Số đoàn viên toàn tỉnh là 54.299 đoàn viên.

\*

\* \*

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, XV, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã đoàn kết, kiên trì khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ đề ra. Kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định, có bước phát triển, duy trì được đà tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tích cực huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất của các ngành kinh tế; tiềm năng, thế mạnh của tỉnh tiếp tục được khai thác hiệu quả, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, năng lực sản xuất, kinh doanh được tăng cường đáng kể; công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch có tiến bộ; nông - lâm nghiệp phát triển ổn định; chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả bước đầu. Thương mại, dịch vụ phát triển tốt, công nghiệp duy trì đà tăng trưởng khá. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Thu ngân sách trên địa bàn năm sau cao hơn năm trước. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm,

đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ổn định, tiếp tục được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố vững chắc. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố ngày càng vững mạnh; năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền được nâng lên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Tuy vậy, quá trình lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn một số hạn chế: Kinh tế phát triển nhưng chưa bền vững, chỉ tiêu về tăng trưởng chưa đạt kế hoạch đề ra, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động còn chậm, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn. Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư thấp, các lĩnh vực kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với lợi thế của tỉnh. Sản xuất nông nghiệp còn phân tán, năng suất, hiệu quả thấp, việc nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chưa tạo được bước đột phá trong việc tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh. Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý đô thị còn có mặt bất cập. Công tác quản lý, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có mặt còn hạn chế. Chất lượng giáo dục, đào tạo tại các địa bàn vùng nông thôn, vùng cao,

biên giới thấp. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo giảm, nhưng số hộ cận nghèo còn lớn, nguy cơ tái nghèo cao. Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm còn nhiều bất cập. Đời sống của một bộ phận nhân dân ở nông thôn, vùng cao, biên giới còn khó khăn.

Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị có mặt chuyển biến chậm. Năng lực lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu của một số tổ chức đảng, một bộ phận đảng viên chưa cao. Việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra sau kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng ở nhiều nơi chưa được khắc phục. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhiều nơi còn hình thức, phương thức hoạt động chưa thật sự đổi mới, hiệu quả chưa cao.

*Chương IV***ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP  
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN  
PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG  
(2015 - 2020)****I- ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN  
LẦN THỨ XVI, NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

Những năm giữa thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, tác động trực tiếp đến Việt Nam, chứa đựng cả thời cơ và thách thức. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức tiếp tục được đẩy mạnh. Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa - chính trị, kinh tế, chiến lược ngày càng quan trọng; đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển đảo trong khu vực và trên Biển Đông diễn ra ngày càng gay gắt.

Ở trong nước, sau 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu, rộng so với giai đoạn trước. Thời cơ, vận hội phát triển mở ra rộng lớn. Tuy nhiên, đất nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của thế lực thù địch nhằm chống phá Việt Nam; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường...

Tại Lạng Sơn, phát huy những thành tựu của 30 năm đổi mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, tập trung khai thác những thuận lợi, tiềm năng và lợi thế của tỉnh; phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tình hình chính trị - xã hội trong tỉnh ổn định, môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, sự đồng thuận trong nhân dân ngày càng tăng lên là những điều kiện quan trọng bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của tỉnh. Là tỉnh biên giới, có các cửa khẩu quan trọng nối liền Việt Nam với Trung Quốc - nên

kinh tế lớn thứ hai thế giới đang phát triển nhanh; quan hệ hữu nghị, hợp tác, đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển, sẽ là những yếu tố có tác động đa chiều đến quan hệ hợp tác giữa hai nước, đặc biệt là tỉnh Lạng Sơn với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức. Tận dụng và khai thác được những cơ hội này sẽ là điều kiện tốt để đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, Lạng Sơn vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn: Sản xuất hàng hóa chậm phát triển, tâm lý, tập quán sản xuất nhỏ còn khá phổ biến, hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, chất lượng nguồn nhân lực thấp; khả năng huy động các nguồn lực cho đầu tư còn hạn chế, các lĩnh vực văn hóa - xã hội còn nhiều bất cập. Tình hình an ninh, trật tự tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều vấn đề phải giải quyết, tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường.

Tình hình và xu thế trên đây sẽ tạo ra không chỉ những cơ hội, thuận lợi mà còn chứa đựng những khó khăn, thách thức đan xen, tác động trực tiếp đến quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh trong 5 năm 2015 - 2020.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, trong năm 2015, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã tập trung chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội Đảng bộ các cấp. Đến hết ngày 27/8/2015, đã có 15/15 đảng bộ huyện, thành phố, đảng bộ trực thuộc tỉnh đã tổ chức đại hội theo kế hoạch.

Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ với các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI tiến hành từ ngày 27 đến ngày 29/10/2015, tại Trung tâm Hội nghị tỉnh. Tham dự Đại hội có 348 đại biểu, thay mặt cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ tỉnh. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015; xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, phát triển Lạng Sơn giai đoạn 2015 - 2020 và những năm tiếp theo; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV; thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Trên cơ sở tổng kết quá trình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015; phân tích sâu sắc tình hình thế giới, trong nước và tình hình của tỉnh, Đại hội xác định mục tiêu tổng quát giai đoạn 2015 - 2020 là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, huy động mọi nguồn lực; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; bảo vệ



vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; xây dựng Lạng Sơn phát triển toàn diện, bền vững”<sup>1</sup>.

Đại hội đã đề ra các chỉ tiêu chủ yếu cho nhiệm kỳ mới. Đồng thời, Đại hội thể hiện quyết tâm của toàn Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, khai thác có hiệu quả các tiềm năng lợi thế, huy động mọi nguồn lực để phát triển toàn diện, bền vững; đặc biệt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả các nhiệm vụ trọng tâm sau:

*Thứ nhất*, tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực chỉ đạo, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

*Thứ hai*, phát triển nhanh nguồn nội lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, quản trị doanh nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật, đội ngũ công nhân, lao động có chất lượng cao, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng tiến bộ

---

1. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*, tháng 12/2015, tr.64.

khoa học - công nghệ; tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng và tăng năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt và lâu dài.

*Thứ ba*, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng đồng bộ và hiện đại; tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; phát triển toàn diện lĩnh vực nông, lâm nghiệp gắn với đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

*Thứ tư*, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ năm*, chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết, bảo đảm an sinh xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc.

Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ cụ thể và giải pháp chủ yếu:

*Một là*, tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tập trung huy động mọi nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế toàn diện và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả nền kinh tế.

*Hai là*, đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch gắn với tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

*Ba là*, tăng cường huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

*Bốn là*, phát triển nhanh nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

*Năm là*, phát triển văn hóa - xã hội, thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

*Sáu là*, củng cố quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, tăng cường công tác tư pháp.

*Bảy là*, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

*Tám là*: Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, năng lực chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

*Chín là*, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, gồm 53 đồng chí; bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, gồm 18 đồng chí.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí: Tô Hùng Khoa, Nông Văn Thắm, Nông Thị Lâm, Lương Đình Khải, Hoàng Văn Nghiệm,

Phạm Ngọc Thuởng<sup>1</sup>, Hồ Tiến Thiệu, Giáp Thị Bắc, Vũ Văn Quang, Lý Văn Thăng, Nguyễn La Thông, Nguyễn Trung Thực, Đào Đức Hoan. Bầu đồng chí Hoàng Văn Nghiệm giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020<sup>2</sup>.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 là sự kiện chính trị quan trọng, định hướng cho toàn Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, huy động mọi nguồn lực đẩy mạnh công cuộc đổi mới; xây dựng Lạng Sơn phát triển toàn diện, bền vững.

Trước khi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI, ngày 23/10/2015, Bộ Chính trị ra Quyết định số 2073-QĐ/NSTW về việc điều động, phân công đồng chí Trần Sỹ Thanh, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia Ban Chấp hành,

---

1. Ngày 28/4/2016, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 718-QĐ/TTg Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2011 - 2016 đối với ông Phạm Ngọc Thuởng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 29/4/2016, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 187-QĐNS/TW Chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đối với đồng chí Phạm Ngọc Thuởng (tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy).

2. Ngày 10/11/2015, Bộ Chính trị ra Quyết định số 2148-QĐNS/TW Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đối với đồng chí Hoàng Văn Nghiệm (tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy).

Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Ngày 24/12/2017, Bộ Chính trị quyết định điều động, phân công đồng chí Trần Sỹ Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, kiêm Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Ngày 22/12/2017, Bộ Chính trị ra Quyết định số 643-QĐNS/TW phân công đồng chí Lâm Thị Phương Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 21 đến ngày 28/01/2016. Đại hội đúc kết một số bài học kinh nghiệm: *Một là*, đổi mới phải không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. *Hai là*, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, phát huy quyền làm chủ, nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. *Ba là*, phải đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, tôn trọng quy luật khách quan, phù hợp với thực tiễn đất nước. *Bốn là*, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên cường độc lập, tự chủ, đồng thời tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. *Năm là*, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”*<sup>1</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững, thực hiện thắng lợi

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.20.

mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng Chương trình hành động tổ chức thực hiện. Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch..., kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI đề ra. Cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở và các tầng lớp nhân dân đã tích cực, chủ động khắc phục khó khăn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị đạt được nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực.

## II- ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ

Quán triệt chủ trương của Trung ương, triển khai Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh về phát triển các ngành kinh tế, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tăng cường xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Đẩy mạnh chương trình xây dựng nông thôn mới

kết hợp với công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, cửa khẩu, khu vực biên giới trong tình hình mới.

Ngày 25/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016 - 2020, trong đó nêu rõ mục tiêu chung: Phát triển toàn diện lĩnh vực nông, lâm nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; ưu tiên nguồn lực, chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực; đổi mới mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết, ứng dụng khoa học vào sản xuất, tạo bước đột phá nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm; phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái. Chương trình xác định sản phẩm chủ lực của tỉnh theo thứ tự lĩnh vực ưu tiên: lâm nghiệp, chăn nuôi (trâu, bò, lợn), nông nghiệp (na, rau, thuốc lá). Tập trung huy động nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển, nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đến năm 2020, tổng giá trị sản xuất các sản phẩm chủ lực tỉnh đạt 8.000 - 10.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 50% tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản.

Tiếp đó, ngày 15/11/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chương



trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung thực hiện, hướng vào phát triển các vùng cây trồng, vật nuôi chủ lực, thế mạnh của các ngành, nghề truyền thống, đặc sản của địa phương; từng bước hình thành, nhân rộng các mô hình liên kết kinh tế, hợp tác xã nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn tiên tiến; tích cực quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Lĩnh vực trồng trọt chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu cây trồng, mùa vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất; sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 310.000 tấn. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung các loại cây trồng có thế mạnh. Lĩnh vực chăn nuôi chuyển dịch khá rõ nét, từng bước chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ sang chăn nuôi trang trại, góp phần nâng cao giá trị gia tăng. Lĩnh vực thủy sản từng bước phát triển, nguồn lợi thủy sản được quan tâm bảo vệ. Phong trào trồng rừng, phát triển kinh tế đồi rừng đã và đang phát huy hiệu quả, bình quân hàng năm tỉnh trồng rừng mới trên 10.300 ha, nâng độ che phủ rừng từ 54,5% năm 2015 lên 63% năm 2020. Mạng lưới dịch vụ nông nghiệp phát triển, kịp thời phục vụ phát triển sản xuất. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) triển khai có hiệu quả. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được tăng cường đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, kết hợp với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng lên. Năm 2020, toàn tỉnh có 74/207 xã đạt chuẩn

nông thôn mới (65/181 xã sau sáp nhập), tăng 61 xã so với năm 2015; số tiêu chí nông thôn mới bình quân toàn tỉnh đạt 12,7 tiêu chí/xã, tăng 5,3 tiêu chí/xã; có 7 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng được 30 khu dân cư kiểu mẫu. Năm 2017, thành phố Lạng Sơn được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Kinh tế cửa khẩu tiếp tục khẳng định vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, thu hút được nhiều dự án đầu tư quy mô lớn. Thực hiện Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 29/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, ngày 26/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn giai đoạn 2016 - 2020; trong đó nêu rõ mục tiêu tổng quát: Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn từng bước trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh, là đầu mối giao lưu quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, tham gia hành lang xuyên Á (Nam Ninh - Xingapo) và vành đai kinh tế ven vịnh Bắc Bộ. Xây dựng khu kinh tế cửa khẩu trở thành khu thương mại, dịch vụ năng động, có cơ chế, chính sách thuận lợi để thúc đẩy phát triển xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ giữa Việt Nam và các nước với thị

trường Trung Quốc, phát triển sản xuất ở khu chế xuất. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 90-CTr/TU, ngày 26/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *Về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền, kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại*, ngày 17/4/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình kết nối các đơn vị hành chính cấp huyện, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế kết nghĩa, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới tỉnh Lạng Sơn. Chương trình nhằm mục đích: Thực hiện kết nối các đơn vị hành chính cấp huyện, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế kết nghĩa, hỗ trợ, đồng hành cùng các xã biên giới thực hiện xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm quốc phòng - an ninh. Phấn đấu đến năm 2020, mỗi xã biên giới của tỉnh có ít nhất một đơn vị, doanh nghiệp kết nghĩa, hỗ trợ.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh và các chương trình hành động, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy, chính quyền, các ngành tập trung hoàn thiện hệ thống quy hoạch các khu chức năng khu kinh tế của khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Tỉnh đã huy động được hơn 16.000 tỷ đồng, trong đó, gần 4.000 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước, hơn 12.000 tỷ đồng ngoài ngân sách nhà nước để tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của khu kinh tế cửa khẩu.

Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chủ động trong công tác đối ngoại để nâng cao năng lực thông quan, tạo điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp xuất, nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn. Năm 2020, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước khoảng 2.810 triệu USD, đạt 51,1% kế hoạch; trong đó xuất khẩu 1.220 triệu USD, đạt 37,9% kế hoạch, nhập khẩu 1.590 triệu USD, đạt 69,7% kế hoạch, xuất khẩu hàng địa phương ước 120 triệu USD, đạt 80% kế hoạch<sup>1</sup>.

Ngành thương mại, dịch vụ tiếp tục được đầu tư phát triển khá toàn diện. Hệ thống phân phối hàng hóa phát triển đa dạng, rộng khắp, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và phục vụ sản xuất. Công tác bình ổn giá được thực hiện hiệu quả gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 đạt khoảng 22.360 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 11,3%. Đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng địa phương đạt 150 triệu USD, bình quân hàng năm tăng 9,34%. Hệ thống ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả; mạng lưới thanh toán hiện đại, đáp ứng được nhu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội; huy động vốn bình quân hàng năm tăng 14,6%, dư nợ tín dụng tăng 16,8%, nợ xấu dưới mức 3%. Mạng lưới bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, chuyển phát kịp thời, chất lượng ổn định. Hoạt động

---

1. Theo Báo cáo số 25-BC/TU, ngày 09/12/2020 của Tỉnh ủy Lạng Sơn về kết quả công tác năm 2020, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.

vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân, lượng luân chuyển hành khách bình quân hàng năm tăng 11,5%, luân chuyển hàng hóa tăng 13,2%. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị *Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương trình nêu rõ quan điểm phát triển du lịch của tỉnh, đó là tập trung nguồn lực, từng bước phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh vào năm 2020, đóng góp ngày càng tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; định hướng đến năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển kinh tế du lịch một cách bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo tồn các giá trị cảnh quan; đầu tư phát triển mạnh các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch mới đa dạng, đặc sắc. Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng kết hợp xóa đói giảm nghèo, góp phần tháo gỡ khó khăn về đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển du lịch Lạng Sơn đặt trong mối liên kết với sự phát triển du lịch của các tỉnh lân cận trong khu vực.

Về mục tiêu phát triển, Chương trình nhấn mạnh: Phấn đấu đến năm 2020, tập trung đầu tư và hoàn thành đưa vào sử dụng một số trọng điểm du lịch: Khu du lịch sinh thái núi tuyết Mẫu Sơn; Khu di tích quốc gia Chi Lăng; Khu du lịch sinh thái Bản Khiêng, Lộc Bình; Khu du lịch sinh thái thác Đàng Mò, huyện Bình Gia; từng bước đầu tư Khu di tích quốc gia đặc biệt ATK Bắc Sơn; đầu tư nâng cấp Khu danh thắng Nhị - Tam Thanh. Phấn đấu đến năm 2020, tỉnh đón 3 triệu 725 nghìn lượt khách, trong đó có 1 triệu 325 nghìn lượt khách lưu trú; năm 2030, đón 6 triệu 265 nghìn lượt khách, trong đó có 2 triệu 685 nghìn lượt khách lưu trú. Thu nhập từ du lịch đến năm 2020 đạt 132,6 triệu USD, năm 2030 đạt 381 triệu USD. Tổng giá trị ngành du lịch đạt 75,5 triệu USD (chiếm 6,85% GRDP toàn tỉnh); năm 2030 đạt 217 triệu USD (chiếm 10% GRDP toàn tỉnh).

Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng một số cơ sở lưu trú chất lượng cao (khách sạn Vinpearl, Mường Thanh), trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, chuỗi cung ứng bán lẻ tổng hợp, phục vụ người dân và du khách. Hoạt động du lịch phát triển cả về lượng khách, loại hình dịch vụ, doanh thu và chất lượng phục vụ. Năm 2020, mặc dù dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng tỉnh vẫn đạt trên 3.100 nghìn lượt khách du lịch, bình quân 5 năm 2015 - 2020 tăng 5,1%, doanh thu đạt 1.325 tỷ đồng, tăng 9,4%.

Thực hiện chủ trương phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Tỉnh tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để ngành công nghiệp phát triển ổn định, duy trì sản xuất, kinh doanh, khai thác tối đa năng lực sản xuất

của các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn; ưu tiên phát triển một số cơ sở công nghiệp, như: sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, điện, chế biến nông, lâm sản, lắp ráp, điện tử, cơ khí nhỏ, tái chế và sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng và công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn; khuyến khích phát triển công nghiệp vừa và nhỏ để tận dụng nguồn nguyên liệu và nhân công tại chỗ; đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng, tạo sự đột phá về kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

Nhờ vậy, sản xuất công nghiệp của tỉnh trong những năm 2015 - 2020 duy trì mức tăng trưởng khá cao, chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng trên 10,5%. Tỉnh tiếp tục khai thác tốt lợi thế trong các lĩnh vực sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, than, điện, chế biến nông, lâm sản... Một số cơ sở công nghiệp hoàn thành và được đưa vào sử dụng như: 3 nhà máy thủy điện (Bắc Khê 1, Thác Xăng (Bắc Giang 2), Khánh Khê), các cơ sở chế biến gỗ khu vực huyện Hữu Lũng, chế biến nhựa thông tại các huyện Lộc Bình, Đình Lập; khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng... Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp, dự án cụm công nghiệp Hợp Thành 1, 2 theo hình thức đối tác công - tư (PPP) và từng bước đưa vào sản xuất.

Công tác quy hoạch, phát triển đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng được chú trọng. Ngày 22/7/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng

kinh tế - xã hội, trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020, trong đó nêu rõ mục tiêu tổng quát: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xu thế hội nhập quốc tế, đồng thời tạo tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo; tập trung huy động mọi nguồn lực phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, ưu tiên đầu tư những dự án quan trọng, tạo sự đột phá và có tác động lan tỏa lớn trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Chương trình, tỉnh đã tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư, đạt nhiều kết quả quan trọng; tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 đạt 101,5 nghìn tỷ đồng, gấp 2,3 lần giai đoạn 2011 - 2015; nguồn vốn đầu tư công được ưu tiên cho các công trình hạ tầng cấp thiết (giao thông, điện, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế...) và tập trung cho các khu vực kinh tế trọng điểm, khu vực nông thôn, vùng xa, biên giới. Tỉnh đã hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án quan trọng, như: cầu 17/10; cầu Kỳ Cùng; tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn (đoạn Bắc Giang - Chi Lăng); đường chuyên dụng vận tải hàng hóa cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị; đường xuất nhập khẩu Tân Thanh (Việt Nam) đấu nối với Khả Phong (Trung Quốc); một số tuyến đường đấu nối với đường tuần tra biên giới, đấu nối đường bộ qua biên giới tại các cửa khẩu.

Nhằm xây dựng và phát triển bền vững, tỉnh chỉ đạo tập trung quản lý và thực hiện các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; tích cực triển



khai lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện Quyết định số 1590/QĐ-TTg, ngày 16/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ *Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040*, ngày 02/11/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình tổ chức công bố Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040.

Đến năm 2020, đã có 100% các đô thị của tỉnh đã được lập, điều chỉnh quy hoạch chung; khoảng 35% quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu vực trung tâm đô thị, các khu chức năng đặc thù. Trên địa bàn tỉnh từng bước hình thành một số khu dân cư, khu đô thị mới, như: Khu tái định cư và dân cư Nam thành phố Lạng Sơn; Khu tái định cư A Mai Pha; Trung tâm thương mại, khách sạn, nhà phố thương mại của Tập đoàn Vingroup; tiếp tục phát triển các khu đô thị Phú Lộc I, II, III, IV, khu đô thị Nam Hoàng Đồng... Công tác quản lý, đầu tư, chỉnh trang đô thị được quan tâm. Nhờ đó, cảnh quan đô thị ngày càng khang trang. Thành phố Lạng Sơn được công nhận là đô thị loại II trực thuộc tỉnh theo Quyết định số 325-QĐ/TTg, ngày 25/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Xây dựng công nhận thị trấn Đồng Đăng mở rộng, huyện Cao Lộc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV theo Quyết định số 158/QĐ-BXD, ngày 25/02/2016.

Bên cạnh đó, phong trào làm đường giao thông nông thôn của tỉnh được đẩy mạnh, đạt kết quả tích cực. Đến hết năm 2020, có 160/181 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được 4 mùa, đạt tỷ lệ 88,4%, cứng hóa đường giao thông nông

thôn đạt tỷ lệ 43,3%; tỷ lệ cứng hóa đường ô tô đến trung tâm xã đạt 82%, tăng 12,1% so với năm 2015. Hệ thống công trình thủy lợi, nước sinh hoạt được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, quản lý, khai thác có hiệu quả đáp ứng cơ bản yêu cầu về nước sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn. Toàn tỉnh có 99,9% dân cư đô thị được sử dụng nước sạch, tăng 2,9%; có 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tăng 10%.

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ *Về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*, ngày 28/9/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, trong đó nêu rõ mục tiêu đến năm 2020: Xây dựng doanh nghiệp tỉnh có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững. Toàn tỉnh có khoảng 3.130 doanh nghiệp hoạt động, trong đó có một số doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh. Tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi để các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp ngày càng cao vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh và cả nước. Đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 30% tổng vốn đầu tư xã hội.

Thực hiện mục tiêu đó, tỉnh tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế địa phương. Đồng thời, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới phương pháp quản lý; đổi mới thanh tra, kiểm tra, giảm phiền hà cho doanh nghiệp; tăng cường trợ giúp pháp lý cho doanh nghiệp, nâng cao vai trò của Hiệp

hội Doanh nghiệp tỉnh để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; xử lý nghiêm doanh nghiệp khi có sai phạm theo quy định pháp luật.

Thực hiện Kế hoạch số 115/KH-UBND, ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2019, ngày 30/9/2019, tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư với chủ đề “Lạng Sơn - điểm đến thành công của nhà đầu tư”. Tham dự hội nghị có Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, lãnh đạo các bộ, ngành trung ương, cùng trên 500 doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tại Hội nghị, tỉnh Lạng Sơn đã cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin của 37 danh mục dự án thu hút đầu tư của tỉnh giai đoạn 2019 - 2025, trong đó có 8 dự án đầu tư vào hạ tầng công nghiệp, 9 dự án đầu tư vào hạ tầng giao thông, đô thị, xã hội; 9 dự án đầu tư vào thương mại, dịch vụ, du lịch, thể dục thể thao; 9 dự án đầu tư vào nông nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn; 1 dự án đầu tư vào lĩnh vực khác. Tỉnh Lạng Sơn cam kết tạo mọi điều kiện để các nhà đầu tư, các doanh nghiệp có môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, phát triển lâu dài và bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong 5 năm 2015 - 2020, toàn tỉnh có gần 1.900 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 79%; số vốn đăng ký tăng 120% so với giai đoạn trước. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có trên 3.350 doanh nghiệp hoạt động, vốn đăng ký khoảng 29.000 tỷ đồng, duy trì việc làm cho trên 50.250 lao động, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5 triệu đồng/người.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được cấp ủy, chính quyền các cấp coi trọng bảo đảm đúng quy định, chủ động, linh hoạt, hiệu quả. Tỉnh chỉ đạo tập trung thực hiện các biện pháp quản lý thu thuế, phí, lệ phí và thu nợ thuế, phát huy nguồn lực đất đai, tạo nguồn thu để tăng vốn cho đầu tư phát triển. Tổng thu ngân sách trên địa bàn 5 năm 2015 - 2020 đạt 31.742,5 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa đạt 12.623,4 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 8,1%. Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, ưu tiên cho mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh; thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm nhiệm vụ chi thường xuyên và các nhiệm vụ thiết yếu. Tổng chi ngân sách 5 năm là hơn 54.876,8 tỷ đồng, bình quân hàng năm tăng 3,4%.

Công tác quản lý, khai thác tài nguyên đất, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường được quan tâm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Bảo vệ, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác đo đạc, gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, bảo đảm thực hiện tốt việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật. Chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, ngăn chặn, xử lý vi phạm nguồn gây ô nhiễm môi trường. Đến hết năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 95%, tăng 5% so với năm 2015.

Nhờ sự nỗ lực trong lãnh đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường xây dựng nông thôn mới của Đảng

bộ tỉnh, kinh tế của tỉnh có bước phát triển mới trên một số lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,45%, trong đó: ngành nông, lâm nghiệp tăng 1,24%; công nghiệp - xây dựng tăng 12,76%; dịch vụ tăng 5,07%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 0,83%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng và tích cực, ngành nông, lâm nghiệp chiếm 20,83%, công nghiệp - xây dựng 23,55%, dịch vụ 50,87%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,75%. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 44,5 triệu đồng (gấp 1,44 lần so với năm 2015), tương đương 1.937 USD.

### III- CHÚ TRỌNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, trong những năm 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh luôn chú trọng lãnh đạo phát triển văn hóa - xã hội

*Tăng cường phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ*

Những năm 2015 - 2020, để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, các cấp ủy, chính quyền và toàn ngành giáo dục đặc biệt quan tâm tăng cường cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ. Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng lên. Quy mô, mạng lưới trường, lớp được sắp xếp ngày càng hợp lý. Ngành giáo dục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; phân cấp và giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức,

lối sống cho giáo viên, học sinh, sinh viên. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được quan tâm. Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em 5 tuổi tại 100% xã, phường, thị trấn. Chú trọng củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú. Thực hiện hiệu quả các đề án, chương trình giáo dục; tích cực chuẩn bị và triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới theo đúng tiến độ. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tăng cường, số trường đạt chuẩn quốc gia tăng qua các năm.

Trong 5 năm 2015 - 2020, toàn tỉnh có thêm 95 trường học đạt chuẩn quốc gia. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 225 trường đạt chuẩn. Hoạt động xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh, chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hằng năm, tỉnh tổ chức đào tạo trên 16.000 lao động, trong đó đào tạo nghề khoảng 11.800 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 43,4% năm 2015 lên 55% năm 2020 (đào tạo nghề tăng từ 38% lên 47,5%).

Hoạt động khoa học và công nghệ đã bám sát chủ trương, định hướng chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ được áp dụng vào sản xuất và đời sống, đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các đề tài, dự án khoa học và công nghệ góp phần tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh và hiệu quả cao đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản có thể

mạnh của tỉnh. Nhiều doanh nghiệp và người dân đã chủ động, tích cực ứng dụng khoa học và công nghệ, đưa các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng vào sản xuất; tăng cường ứng dụng quy trình công nghệ mới vào sản xuất, chế biến nông, lâm sản; đồng thời, cơ giới hóa một số khâu trong lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông, lâm sản.

Đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông, lâm sản, đặc sản của tỉnh, qua đó góp phần quảng bá và đưa các sản phẩm của tỉnh vào tiêu thụ tại thị trường trong và ngoài nước. Hoạt động đánh giá, thẩm định, thẩm tra và góp ý cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đã góp phần ngăn chặn các dự án có công nghệ cấm chuyển giao, công nghệ hạn chế chuyển giao, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào địa bàn tỉnh. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các tầng lớp nhân dân được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng giúp nâng cao nhận thức cho người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng, thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, góp phần hạn chế tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đủ định lượng và gian lận thương mại, thiết thực bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các cơ sở sản xuất kinh doanh chân chính và người tiêu dùng.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và đời sống được đẩy mạnh, góp phần tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh và hiệu quả cao đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực,

đặc sản có thể mạnh của tỉnh. Nhiều doanh nghiệp và người dân đã chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ, đầu tư các loại giống, quy trình công nghệ mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp, cơ khí hóa một số khâu trong lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông, lâm sản. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp đã chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới thiết bị, góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, an toàn bức xạ, sở hữu trí tuệ có nhiều tiến bộ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển tài sản trí tuệ được tăng cường.

Hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông đạt nhiều kết quả quan trọng. Thực hiện hiệu quả chủ trương xây dựng văn hóa, con người Lạng Sơn một cách toàn diện trong môi trường văn hóa lành mạnh, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa nông thôn và thành thị. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” phát triển sâu rộng. Thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội... Các thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa, thôn, tổ dân cư văn hóa, cơ quan văn hóa ngày càng cao. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng. Việc khôi phục một số phong tục, tập quán lành mạnh, tiếng dân tộc và các loại hình dân ca, dân vũ truyền thống được quan tâm bảo



tồn và phát huy. Toàn tỉnh có hơn 800 câu lạc bộ, đội văn nghệ quần chúng và Hội Bảo tồn dân ca tỉnh. Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục phát triển; thể thao thành tích cao đạt kết quả đáng khích lệ. Các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, gắn với giáo dục truyền thống yêu nước, lịch sử dân tộc, đáp ứng yêu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân. Hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, văn học - nghệ thuật có nhiều chuyển biến tích cực phục vụ nhân dân kịp thời, đặc biệt là các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, phổ biến các kiến thức khoa học kỹ thuật mới, góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

Nhằm hướng tới kỷ niệm 110 năm ngày sinh đồng chí Hoàng Văn Thụ (04/11/1909 - 04/11/2019) - người chiến sĩ cách mạng tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam, người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn, tỉnh đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm: hội thảo khoa học; chương trình nghệ thuật, lễ kỷ niệm; cuộc thi viết “Tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng và những cống hiến to lớn của đồng chí Hoàng Văn Thụ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”.

Năm 2020, Đảng bộ và chính quyền Lạng Sơn tổ chức nhiều sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và của tỉnh như: kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2020); 75 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2020); 45 năm giải phóng

miền Nam, thống nhất đất nước (1975 - 2020); 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 2020); tổ chức hội thảo khoa học và lễ kỷ niệm 80 năm Ngày khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940 - 27/9/2020); 70 năm Ngày giải phóng Lạng Sơn (17/10/1950 - 17/10/2020); tổ chức hội thảo khoa học kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Lương Văn Tri (17/8/1910 - 17/8/2020); cuộc thi viết “Tìm hiểu về cuộc đời hoạt động cách mạng và những cống hiến to lớn của đồng chí Lương Văn Tri đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam”; xây dựng hồ sơ đề nghị xem xét công nhận đồng chí Lương Văn Tri là lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đây cũng là năm tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị *Về việc xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới*, các hoạt động văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh có bước phát triển. Trong giai đoạn 2015 - 2020, lực lượng văn nghệ sĩ và nghệ nhân các dân tộc thiểu số có bước phát triển vượt bậc. Công tác sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn học, nghệ thuật của đồng bào các dân tộc đạt được những kết quả thiết thực. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển, nhiều câu lạc bộ văn học, nghệ thuật ra đời, góp phần cổ vũ, động viên quần chúng sáng tạo, khai thác, truyền bá các giá trị nghệ thuật cổ truyền, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân ở cơ sở. Các hoạt động văn học, nghệ thuật đã có sự giao lưu trong và ngoài nước thông qua quá trình hội nhập quốc tế.

Thực hiện Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (năm 2016) về thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, ngày 21/6/2018, Chương trình phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được ban hành. Chương trình nhằm mục đích: Tăng cường công tác phối hợp nâng cao trách nhiệm và tạo sự đồng bộ, thống nhất hiệu quả giữa Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Thông qua thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” để vận động nhân dân hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” được triển khai sâu rộng trong toàn tỉnh, góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, chính sách của Nhà nước liên quan trực tiếp đến giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, nhiều kỹ thuật chuyên môn cao được triển khai thực hiện. Thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg, ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về phê duyệt Đề án Xây dựng và

*phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới*, với sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của toàn ngành y tế, sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, mạng lưới y tế cơ sở của tỉnh ngày càng được củng cố, hoàn thiện và phát triển theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Chất lượng khám, chữa bệnh tại tuyến cơ sở từng bước được nâng lên.

Công tác khám, chữa bệnh được các cấp ủy, chính quyền và ngành y tế quan tâm. Từ năm 2017, các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện tiếp tục được tăng quy mô giường bệnh. Đến năm 2020, toàn tỉnh đạt 30,7 giường bệnh/10.000 dân; có 5/10 trung tâm y tế huyện được nâng hạng từ hạng III lên hạng II, gồm: Hữu Lũng, Chi Lăng, Bình Gia, Bắc Sơn và Lộc Bình; 8/10 trung tâm y tế huyện thực hiện được tối thiểu 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến huyện, nhiều danh mục kỹ thuật chuyên sâu vượt tuyến đã được thực hiện ngay tại huyện như: chạy thận nhân tạo, mổ nội soi, mổ mắt bằng phương pháp Y Phaco, chụp cắt lớp vi tính.

Việc đổi mới phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ, nâng cao ý thức, xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp”, hướng tới sự hài lòng của người bệnh được đẩy mạnh. Tỉnh tiến hành thực hiện tự chủ về tài chính tại 14 cơ sở khám, chữa bệnh công lập. Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển mạng lưới y tế tư nhân, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai quyết liệt, đồng bộ, không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn. Chất lượng dân số từng bước được nâng lên; công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người dân được đẩy mạnh.

Tỉnh đã hoàn thành giai đoạn I và đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa tỉnh (700 giường), Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho mạng lưới y tế cơ sở, đặc biệt là y tế tuyến xã. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 164/226 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (145/200 xã, phường, thị trấn sau sáp nhập), đạt 72,6%; có 11 bác sĩ và 30,7 giường bệnh/10.000 dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 98%.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kết luận số 842-KL/TU, ngày 04/9/2018 về tiếp tục thực hiện công tác xã hội hóa dịch vụ y tế. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ y tế tại 7/10 trung tâm y tế huyện, với các loại hình dịch vụ xã hội hóa là các trang thiết bị cận lâm sàng: máy chụp cắt lớp vi tính, máy siêu âm 4D, máy xét nghiệm huyết học, máy X-quang, máy nội soi tai mũi họng... Ngoài ra, một số phòng điều trị theo yêu cầu đã đem lại hiệu quả thiết thực trong đầu tư trang thiết bị hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

Mạng lưới y tế dự phòng từ tuyến huyện đến tuyến xã, thôn, bản tiếp tục củng cố và tăng cường đào tạo, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật...; hệ thống giám sát và năng lực của y tế dự phòng được nâng lên rõ rệt, chủ động trong phòng, chống, khống chế các bệnh dịch, nhất là bệnh dịch nguy hiểm (cúm A H5N1, H1N1, H7N9,...). Đặc biệt, ngay từ đầu năm 2020, khi đại dịch Covid-19 xảy ra trên địa bàn cả nước, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính

trị từ tỉnh đến cơ sở thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19. Hệ thống tiêm chủng mở rộng thường xuyên được củng cố, triển khai đầy đủ các loại vắc xin theo quy định và bảo đảm an toàn tiêm chủng; hàng năm, duy trì trên 95% trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vắc xin.

Công tác chăm lo chính sách xã hội ngày càng được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo. Công tác giảm nghèo, tạo việc làm thực hiện có hiệu quả, an sinh xã hội được bảo đảm. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới được thực hiện tích cực. Từ năm 2018, trên địa bàn tỉnh, tốc độ giảm nghèo nhanh, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 25,95% năm 2015 xuống còn 7,89% năm 2020, bình quân hàng năm giảm 3,61%. Trong 5 năm, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 72,2 nghìn lao động. Các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em... được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả. Công tác gia đình, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo. Các chính sách về dân tộc, tôn giáo thực hiện kịp thời, đúng quy định; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, đồng bào tôn giáo từng bước được cải thiện và nâng cao, không để tiềm ẩn những yếu tố phức tạp về dân tộc, tôn giáo.

Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” được triển khai sâu rộng, với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng như: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức lễ mít tinh, kỷ niệm, các buổi tọa đàm, giao lưu văn nghệ...

Thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ *Về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và*

*bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg, ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 - 2020 (tỉnh Lạng Sơn có thêm huyện Văn Quan thuộc danh sách huyện nghèo), Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện: Bình Gia, Văn Quan và Đình Lập giai đoạn 2018 - 2020<sup>1</sup>.*

Thực hiện Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan có liên quan tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và các văn bản về cơ chế, chính sách; hướng dẫn các cấp ủy, chính quyền và các ngành tổ chức thực hiện; đồng thời, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo trên địa bàn các huyện, phân định rõ nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức và cá nhân trong triển khai thực hiện.

Giai đoạn 2013 - 2020, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ 470.446 triệu đồng, ngân sách địa phương đã bố trí 113.350 triệu đồng cho 3 huyện Đình Lập, Văn Quan, Bình Gia đầu tư các công trình, dự án. Tổng kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa

---

1. Quyết định số 660/QĐ-UBND, ngày 10/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn huyện Văn Quan; Quyết định số 711/QĐ-UBND, ngày 17/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn huyện Đình Lập; Quyết định số 1202/QĐ-UBND, ngày 03/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn huyện Bình Gia.

bàn các huyện nghèo là 5.493 triệu đồng. Tại 3 huyện đã đầu tư xây dựng được 55 công trình, bao gồm: 15 công trình trường học, 3 công trình trạm y tế xã đạt tiêu chuẩn, 11 công trình thủy lợi, 24 công trình giao thông, 2 công trình nhà văn hóa xã; kịp thời duy tu, bảo dưỡng đối với các công trình xuống cấp và hư hỏng, với tổng kế hoạch vốn là 15.526 triệu đồng.

Các dự án hỗ trợ được thống nhất triển khai thực hiện, có sự đồng tình, nhất trí cao của nhân dân; Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát các công trình hạ tầng thiết yếu đúng quy định, hướng dẫn nhân dân quản lý, bảo vệ các công trình, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho nhân dân trên địa bàn tham gia sản xuất, phát triển kinh tế, giao lưu thương mại, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

#### IV- ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI CỦA TỈNH BIÊN GIỚI

Thực hiện chủ trương về quốc phòng, an ninh và thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, các cấp ủy, chính quyền tỉnh tăng cường lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh. Qua đó, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững mạnh. Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả công tác quân sự địa phương; tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức,



kiến thức quốc phòng cho toàn dân. Năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh được nâng cao; chủ động nắm chắc tình hình, dự báo xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Công tác xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh được quan tâm; diễn tập phòng thủ tỉnh năm 2019 kết quả đạt xuất sắc.

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, xã hội trong công tác quy hoạch, triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội; rà phá bom mìn, vật liệu nổ; đầu tư nâng cấp đường tuần tra biên giới, đường ra cửa khẩu, cột mốc và phối hợp xây dựng Khu kinh tế quốc phòng Mẫu Sơn. Thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh; tuyển quân hàng năm đạt chỉ tiêu; công tác chính sách hậu phương quân đội bảo đảm kịp thời, hiệu quả, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, biên giới quốc gia.

Tỉnh đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quan điểm, chủ trương chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được chú trọng, đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức, phát huy hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tình hình an ninh

nông thôn, biên giới, an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, văn hóa ổn định; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chính quyền các cấp quan tâm.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của lực lượng công an. Việc bố trí công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã bước đầu đạt kết quả tích cực. Các cấp ủy, chính quyền tăng cường công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm buôn lậu, ma túy, đặc biệt là các địa bàn cửa khẩu, vùng biên. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch, phản động và phần tử xấu; bảo vệ tốt an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh; kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Chú trọng công tác phòng ngừa, mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, các tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự, kiểm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để hình thành các băng, nhóm tội phạm. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng ngừa tội phạm. Đấu tranh chống tội phạm ma túy. Trong những năm 2015 - 2020, hàng trăm vụ buôn bán ma túy liên tỉnh, xuyên quốc gia đã được triệt phá.

Công tác quản lý thị trường, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại đạt nhiều kết quả tích cực.

Các lực lượng chức năng thường xuyên chủ động, phối hợp xây dựng kế hoạch, mở nhiều đợt cao điểm kiểm tra, xử lý quyết liệt các hoạt động vi phạm trên tuyến biên giới và trong nội địa, qua đó đã kiềm chế hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn.

Công tác tiếp công dân, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đạt hiệu quả. Lực lượng công an quan tâm đến chất lượng công tác hòa giải; tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay tại cơ sở. Đến năm 2020, toàn tỉnh đã triển khai thực hiện 1.069 cuộc thanh tra, kiểm tra; kết thúc 1.012 cuộc. Cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 7.947 lượt công dân; giải quyết 528/554 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 95,3%. Tích cực xử lý, giải quyết các vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài; giải quyết xong 27/27 vụ việc, góp phần tạo sự ổn định chính trị, xã hội, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp người tố cáo, phản ánh, tố giác liên quan đến hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bị trả thù, trù dập.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn chú trọng chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng về công tác tư pháp và cải cách tư pháp. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đúng quy định. Công

tác hỗ trợ tư pháp được quan tâm, chú trọng, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp được kiện toàn, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tư pháp cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm túc cơ chế Đảng lãnh đạo đối với công tác tư pháp. Chủ động triển khai ủy thác, tương trợ tư pháp về hình sự, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm xuyên quốc gia, góp phần xây dựng khu vực biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Công tác đối ngoại được quan tâm chỉ đạo, đáp ứng yêu cầu tình hình mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Tỉnh triển khai đồng bộ đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Chủ động hội nhập quốc tế, trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thu hút đầu tư, mở rộng thị trường, xây dựng môi trường hòa bình, hữu nghị, ổn định khu vực biên giới để phát triển.

Tháng 3/2016, Hội nghị giao lưu quốc phòng biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ ba được tổ chức tại Lạng Sơn. Qua đó, công tác đối ngoại biên phòng, đối ngoại nhân dân hai bên biên giới tiếp tục được duy trì; triển khai quản lý, bảo vệ biên giới. Quan hệ hữu nghị, hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục đẩy mạnh, ngày càng đi vào chiều sâu, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, quản lý biên giới, phòng, chống tội phạm... Phát huy hiệu quả chương trình Gặp gỡ đầu Xuân giữa Bí thư Tỉnh ủy - Bí thư Khu ủy và cơ chế Hội nghị Ủy

ban công tác liên hợp 4 tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc); cơ chế hợp tác giữa các huyện biên giới và cư dân biên giới Lạng Sơn - Quảng Tây. Quan hệ hợp tác cùng cấp với một số đối tác các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Pháp và các đối tác tiềm năng, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao được tăng cường và ngày càng mở rộng.

Sáng 26/02/2019, tại ga cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng, hàng vạn đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn chờ đón Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un đến Việt Nam tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên lần thứ hai tại Hà Nội và thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, theo lời mời của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng.

Ra đón Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un về phía Việt Nam có: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Võ Văn Thưởng; Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng; Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước Chu Văn Yên; Đại sứ Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên Lê Bá Vinh. Về phía tỉnh Lạng Sơn, có các đồng chí: Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lâm Thị Phương Thanh; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Ngọc Thưởng; lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh cùng hàng trăm phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí trong nước và quốc tế dự đón và đưa tin về sự kiện này.

Tại nhiều điểm trên tuyến đường từ ga cửa khẩu quốc tế Đồng Đăng đến thành phố Lạng Sơn như: ngã tư thị trấn Cao Lộc, ngã ba Yên Trạch,... hàng vạn người dân và học sinh thuộc địa bàn huyện Cao Lộc, thành phố Lạng Sơn chờ đón Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un.

Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sự kiện quan trọng này, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã quán triệt các cấp ủy, chính quyền, chỉ đạo các lực lượng công an, quân đội, biên phòng, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia, làm tốt công tác bảo vệ an ninh biên giới, nội địa, tuyến trọng điểm, đảm bảo tuyệt đối an toàn, trang trọng. Đây là sự kiện chính trị quan trọng không chỉ của tỉnh mà còn mang tầm quốc gia, quốc tế, qua đó quảng bá hình ảnh về văn hóa, con người Việt Nam nói chung và Xứ Lạng nói riêng đến bạn bè trong nước và quốc tế.

#### V- XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG, ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Trong giai đoạn 2015 - 2020, công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Những chuyển biến quan trọng trong công tác xây dựng Đảng đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Các cấp ủy nghiêm túc tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đưa nghị quyết vào cuộc sống nhanh và hiệu quả hơn.

Trong công tác chính trị tư tưởng, Đảng bộ tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập, nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cũng như những vấn đề lý luận và thực tiễn vào điều kiện thực tế của tỉnh, gắn với sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của tỉnh, góp phần nâng cao nhận thức, trình độ lý luận, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, chuyên môn, nghiệp vụ cho các cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức cảnh giác, đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phản bác quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; phê phán, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Công tác đấu tranh phản bác được quan tâm chỉ đạo, Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương trong tỉnh đã tập trung tham mưu cho ban thường vụ cấp ủy cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị *Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*; ngành tuyên giáo đã

tham mưu xây dựng kế hoạch công tác, kiện toàn nhóm chuyên gia, tổ thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cho các thành viên, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ; thành lập Ban Biên tập, quản trị trang, nhóm “Lạng Sơn 35” của tỉnh; tổ chức lực lượng, xây dựng nội dung tuyên truyền trên không gian mạng, đấu tranh phản bác, triệt phá, bóc gỡ các tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc chống phá Đảng, Nhà nước.

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống gắn với giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân được quan tâm; nhất là tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ thường xuyên được triển khai với nhiều hình thức như: tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tọa đàm ôn lại truyền thống, giao lưu biểu diễn văn nghệ... nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; tổ chức các cuộc thi sân khấu hóa, thi tìm hiểu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các anh hùng liệt sĩ; tham quan các di tích lịch sử, tìm hiểu về tấm gương các anh hùng, liệt sĩ; dâng hương tưởng niệm, tri ân các liệt sĩ tại các di tích lịch sử, nhà bia tưởng niệm.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành *Hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*. Theo đó, hàng năm các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và từng cán bộ,



đảng viên phải thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ được quan tâm chỉ đạo gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị *Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*. Tỉnh tổ chức Hội nghị học tập chuyên đề hàng năm; năm 2020 triển khai chuyên đề “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu giai đoạn cách mạng mới” bằng hình thức trực tuyến, kết nối từ điểm cầu Trung ương đến hơn 200 điểm cầu trong tỉnh, với tổng số trên 6.600 đại biểu tham dự.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, được tập trung chỉ đạo, trở thành công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân tự giác học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng. Qua việc học tập và làm theo Bác, toàn tỉnh có 1.047 tập thể, 1.745 cá nhân tiêu biểu, điển hình tiên tiến được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả *Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán*

*bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.*

Công tác tổ chức xây dựng Đảng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; các tổ chức đảng thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên. Đến năm 2020, toàn Đảng bộ tỉnh có 745 tổ chức cơ sở đảng (3.225 tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở), với trên 64.800 đảng viên. Công tác phát triển đảng viên luôn được quan tâm cả về số lượng và chất lượng; cấp ủy các cấp quan tâm phát triển đảng viên ở các xã vùng cao, biên giới và trong các loại hình doanh nghiệp. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp 11.718 đảng viên, vượt 17,18% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh hằng năm đạt trên 18%; tỷ lệ đảng viên hằng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%, vượt trên 10% so với mục tiêu đề ra; tỷ lệ đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ hằng năm đạt trên 95%. Công tác khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, đúng đối tượng .

Hằng năm, việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình gắn với đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên được chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc; coi trọng việc sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình; kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh những sai sót của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cá nhân. Thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương

Đảng về tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên từng bước được khắc phục và có chuyển biến tích cực.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, Kết luận số 34-KL/TW của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế, Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận, bảo đảm triển khai thực hiện đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch, đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021, trong đó các cơ quan, đơn vị xác định số lượng, tỷ lệ tinh giản biên chế cho từng năm, từ năm 2015 đến năm 2021. Hằng năm, căn cứ tình hình thực tiễn để giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị theo hướng giao giảm để bảo đảm mục tiêu đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% so với biên chế được giao năm 2015. Đến năm 2019, toàn tỉnh tinh giản được 1.295 trường hợp (chưa bao gồm 19 trường hợp thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập không được giao biên chế).

Thực hiện việc kiêm nhiệm các chức danh, đến năm 2020, đã thực hiện trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện tại 11/11 đơn vị;

trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tại 6/11 đơn vị; trưởng ban tổ chức đồng thời là trưởng phòng nội vụ tại 5/11 đơn vị; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra kiêm chánh thanh tra huyện tại 2/11 đơn vị; bí thư đảng ủy cấp xã đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại 38 xã, thị trấn.

Việc sắp xếp các phòng, ban chuyên môn và tương đương trực thuộc các cơ quan khối Đảng, đoàn thể tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành các văn bản, kế hoạch xác định quan điểm, chủ trương, mục đích, yêu cầu, nội dung và lộ trình thực hiện phù hợp; giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Qua đó, tỉnh đã giảm 7 phòng, ban chuyên môn và tương đương tại 5 cơ quan.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ* và Kế hoạch số 10-KH/TW, ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch để triển khai thực hiện trong toàn đảng bộ, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, minh bạch, đúng quy trình, quy định trong công tác quản lý cán bộ. Chế độ, chính sách cán bộ được quan tâm thực hiện kịp thời, bảo đảm quy định.

Trong những năm 2015 - 2020, công tác sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ được thực hiện quyết liệt và đạt kết

quả quan trọng. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị được cụ thể hóa bằng các quy định, quy chế, bảo đảm dân chủ, chặt chẽ, tình trạng chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ từng bước được khắc phục. Đến năm 2020, ở cấp tỉnh giảm 2 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giảm 80 đầu mối cấp phòng và tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh; thực hiện mô hình Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy từ tháng 01/2019; sắp xếp lại Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh từ tháng 9/2018 hợp nhất vào Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh; thành lập Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh và đi vào hoạt động có hiệu quả từ tháng 01/2019. Cấp huyện giảm 21 phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; giảm 42 trường học, 22 trạm thuộc chi cục; thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” tại 11/11 đơn vị. Cấp xã sáp nhập 51 đơn vị hành chính cấp xã thành 25 đơn vị hành chính, giảm 26 đơn vị hành chính cấp xã. Việc sắp xếp, sáp nhập thôn, khối phố: đã thực hiện sáp nhập 878 thôn, khối phố thành 414 thôn, khối phố, giảm 464 thôn, khối phố; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng giảm 17.096/22.646 (giảm 75,49%). Về thực hiện tinh giản biên chế: tinh giản biên chế theo lộ trình so với năm 2015 đã giảm được 2.366 biên chế.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường, nhất là vấn đề chính trị của cán bộ, đảng viên. Cấp ủy đảng các cấp thường xuyên rà soát chính trị nội bộ; chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống âm mưu và các thủ đoạn phá hoại nội bộ

của các thế lực thù địch, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng. Các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ của cấp trên, tích cực triển khai, tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ về công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Đảng. Từ đầu nhiệm kỳ đến hết tháng 7/2020, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, giám sát chuyên đề được 9.573 tổ chức đảng, tăng 2.777 tổ chức (tăng 29%) so với khóa XV và kiểm tra, giám sát 7.349 đảng viên, tăng 978 đảng viên (tăng 13,3%) so với khóa XV. Chú trọng kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra được 180 tổ chức đảng và 324 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Bước đầu thực hiện giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, người đứng đầu đã trực tiếp, chủ động giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; kịp thời chỉ đạo và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. Những vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên được xử lý nghiêm túc theo đúng quy định của Đảng. Toàn Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 5 tổ chức đảng và 1.082 đảng viên, giảm 3 tổ chức và tăng 142 đảng viên so với khóa XV, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật của

Đảng, giữ vững ổn định chính trị, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên.

Công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện hiệu quả. Các cấp ủy, chính quyền các cấp đã triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng. Kịp thời chỉ đạo, xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề nổi cộm liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác phòng, chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, đồng bộ, với quyết tâm chính trị cao, theo tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhờ vậy, việc tham nhũng từng bước được kìm chế, ngăn chặn. Chỉ đạo xử lý nghiêm nhiều vụ án, vụ việc tham nhũng phức tạp được dư luận xã hội quan tâm và xử lý nghiêm cán bộ sai phạm, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về chống lãng phí trong các cơ quan, đơn vị; giảm bớt hội họp, hạn chế thành lập các đoàn đi công tác nước ngoài; tiết kiệm chi tiêu hành chính; chỉ đạo giám sát chặt chẽ và có hiệu quả việc sử dụng tài sản công, sử dụng ngân sách trong đầu tư công, không gây thất thoát, lãng phí.

Công tác dân vận của Đảng và hệ thống chính trị thường xuyên được quan tâm, dân vận chính quyền được chú trọng thực hiện, đạt nhiều kết quả tích cực. Tỉnh ủy

thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận. Nhờ vậy, nhận thức của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị về vị trí, vai trò của công tác dân vận được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tạo niềm tin, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác đối thoại trực tiếp với nhân dân, lắng nghe, tiếp thu ý kiến; đồng thời, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bảo vệ quyền lợi và yêu cầu chính đáng của người dân.

Công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước được chú trọng; tỉnh đã triển khai thí điểm xây dựng mô hình chính quyền thân thiện, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng văn hóa, nâng cao đạo đức công vụ; ý thức, trách nhiệm phục vụ người dân và doanh nghiệp, xây dựng phong cách làm việc khoa học, dân chủ, “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân”. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia giám sát, góp ý đối với tổ chức đảng, chính quyền cơ sở, tự quản cộng đồng, nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân về chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nhằm đa dạng hóa các loại hình hoạt động, tỉnh đã chỉ đạo tổ chức cuộc thi “Dân vận khéo” từ cơ sở, thu hút đông



đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia; tạo phong trào thi đua sôi nổi nhiều mô hình mới, cách làm sáng tạo, đã góp phần nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận. Giai đoạn 2015 - 2020, tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ sở đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, xây dựng các mô hình điển hình “Dân vận khéo”, vận động các tầng lớp nhân dân phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các chủ trương, định hướng, quy định của Trung ương và đề ra một số chính sách đặc thù của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành một số chính sách để hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phát triển sản xuất như: chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đối với dân tộc thiểu số ở xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020; quy định một số mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ truyền thông và giảm nghèo về thông tin; hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 -

2020; chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020; chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện công tác dân tộc gắn với việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.*

Các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chức năng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định của Trung ương và địa phương về công tác dân tộc đến cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, nhiều chính sách dân tộc đã được triển khai, thực hiện đúng, đủ đến các đối tượng được thụ hưởng, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống, củng cố niềm tin của nhân dân các dân tộc trong tỉnh vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Công tác tôn giáo được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh tích cực, chủ động tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo, nắm chắc tình hình công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn. Thực hiện Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, ngày 30/12/2017

của Chính phủ *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo* và Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, ngày 16/3/2018, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 58-KH/TU để triển khai thực hiện; quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào tôn giáo; chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền thành lập các đoàn kiểm tra công tác tôn giáo, hoạt động tôn giáo, góp phần động viên thực hiện tốt các chính sách tôn giáo cho các giáo dân.

Qua đó, tình hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định, hầu hết các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng hiến chương của giáo hội và chương trình đạo sự đã đăng ký với chính quyền các cấp. Sinh hoạt tôn giáo của chức sắc, chức việc các tôn giáo được thuận lợi; các nhu cầu chính đáng, hợp pháp của cá nhân, tổ chức tôn giáo được xem xét, giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật. Các nghi lễ tôn giáo được tổ chức thuận tụy đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Công tác dân tộc có nhiều tiến bộ, góp phần nâng cao đời sống, củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước. Công tác tôn giáo được quan tâm, bảo đảm nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo.

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền: Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực,

hiệu quả quản lý nhà nước. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh phát huy tốt vai trò trong công tác xây dựng pháp luật và giám sát việc thi hành pháp luật. Nhiều nội dung lớn, quan trọng đã được chọn lọc, phân tích, tổng hợp và kiến nghị với các cơ quan liên quan. Hoạt động giám sát ngày càng đi vào chiều sâu; đổi mới các hình thức tiếp xúc cử tri, tạo không khí cởi mở, dân chủ giữa cử tri với đại biểu. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân và giám sát giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, các kiến nghị của công dân. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đại biểu Quốc hội đã góp phần củng cố niềm tin của cử tri với Đảng và chính quyền các cấp.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 04/01/2016 của Bộ Chính trị *Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 15/01/2016 về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 27/01/2016 về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Ngày 22/5/2016, toàn tỉnh có 573.835 cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, chiếm tỷ lệ 99,87%. Số lượng đại biểu Quốc hội được bầu tại tỉnh Lạng Sơn là 6 đại biểu, đã bầu

đủ 6 đại biểu. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 được bầu, gồm 58 đại biểu tiêu biểu, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của cử tri trong toàn tỉnh. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở tỉnh Lạng Sơn thành công tốt đẹp.

Ngày 30/6/2016, kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021, bầu Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Hoàng Văn Nghiệm, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Các đồng chí Đoàn Thị Hậu, Tô Hùng Khoa được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng chí Phạm Ngọc Thuởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, được bầu tái cử chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>1</sup>. Các đồng chí Lý Vinh Quang và Nguyễn Công Trường giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tháng 9/2016, kỳ họp thứ ba Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021, bầu đồng chí Hồ Tiến Thiệu giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>2</sup>.

---

1. Ngày 13/02/2020, đồng chí Phạm Ngọc Thuởng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo Quyết định số 1156/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (tài liệu lưu tại Kho lưu trữ, Tỉnh ủy Lạng Sơn).

2. Ngày 30/7/2020, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1156-QĐ/TTg phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Hồ Tiến Thiệu, Phó Chủ tịch phụ trách Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 05/8/2020, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 2288-QĐNS/TW chuẩn y đồng chí Hồ Tiến Thiệu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Ngày 09/01/2018, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 658-QĐNS/TW, luân chuyển và chỉ định đồng chí Nguyễn Long Hải, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2015 - 2020; ngày 25/01/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức kỳ họp thứ 7 để bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đến tháng 12/2020, đồng chí Nguyễn Long Hải được Trung ương điều động nhận nhiệm vụ mới<sup>1</sup>.

Ngày 17/7/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa XVI đã họp bầu đồng chí Hồ Tiến Thiệu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch phụ trách Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Cùng ngày, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI đã tổ chức kỳ họp thứ XVIII bầu đồng chí Hồ Tiến Thiệu, Phó Bí thư Tỉnh ủy giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 thay đồng chí Phạm Ngọc Thương chuyển công tác.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyết định và thực hiện tốt vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Hoạt động giám sát được tổ chức triển khai đa dạng cả về nội dung và phương pháp. Chú trọng nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết, bảo đảm toàn diện các lĩnh vực, phù hợp với tình hình thực tiễn, đúng thẩm quyền, làm cơ sở cho Ủy ban nhân

---

1. Quyết định số 2536-QĐNS/TW, ngày 07/12/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc điều động, luân chuyển cán bộ.

dân các cấp tổ chức thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội đề ra. Các đại biểu Hội đồng nhân dân thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với cử tri, cơ bản thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa cử tri với Nhà nước. Các kiến nghị chính đáng của nhân dân được giải quyết kịp thời hơn. Ý thức trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên; công tác phối hợp giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ngày càng đi vào thực chất, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử.

Ủy ban nhân dân các cấp đã bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, kịp thời cụ thể hóa các nội dung công việc thuộc thẩm quyền, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết và kiến nghị của Hội đồng nhân dân. Trong công tác chỉ đạo điều hành đã có nhiều đổi mới sáng tạo, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian, từng địa bàn, lĩnh vực; nhạy bén trong việc xử lý các vấn đề bức xúc kéo dài hoặc mới phát sinh. Chủ động nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan trung ương trong việc hỗ trợ, giúp đỡ, tạo nguồn lực và giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc trên địa bàn. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm, nâng cao chất lượng, hiệu quả tham mưu của các cơ quan chuyên môn và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên được bổ sung, kiện toàn.

Ngày 30/7/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân đã bầu đồng chí Hồ Tiến Thiệu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện và có hiệu quả các nội dung cải cách hành chính. Kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền; chủ động rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Thực hiện các giải pháp nâng cao các chỉ số: Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); Cải cách hành chính (PAR INDEX); Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện, thành phố (DDCI). Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của một số đơn vị sự nghiệp công lập. Đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh vào hoạt động ổn định, được nhân dân, doanh nghiệp ủng hộ và đánh giá cao. Công tác hiện đại hóa nền hành chính được quan tâm, phát huy tốt hệ thống hợp trực tuyến 3 cấp; tích cực triển khai thực hiện Đề án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2019 - 2025. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức trách, nhiệm vụ để trục lợi, gây phiền hà, nhũng nhiễu người dân và doanh nghiệp; tác phong, lề lối làm việc, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 104/KH-UBND, ngày 04/7/2018 *Về việc thực hiện sắp xếp, nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn* theo quy định về



quy mô dân số hoặc diện tích tự nhiên trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 đến năm 2021. Theo đó, với tổng số 76 đơn vị hành chính cấp xã sẽ tiến hành sắp xếp lại thành 38 đơn vị hành chính cấp xã.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2532/QĐ-UBND, ngày 26/12/2017 về việc phê duyệt Đề án tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiếp đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 09/02/2018 về sắp xếp, sáp nhập các thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn từ năm 2018 đến năm 2030, chia làm 3 giai đoạn (2018 - 2020; 2021 - 2025; 2026 - 2030).

Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sáp nhập thôn, khối phố, cụ thể tiến hành sáp nhập 537 thôn, khối phố thành 249 thôn, khối phố. Sau khi sáp nhập, cả tỉnh giảm 288 thôn, khối phố (gồm 273 thôn, 15 khối phố). Như vậy, toàn tỉnh còn 2.025 thôn, khối phố (gồm 1.878 thôn, 147 khối phố).

Phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua - khen thưởng được quan tâm chỉ đạo, có nhiều đổi mới, sáng tạo, tạo động lực mới, góp phần thiết thực vào thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; chú trọng phát động các đợt thi đua ngắn ngày,

thi đua gắn với các sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh. Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng gương điển hình tiên tiến được các cấp, các ngành quan tâm, hướng về cơ sở, vùng cao, biên giới, vùng khó khăn. Tỷ lệ khen thưởng đối với tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở, người lao động trực tiếp bình quân hằng năm đạt trên 70%.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới. Mặt trận Tổ quốc các cấp thường xuyên nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, đoàn kết tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân xây dựng tổ chức vững mạnh; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, động viên các tầng lớp nhân dân đoàn kết, đồng thuận, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết tôn giáo. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong thực hiện dân chủ, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, nhất là Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được nâng lên, ngày càng đi vào thực chất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Lạng Sơn ban hành Quyết định số 319-QĐ/TU, Quyết định số 320-QĐ/TU, cụ thể hóa các quyết định của Bộ Chính trị về tổ chức giám sát và phản biện xã hội; tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động triển khai hướng dẫn nhân dân thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội; thực hiện có trọng tâm, trọng điểm,

từng bước sát với yêu cầu phát triển của xã hội và mở rộng dân chủ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phản biện, tham gia góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, dự án luật và các quy hoạch, đề án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; tổ chức các cuộc giám sát, kiến nghị xử lý các vụ việc sai phạm, góp phần hạn chế tiêu cực ở cơ sở, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức hoạt động kết nghĩa bản - bản, xã - trấn tại các địa bàn giáp biên giữa Việt Nam và Trung Quốc; thường xuyên quan tâm đến công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài về xây dựng quê hương, góp phần mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại nhân dân.

Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động và đạt hiệu quả thiết thực hơn, đóng góp tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành.

Trong những năm 2015 - 2020, Liên đoàn Lao động tỉnh Lạng Sơn không ngừng đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Đến năm 2018, công nhân, viên chức, người lao động, chủ yếu là khối hành chính sự nghiệp nhà nước chiếm trên 80% tổng số công nhân, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tổ chức công đoàn là 47.460 người. Cơ cấu lao động trong các thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Người lao động làm việc ở khu vực hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm, ở khu vực kinh tế ngoài nhà nước có xu

hướng tăng, do số lượng doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước ngày càng tăng.

Các cấp công đoàn đã tích cực phối hợp với cơ quan chuyên môn, người sử dụng lao động triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo nội dung Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ *Về hoạt động dân chủ trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập*; Nghị định số 60/2013/NĐ-CP, ngày 19/6/2013 của Chính phủ *Quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 của Bộ luật lao động về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc*. Các cấp công đoàn luôn đổi mới phương thức và nội dung hoạt động, việc chăm lo bảo vệ người lao động luôn được quan tâm. Công tác phát triển đoàn viên và thành lập công đoàn cơ sở doanh nghiệp và khu vực ngoài nhà nước được các cấp công đoàn chỉ đạo quyết liệt. Kết quả, năm 2018, có 1.505/1.505 (đạt 100%) cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; 85/105 doanh nghiệp tổ chức hội nghị người lao động, đạt 81%, tăng 7,25% so với năm 2017.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đã tích cực tham gia hưởng ứng Chương trình thanh niên khởi nghiệp quốc gia giai đoạn 2016 - 2021; tư vấn, hỗ trợ thanh niên khởi sự doanh nghiệp và lập nghiệp nhằm đẩy mạnh công tác khởi sự doanh nghiệp hỗ trợ đoàn viên thanh niên trong lập thân lập nghiệp, xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình thanh niên khởi nghiệp tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2017 - 2021.

Năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo tổ chức Chương

trình giao lưu “Khăn hồng hữu nghị” thiếu nhi biên giới Lạng Sơn, Việt Nam và thiếu nhi Quảng Tây, Trung Quốc lần thứ III; chương trình đã tổ chức thành công đảm bảo an ninh, an toàn và công tác đối ngoại đúng quy định.

Thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 13/4/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 61-KH/TU *Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới*. Phối hợp với các cấp, các ngành triển khai xây dựng nông thôn mới gắn với cuộc vận động xây dựng “gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an toàn” được đông đảo cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia. Tích cực tham gia hưởng ứng các chiến dịch truyền thông về phòng chống mua bán người tại huyện Lộc Bình và Chi Lăng với trên 2.300 lượt người tham gia; tổ chức hoạt động đối thoại chính sách, pháp luật về Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật hôn nhân và gia đình, Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật phòng, chống mua bán người, Luật cư trú, di cư lao động an toàn cho hàng trăm hội viên.

Hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số nâng cao trình độ mọi mặt, xóa đói giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Thông qua đó, các cấp Hội Phụ nữ tích cực triển khai thực hiện các chính sách dân tộc. Phối hợp tổ chức dạy nghề, tập huấn kiến thức về nông, lâm nghiệp, hỗ trợ giống, vật tư nông nghiệp, vốn vay lãi suất thấp để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước xóa đói, giảm nghèo. Vận động phụ nữ dân tộc thiểu số tích cực học tập, tham gia chương trình xóa mù chữ, thực hiện tốt các quy định về độ tuổi kết hôn, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao

nhận thức về pháp luật và trình độ mọi mặt cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn.

Thực hiện Kế hoạch số 497-KHPPH/LHPN-BTLBP, ngày 08/02/2018 giữa Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Kế hoạch phối hợp số 140-KH/LHPN-BCHBĐBP, ngày 03/5/2018 giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh về triển khai *Chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương” giai đoạn 2018 - 2020*, Hội Phụ nữ đã phối hợp với các đồn biên phòng tổ chức tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các văn bản pháp lý về biên giới quốc gia; kiến thức liên quan đến phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật hôn nhân gia đình; phòng, chống các hành vi sai phạm về pháo, công cụ hỗ trợ, vũ khí vật liệu nổ; công tác xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng giới; xây dựng nông thôn mới... Hội đã tổ chức được 13.548 cuộc tuyên truyền với trên 677.400 lượt hội viên phụ nữ và người dân ở khu vực biên giới tham gia; vận động 946 hộ gia đình phụ nữ ký kết, nhận tham gia quản lý, bảo vệ 228,624km đường biên giới và 469 mốc quốc giới.

Ngay sau lễ phát động Chương trình “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”, giai đoạn 2018 - 2020, tại huyện Đình Lập, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lạng Sơn đã phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tiếp nhận các chương trình hoạt động hỗ trợ của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và các doanh nghiệp, tổ chức cá

nhân trong và ngoài tỉnh hỗ trợ 20 xã, 1 thị trấn biên giới với kinh phí trên 6 tỷ đồng.

Hoạt động của các cấp Hội Nông dân ngày càng đi vào chiều sâu, tiếp tục đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Với tỷ lệ hơn 80% dân số toàn tỉnh sống ở nông thôn và làm nông nghiệp cho thấy nông dân vẫn là lực lượng lao động xã hội đông đảo. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, đào tạo nghề gắn với tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân, trợ giúp khó khăn và khắc phục hậu quả thiên tai. Cán bộ, hội viên nông dân đã phát huy tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, vượt khó vươn lên, chủ động học tập và ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, giảm nghèo bền vững, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Đồng thời, hội viên, nông dân đã tích cực đóng góp lao động, tiền vốn, đất đai để xây dựng nông thôn mới, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các hộ nông dân về các chính sách hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Các cấp Hội tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động nhằm thu hút đông đảo nông dân vào tổ chức Hội và nâng cao chất lượng hội viên. Các cấp Hội đã kết nạp được 2.331 hội viên mới, đạt 116,55% kế hoạch. Đến năm 2019, toàn tỉnh có tổng số 110.672 hội viên, đạt tỷ lệ 88,82% so với số hộ nông nghiệp.

Hội Cựu chiến binh các cấp làm tốt công tác vận động hội viên cựu chiến binh gìn giữ, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, gương mẫu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hăng hái thi đua phát triển kinh tế, tham gia tích cực vào công tác xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở cơ sở và giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

Các tổ chức Hội và hội viên thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, thường xuyên phối hợp với các ngành, đoàn thể nắm tình hình địa bàn và tích cực tham gia hòa giải có hiệu quả 477 vụ mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; vận động cựu chiến binh và nhân dân thực hiện kế hoạch của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống các hành vi sai phạm về pháo; 100% gia đình cán bộ, hội viên ký cam kết thực hiện, không có cán bộ, hội viên vi phạm.

Phối hợp với các cấp ủy, chính quyền tổ chức thăm hỏi, tặng quà các thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công, gia đình chính sách, cựu chiến binh nghèo với hàng nghìn suất quà. Riêng năm 2019, các cấp Hội đã tặng trên 2.000 suất quà trị giá từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/suất; phối hợp với Đoàn Thanh niên tuyên truyền, tổ chức Chương trình “Xuân biên cương” tại huyện Tràng Định.

Các cấp Hội động viên cựu chiến binh đẩy mạnh sản xuất; giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, ổn định cuộc sống; tích cực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững gắn với việc bảo vệ môi trường. Bằng việc giúp ngày công, vật liệu và nguồn kinh phí, phát động hội viên ủng hộ Quỹ “Nghĩa tình



đồng đội” trong 2 năm 2018 - 2019, Hội huy động được 321 triệu đồng, hỗ trợ xóa 36 nhà dột nát cho hội viên. Triển khai rộng khắp mô hình “Dân vận khéo” trong các cấp hội; động viên cựu chiến binh tích cực tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## VI- ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LẦN THỨ XVII, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và hướng dẫn của các ban Đảng Trung ương, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội tại 746 tổ chức cơ sở đảng<sup>1</sup>. Đại hội đảng bộ các cấp được tổ chức với tinh thần đổi mới, dân chủ, trí tuệ, đoàn kết, đúng nguyên tắc Điều lệ Đảng, các hướng dẫn, quy định của cấp trên.

Sau quá trình chuẩn bị tích cực, khẩn trương, nghiêm túc, được sự đồng ý của Bộ Chính trị, từ ngày 25 đến ngày 27/9/2020, tại thành phố Lạng Sơn, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn long trọng tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVII. Đại hội được tiến hành theo phương châm: “*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển*”; với chủ đề: *Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*;

---

1. Số liệu tổ chức cơ sở đảng theo Báo cáo số 573-BC/TU, ngày 17/4/2020 của Tỉnh ủy Lạng Sơn về “Kết quả thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”.

*phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; đổi mới, sáng tạo, huy động và khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng, lợi thế; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới; xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh, bền vững”<sup>1</sup>.*

Tham dự Đại hội có 350 đại biểu, thay mặt cho gần 65.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội.

Sau khi đánh giá kết quả và hạn chế trong công tác lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI, Đại hội thông qua mục tiêu tổng quát đến năm 2025: “Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; đổi mới, sáng tạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, du lịch, dịch vụ, hạ tầng khu, cụm công nghiệp và tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị; đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh và bền vững”<sup>2</sup>.

---

1. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*, tháng 11/2020, tr.15-16 (tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Lạng Sơn).

2. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII*, tháng 11/2020, *Tlđđ*, tr.62-63.

Đại hội xác định một số chỉ tiêu cơ bản đến năm 2025: tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân đạt 7 - 7,5%; GRDP bình quân đầu người đạt 76 - 78 triệu đồng, tương đương 2.900 - 3.000 USD; lượng khách du lịch đến Lạng Sơn đạt 4 - 4,4 triệu lượt người; số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 115 xã; số trường học đạt chuẩn quốc gia là 300 trường; trồng rừng mới hàng năm đạt 9.000ha; bình quân mỗi năm kết nạp 2.000 đảng viên mới; 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên...

Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm:

*Một là*, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; phát huy tốt vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực điều hành, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc.

*Hai là*, khai thác và sử dụng hiệu quả các lợi thế, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh: tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, thương mại, dịch vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế du lịch, đưa du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; phát triển nông nghiệp

hiện đại gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, nông thôn và công nghệ thông tin. Tạo điều kiện thuận lợi thu hút doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh liên kết vùng để khai thác có hiệu quả thế mạnh về vị trí địa lý của tỉnh.

*Ba là*, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và hợp tác xã. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Có cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

*Bốn là*, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Lạng Sơn phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, có khát vọng vươn lên. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi thúc đẩy giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là các khu vực nông thôn, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

*Năm là*, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác; chủ động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Để hoàn thành các nhiệm vụ trên, Đại hội xác định một số giải pháp chủ yếu trong nhiệm kỳ 2020 - 2025:

*Thứ nhất*, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ. Đổi mới nội dung, phương pháp để nâng cao chất

lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tăng cường công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng. Thực hiện tốt công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị; tăng cường quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy đảng.

*Thứ hai*, xây dựng chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện. Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công tác tham gia xây dựng pháp luật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; thực hiện tốt chức năng giám sát và quyết định những vấn đề lớn của địa phương. Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

*Thứ ba*, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc.

*Thứ tư*, tập trung huy động, khai thác hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh phát triển kinh tế của khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nông, lâm nghiệp; đổi mới sáng tạo

và khởi nghiệp, tạo động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch, xác định đây là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tập trung thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; huy động nguồn lực bằng nhiều hình thức để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp. Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, công nghiệp xanh, an toàn và hiện đại. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp phát triển. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý điều hành thu, chi ngân sách.

*Thứ năm*, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ; thực hiện giảm nghèo hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Quan tâm thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo. Ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ sáu*, tăng cường quốc phòng, an ninh, tư pháp, mở rộng đối ngoại; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Quan triệt và thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nhất là các nghị quyết, chỉ thị về quốc phòng, an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Chăm lo xây dựng lực lượng công an chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, làm nòng cốt; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự; xây dựng, củng cố thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân. Chú trọng công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong nội địa và trên tuyến biên giới. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo đúng quy định của pháp luật; không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 53 ủy viên<sup>1</sup>; bầu 18 đại biểu chính

---

1. Quyết định số 2382-QĐNS/TW, ngày 12/10/2020 của Bộ Chính trị chuẩn y Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025 (tài liệu lưu tại kho lưu trữ Tỉnh ủy Lạng Sơn).

thức và 2 đại biểu dự khuyết thay mặt Đảng bộ tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVII bầu Ban Thường vụ, bầu Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí: Lâm Thị Phương Thanh, Hoàng Văn Nghiệm, Hồ Tiến Thiệu, Nguyễn Quốc Khánh, Đoàn Thị Loan, Phùng Quang Hội, Giáp Thị Bắc, Đoàn Thanh Sơn, Nông Lương Chấn, Đoàn Thị Hậu, Nguyễn Long Hải, Dương Xuân Huyền, Lê Xuân Thuần, Thái Hồng Công, Nguyễn Công Trường. Đồng chí Lâm Thị Phương Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy khóa XVI tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Các đồng chí Hoàng Văn Nghiệm, Hồ Tiến Thiệu tiếp tục được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII khẳng định quyết tâm của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, “Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; đổi mới, sáng tạo, huy động và khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, tiềm năng, lợi thế; bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới; xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh và bền vững”, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

\*

\* \*



Sau 5 năm 2015 - 2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, với sự đoàn kết thống nhất, quyết tâm của tập thể lãnh đạo, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận và tham gia tích cực của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Lạng Sơn đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong tổng số 20 chỉ tiêu chủ yếu, đã thực hiện đạt và vượt 18 chỉ tiêu so với mức đề ra.

Kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, năng lực sản xuất, kinh doanh được nâng lên; nông, lâm nghiệp có nhiều mô hình sản xuất mới hiệu quả; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới; thương mại, dịch vụ tiếp tục phát huy vai trò kinh tế mũi nhọn, tạo động lực tăng trưởng và đổi mới cơ cấu kinh tế của tỉnh; môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thông thương.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Công tác cải cách tư pháp triển khai thực hiện tích cực. Hoạt động đối ngoại ngày càng hiệu quả; năng lực hội nhập quốc tế được nâng lên.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hoạt động của chính quyền các cấp, của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đổi mới, nâng cao hiệu

lực, hiệu quả; công tác cải cách hành chính, thực hiện kỷ luật, kỷ cương có những chuyển biến rõ nét. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố vững chắc, phát huy hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm:

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn có mặt hạn chế. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có lúc, có nơi chưa được coi trọng đúng mức. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn thấp. Nội dung, chất lượng sinh hoạt chi bộ, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng chưa cao. Năng lực, trình độ, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, cá biệt, còn có cán bộ, công chức quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiều người dân và doanh nghiệp, vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, hình sự. Một số cấp ủy chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát. Việc thực hiện kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm của ủy ban kiểm tra các cấp còn hạn chế. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là ở cơ sở còn bất cập, công tác vận động, tập hợp quần chúng, công tác giám sát và phản biện xã hội hiệu quả chưa cao.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân còn thấp so với cả nước. Hoạt động xuất, nhập khẩu thiếu ổn định. Cơ sở sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Huy động các nguồn vốn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp chưa đạt hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đất đai, tài nguyên và môi trường có mặt còn hạn chế.

Chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các vùng, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học ở một số nơi còn thiếu; xã hội hóa trong giáo dục còn chậm. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ở tuyến cơ sở còn hạn chế. Công tác quản lý, bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo, khai thác, phát huy hiệu quả các di tích lịch sử, danh thắng chưa tốt. Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững.

Công tác cải cách hành chính trong một số lĩnh vực vẫn chưa thực chất, thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, đơn, thư khiếu nại, tố cáo tập trung đông người... vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

Mặc dù vẫn còn một số hạn chế song những thành tựu đạt được trong những năm 2015 - 2020 đã tạo nền tảng và tiền đề để xây dựng và phát triển tỉnh Lạng Sơn nhanh, bền vững trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

1. Sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo (1986 - 2020), Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, khơi dậy mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, xây dựng Lạng Sơn trở thành tỉnh ngày càng phát triển ở miền biên cương của Tổ quốc.

Trong 10 năm đầu (1986 - 1996) tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện, vượt lên những thách thức sau sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, Liên Xô và tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường cùng những khó khăn vốn có của một tỉnh miền núi, biên giới phía Bắc của Tổ quốc, Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của tỉnh, kịp thời hoạch định những chủ trương đúng đắn và năng động, sáng tạo trong chỉ đạo thực tiễn; đồng thời, nhận được sự đồng tình, ủng hộ và tích cực tham gia của các cấp,

các ngành, các địa phương và cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế cũng như các tầng lớp nhân dân nên đã giành được những thành tựu bước đầu rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực.

Kinh tế liên tục phát triển, nhịp độ tăng trưởng đạt khá cao; GDP bình quân hằng năm đạt trên 7,5%. Đến năm 1996, nền kinh tế của tỉnh có bước phát triển khá rõ rệt. Tốc độ tăng GDP đạt 11,86%. Trong đó, ngành nông, lâm nghiệp tăng 7,5%, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 20,30%, ngành thương mại - dịch vụ tăng 17,2%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Thu nhập bình quân người trên một năm đạt 185,3 USD. Tổng thu ngân sách năm 1996 đạt 138.559 triệu đồng, tăng 5,7% so với chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 124.724 tấn năm 1985 lên 188.110 tấn năm 1996; bình quân lương thực đầu người tăng từ 235kg năm 1985 lên trên 250kg năm 1996. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí cũ) giảm từ trên 40% năm 1985 xuống còn khoảng 15% năm 1996. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được củng cố, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia. Hệ thống chính trị từng bước được tăng cường: số lượng, chất lượng đảng viên, tổ chức đảng và số đảng bộ, chi bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tăng qua từng năm. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp không ngừng được nâng cao; niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với công cuộc đổi mới được củng cố vững chắc.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1996 đến năm 2020), Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng vào tình hình thực tế của tỉnh trên cơ sở quán triệt quan điểm: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, cùng với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội và quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh luôn nắm vững và giải quyết đúng đắn, hài hòa các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ...; đồng thời, căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ của tỉnh, Đảng bộ lựa chọn những nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm để tập trung lãnh đạo, tạo tiền đề để thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong từng nhiệm kỳ.

Là tỉnh miền núi, có đông đồng bào các dân tộc sinh sống, trình độ dân trí không đồng đều; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn khó khăn, trong chỉ đạo phát triển kinh tế, đi đôi với tập trung phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, Đảng bộ tỉnh coi trọng phát huy vai trò của các thành phần kinh tế nhằm khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Bên cạnh đó, Đảng bộ, chính quyền tỉnh xác định, trong quá trình tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước tiên phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông

nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Nhờ vậy, đến năm 2020, toàn tỉnh có 74/207 xã đạt chuẩn nông thôn mới (65/181 xã sau sáp nhập), trong đó có 7 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thành phố Lạng Sơn được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng bộ tỉnh và sự vào cuộc của các cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là sự chung tay, góp sức của đồng bào các dân tộc trong tỉnh trong phát triển kinh tế nên sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế của tỉnh đạt được những kết quả quan trọng: Tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm đều tăng<sup>1</sup>. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo chiều hướng tích cực: giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Đến năm 2020, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đạt 23,55%, tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ tăng lên 50,87% và tỷ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp là 20,83%. Bình quân thu nhập đầu người tăng từ 185,3 USD năm 1996 lên 1.937 USD năm 2020, gấp hơn 10 lần sau gần 25 năm.

Cùng với việc tập trung xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh đã quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xác định xây dựng văn hóa và con người vừa là mục

---

1. Từ trên 5% giai đoạn 1986 - 1990 tăng lên 9,25% giai đoạn 1996 - 2000; giai đoạn 2001 - 2010 đạt 10,04%; giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8,65%; giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,45%.

tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số và các giá trị di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh. Tăng cường xây dựng môi trường văn hóa và các thiết chế văn hóa. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa”.

Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách xã hội vì con người, lấy con người là trung tâm. Kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách và mỗi giai đoạn phát triển; thực hiện chính sách phát triển bao trùm để mọi người dân đều được hưởng trực tiếp và công bằng các thành tựu của phát triển để không ai bị bỏ lại phía sau. Sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã tạo ra sự chuyển biến về văn hóa - xã hội. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) trên địa bàn tỉnh giảm nhanh, từ trên 40% những năm 2000 xuống còn 7,89% năm 2020.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ tỉnh xác định là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn; công tác phát triển tổ chức cơ sở đảng, đảng viên luôn được Đảng bộ quan tâm phát triển cả về số lượng, chất lượng. Đến năm 2020, toàn Đảng bộ có 745 tổ chức cơ sở đảng với 64.800 đảng viên, tăng 45 tổ chức cơ sở đảng và 42.128 đảng viên so với năm 1990; thường xuyên tự đổi mới, chỉnh đốn đảng là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng bộ; đồng thời, tăng cường “đấu tranh,



ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”. Đẩy mạnh xây dựng Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, trong đó chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức. Đổi mới công tác cán bộ trên cơ sở lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ. Nhờ vậy, trong nhiều nhiệm kỳ, Đảng bộ tỉnh luôn đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tăng cường cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên được củng cố, phát huy vai trò tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị. Quy chế dân chủ ở cơ sở được nhân dân đồng tình đón nhận, triển khai với nhiều sáng tạo gắn với các phong trào thi đua yêu nước. Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố, khơi dậy và phát huy các nguồn lực trong nhân dân, tạo động lực để Đảng bộ tỉnh vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng giai đoạn và trong suốt chặng đường 35 năm xây dựng và phát triển.

Xác định quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và đối ngoại là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng tỉnh Lạng Sơn ngày càng phát triển và từng bước hội nhập nên Đảng bộ tỉnh luôn đặt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở vị trí quan trọng trong toàn bộ công tác lãnh đạo; đồng thời, luôn thấm nhuần chủ trương của Đảng

về tiến hành bảo vệ Tổ quốc “từ sớm”, “từ xa”; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình để phát triển; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng “thế trận lòng dân” làm nền tảng vững chắc để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Chủ trương đúng đắn của Đảng bộ tỉnh và sự nỗ lực của lực lượng vũ trang cùng sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân đã góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền biên giới quốc gia. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Do đó, có những thời điểm diễn biến phức tạp ở khu vực biên giới, Đảng bộ tỉnh đã chủ động triển khai các giải pháp sáng tạo để xử lý kịp thời, có hiệu quả. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị luôn ổn định, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia được giữ vững. Quan hệ đối ngoại, nhất là đối với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) được đặc biệt chú trọng và thực hiện đạt kết quả.

**2.** Thực tiễn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã để lại cho Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn những bài học kinh nghiệm quý:

*Thứ nhất, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kịp thời hoạch định những chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.*

Trải qua 35 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng bộ, chính quyền tỉnh luôn đoàn kết, năng động, sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách sát, đúng; từ đó, khai thác các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực của tỉnh, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh các nhiệm kỳ đề ra.

Trong lãnh đạo, xây dựng và phát triển, Đảng bộ tỉnh luôn xác định, trong hoàn cảnh và điều kiện nào cũng phải quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng tổng kết thực tiễn, kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn để đề ra nhiệm vụ chính trị đúng đắn, vừa bảo đảm tính chấp hành, vừa thể hiện sự chủ động trong hoạch định chủ trương phù hợp với thực tiễn. Là tỉnh có đường biên giới và cửa khẩu quan trọng với nước bạn Trung Quốc, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh phải chủ động và sáng tạo trong việc đề xuất với Trung ương những chủ trương, giải pháp, cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là trong phát triển kinh tế cửa khẩu; trong công tác đối ngoại, phải nắm chắc chủ trương và nguyên tắc đối ngoại của Đảng, Nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể, tích cực đề xuất và tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức đối ngoại phù hợp, bảo đảm quan hệ đối ngoại, nhất là đối với Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), góp phần xây dựng

biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đồng thời là cầu nối với các địa phương trong và ngoài nước.

Thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 35 năm qua khẳng định, trên cơ sở nhận thức sâu sắc đặc điểm, tình hình và lợi thế so sánh của tỉnh, Đảng bộ, chính quyền tỉnh đã vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối, chủ trương của Đảng vào tình hình thực tiễn của địa phương. Qua đó, đã tạo nên diện mạo mới cho tỉnh Lạng Sơn, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước.

*Thứ hai, đổi mới vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân; đồng thời, nêu cao tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, phát huy nội lực kết hợp với nguồn ngoại lực để xây dựng tỉnh ngày càng phát triển.*

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, quán triệt tư tưởng “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”<sup>1</sup> và thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, đồng thời, cụ thể hóa bài học kinh nghiệm: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, Đảng bộ tỉnh xác định rõ, phải dựa vào nhân dân để lãnh đạo phong trào cách mạng, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy vai trò, khơi dậy sức sáng tạo và sự ủng hộ to lớn của các tầng lớp nhân dân. Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân; luôn quan tâm, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân là chủ trương đúng đắn, là cơ sở vững chắc để mở

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t. 51, tr. 130.

rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhờ vậy, đã củng cố niềm tin của nhân dân để nhân dân tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, quyết sách của tỉnh để đóng góp nhiều công sức, trí tuệ, nguồn lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong các giai đoạn phát triển của thời kỳ đổi mới.

Cùng với việc coi trọng phát huy vai trò của quần chúng nhân dân nhằm tạo nên sức mạnh to lớn để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ tỉnh chủ trương phát huy tinh thần tự chủ, ý thức tự cường trên cơ sở khơi dậy các tiềm năng, thế mạnh và các nguồn lực về nguồn lực đất đai, con người và sự đồng tâm, hiệp lực của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế; đồng thời, tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh bạn, tạo môi trường thông thoáng, mở rộng hợp tác và thu hút đầu tư, tăng cường nguồn vốn, tiếp thu kinh nghiệm quản lý và tiến bộ khoa học - kỹ thuật để phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh trong giai đoạn cách mạng mới.

*Thứ ba, xây dựng Đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh toàn diện, ngang tầm đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ mới.*

Xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trong các nhiệm kỳ đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã lựa chọn những vấn đề trọng yếu, cấp thiết để xây dựng các chương trình, đề án cụ thể thực hiện nghị quyết các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh. Trong chỉ đạo thực tiễn, Tỉnh ủy xác định, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng có vị trí quan trọng,

phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và luôn gắn với công tác xây dựng Đảng về tổ chức. Các cấp ủy đảng chú trọng đổi mới phương pháp và hình thức học tập nghị quyết nhằm triển khai nhanh chóng và hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Công tác tư tưởng được triển khai thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong từng giai đoạn cụ thể. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo toàn Đảng bộ thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ* gắn với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về *tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.

Nhằm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng bộ tỉnh đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiên định những nguyên tắc xây dựng Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; đẩy mạnh thực hiện xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bộ tỉnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương, đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Trong công

tác cán bộ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện nghiêm túc nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, bổ nhiệm, khen thưởng và kỷ luật cán bộ được thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được tiến hành thường xuyên; chú trọng bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn chỉ đạo điều hành, xử lý các tình huống phát sinh ở cơ sở; quan tâm bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ đương chức và dự nguồn lãnh đạo chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở trên các lĩnh vực theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới, Đảng bộ tỉnh xác định, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ngày càng đóng vai trò quyết định. Trong đó, yêu cầu quan trọng là phải xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có năng lực, trình độ, lấy hiệu quả thực tế làm tiêu chí quan trọng để đánh giá cán bộ; lấy thực tiễn ở cơ sở để rèn luyện và chọn lọc cán bộ.

*Thứ tư, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.*

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân, trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn thường xuyên chăm lo củng cố và xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp chính quyền nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò giám

sát của Hội đồng nhân dân các cấp và hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân; tăng cường vai trò quản lý, điều hành của chính quyền. Từ đó, xây dựng chính quyền Nhà nước ở địa phương thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân; tăng cường sự đoàn kết máu thịt giữa Đảng và nhân dân; không ngừng củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Chú trọng triển khai thực hiện các cuộc vận động lớn trong từng giai đoạn do Đảng và Nhà nước, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động thành các phong trào thi đua yêu nước, nêu cao vai trò chủ trì và phối hợp của mỗi tổ chức thành viên Mặt trận. Thực tiễn thời kỳ đổi mới đã khẳng định, nhờ sự tham gia tích cực, có hiệu quả của hệ cả thống chính trị: chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cũng như sự chung sức, đồng lòng của đồng bào các dân tộc trong tỉnh mà các nhiệm vụ chính trị do Đảng bộ tỉnh đề ra dù khó khăn, phức tạp đến mấy cũng đạt được những thành công.

*Thứ năm, trên cơ sở những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, xác định những nhiệm vụ trọng tâm và những bước đột phá để giành thắng lợi.*

Thực tiễn lãnh đạo xây dựng và phát triển tỉnh Lạng Sơn 35 năm qua khẳng định, trên cơ sở nhiệm vụ chiến lược của đất nước và căn cứ vào tình hình thực tiễn của tỉnh, Đảng bộ tỉnh đã sáng suốt lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm và



những bước đột phá để giành thắng lợi quyết định. Trong thời kỳ đổi mới, phát huy lợi thế so sánh của một tỉnh biên giới - “cầu nối” trên hai tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (tham gia hành lang xuyên Á: Nam Ninh - Xingapo), là cửa ngõ quan trọng nối Trung Quốc và các nước ASEAN; đồng thời, tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo và ưu tiên đầu tư của Trung ương, sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong cả nước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các cấp ủy các cấp đã cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng thành các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng như: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại - du lịch, dịch vụ; củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ biên giới quốc gia. Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được những kết quả quan trọng. Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc được bảo tồn và phát huy; an sinh xã hội được quan tâm, số hộ nghèo giảm nhanh. Quốc phòng, an ninh được củng cố và giữ vững, quan hệ hợp tác, kết nghĩa với các địa phương trong và ngoài nước ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy, niềm tin

của nhân dân với Đảng, chính quyền các cấp được củng cố và tăng cường. Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra đối với tỉnh Lạng Sơn là phải xây dựng tỉnh ngày càng giàu mạnh, phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh khá ở miền núi phía Bắc, là cầu nối quan trọng với Trung Quốc và là điểm nối trong hợp tác du lịch của các tỉnh Đông Bắc.

*Thứ sáu, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia và mở rộng đối ngoại, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.*

Là tỉnh có chung đường biên giới với Trung Quốc, vấn đề bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia là nhiệm vụ rất nặng nề song cũng hết sức vẻ vang của Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề đó, Đảng bộ tỉnh xác định, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải đặc biệt chú trọng lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh. Chủ trương đó nhận được sự đồng tình, ủng hộ của Đảng bộ, chính quyền, các cấp, các ngành, các địa phương và lực lượng vũ trang cùng toàn thể nhân dân. Nhờ vậy, năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh được nâng cao. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được chú trọng. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các thế lực thù địch, phản động và phân tử xấu; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn; kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Công tác quản lý thị trường, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại đạt nhiều kết quả tích cực.

Công tác đối ngoại được thực hiện chủ động và hiệu quả, triển khai đồng bộ đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Quan hệ hữu nghị, hợp tác với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) tiếp tục đẩy mạnh, ngày càng phát triển, với phương thức phù hợp nhằm phục vụ phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, tạo sự ổn định về chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội để xây dựng môi trường hấp dẫn, thu hút các nguồn lực để phát triển. Xây dựng và củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác ổn định, cùng phát triển lâu dài với nước bạn Trung Quốc, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác cùng phát triển với các nước trong khu vực.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn đã đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, đạt được những kết quả khá toàn diện. Tình hình trên thế giới và trong nước đang thay đổi nhanh chóng, tạo ra cho tỉnh nhiều cơ hội thuận lợi, đồng thời cũng có nhiều khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lạng Sơn tiếp tục tận dụng thời cơ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, khai thác tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực của tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng Lạng Sơn phát triển toàn diện, bền vững, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

## PHỤ LỤC





*Phụ lục 1*

**DANH SÁCH  
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN  
QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ  
TỈNH LẠNG SƠN KHÓA X, NHIỆM KỲ 1986 - 1990**

*(Quyết định số 1347-QĐNS/TW, ngày 05/12/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
<b>I</b>	<b>ỦY VIÊN CHÍNH THỨC</b>	
1	La Thăng <sup>1</sup>	Bí thư Tỉnh ủy <sup>2</sup>
2	Vũ Ngọc Chương <sup>3</sup>	Phó Bí thư Tỉnh ủy

1. Đồng chí La Thăng nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 4/1992 theo Quyết định số 211-QĐNS/TW, ngày 07/3/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Theo Thông báo số 1346-NQNS/TW, ngày 05/12/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thông báo quyết định của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đồng chí Vũ Ngọc Chương nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 4/1992 theo Quyết định số 203-QĐNS/TW, ngày 07/3/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

TT	Họ và tên	Chức vụ
3	Nguyễn Minh Quát	Phó Bí thư Tỉnh ủy <sup>1</sup> , Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh <sup>2</sup> .
4	Vy Xuân Thanh <sup>3</sup>	Phó Bí thư Tỉnh ủy
5	Trần Rỹ <sup>4</sup>	Phó Bí thư Tỉnh ủy
6	Dương Công Đá	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Hà Hạp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Trần Xuân Minh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Hoàng Áp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Lê Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Chu Hạp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Hoàng Tanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Nguyễn Xung Kỳ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
14	Vương Ký Lùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo sách *Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ đại hội đến đại hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 87.

2. Theo Thông báo số 1346-NQNS/TW, ngày 05/12/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thông báo quyết định của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Theo hồ sơ Đảng.

4. Theo Quyết định số 222-QĐNS/TW, ngày 07/3/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Trần Rỹ nghỉ hưu theo chế độ từ tháng 4/1992.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
15	Bế Mẫn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
16	Hà Nhuận	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Nông Tiến Phong	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Triệu Tử	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Đình Ích Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Hoàng Thị Diệu Tuyết <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Lương Thế Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Hứa Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
23	Trịnh Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Lương Nuôi	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
25	Hoàng Sự	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Đặng Quý Thiệp	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo sách *Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ đại hội đến đại hội*, Sdd, tr 85.



<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
27	Nguyễn Thị Yên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Hoàng Quang Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Hoàng Kham	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Trịnh Mạc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Chu Viết Nhâm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Đặng Tăng Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Hoàng San	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Hoàng Tự	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
35	Triệu Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Hoàng Kim Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Hoàng Đức Vệ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Trần Bường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Hoàng Giai	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
40	Đoàn Bá Nhiên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	La Rinh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
42	Hà Tám	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Nguyễn Thị Phương Thi <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Vi Văn Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Hoàng Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
II	<b>ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT</b>	
1	Hoàng Mạnh Bảo	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Nguyễn Phú Cường	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Nông Thị Mông	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
4	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
5	Nguyễn Phong	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo sách *Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ đại hội đến đại hội*, Sdd, tr 86.

TT	Họ và tên	Chức vụ
6	Ngô Xuân Từ <sup>1</sup>	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
7	Nguyễn Thị Thủy	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
8	Chu Xuân Điềm	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
9	Phùng Văn Mục	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
10	Lý Viết Minh	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
11	Hoàng Phương	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
12	Hoàng Tiến	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
13	Linh Văn Tít	Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

---

1. Theo sách *Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ đại hội đến đại hội*, Sdd, tr 86.

**DANH SÁCH**  
**BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN KHÓA X,**  
**NHIỆM KỲ 1986 - 1990**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
I	<b>ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH<sup>1</sup></b>	
1	Chu Xuân Điềm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Phùng Văn Mục	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
4	Ngô Xuân Từ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
5	Linh Văn Tít	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
6	Lý Viết Minh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Các đồng chí Chu Xuân Điềm, Ngô Xuân Từ, Phùng Văn Mục, Linh Văn Tít, Nguyễn Văn Phúc, Lý Viết Minh được chuẩn y ủy viên dự khuyết lên Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Quyết định số 925-QNNS/TW, ngày 18/5/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhân sự Tỉnh ủy Lạng Sơn.

TT	Họ và tên	Chức vụ
II	ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ	
1	Vy Xuân Thanh	- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương <sup>1</sup> - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Chu Viết Nhâm <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí Vy Xuân Thanh được điều động về công tác tại Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng theo Quyết định số 84-NQNS/TW, ngày 26/02/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Ngày 12/4/1990, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 897-QĐNS/TW điều động đồng chí Vy Xuân Thanh, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn và tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy (tài liệu lưu tại kho lưu trữ, Tỉnh ủy Lạng Sơn).

2. Theo Quyết định số 925-NQNS/TW, ngày 18/5/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhân sự Tỉnh ủy Lạng Sơn (tài liệu lưu tại kho lưu trữ, Tỉnh ủy Lạng Sơn).

**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XI,**  
**NHIỆM KỲ 1991 - 1995**

*(Quyết định số 134-NS/TW, ngày 02/12/1991 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Hoàng Thanh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Vy Xuân Thanh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Dương Công Đá	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Chu Hạp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Hà Hạp	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Chu Viết Nhâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Hứa Hạnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Linh Văn Tít	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Trần Ngát	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Dương Công Sửu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
11	Nguyễn Phong	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Trần Bường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
13	Hoàng Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
14	Hoàng Quang Hiếu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
15	Lâm Thanh Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
16	Nguyễn Xưng Kỳ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Hoàng Kham	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Phạm Xuân Lan	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Bế Xuân Lập	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Vương Ký Lùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Nguyễn Như Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Hoàng Thị Bích Ly	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
23	Bế Mẫn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Vi Hải Mão	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
25	Lý Văn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Phùng Văn Mục	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
27	Đoàn Bá Nhiên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Lý Viết Minh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Hà Nhuận	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Hà Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Trịnh Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Hà Nghiên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Đặng Tăng Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh



<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
35	La Rinh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Hoàng Sự	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Đàm Quang Tả	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Nguyễn Thị Phương Thi	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Đặng Quý Thiệp	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Nguyễn Đình Thư	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	Vi Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
42	Triệu Tử	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Hoàng Thị Diệu Tuyết	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Triệu Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Ngô Xuân Từ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Chu Hồng Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Nguyễn Thị Yên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

**DANH SÁCH**  
**BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN KHÓA XI,**  
**NHIỆM KỲ 1991 - 1995**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
I	<b>ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH<sup>1</sup></b>	
1	Nguyễn Khắc Du	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Vi Đức Được	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Chu Nẹ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
4	Lường Đăng Ninh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
5	Hoàng Văn Thành	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
6	Vi Trọng Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
7	Lý Kiều Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 690-NS/TW, ngày 11/6/1994 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn.

TT	Họ và tên	Chức vụ
II	ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY <sup>1</sup>	
1	Đoàn Bá Nhiên	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Hoàng Thị Diệu Tuyết	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

---

1. Theo Quyết định số 711-QĐNS/TW, ngày 11/6/1994 của Ban Bí thư về việc chuẩn y Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn.

**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XII,**  
**NHIỆM KỲ 1996 - 2000**

*(Quyết định số 1061-QĐNS/TW, ngày 24/5/1996 của Bộ Chính trị  
về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Hoàng Thanh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Vy Xuân Thanh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Dương Công Đá	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Trần Ngát	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
5	Chu Việt Nhâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Linh Văn Tít	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Hứa Hạnh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Hoàng Thị Diệu Tuyết	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Đoàn Bá Nhiên	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
10	Phùng Văn Mục	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Dương Công Sửu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Nguyễn Phong	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	La Rinh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Trần Bường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
15	Hứa Văn Báu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
16	Nguyễn Khắc Du	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Lương Minh Định	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Vi Đức Được	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Dương Thời Giang	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Lâm Thanh Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Hoàng Công Hoàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Nguyễn Xung Kỳ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
23	Hoàng Thị Bích Ly	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Nguyễn Như Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
25	Bế Xuân Lập	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Chu Nẹ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
27	Vi Hải Mão	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Bế Mẫn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Lý Viết Mai	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Lường Đăng Ninh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Bế Viết Nghệ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Hà Nghiê	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Đặng Tăng Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
35	Hoàng Phụng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
36	Nguyễn Đức Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Hoàng Sự	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Hà Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Nguyễn Thị Phương Thi	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Ngô Xuân Từ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	Vi Trọng Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
42	Nguyễn Đình Thư	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Dương Công Tuất	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Mông Xuân Vành	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Lý Kiều Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Chu Hồng Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Nguyễn Thị Yên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ**  
**TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XIII, NHIỆM KỲ 2001 - 2005**  
*(Quyết định số 1023-QĐNS/TW, ngày 10/01/2001*  
*của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ*  
*tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2001 - 2005)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Dương Công Đá	Bí thư Tỉnh ủy
2	Hoàng Công Hoàn <sup>1</sup>	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Đoàn Bá Nhiên <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 828-QĐNS/TW, ngày 05/11/2003 của Bộ Chính trị quyết định về việc phân công Ủy viên Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lạng Sơn giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn.

Đến ngày 20/3/2006, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 1722-QĐNS/TW quyết định phân công Ủy viên Trung ương Đảng: đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn về nhận công tác tại Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và giữ chức vụ Phó trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

2. Theo Quyết định số 22-QĐNS/TW, ngày 16/5/2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, đồng chí Đoàn Bá Nhiên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn.



TT	Họ và tên	Chức vụ
4	Trần Ngát <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Dương Thời Giang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Hứa Hạnh <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Dương Hiền	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Phùng Thanh Kiểm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Hoàng Thị Bích Ly	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Phùng Văn Mục	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Chu Viết Nhầm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Vy Văn Thành	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Linh Văn Tít	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Hồ Mạnh Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 898-QĐNS/TW, ngày 05/4/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, đồng chí Trần Ngát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn.

2. Tháng 8/2002, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII bầu đồng chí Hứa Hạnh giữ chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 1999 - 2004.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
15	Vi Đức Được	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
16	Hà Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Hoàng Quang Khôn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Nguyễn Thế Tuy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Lâm Thanh Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Triệu Đình Khánh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Lường Đăng Ninh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Bế Viết Nghệ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
23	Nông Văn Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Dương Công Tuất	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
25	Hà Nhung	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Ngô Xuân Từ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
27	Lý Kiều Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
28	Hứa Văn Báu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Hoàng Sự	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Bế Xuân Lập	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Vũ Đình Truy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Tô Hùng Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Nguyễn Như Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Vũ Văn An	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
35	Nguyễn Duy Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Nguyễn Đức Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Lộc Thúy Ngay	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Đặng Ngọc Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Lương Viết Kiểm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Mông Xuân Vành	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
41	Nông Văn Thới	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
42	Hoàng Đức Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Bế Ngọc Trinh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Vi Văn Phương	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Hoàng Xuân Túc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Hoàng Trung Tuyển	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Nông Văn Tăng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

**DANH SÁCH**  
**BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN KHÓA XIII,**  
**NHIỆM KỲ 2001 - 2005**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
I	<b>ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH</b>	
1	Trần Ngọc Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Trương Thị Hợp	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Đỗ Đình Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
4	Nguyễn Văn Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
II	<b>ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ</b>	
1	Lâm Thanh Hiền	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Nguyễn Toàn Thắng <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Vũ Huy Hoàng <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 833-QĐNS/TW, ngày 07/11/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định tham gia Tỉnh ủy Lạng Sơn.

2. Theo Quyết định số 1723-QĐNS/TW, ngày 20/3/2006 của Bộ Chính trị về việc chỉ định giao Quyền Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn.

**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN**  
**KHÓA XIV, NHIỆM KỲ 2006 - 2010**  
*(Quyết định số 1737-QĐNS/TW, ngày 06/4/2006*  
*của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ*  
*tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2006 - 2010)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Vũ Huy Hoàng <sup>1</sup>	Bí thư Tỉnh ủy
2	Phùng Thanh Kiểm <sup>2</sup>	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Trần Ngát <sup>3</sup>	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Lâm Thanh Hiền	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Linh Văn Tít	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Dương Công Tùy	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 500-QĐ/TW, ngày 08/8/2007 của Bộ Chính trị về việc phân công Ủy viên Trung ương Đảng, đồng chí Vũ Huy Hoàng thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2006 - 2010 để giữ chức Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Năm 2006, đồng chí Phùng Thanh Kiểm được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn bầu cử bổ sung thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2004 - 2009 tại Quyết định số 1099/QĐ-TTg, ngày 18/8/2006. Ngày 31/8/2007, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 577-QĐNS/TW về chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2006 - 2010 đối với đồng chí Phùng Thanh Kiểm.

3. Theo Quyết định số 1612-QĐNS/TW, ngày 05/4/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc nghỉ hưu của cán bộ, đồng chí Trần Ngát nghỉ hưu từ ngày 01/8/2010.

TT	Họ và tên	Chức vụ
7	Hoàng Thị Bích Ly <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Vy Văn Thành <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Dương Thời Giang <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Dương Hiền <sup>4</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Vi Đức Được	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Hứa Hạnh <sup>5</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 112-QĐNS/TW, ngày 01/6/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc nghỉ hưu của cán bộ, đồng chí Hoàng Thị Bích Ly nghỉ hưu từ ngày 01/11/2011.

2. Theo Quyết định số 649-QĐNS/TW, ngày 19/12/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010; Quyết định số 1686/QĐ-TTg, ngày 17/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2004 - 2009, đồng chí Vy Văn Thành được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Theo Quyết định số 57/QĐ-TTg, ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2004 - 2011, đồng chí Dương Thời Giang thôi không tham gia thành viên ủy ban nhân dân tỉnh vì lý do sức khỏe.

4. Theo Quyết định số 57/QĐ-TTg, ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2004 - 2011, đồng chí Dương Hiền thôi không tham gia thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để nhận nhiệm vụ mới.

5. Theo Quyết định số 57/QĐ-TTg, ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2004 - 2011, đồng chí Hứa Hạnh nghỉ hưu từ ngày 10/01/2011.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
13	Nguyễn Thế Tuy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
14	Tô Hùng Khoa	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
15	Nông Văn Thắm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
16	Trần Ngọc Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Bế Xuân Lập	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Đoàn Thị Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Lường Đăng Ninh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Nguyễn Tiến Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Hứa Văn Báu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Hồ Mạnh Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
23	Nguyễn Đức Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Nông Văn Tăng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh



<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
25	Nguyễn Văn Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Hà Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
27	Lương Viết Kiểm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Lê Công Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Hà Văn Đình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Triệu Sành Lẫy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Triệu Thị Thúy Lan	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Lê Thị Thanh Nhân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Nông Thị May	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Nông Văn Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
35	Nông Thị Lâm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Trần Đăng Yến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
37	Hoàng Trung Tuyển	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Trương Hùng Anh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Đỗ Đình Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Hoàng Quang Khôn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	Vũ Văn An	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
42	Vũ Đình Truy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Lê Minh Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Vũ Hồng Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Hoàng Văn Páo	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Lý Văn Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
48	Hoàng Trúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
49	Hoàng Đình Hoàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

**DANH SÁCH**  
**BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN KHÓA XIV,**  
**NHIỆM KỲ 2006 - 2010**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
I	<b>ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH</b>	
1	Nguyễn Văn Thanh <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Lý Vinh Quang <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Trần Thị Hoa Sinh <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
II	<b>ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ</b>	
1	Nguyễn Thế Tuy <sup>4</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Tô Hùng Khoa <sup>5</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 802-QĐNS/TW, ngày 20/5/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc điều động, luân chuyển cán bộ.

2. Theo Quyết định số 676-QĐNS/TW, ngày 21/12/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010.

3. Theo Quyết định số 1035-QĐNS/TW, ngày 21/11/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010.

4. Quyết định số 1576-QĐNS/TW, ngày 24/02/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2005 - 2010.

5. Theo Quyết định số 343-QĐNS/TW, ngày 15/3/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2006 - 2010.

**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XV,**  
**NHIỆM KỲ 2010 - 2015**

*(Quyết định số 1787-QĐNS/TW, ngày 06/10/2010  
của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ,  
tỉnh Lạng Sơn khóa XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Phùng Thanh Kiểm	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Vy Văn Thành	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Nguyễn Thế Tuy	Phó Bí thư Tỉnh ủy
4	Dương Công Tuyền	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Hà Văn Đình	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Nông Văn Thắm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Nguyễn Đình Thọ	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Nông Thị Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Trương Hùng Anh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Nguyễn Văn Bình <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Tô Hùng Khoa <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 1685/QĐ-TTg, ngày 17/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Nguyễn Văn Bình được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2004 - 2009.

2. Theo Quyết định số 58/QĐ-TTg, ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Tô Hùng Khoa được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2004 - 2011.

TT	Họ và tên	Chức vụ
12	Lê Thị Thanh Nhân	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Lương Viết Kiểm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Hoàng Công Hàm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
15	Trần Đăng YẾN	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
16	Lý Vinh Quang <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Trần Thị Hoa Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Hoàng Văn Nghiệm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Nguyễn Việt Cường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Nông Thị May	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Đoàn Thị Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Hoàng Đình Hôm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
23	Nguyễn Đức Quyên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Đặng Thị Kiều Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
25	Nguyễn Minh Thơ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Lô Tiến Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 58/QĐ-TTg, ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Lý Vinh Quang được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2004 - 2011.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
27	Vũ Trọng Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Đào Đức Hoan	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Vũ Hồng Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Lê Minh Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Triệu Thị Thúy Lan	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Hoàng Văn Páo	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Hoàng Đình Hoàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Vũ Văn An	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
35	Nguyễn La Thông	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Nông Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Hứa Hải Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Hoàng Văn Đoàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Phạm Ngọc Thương	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Nông Lương Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	Ngô Văn Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

TT	Họ và tên	Chức vụ
42	Hoàng Văn Quyến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Hồ Thị Lan Anh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Hà Xuân Quang	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Hoàng Trúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Lý Mạnh Thương	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Đàm Văn Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
48	Lý Văn Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
49	Dương Công Diệu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
50	Chu Mạnh Trình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
51	Nông Long Xuyên	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
52	Nông Thanh Hải,	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
53	Mã Văn Giai	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
54	Nguyễn Văn Chung	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
55	Vũ Văn Quang	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

**DANH SÁCH BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,  
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN KHÓA XV,  
NHIỆM KỲ 2010 - 2015**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
<b>I</b>	<b>ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH</b>	
1	Hồ Tiến Thiệu <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Dương Công Vĩ <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Nguyễn Công Trường <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
<b>II</b>	<b>ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY</b>	
1	Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy <sup>4</sup>

1. Quyết định số 1364-QĐNS/TW, ngày 11/8/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2010 - 2015.

2. Quyết định số 1599-QĐNS/TW, ngày 22/12/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2010 - 2015.

3. Quyết định số 1604-QĐNS/TW, ngày 22/12/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2010 - 2015.

4. Theo Quyết định số 1103-QĐNS/TW, ngày 03/3/2014, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về luân chuyển, điều động đồng chí Nguyễn Văn Thanh, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ thôi tham gia Ban Cán sự Đảng, thôi giữ chức Phó Tổng Thanh tra Chính phủ chuyển công tác về Tỉnh ủy Lạng Sơn, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2010 - 2015.



**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ  
TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XVI,  
NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

*(Quyết định số 2148-QĐNS/TW, ngày 10/11/2015  
của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ,  
Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn và chức danh Phó Bí thư  
Tỉnh ủy Lạng Sơn khóa XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Trần Sỹ Thanh <sup>1</sup>	Bí thư Tỉnh ủy
2	Hoàng Văn Nghiệm	Phó Bí thư Tỉnh ủy
3	Phạm Ngọc Thuởng <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Quyết định số 2073-QĐNS/TW, ngày 23/10/2015 của Bộ Chính trị về việc điều động, phân công đồng chí Trần Sỹ Thanh, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Theo Quyết định số 187-QĐNS/TW, ngày 29/4/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Ngọc Thuởng được chuẩn y giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Theo Quyết định số 718/QĐ-TTg, ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Ngọc Thuởng được phê chuẩn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2016 - 2021 thay đồng chí Vy Văn Thành nghỉ chế độ.

Ngày 13/02/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg điều động, bổ nhiệm đồng chí Phạm Ngọc Thuởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
4	Hồ Tiến Thiệu <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Tô Hùng Khoa	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Nông Văn Thắm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Lý Văn Thăng	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Vũ Văn Quang	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
9	Giáp Thị Bắc	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Nông Thị Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Nguyễn La Thông	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Nguyễn Trung Thực	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg, ngày 21/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Hồ Tiến Thiệu được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Theo Quyết định số 1156/QĐ-TTg, ngày 30/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Hồ Tiến Thiệu được phê chuẩn giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
13	Lương Đình Khải	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Đào Đức Hoan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
15	Lý Vinh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
16	Đoàn Thị Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Đặng Văn Cường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
18	Hoàng Trúc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Nguyễn Đức Quyền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Hoàng Đình Hâm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Lô Tiến Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Vũ Văn An	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
23	Vũ Trọng Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Đặng Thị Kiều Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
25	Nguyễn Công Trường <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Hứa Hải Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
27	Vũ Hồng Thủy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Lê Thị Thanh Nhàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Nông Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
30	Hồ Thị Lan Anh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Ngô Văn Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Nông Lương Chấn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Hà Xuân Quang	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Đàm Văn Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 1155/QĐ-TTg, ngày 30/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Nguyễn Công Trường được phê chuẩn miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 để nhận nhiệm vụ mới.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
35	Dương Công Vĩ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Nguyễn Quốc Khánh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Giáp Thị Bắc	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Dương Xuân Hoà	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Nguyễn Hữu Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Nguyễn Thế Lệ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	Trần Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
42	Nghiêm Văn Hải	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Nguyễn Hoàng Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Đoàn Thu Hà <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg, ngày 25/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Đoàn Thu Hà được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
45	Nguyễn Phúc Hà	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Hoàng Văn Tạo	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Đoàn Thị Loan	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
48	Triệu Văn Lạng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
49	Hương Văn Độ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
50	Trần Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
51	Dương Xuân Huyền <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
52	Lý Đức Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
53	Hoàng Minh Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
54	Vũ Thị Tuyến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
55	Bùi Văn Côi	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 188/QĐ-TTg, ngày 18/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Dương Xuân Huyền được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**DANH SÁCH**  
**BỔ SUNG ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH,**  
**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẠNG SƠN KHÓA XVI,**  
**NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
I	<b>ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH</b>	
1	Lê Xuân Thuận <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
2	Đoàn Thanh Sơn <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
3	Hoàng Văn Ngôn <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
4	Nông Thanh Hải <sup>4</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 1113-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Theo Quyết định số 1133-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

3. Theo Quyết định số 1134-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Theo Quyết định số 1135-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
5	Lương Trọng Quỳnh <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
6	Nguyễn Trọng Nghĩa <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
7	Lương Trương Đạt <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
8	Lê Trí Thức <sup>4</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
9	Nguyễn Đình Đại <sup>5</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 1136-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Theo Quyết định số 1465/QĐ-TTg, ngày 25/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Lương Trọng Quỳnh được phê chuẩn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

2. Theo Quyết định số 1137-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

3. Theo Quyết định số 1138-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Theo Quyết định số 1139-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

5. Theo Quyết định số 1140-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.



TT	Họ và tên	Chức vụ
10	Trịnh Hữu Tăng <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
11	Phùng Quang Hội <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
12	Nguyễn Quang Tuấn <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
13	Nguyễn Tuấn Nam <sup>4</sup>	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
II	ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY	
1	Lâm Thị Phương Thanh <sup>5</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 1141-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Theo Quyết định số 1142-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

3. Theo Quyết định số 1143-QĐNS/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Theo Quyết định số 1877-QĐNS/TW, ngày 04/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

5. Theo Quyết định số 643-QĐNS/TW, ngày 22/12/2017 của Bộ Chính trị phân công đồng chí Lâm Thị Phương Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
2	Nguyễn Long Hải <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
3	Nông Lương Chấn <sup>2</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
4	Đoàn Thị Hậu <sup>3</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Lê Xuân Thuân <sup>4</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Thái Hồng Công <sup>5</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Theo Quyết định số 658-QĐNS/TW, ngày 09/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Theo Quyết định số 1183-QĐNS/TW, ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

3. Theo Quyết định số 1184-QĐNS/TW, ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Theo Quyết định số 1185-QĐNS/TW, ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

5. Theo Quyết định số 2291-QĐNS/TW, ngày 11/8/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chuẩn y Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020.

**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN KHÓA XVII,**  
**NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

*(Quyết định số 2382-QĐNS/TW, ngày 12/10/2020  
của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành,  
Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn  
nhiệm kỳ 2020 - 2025)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Lâm Thị Phương Thanh	Bí thư Tỉnh ủy
2	Hoàng Văn Nghiệm	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
3	Hồ Tiến Thiệu	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nguyễn Quốc Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
5	Đoàn Thị Loan	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
6	Phùng Quang Hội	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
7	Giáp Thị Bắc	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Đoàn Thanh Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
9	Nông Lương Chấn	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
10	Đoàn Thị Hậu	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
11	Nguyễn Long Hải <sup>1</sup>	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
12	Dương Xuân Huyền	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
13	Lê Xuân Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
14	Thái Hồng Công	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
15	Nguyễn Công Trường	Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
16	Trần Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
17	Lương Trọng Quỳnh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Theo Quyết định số 2536-QĐNS/TW, ngày 07/12/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc điều động, luân chuyển cán bộ: đồng chí Nguyễn Long Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động, luân chuyển, chỉ định đồng chí tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Bắc Kạn nhiệm kỳ 2020 - 2025.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
18	Hoàng Đình Hâm	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
19	Lý Đức Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
20	Nông Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
21	Hoàng Văn Ngôn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
22	Nguyễn Tuấn Nam	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
23	Dương Công Vĩ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
24	Nguyễn Hữu Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
25	Đoàn Thu Hà	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
26	Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
27	Hồ Thị Lan Anh	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
28	Nguyễn Thế Lệ	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
29	Trịnh Hữu Tăng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
30	Lê Trí Thức	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
31	Nguyễn Đình Đại	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
32	Lương Trương Đạt	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
33	Hoàng Văn Tạo	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
34	Đặng Thị Kiều Vân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
35	Nguyễn Hoàng Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
36	Trịnh Tiến Duy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
37	Trần Thanh Nhân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
38	Nguyễn Đức Quý	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
39	Đình Hữu Học	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
40	Triệu Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
41	Hoàng Thị Hiền	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
42	Vũ Hoàng Quý	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
43	Lý Việt Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
44	Hoàng Quốc Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
45	Nguyễn Thế Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
46	Đậu Trường An	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
47	Phạm Hùng Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
48	Vi Minh Tú	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
49	Hoàng Xuân Thuận	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
50	Nguyễn Văn Trường	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
51	Phan Hồng Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
52	Nguyễn Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
53	Nguyễn Đặng Ân	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

*Phụ lục 2***BÍ THƯ TỈNH ỦY LẠNG SƠN QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Thời gian giữ chức vụ</b>
1	La Thăng	04/1982 - 11/1991
2	Hoàng Thanh	11/1991 - 12/2000
3	Dương Công Đá	01/2001 - 7/2003
4	Hoàng Công Hoàn	11/2003 - 3/2006
5	Vũ Huy Hoàng	3/2006 - 8/2007
6	Phùng Thanh Kiểm	8/2007 - 10/2015
7	Trần Sỹ Thanh	10/2015 - 12/2017
8	Lâm Thị Phương Thanh	12/2017 - 6/2021



**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY LẠNG SƠN  
QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**



**Đồng chí La Thăng**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa IX, X  
(4/1982 - 11/1991)



**Đồng chí Hoàng Thanh**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XI, XII  
(11/1991 - 12/2000)



**Đồng chí Dương Công Đá**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XIII  
(01/2001 - 7/2003)



**Đồng chí Hoàng Công Hoàn**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XIII  
(11/2003 - 3/2006)



**Đồng chí Vũ Huy Hoàng**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XIV  
(3/2006 - 8/2007)



**Đồng chí Phùng Thanh Kiểm**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XIV, XV  
(8/2007 - 10/2015)



**Đồng chí Trần Sỹ Thanh**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XVI  
(10/2015 - 12/2017)

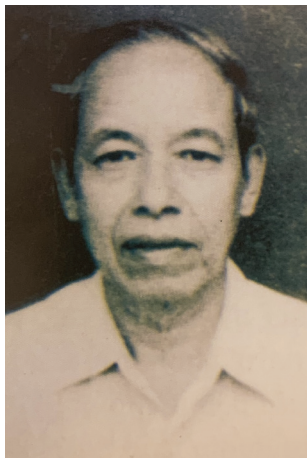


**Đồng chí Lâm Thị Phương Thanh**  
Bí thư Tỉnh ủy khóa XVI, XVII  
(12/2017 - 6/2021)

*Phụ lục 3***PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY LẠNG SƠN QUA CÁC THỜI KỲ  
(1986 - 2020)**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thời gian giữ chức vụ</b>
1	Vũ Ngọc Chương	Phó Bí thư Tỉnh ủy	10/1986 - 2/1987, 11/1991 - 4/1992
		Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	02/1987 - 11/1991
2	Vy Xuân Thanh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	10/1986 - 02/1987, 11/1991 - 12/2000
3	Hoàng Công Hoàn	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	01/2001 - 11/2003
4	Nguyễn Toàn Thắng	Phó Bí thư Tỉnh ủy	11/2003 - 01/2006
5	Trần Ngát	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	4/2004 - 7/2010
6	Nguyễn Thế Tuy	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	7/2010 - 10/2015
7	Nguyễn Văn Thanh	Phó Bí thư Tỉnh ủy	3/2014 - 10/2015
8	Hoàng Văn Nghiệm	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	10/2015 - nay

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY LẠNG SƠN  
QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**



**Đồng chí Vũ Ngọc Chương**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy  
(10/1986 - 02/1987),  
(11/1991 - 4/1992),  
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy  
(02/1987 - 11/1991)



**Đồng chí Vy Xuân Thanh**  
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy  
(10/1986 - 02/1987),  
(11/1991 - 12/2000)



**Đồng chí Hoàng Công Hoàn**  
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy  
(01/2001 - 11/2003)



**Đồng chí Nguyễn Toàn Thắng**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy  
(11/2003 - 01/2006)



**Đồng chí Trần Ngát**  
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy  
(4/2004 - 7/2010)



**Đồng chí Nguyễn Thế Tuy**  
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy  
(7/2010 - 10/2015)



**Đồng chí Nguyễn Văn Thanh**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy  
(3/2014 - 10/2015)



**Đồng chí Hoàng Văn Nghiệm**  
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy  
(10/2015 - nay)

*Phụ lục 4***CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN  
QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Thời gian giữ chức vụ</b>
1	Dương Công Đá	12/1989 - 11/1994
2	Trần Ngát	12/1994 - 4/2004
3	Hoàng Công Hoàn	5/2004 - 10/2006
4	Hoàng Thị Bích Ly	10/2006 - 6/2011
5	Phùng Thanh Kiểm	6/2011 - 6/2016
6	Hoàng Văn Nghiệm	6/2016 - 6/2021

**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**



**Đồng chí Dương Công Đá**  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh  
(12/1989 - 11/1994)



**Đồng chí Trần Ngát**  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh  
(12/1994 - 4/2004)



**Đồng chí Hoàng Công Hoàn**  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh  
(5/2004 - 10/2006)





Đồng chí **Hoàng Thị Bích Ly**  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh  
(10/2006 - 6/2011)



Đồng chí **Phùng Thanh Kiếm**  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh  
(6/2011 - 6/2016)



Đồng chí **Hoàng Văn Nghiệm**  
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh  
(6/2016 - 6/2021)



*Phụ lục 5***CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN  
QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**

TT	Họ và tên	Thời gian giữ chức vụ
1	Nguyễn Minh Quát	5/1985 - 8/1992
2	Chu Hạp	8/1992 - 10/1994
3	Dương Công Đá	11/1994 - 01/2001
4	Đoàn Bá Nhiên	02/2001 - 7/2006
5	Phùng Thanh Kiểm	7/2006 - 11/2007
6	Vy Văn Thành	11/2007 - 4/2016
7	Phạm Ngọc Thưởng	4/2016 - 02/2020
8	Hồ Tiến Thiệu	7/2020 - nay

## **CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN QUA CÁC THỜI KỲ (1986 - 2020)**



**Đồng chí Nguyễn Minh Quát**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(5/1985 - 8/1992)



**Đồng chí Chu Hạp**  
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(8/1992 - 10/1994)



**Đồng chí Dương Công Đá**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(11/1994 - 01/2001)



**Đồng chí Đoàn Bá Nhiên**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(02/2001 - 7/2006)



**Đồng chí Phùng Thanh Kiểm**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(7/2006 - 11/2007)



**Đồng chí Vy Văn Thành**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(11/2007 - 4/2016)



**Đồng chí Phạm Ngọc Thường**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(4/2016 - 02/2020)



**Đồng chí Hồ Tiến Thiệu**  
Phó Bí thư Tỉnh ủy,  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
(7/2020 - nay)

*Phụ lục 6***DANH SÁCH ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH LẠNG SƠN  
QUA CÁC NHIỆM KỲ (1986 - 2020)**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa VIII (1987 - 1992)</b>		<b>Bầu cử ngày 19/4/1987</b>
1	Hoàng Văn Áp (Hoàng Áp)	Đại biểu Quốc hội	
2	Chu Hạp	Đại biểu Quốc hội	
3	La Thị Liên	Đại biểu Quốc hội	
4	Nông Đức Mạnh	Đại biểu Quốc hội	Trúng cử trong cuộc bầu bổ sung Đại biểu Quốc hội khóa VIII ngày 19/11/1989 tại tỉnh Lạng Sơn
5	Nguyễn Minh Quát	Đại biểu Quốc hội	
6	Hoàng Trường Minh (Hoàng Khải Luận)	Đại biểu Quốc hội	
<b>II</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa IX (1992 - 1997)</b>		<b>Bầu cử ngày 19/7/1992</b>
1	Nguyễn Phú Cường	Đại biểu Quốc hội	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
2	Hoàng Thị Bích Ly	Đại biểu Quốc hội	
3	Nông Đức Mạnh	Đại biểu Quốc hội	
4	Dương Công Sửu	Đại biểu Quốc hội	
5	Bùi Ngọc Thanh	Đại biểu Quốc hội	
6	Vy Xuân Thanh	Đại biểu Quốc hội	
<b>III</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa X (1997 - 2002)</b>		<b>Bầu cử ngày 20/7/1997</b>
1	Dương Công Đá	Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội	Quy định tại Điều 48 Luật tổ chức Quốc hội năm 1992
2	Vi Văn Mạn	Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội	
3	Vũ Đình Cự	Đại biểu Quốc hội	
4	Trịnh Hồng Dương	Đại biểu Quốc hội	
5	Trương Thị Mai	Đại biểu Quốc hội	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>IV</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa XI (2002 - 2007)</b>		<b>Bầu cử ngày 19/5/2002</b>
1	Hoàng Công Hoàn	Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội	Quy định tại Điều 61 Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10
2	Vy Đức Được	Phó Trưởng Đoàn chuyên trách	
3	Vũ Đức Khiển	Đại biểu Quốc hội	
4	Nguyễn Minh Thuyết	Đại biểu Quốc hội	
5	Dương Hiền	Đại biểu Quốc hội	
6	Hà Thị Hải Yến	Đại biểu Quốc hội	
<b>V</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa XII (2007 - 2011)</b>		<b>Bầu cử ngày 20/5/2007</b>
1	Phùng Thanh Kiểm	Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Trần Thị Hoa Sinh	Phó Trưởng Đoàn chuyên trách	
3	Nguyễn Văn Sơn	Đại biểu Quốc hội	
4	Nguyễn Minh Thuyết	Đại biểu Quốc hội	
5	Dương Hiền	Đại biểu Quốc hội	
6	Hoàng Thị Hương	Đại biểu Quốc hội	
<b>VI</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa XIII (2011 - 2016)</b>		<b>Bầu cử ngày 22/5/2011</b>
1	Nguyễn Thế Tuy	Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội	
2	Trần Thị Hoa Sinh	Phó Trưởng Đoàn chuyên trách	
3	Vũ Huy Hoàng	Đại biểu Quốc hội	
4	Nguyễn Lâm Thành	Đại biểu Quốc hội	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Nông Thị Lâm	Đại biểu Quốc hội	
6	Chu Đức Quang	Đại biểu Quốc hội	
<b>VII</b>	<b>Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn khóa XIV (2016 - 2021)</b>		<b>Bầu cử ngày 22/5/2016</b>
1	Trần Sỹ Thanh	Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội	Đến tháng tháng 12/2018
2	Dương Xuân Hòa	Phó Trưởng Đoàn chuyên trách	Phó Trưởng Đoàn Phụ trách Đoàn Đại biểu Quốc hội từ tháng 6/2020
3	Võ Trọng Việt	Đại biểu Quốc hội	
4	Nguyễn Lâm Thành	Đại biểu Quốc hội	
5	Triệu Tuấn Hải	Đại biểu Quốc hội	
6	Ngàn Phương Loan	Đại biểu Quốc hội	



*Phụ lục 7*

**DANH SÁCH CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC  
ĐƯỢC KHEN THƯỞNG CỦA TỈNH LẠNG SƠN,  
TẬP THỂ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI  
(1986 - 2020)**

I. Danh sách các Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước trao tặng cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2020)

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm
2002	Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	Quyết định số 104/KT-CTN, ngày 18/02/2002
2007	Cờ thi đua của Chính phủ	Quyết định số 649/QĐ-TTg, ngày 30/5/2008
2008	Cờ thi đua của Chính phủ	Quyết định số 647/QĐ-TTg, ngày 25/5/2008
2009	Cờ thi đua của Chính phủ	Quyết định số 1092/QĐ-TTg, ngày 15/7/2010
2016	Cờ thi đua của Chính phủ	Quyết định số 313/QĐ-TTg, ngày 10/3/2017
	Cờ thi đua của Chính phủ	Quyết định số 814/QĐ-TTg, ngày 07/6/2017

## 2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng
2011	Huân chương Lao động hạng Ba	Quyết định số 289/QĐ-CTN, ngày 07/3/2011
2011	Huân chương Hồ Chí Minh	Quyết định số 1936/QĐ-CTN, ngày 28/10/2011
2019	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1827/QĐ-TTg, ngày 28/12/2019
2020	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 995/QĐ-TTg, ngày 10/7/2020

## II. Danh sách tập thể được tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới

STT	Tên đơn vị	Năm ban hành quyết định
1	Hợp tác xã Nà Pán, xã Nhượng Bạt, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 367/2006/QĐ- CTN, ngày 17/3/2006
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 441/2006/QĐ- CTN, ngày 01/4/2006

*Phụ lục 8***TỔNG SỐ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG, LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH,  
TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2020)**

- 1- Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: 209
- 2- Liệt sĩ: 33
- 3- Thương binh: 18



Đoàn Chủ tịch tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI,  
nhiệm kỳ 1991 - 1995



Đoàn Chủ tịch tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII,  
nhiệm kỳ 1996 - 2000



Đồng chí Phan Văn Khải - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ  
phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII,  
nhiệm kỳ 2001 - 2005



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa XIII,  
nhiệm kỳ 2001 - 2005





Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn khóa XIV,  
nhiệm kỳ 2006 - 2010



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XV,  
nhiệm kỳ 2010 - 2015



Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015



Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020





Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII,  
nhiệm kỳ 2020 - 2025



Đồng chí Phạm Minh Chính - Ủy viên Bộ Chính trị,  
Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương  
phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII,  
nhiệm kỳ 2020 - 2025





Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm huyện Bắc Sơn  
và phát biểu tại Lễ kỷ niệm 55 năm Khởi nghĩa Bắc Sơn,  
ngày 27/9/1995



Đồng chí Nguyễn Công Tạn - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển  
nông thôn thăm vùng cây ăn quả tại xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng,  
ngày 22/4/1996



Đồng chí Lê Đức Anh - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước  
thăm và ghi lưu bút tại Bảo tàng khởi nghĩa Bắc Sơn, ngày 23/8/1996



Đồng chí Nguyễn Thị Bình - Phó Chủ tịch nước  
dự Lễ hội chùa Tam Thanh, ngày 15 tháng Giêng năm Kỷ Mão, 1999





Lễ ký kết biên bản hội đàm giữa đại diện chính quyền tỉnh Lạng Sơn (Việt Nam) và đại diện chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), ngày 24/4/2002



Đồng chí Phạm Gia Khiêm - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ngày 30/4/2002



Nhóm liên hợp phân giới cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc  
tại tỉnh Lạng Sơn, ngày 09/3/2003



Đồng chí Trần Đức Lương - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước  
thăm huyện Bắc Sơn và dự Lễ kỷ niệm Khởi nghĩa Bắc Sơn,  
ngày 27/9/2003





Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm thầy và trò Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Lạng Sơn, tháng 9/2003



Đồng chí Nguyễn Phú Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội thăm Nhà lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, ngày 20/01/2009



Đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước  
thăm Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Long, ngày 07/4/2009

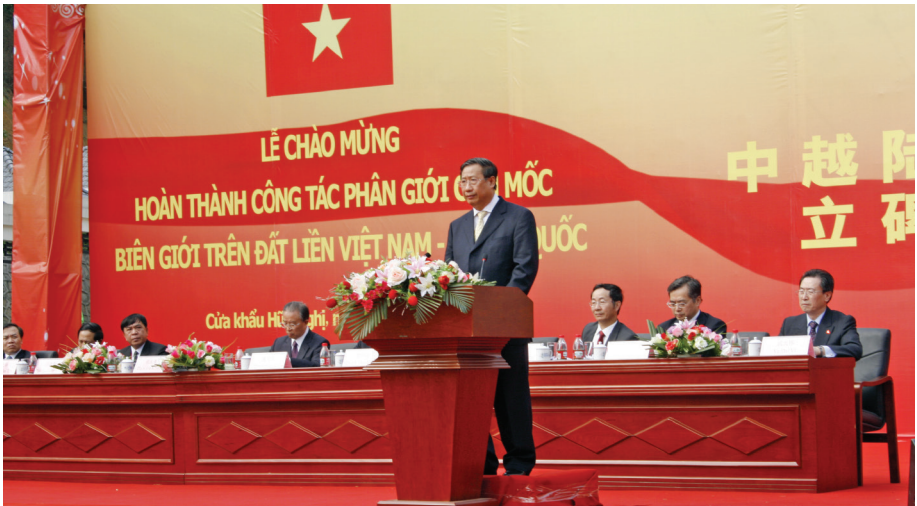


Đồng chí Nguyễn Minh Triết - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước  
thăm cột mốc 1116 tại Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị,  
ngày 07/4/2009





Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao dự Lễ chào mừng hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, ngày 23/02/2009



Đồng chí Phạm Gia Khiêm - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phát biểu tại Lễ chào mừng hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, ngày 23/02/2009



Đồng chí Vy Văn Thành - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu tại Lễ chào mừng hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, ngày 23/02/2009



Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ thăm cột mốc 1116 Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, ngày 26/5/2010

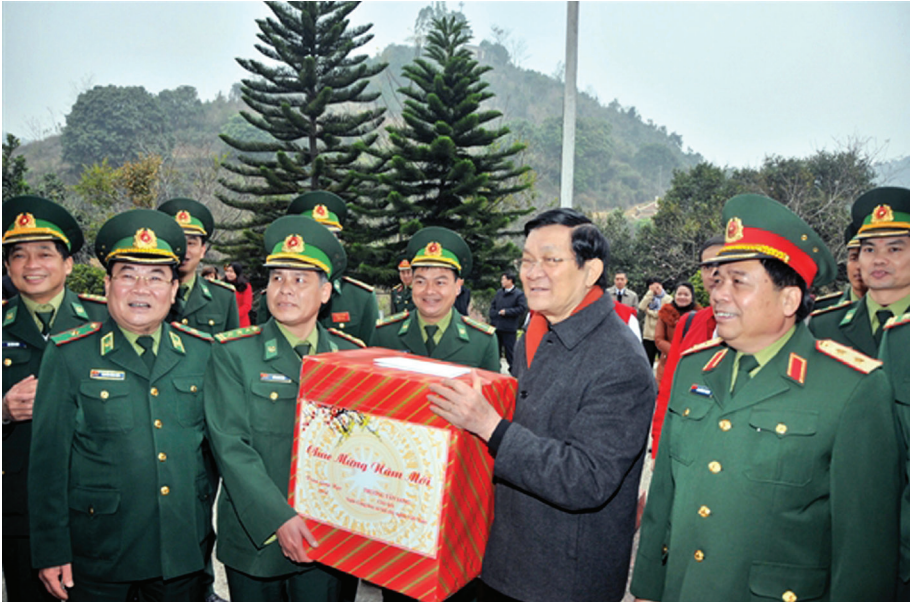




Đồng chí Lê Hồng Anh - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, dự Lễ kỷ niệm 180 năm thành lập tỉnh Lạng Sơn và trao Huân chương Hồ Chí Minh cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ngày 04/11/2011



Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội thăm Đồn biên phòng Pò Mã, huyện Tràng Định, ngày 14/01/2013



Đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước  
thăm và tặng quà Đồn biên phòng Ba Sơn, huyện Cao Lộc  
nhân dịp Tết Giáp Ngọ, ngày 10/01/2014



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm và làm việc tại tỉnh Lạng Sơn,  
ngày 22/4/2015





Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân - Ủy viên Bộ Chính trị,  
Chủ tịch Quốc hội thăm và làm việc tại tỉnh Lạng Sơn, ngày 20/6/2016



Lễ khởi công xây dựng công trình cầu Kỳ Cùng, ngày 27/10/2016



Đồng chí Trương Thị Mai - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương và đồng chí Trần Sỹ Thanh - Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn trồng cây lưu niệm trong khuôn viên Khu lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, ngày 17/11/2017



Đồng chí Trần Quốc Vượng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng thăm và làm việc tại tỉnh Lạng Sơn, ngày 12/8/2018





Đồng chí Vương Đình Huệ - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ  
dự Lễ công bố chính thức mở cặp cửa khẩu song phương  
Chi Ma (Việt Nam) - Ái Điểm (Trung Quốc), ngày 10/9/2018



Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị,  
Thủ tướng Chính phủ làm việc với lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn tại Hà Nội,  
ngày 24/9/2018



Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và tỉnh Lạng Sơn  
đón Chủ tịch Triều Tiên Kim Jong-un sang Việt Nam dự Hội nghị  
thượng đỉnh Hoa Kỳ - Triều Tiên tại Ga đường sắt quốc tế Đồng Đăng,  
Lạng Sơn, ngày 26/02/2019



Trao thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 3 năm  
thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị  
*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách  
Hồ Chí Minh*, ngày 16/5/2019





Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ cùng các bộ, ngành trung ương và tỉnh Lạng Sơn chứng kiến lễ trao quyết định cho các doanh nghiệp tại Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Lạng Sơn, ngày 30/9/2019



Đồng chí Đặng Thị Ngọc Thịnh - Phó Chủ tịch nước thăm mô hình vườn na kiểu mẫu tại thôn Lũng Cút, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, ngày 07/9/2020



Khai thác than tại mỏ than Na Dương



Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị





Di tích cột cờ núi Phai Vẹ



Một góc thành phố Lạng Sơn



Ban Chỉ đạo cuốn sách họp lấy ý kiến góp ý vào nội dung bản thảo  
*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1986 - 2020*



Hội thảo lần thứ nhất bản thảo cuốn sách  
*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1986 - 2020*





Hội thảo lần thứ hai bản thảo cuốn sách  
*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1986 - 2020*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, 53, 55.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2005 - 2010*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2011 - 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
7. *Tổng kết Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng trong cách mạng Việt Nam (1945 - 2000)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2021.
8. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ X*, 1986.
9. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XI*, 1991.

10. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XII, nhiệm kỳ 1996 - 2000*, Xí nghiệp In Lạng Sơn, 1996.

11. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001 - 2005*, Xí nghiệp In Lạng Sơn, 2001.

12. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XIV*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Lạng Sơn, 2006.

13. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XV*, Công ty cổ phần In Lạng Sơn, 2010.

14. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI*, Công ty cổ phần In Lạng Sơn, 2015.

15. Tỉnh ủy Lạng Sơn: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII*, Công ty cổ phần In Lạng Sơn, 2020.

16. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1986 - 2000*, Công ty cổ phần In Lạng Sơn, 2010.

17. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn: *Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn từ đại hội đến đại hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

18. *75 năm xây dựng và trưởng thành của công tác tổ chức cấp ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lạng Sơn*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Lạng Sơn, 2005.

19. *Lịch sử ngành Kiểm tra của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1948 - 1995*, Xưởng in Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 1998.

20. *Lịch sử ngành Kiểm tra của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1996 - 2015*, Công ty Cổ phần In Sao Việt, Lạng Sơn, 2019.

21. *Lịch sử truyền thống ngành Tuyên giáo tỉnh Lạng Sơn 1948 - 2010*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2011.

22. *Lịch sử công tác Dân vận của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn 1920 - 2010*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2010.
23. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Lạng Sơn (1930 - 2010)*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2010.
24. *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Lạng Sơn (1925 - 2006)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008.
25. *Lịch sử ngành lao động - thương binh và xã hội tỉnh Lạng Sơn (1945 - 2010)*, Nxb. Lao động, 2008.
26. *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào Thanh thiếu niên tỉnh Lạng Sơn (1930 - 2012)*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Song Cường, Lạng Sơn, 2012.
27. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn: *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn (1959 - 2019)*, Công ty Cổ phần In Sao Việt, Lạng Sơn, 2019.
28. *Lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (1975 - 1996)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.
29. *Công an nhân dân Lạng Sơn Lịch sử biên niên (1996 - 2000)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2005.
30. *Biên niên sự kiện lịch sử Công an nhân dân Lạng Sơn (2011 - 2015)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội 2020.
31. *Lịch sử Đảng bộ Quân sự tỉnh Lạng Sơn (1947 - 2017)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
32. *Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1945 - 2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
33. *Lịch sử Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ (1949 - 2019)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2019.
34. *Hội Văn học - Nghệ thuật Lạng Sơn 50 năm xây dựng và phát triển*, Công ty cổ phần In Lạng Sơn, 2018.

35. *Lịch sử truyền thống Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn 1960 - 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.

36. *Lịch sử truyền thống Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn 1945 - 2020*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2020.

37. *Ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn - 75 năm xây dựng và phát triển (1945 - 2020)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2021.

38. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Lạng Sơn: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Lạng Sơn (1930 - 2020)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2022.

39. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lộc Bình: *Lịch sử Đảng bộ huyện Lộc Bình (1930 - 2020)*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội, 2021.

40. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cao Lộc: *Lịch sử Đảng bộ huyện Cao Lộc (1930 - 2020)*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Minh Đạt, 2022.

41. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chi Lăng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Chi Lăng tập II (1986 - 2015)*, Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2019.

42. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hữu Lũng: *Lịch sử Đảng bộ huyện Hữu Lũng (1986 - 2015)*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên In Song Cường, Lạng Sơn, 2020.

43. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Quan: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Quan (1985 - 2015)*, Công ty Trách nhiệm hữu hạn In - Thương mại Thuận Phát, Lạng Sơn, 2020.

44. Nguồn tư liệu văn bản tại Kho lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Lạng Sơn.

45. *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn*, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ in Nguyên Khang, Hà Nội, 2022.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	9
<i>Lời giới thiệu</i>	13
<i>Chương I</i>	
ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1995)	17
I- Triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1990)	17
II- Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện (1991 - 1995)	61
<i>Chương II</i>	
ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO TỪNG BƯỚC THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996 - 2005)	113
I- Bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (1996 - 2000)	113
II- Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2001 - 2005)	174



*Chương III*

<b>ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, TỪNG BƯỚC HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2006 - 2015)</b>	219
I- Lãnh đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2006 - 2010)	219
II- Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (2010 - 2015)	267

*Chương IV*

<b>ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG (2015 - 2020)</b>	310
I- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020	310
II- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng cường xây dựng nông thôn mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành kinh tế	321
III- Chú trọng phát triển văn hóa - xã hội	334
IV- Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh biên giới	346
V. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội	352
VI- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025	378

KẾT LUẬN	389
PHỤ LỤC	405
Phụ lục 1: Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1986 - 2020)	407
Phụ lục 2: Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn qua các thời kỳ (1986 - 2020)	457
Phụ lục 3: Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn qua các thời kỳ (1986 - 2020)	458
Phụ lục 4: Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1986 - 2020)	459
Phụ lục 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn qua các thời kỳ (1986 - 2020)	460
Phụ lục 6: Danh sách đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn qua các nhiệm kỳ (1986 - 2020)	461
Phụ lục 7: Danh sách các danh hiệu thi đua, hình thức được khen thưởng của tỉnh Lạng Sơn; tập thể Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (1986 - 2020)	466
Phụ lục 8: Tổng số Mẹ Việt Nam anh hùng, liệt sĩ, thương binh tỉnh Lạng Sơn (1986 - 2020)	468
TÀI LIỆU THAM KHẢO	469

# LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2020)

---

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH  
VŨ QUANG HUY  
NGUYỄN DIỆU LINH  
NGUYỄN THỊ THÚY  
Trình bày bìa: VŨ HƯƠNG GIANG  
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG  
Sửa bản in: LÔ THỊ OANH  
Đọc sách mẫu: VŨ QUANG HUY

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**, 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: [suthat@nxbctqg.vn](mailto:suthat@nxbctqg.vn), Website: [www.nxbctqg.org.vn](http://www.nxbctqg.org.vn)  
Sách điện tử: [www.stbook.vn](http://www.stbook.vn), [www.thuviencoso.vn](http://www.thuviencoso.vn)



# LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN (1986 - 2020)



MÃ ĐỊNH DANH  
CUỐN SÁCH

SÁCH KHÔNG BÁN